BÁC HỒ
với quê hương Bình Thuận

NHIỀU TÁC GIẢ
(Hội Văn học Nghệ thuật Bình Thuận, sưu tầm tuyển chọn)

BÁC HỒ với quê hương Bình Thuận

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN
2010

Ban Sưu tầm và Biên soạn

ĐỖ KIM NGƯ

NGUYỄN VĂN HÓA

HUY SÔ

THÁI PHỤ

ĐỖ QUANG VINH

NGUYỄN VĂN QUỲ

NGUYỄN ĐỨC HÒA

MINH QUANG

NGUYỄN THỊ BẠCH HUYỀN

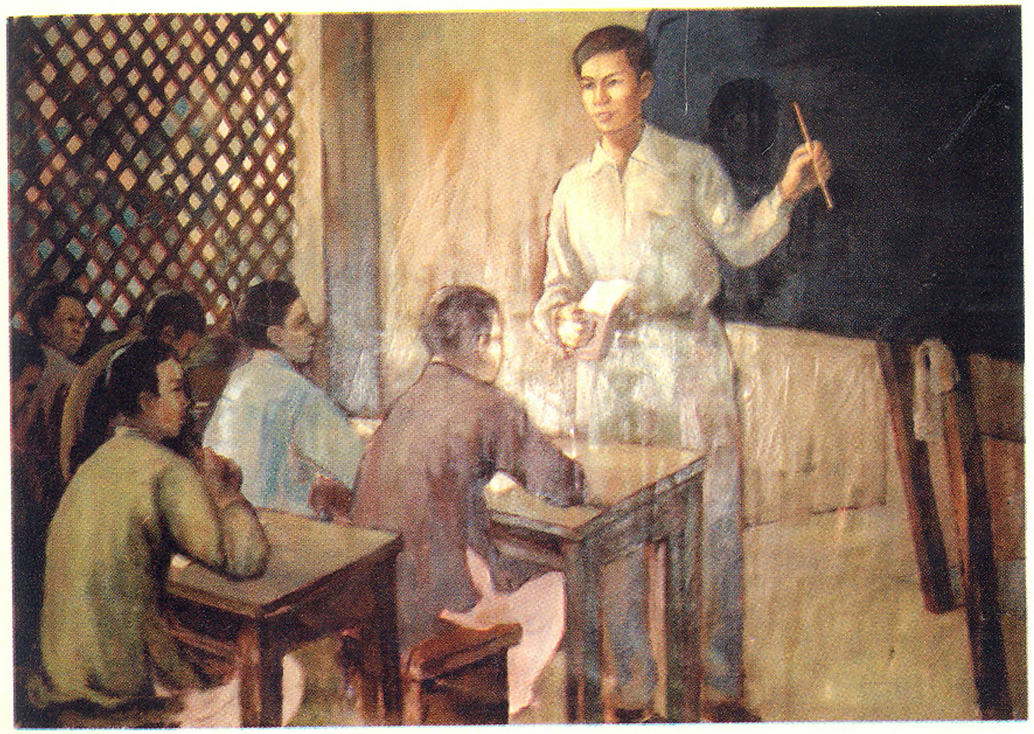

Tranh: Thầy giáo Nguyễn Tất Thành dạy học tại trường Dục Thanh 1910 - 1911.

Đồng chí Nông Đức Mạnh - Tổng Bí thư
Đảng Cộng sản Việt Nam thăm Khu di tích trường Dục Thanh.

Những dòng lưu bút

Tôi rất xúc động đến thăm Trường Dục Thanh - Phan Thiết, nơi cách đây 93 năm, trước khi rời Bến cảng Nhà rồng đi tìm đường cứu nước, Bác Hồ kính yêu của chúng ta đã dạy học ở Trường.

Tôi hoan nghênh và cảm ơn Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Tỉnh Bình Thuận, cán bộ Bảo tàng Hồ chí Minh chi nhánh Bình Thuận đã giữ gìn, bảo tồn những kỷ vật về người, để mọi người khi đến thăm Trường xưa nơi Bác dạy học ghi sâu mãi mãi trong ký ức về đạo lý thầy trò, về lòng yêu nước, thương dân, nguyện sống, chiến đấu, học tập, lao động theo gương Bác Hồ vĩ đại./.

Phan Thiết, ngày 26-7-2003

Nông Đức Mạnh
Tổng Bí Thư
Ban chấp hành Trung ương
Đảng cộng sản Việt Nam.

Lưu bút của đồng chí Nông Đức Mạnh
Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương
Đảng Cộng sản Việt Nam

Phan thiết ngày 2-12-2007

Đã ngắt 100 năm qua những nơi đây vẫn nguyên vẹn
những tình cảm ấm áp của Người!
Thật vô cùng sâu sắc những triết lý cuộc đời mà
Bác đã để lại cho muôn đời con cháu mai sau!
Chúng con nguyện mãi mãi học tập và làm theo tấm gương,
tri tưởng, đạo đức của Bác; mãi mãi đi theo
con đường mà Bác đã vạch ra!

Nguyễn Phú Trọng
Uv Bộ chính trị, Chủ tịch Quốc hội.

Lưu bút của đồng chí Nguyễn Phú Trọng
Chủ tịch Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam

24-07-2008

Tưởng nhớ Bác, chúng ta cùng nhau học
tập và làm theo tấm gương của Bác, vì
lợi ích 10 năm trồng cây, vì lợi ích 100
năm trồng người.

Nguyễn Tấn Dũng
Thủ tướng Chính phủ.

Lưu bút của đồng chí Nguyễn Tấn Dũng
Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa XHCN Việt Nam

Tỉnh thần tự hào Hồ Chí Minh

mãi mãi sáng ngời.

Đoàn đại biểu hữu nghị kinh tế văn hóa

tỉnh Hồ Bắc Trung quốc.

Trưởng đoàn: Vương Trọng Long.

30.11.2000.

Lưu bút của Đoàn đại biểu hữu nghị kinh tế văn hóa
tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc

Đoàn cán bộ Văn phòng Trung ương Đảng
Nhân dân Cách mạng Lào.

Chúng tôi rất vinh dự được đến thăm nơi mà chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng dạy dỗ thanh niên Việt Nam.

Chúng tôi rất biết ơn và kính trọng những tấm gương của chủ tịch Hồ Chí Minh và cách dạy như bài học cho những người thanh niên của chúng tôi.

24/10/2001

Lưu bút của Đoàn cán bộ Văn phòng Trung ương Đảng
Nhân dân Cách mạng Lào

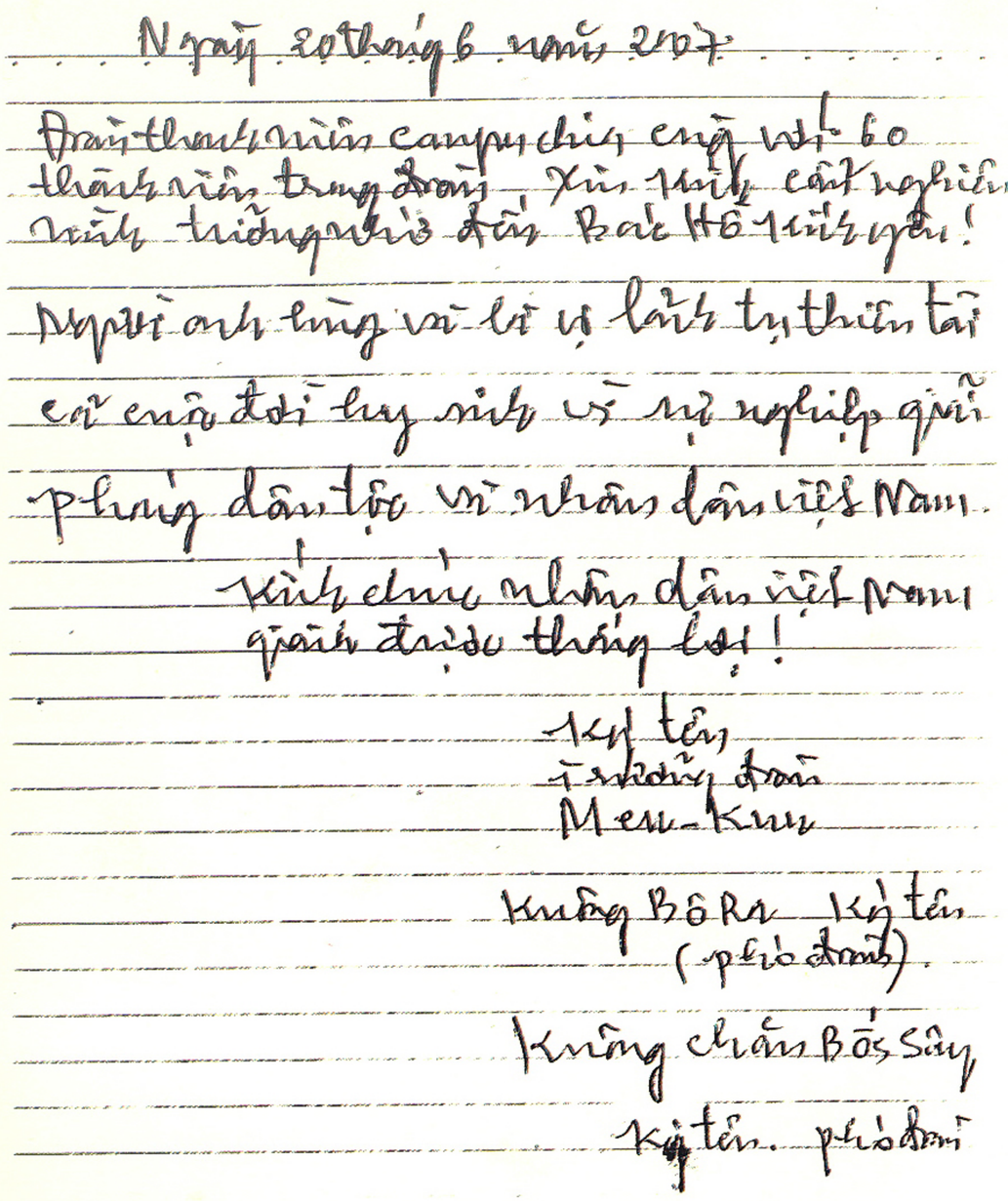
Ngày 20 tháng 6 năm 2007

Đoàn thanh niên campuchia cùng với 60 thành viên trong đoàn. Xin kính cẩn nghiên mình tưởng nhớ đến Bác Hồ kính yêu!

Người anh hùng và lãnh tụ thiên tài cả cuộc đời hy sinh và sự nghiệp giải phóng dân tộc và nhân dân việt Nam.

Kính chúc nhân dân việt Nam giành được thắng lợi!

Ký tên
Trưởng đoàn
Men-Kun

Kuông Bô Ra Ký tên
(phó đoàn).

Kuông chân Bồ Sây
Ký tên. phó đoàn

Lưu bút của Đoàn Thanh niên nhân dân Campuchia

Lời nói đầu

Chủ tịch Hồ Chí Minh là lãnh tụ thiên tài và vô cùng kính yêu của dân tộc Việt Nam. Người là hiện thân của trí tuệ, tinh hoa văn hóa Việt Nam. Người hy sinh cả một đời cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, hạnh phúc nhân dân, cho quyền sống của các dân tộc bị áp bức trên thế giới. Nhân loại đã không hết lời ca ngợi, tôn vinh Người- vị anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa kiệt xuất.

Vinh dự và tự hào thay cho quê hương Bình Thuận, trên hành trình tìm đường cứu nước, "Người Việt Nam đẹp nhất" Hồ Chí Minh - khi còn là thầy giáo Nguyễn Tất Thành đã dừng chân dạy học tại trường Dục Thanh, Phan Thiết. Dấu chân Người đã lưu lại nơi đây và tiếng nói ấm áp của Người vẫn còn vang vọng mãi bên sóng biển quê hương và trong lòng người dân Bình Thuận.

Sự nghiệp của Người vô cùng vĩ đại, được xây dựng từ nhiệt huyết của một trái tim thiết tha yêu nước, thương dân, không toan tính cá nhân, không đam mê dục vọng. Người không ghi nhật ký, cũng không viết hồi ký để ghi lại tháng ngày cuộc hành trình gian khổ, hy sinh... và đây cũng là khó khăn cho con cháu khi đi tìm dấu chân của Người. Nhưng lịch sử không cần sự trang điểm nên ta không vì tầm vóc vĩ đại của Người hôm nay mà hư cấu, tô hồng sự kiện, làm ảnh hưởng đến nhân cách giản dị và lão thực của Người.

Tập sách "Bác Hồ với quê hương Bình Thuận" được xây dựng là nhằm thể hiện tình cảm tôn kính của chúng ta đối với Bác. Đây cũng là việc làm thiết thực để "Học tập và làm theo tấm

gương đạo đức Hồ Chí Minh", hướng tới những sự kiện lịch sử quan trọng năm 2010, trong đó có kỷ niệm 100 năm ngày thầy giáo Nguyễn Tất Thành dạy học tại trường Dục Thanh Phan Thiết (1910-2010); 120 năm ngày sinh nhật Bác (19/5/1890-19/5/2010).

Trên cơ sở các nguồn tư liệu, hình ảnh, bút tích, hồi ký, sáng tác văn học nghệ thuật - chắc chắn còn chưa đầy đủ - tập sách được xây dựng gồm ba phần chính.

- Phần thứ nhất: ***Thầy giáo Nguyễn Tất Thành dạy học ở trường Dục Thanh, Phan Thiết.***

Đây là phần dựa trên các tư liệu lịch sử để ghi lại một cách khái quát, ngắn gọn quãng thời gian (từ tháng 9/1910 đến tháng 2/1911) người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành từ Huế vào Phan Thiết, dừng chân dạy học ở trường Dục Thanh trước khi vào Sài Gòn lên tàu ra nước ngoài, bắt đầu một chặng đường hơn 30 năm bôn ba tìm đường cứu nước.

- Phần thứ hai: ***Bác Hồ với quê hương Bình Thuận.*** *Phần này giới thiệu các sáng tác văn học nghệ thuật, ghi chép, hồi ký của người Bình Thuận và cả nước khi hướng về Bác với tất cả tấm lòng kính trọng, biết ơn sâu sắc.*

- Phần thứ ba: ***Phụ lục***

Giới thiệu một số bài nghiên cứu đã được công bố tại các cuộc hội thảo khoa học, trên các sách báo nói về lãnh tụ Hồ Chí Minh gắn với sự kiện thầy giáo Nguyễn Tất Thành dạy học ở trường Dục Thanh, Phan Thiết.

Về Bình Thuận - Đến Dục Thanh - Nhớ thầy giáo Nguyễn Tất Thành - Càng thêm kính yêu Bác! Đó là lời tâm huyết của những người thực hiện tập sách này muốn gửi tới bạn đọc.

Ban Sưu tầm & Biên soạn

Phần thứ nhất

Thầy giáo NGUYỄN TẤT THÀNH dạy học tại trường Dục Thanh

Thời niên thiếu của Bác Hồ

Bác Hồ sinh vào đầu mùa sen nở và lớn lên trên đất làng Sen. Hoa sen đẹp, hương sen thơm dịu, nhưng đời sống của dân làng quanh năm lam lũ,vất vả, hầu hết phải đi làm thuê, cấy rẽ cho địa chủ, cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc.

Bác Hồ (tên khai sinh là Nguyễn Sinh Cung), lúc bé thường sống gần cha nên chịu ảnh hưởng nhân cách của cụ Nguyễn Sinh Sắc (1863-1929).

Cụ Sắc vất vả từ bé, lên ba bốn tuổi đã mồ côi cha mẹ, phải ăn ở với gia đình người anh cùng cha khác mẹ. Người anh nghèo không đủ điều kiện cho em ăn học nên cậu Sắc phải chăn trâu, cắt cỏ, giúp đỡ việc nhà, dù cậu khát học, sáng dạ, thông minh.

... Cụ đồ Hoàng Xuân Đường ở làng Chùa kế bên có dịp đi thăm bạn, đến làng Sen thấy một chú bé khôi ngô ngồi trên lưng trâu chăm chỉ đọc sách. Tìm hiểu được hoàn cảnh của chú bé, cụ quyết định xin đưa bé Sắc về nhà mình để nuôi dạy.

Được sống trong môi trường thuận lợi, thiên tư đĩnh ngộ của bé Sắc sớm được bộc lộ, chỉ sau hai năm học tập, bé Sắc đã đuổi kịp các học sinh lớp trước, có thể cùng nhau đàm đạo chuyện thơ phú, văn chương.

Cảm thấy trình độ mình có hạn, cụ Đường gửi cậu Sắc đến học thầy Nguyễn Thúc Tự, nổi tiếng uyên bác ở xã Hưng Đạo,

huyện Hưng Nguyên. Ba năm sau cậu Sắc đã đến tuổi thành niên, có cảm tình với cô Hoàng Thị Loan, con gái đầu lòng của cụ Đường.

Vợ chồng cụ Đường thấy cậu Sắc thông minh, tốt nết, rất có triển vọng sau này, nên đồng ý chọn cậu làm con rể. Cuối năm 1881, tiến hành lễ hứa hôn. Năm 1883 đám cưới được tổ chức. Ông bà dựng trong vườn một ngôi nhà tranh ba gian cho đôi vợ chồng trẻ. Nơi đây, bà Loan lần lượt hạ sinh các người con Nguyễn Thị Thanh (1884), Nguyễn Sinh Khiêm (1888) và Nguyễn Sinh Cung (1890).

Năm 1891 cụ Sắc thi Hương bị trượt, với những nhà nho nghèo, có đỗ đạt mới thay đổi được số phận, cụ Sắc tiếp tục chuyên tâm đèn sách. Đến năm 1894, ông thi đỗ cử nhân.

Năm 1895 ông khăn gói vào Huế thi Hội khoa Ất Tỵ. Không đỗ, nhưng nhờ có văn hay, chữ đẹp, được cảm tình với các quan chức nên ông được nhận vào học trường Quốc Tử Giám, nơi chỉ dành cho con cháu vua, quan.

Với 2 quan tiền và 2 phương gạo được trợ cấp mỗi tháng, cụ Sắc luôn gặp khó khăn trong sinh hoạt nên tranh thủ về nhà bàn bạc với bà Loan. Vì sự nghiệp của chồng, bà Loan đồng ý gửi con gái cho ngoại (bà Kép) thu xếp hành trang cùng chồng và hai con trai vào Huế. Cậu Cung, lúc ấy đã 5 tuổi cũng bám trên lưng bố đi suốt chặng đường dài hơn 400 cây số để vào kinh đô.

Ở Huế, gia đình cụ đã tìm thuê được chỗ ở. Bên cạnh nghề dệt vải, bà Loan còn phải lao động cật lực để nuôi chồng, con.

Năm 1898, mặc dù quyết tâm miệt mài đèn sách, ông Sắc vẫn rớt khoa thi Mậu Tuất. Để cuộc sống bớt khó khăn, ông mở lớp dạy học ở làng Dương Nổ. Năm 1900, ông được tiến sỹ Trần

Đình Phong chọn làm Đề lại cho trường thi Thanh Hóa. Ông đưa cậu Khiêm theo để giúp ông trong việc sinh hoạt, khi về, ông để cậu Khiêm ở lại với bà ngoại.

Trước Tết Tân Sửu (1901) bà Loan sinh cậu Xin. Vài tháng sau, bà đột ngột qua đời, gây cho chồng con nỗi đau thương khó thể hàn gắn. Thu xếp việc hậu sự cho vợ xong, qua Tết Tân Sửu, cụ Sắc bế cậu Xin và dắt cậu Cung lẽo đẽo theo sau về lại quê nhà.

Cha con không nguồn thu nhập, tất cả đều dựa vào mẹ vợ, nhưng cụ Kép nay cũng đã già yếu, gia đình không còn sung túc như xưa. Tuy vậy, được cụ Kép và bà con xóm làng khuyến khích, cụ Sắc khăn gói trở vào Huế dự khoa thi Hội Tân Sửu (1901). Sau 20 năm khổ học, khoa thi lần này cụ đỗ Phó bảng (cùng với Phan Chu Trinh). Oái ăm thay, trong thời gian cụ thi Hội, cậu Xin ở quê nhà do bệnh nặng đã qua đời.

Để đánh dấu kết quả bao nhiêu năm đèn sách nay công thành danh toại, cụ Sắc lấy biệt danh đặt tên cho hai con trai là Nguyễn Tất Đạt và Nguyễn Tất Thành.

Sau khi thi đỗ, cụ Sắc về lại quê nhà ở Nghệ An, Tổng đốc Đào Tấn tổ chức đón tiếp các vị tân khoa. Riêng với dân làng, lần đầu tiên có người đỗ đại khoa mang về danh dự cho quê hương, tổ chức mang võng lọng cờ hoa kèn trống đi đón rước. Ông từ chối lên võng mà cùng dân làng trò chuyện đi bộ về quê nội nơi vinh quy bái tổ theo tập tục địa phương. Viện lý do đang chịu tang vợ, ông từ chối mọi tiệc tùng chiêu đãi, chỉ trầu cau, thuốc, nước chia vui cùng bà con, bạn bè...

Nhân dân xã Chung Cự và bà con nội ngoại góp công góp sức dựng cho cụ Sắc một mái nhà tranh năm gian. Ở đây, cụ cùng các con sống thanh bạch trong sự đùm bọc của thôn xóm.

Đầu thế kỷ XX, ở huyện nhà có 4 người học giỏi nổi tiếng được dân tôn vinh là "tứ hổ Nam Đàn":

Uyên bác bất như San (Phan Bội Châu)

Tài hoa bất như Quý (Vương Thúc Quý)

Cường ký bất như Lương (Trần Văn Lương)

Thông minh bất như Sắc (Nguyễn Sinh Sắc)

... Với sở học uyên thâm, văn hay chữ đẹp, đạo đức trong sáng, nhiều nơi đến mời cụ Sắc về mở lớp dạy học cho con em địa phương. Nhân cơ hội này, cụ Sắc có dịp mở rộng quan hệ với các sĩ phu, bàn chuyện văn chương, thời cuộc. Cậu Cung được học Hán văn từ bé, nay được theo cha nên biết nhiều chuyện đó đây, kiến thức ngày càng mở rộng.

Cậu được cha gửi đến học cụ Vương Thúc Quý, được đọc nhiều sách Tân thư của các nhà khai sáng Trung Quốc và Tây Âu, những cụm từ "tự do, bình đẳng, bác ái" đã gợi cho cậu nhiều suy nghĩ để tìm hiểu và chọn lựa con đường để thực hiện lý tưởng trong tương lai.

Tháng 5-1904, Triều đình mời cụ Sắc vào Huế nhậm chức. Lấy cớ phải đoạn tang mẹ vợ, cụ Sắc viết đơn xin hoãn. Đến tháng 5/1906, Triều đình có giấy mời lần hai, không thể từ chối được nữa, cụ thu xếp lên đường mang theo hai con trai để kèm cặp việc học hành.

Cụ Sắc nhậm chức Thừa biện Bộ Lễ. Lúc bấy giờ ở Huế, trong dân gian đã có câu hát đánh giá thứ bậc các Bộ trong triều đình như sau:

Nhất thì bộ Lại, bộ Binh

Nhì thì bộ Hộ, bộ Hình cũng xong

Thứ ba thì đến bộ Công

Nhược bằng bộ Lễ lạy ông xin về...

Cậu Khiêm và cậu Cung được gửi vào học ở trường tiểu học Pháp Việt -Đông Ba cũng vừa mới thành lập không lâu (niên khóa 1906-1907). Từ đây hai cậu mới bắt đầu học chữ Quốc ngữ và chữ Pháp. Buổi chiều, Cậu Cung học thêm tiếng Pháp với thầy Ưng Dự.

Cuối năm 1907, thực dân Pháp tổ chức kỳ thi tiểu học đầu tiên cho toàn xứ. Trường Đông Ba cử 10 học sinh dự thi, trong đó có cậu Cung. Kết quả câu Cung là một trong bảy học sinh nhận được Bằng tốt nghiệp Tiểu học (Certificat d'Etudes Primaire) trong toàn xứ.

Qua năm sau, cậu Khiêm và cậu Cung được nhận vào trường Quốc học. Cậu Cung học Pháp văn có nhiều tiến bộ, được thầy Queignec khen: *"Cung làm bài luận bằng thơ. Ấy là một học sinh thông minh và rất đặc biệt"* (1)

Ngay từ đầu mới vào học trường Quốc học Huế, cậu Cung đã nhận biết đây là nơi đào tạo những công chức cho Chính phủ bảo hộ sau này. Ngồi ghế nhà trường nhưng lòng dạ không yên. Từ 11/4/1908, nhân dân nội thành Huế biểu tình rầm rộ, vận động ủng hộ cụ Sào Nam Phan Bội Châu đang bị giam lỏng tại Bến Ngự (Huế), cổ động cho phong trào cải cách Duy Tân. Truyền đơn tố cáo vạch trần tệ "phù thu lạm bổ" của chính quyền thực dân và phong kiến được rải tung tóe khắp nơi. Nông dân

---

(1) *Do ông Lê Thiện (1898) bạn học của Bác Hồ ở trường tiểu học Đông Ba và trường Quốc học kể cho ông Nguyễn Đắc Xuân (Bút ký lịch sử. Trang 134).*

Đầu thế kỷ XX, ở huyện nhà có 4 người học giỏi nổi tiếng được dân tôn vinh là "tứ hổ Nam Đàn":

Uyên bác bất như San (Phan Bội Châu)

Tài hoa bất như Quý (Vương Thúc Quý)

Cường ký bất như Lương (Trần Văn Lương)

Thông minh bất như Sắc (Nguyễn Sinh Sắc)

... Với sở học uyên thâm, văn hay chữ đẹp, đạo đức trong sáng, nhiều nơi đến mời cụ Sắc về mở lớp dạy học cho con em địa phương. Nhân cơ hội này, cụ Sắc có dịp mở rộng quan hệ với các sĩ phu, bàn chuyện văn chương, thời cuộc. Cậu Cung được học Hán văn từ bé, nay được theo cha nên biết nhiều chuyện đó đây, kiến thức ngày càng mở rộng.

Cậu được cha gửi đến học cụ Vương Thúc Quý, được đọc nhiều sách Tân thư của các nhà khai sáng Trung Quốc và Tây Âu, những cụm từ "tự do, bình đẳng, bác ái" đã gợi cho cậu nhiều suy nghĩ để tìm hiểu và chọn lựa con đường để thực hiện lý tưởng trong tương lai.

Tháng 5-1904, Triều đình mời cụ Sắc vào Huế nhậm chức. Lấy cớ phải đoạn tang mẹ vợ, cụ Sắc viết đơn xin hoãn. Đến tháng 5/1906, Triều đình có giấy mời lần hai, không thể từ chối được nữa, cụ thu xếp lên đường mang theo hai con trai để kèm cặp việc học hành.

Cụ Sắc nhậm chức Thừa biện Bộ Lễ. Lúc bấy giờ ở Huế, trong dân gian đã có câu hát đánh giá thứ bậc các Bộ trong triều đình như sau:

Nhất thì bộ Lại, bộ Binh

Nhì thì bộ Hộ, bộ Hình cũng xong

Thứ ba thì đến bộ Công

Nhược bằng bộ Lễ lạy ông xin về...

Cậu Khiêm và cậu Cung được gửi vào học ở trường tiểu học Pháp Việt -Đông Ba cũng vừa mới thành lập không lâu (niên khóa 1906-1907). Từ đây hai cậu mới bắt đầu học chữ Quốc ngữ và chữ Pháp. Buổi chiều, Cậu Cung học thêm tiếng Pháp với thầy Ưng Dự.

Cuối năm 1907, thực dân Pháp tổ chức kỳ thi tiểu học đầu tiên cho toàn xứ. Trường Đông Ba cử 10 học sinh dự thi, trong đó có cậu Cung. Kết quả câu Cung là một trong bảy học sinh nhận được Bằng tốt nghiệp Tiểu học (Certificat d'Etudes Primaire) trong toàn xứ.

Qua năm sau, cậu Khiêm và cậu Cung được nhận vào trường Quốc học. Cậu Cung học Pháp văn có nhiều tiến bộ, được thầy Queignec khen: *"Cung làm bài luận bằng thơ. Ấy là một học sinh thông minh và rất đặc biệt"* (1)

Ngay từ đầu mới vào học trường Quốc học Huế, cậu Cung đã nhận biết đây là nơi đào tạo những công chức cho Chính phủ bảo hộ sau này. Ngồi ghế nhà trường nhưng lòng dạ không yên. Từ 11/4/1908, nhân dân nội thành Huế biểu tình rầm rộ, vận động ủng hộ cụ Sào Nam Phan Bội Châu đang bị giam lỏng tại Bến Ngự (Huế), cổ động cho phong trào cải cách Duy Tân. Truyền đơn tố cáo vạch trần tệ "phù thu lạm bổ" của chính quyền thực dân và phong kiến được rải tung tóe khắp nơi. Nông dân

---

(1) Do ông Lê Thiện (1898) bạn học của Bác Hồ ở trường tiểu học Đông Ba và trường Quốc học kể cho ông Nguyễn Đắc Xuân (Bút ký lịch sử. Trang 134).

ngoại thành kéo vào hô vang khẩu hiệu chống sưu thuế gây nên không khí náo loạn chưa từng có. Cảnh sát được lệnh đàn áp dã man. Cậu Cung dẫn đầu một toán học sinh tham gia tuần hành, dùng tiếng Pháp đối đầu với lính Pháp.

Cuộc biểu tình giải tán trong máu và nước mắt! Sáng ngày thứ ba, Súc -Kê, hiệu trưởng cùng một số lính Pháp hùng hổ xông vào lớp học lớn tiếng răn đe và tuyên bố đuổi học sinh Nguyễn Sinh Cung ra khỏi trường.

... Như vậy đến 18 tuổi, những năm đi học ở nhà trường của cậu học trò Nguyễn Sinh Cung xem như kết thúc. Và đây cũng bắt đầu bước ngoặt lịch sử trong cuộc hành trình suốt 30 năm dài đi tìm con đường cứu nước, cứu dân của Chủ tịch Hồ Chí Minh sau này.

Khởi đầu cuộc hành trình 30 năm (1911-1941)

1/ Từ Huế vào Bình Thuận

Hai con tham gia biểu tình chống thuế, cụ Nguyễn Sinh Sắc bị Triều đình Huế khiển trách "do hành vi của hai con trai đang học trường Quốc học đã phát biểu trước mặt thầy những lời lẽ chống Pháp nhân các cuộc biểu tình của dân chúng năm 1908" (1)

Ngày 5/5/1909, cụ Nguyễn Sinh Sắc được Văn ban Triều thần cử làm phúc khảo cho cuộc thi Hương ở Bình Định (từ 15/5/1909-17/6/1909). Theo cụ có hai con cùng đi.

Vào đất Bình Định, cụ Nguyễn Sinh Sắc có dịp làm quen với ông Phạm Ngọc Thọ, một trí thức yêu nước đang dạy trường Tiểu học Pháp - Việt Quy Nhơn. Anh Thành được gửi tại nhà Ông Thọ để được ông kèm cặp thêm tiếng Pháp chuẩn bị thi tuyển giáo viên Ấu học (2).

Ngày 18/5/1909, cụ Sắc được nâng từ hàm Bát phẩm lên Lục phẩm. Ngày 29/5/1909, cụ được bổ nhiệm làm Tri huyện Bình Khê, một vùng đất hoang sơ heo hút. Đây là một thủ đoạn của nhà cầm quyền đẩy cụ Sắc ra khỏi kinh thành, vì cho cụ đã "ném đá giấu tay".

(1) Tài liệu Bảo tàng Hồ Chí Minh.

(2) Vào cuối năm 1975, có lần Bác Hồ nói với Bác sĩ Phạm Ngọc Thạch "Bác đã vào thăm nhà chú rồi. Bác đã ở khá lâu với gia đình chú. Chú có biết không? Hồi đó chú mới sanh có 1 tháng, còn nhỏ xíu (7/5/1909).

Thu xếp xong việc trường, cụ Sắc lên đường nhận chức (01/7/1909). Cậu Khiêm đi theo hầu cha. Anh Thành trúng tuyển kỳ thi Ấu học, nhưng bị Khâm sứ Phơriê (Frìes) gạt tên ra khỏi danh sách sau khi thẩm tra lý lịch (1) thấy có vấn đề bất ổn.

Anh Thành lên Bình Khê báo cáo tình hình, đề xuất nguyện vọng với cha và xin được đi vào các tỉnh phía Nam. Ông Sắc đồng ý. Ông viết thư cho ông Thọ yêu cầu sự giúp đỡ cho anh Thành được thỏa ước nguyện vọng. Ông viết thư gửi gắm cậu Cung cho ông Trương Gia Mô, người bạn vong niên ý hợp tâm đầu khi cùng làm quan ở Huế, ở làng Hà Thủy, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận).

Cầu Bà Di chứng kiến phút chia ly lịch sử để từ đây anh Thành không bao giờ gặp lại người cha thân yêu của mình nữa(2).

Lúc bấy giờ đường thuộc địa số 1 (Route Coloniale N01) chưa thông. Đường xe lửa chỉ mới nối từ Đà Nẵng ra Huế đến Quảng Trị. Đường vào Nam chủ yếu theo đường bộ qua các trạm. Thuận lợi nhất là đi đường biển, nhưng phải theo mùa gió ghe thuyền mới đi được nhanh chóng.

Ông Thọ liên lạc với ghe buôn Bình Thuận đưa anh Thành vào Nam (3).

Ghe dừng ở bến Ninh Chữ (Ninh Thuận). Tại đây, anh Thành chứng kiến bọn Pháp đứng trên tàu cười sặc sụa trước

---

(1) "Đồng chí Hồ Chí Minh". E. Côbêlép.

(2) "Những người thân trong gia đình Bác Hồ (NXB Nghệ Tĩnh 1987)".

(3) Ông Thọ sanh ở Phan Thiết 1884, học trường Chasseloup Laubat Sài Gòn, đậu Brevet élémentaire- Trợ giáo ở Quy Nhơn từ 1905-1910. Ông là con tuần vũ Phạm Ngọc Quát. Ông Quát là cấp dưới thuộc quyền của ông Trương Gia Hội khi ông Hội làm tuần vũ Thuận Khánh. Ông Hội là cha của ông Trương Gia Mô.

thảm cảnh một số "cu li" do chúng sai phái đang vật lộn với sóng to gió lớn (1).

Ghe cập bến Duồng (Hà Thủy) Phan Rí, Bình Thuận. Nơi đây đã diễn ra cuộc hội ngộ giữa cụ Nghè Mô và người thanh niên Nguyễn Tất Thành. Ông là một trong những người đã nâng đỡ bước đi của Bác nơi xứ lạ quê người.

Oái ăm thay, ngày 17/1/1910, cụ Nguyễn Sinh Sắc bị triều đình cách chức và triệu hồi về Huế vì can tội làm việc tắc trách, thả tù trốn thuế, lạm quyền dẫn đến cái chết của địa chủ Tạ Đức Quang. Bản án số 140 ngày 27/8/1910 kết án đánh cụ 100 trượng, sau đổi thành án giảm 4 cấp và bị triệt hồi. Như vậy từ một ông quan Phó bảng với hàm Lục phẩm, cụ Sắc nay chỉ còn là một thứ dân bình thường với hai bàn tay trắng! Đúng như cụ đã từng nói với dân làng trước khi ra đi nhậm chức: "Tôi đi chưa chắc đã làm quan, nếu làm quan chưa chắc đã làm quan lâu".

Anh Thành vào đến Duồng và đến ở nhà cụ Nghè Mô (2). Nhà cụ Nghè Mô xây trên bờ gành, sát bến, qua giây phút ngỡ ngàng, hai bác cháu đã nhận mặt nhau. Sau khi xem thư của cụ Sắc gửi, để tránh sự dòm ngó của kẻ xấu, cụ Nghè Mô bèn gửi anh Thành tạm lánh vào chùa Phước An một thời gian (3). Nơi

---

(1) Bác Hồ kể lại với ông Dân khi Bác làm thuê cho một ông chủ người Pháp ở Le Havre khi chứng kiến vở kịch này tái diễn. "Đường Bác Hồ đi cứu nước" . Trang 22,23.

(2) Theo Trương Gia Kỳ Sanh (Trúc Viên) con ông Mô.

(3) Đầu năm 1946, đoàn Bình Thuận gồm các ông Lê Văn Tho (hàm hộ), Lê Văn Sỹ (bác sĩ), Nguyễn Văn Hiển (bác sĩ), Tăng Khánh (thương gia) có ra Hà Nội thăm Bác Hồ. Bác có hỏi:

- Giếng chùa Phước An còn không? Có nước không?

- Cầu qua sông Cà Ty còn không?

đây có thầy thủ tạ Bùi Hữu Hiền [1] là một nho sỹ tiến bộ đang trụ trì, cũng là bạn thân của cụ Nghè Mô.

Chùa Phước An ở cách nhà cụ Nghè Mô khoảng 250 mét, trên một đồi cát, xung quanh cây cối mát mẻ, kín đáo. Ban ngày anh Thành giúp nhà chùa lau dọn quét tước, cùng ăn ở, lúc rảnh rang thường tâm sự với thầy thủ tự. Ban đêm, theo con đường sau chùa anh lên nhà cụ Nghè Mô, hai bác cháu một già một trẻ thường hàn huyên tâm sự, mặc dù tuổi tác có chênh lệch nhau .

Cuộc hội ngộ này đã giúp cho anh Thành mở rộng tầm nhìn. Cụ Nghè Mô đã chắp thêm đôi cánh để con chim bằng thêm sức bay, giúp anh Thành tháo gỡ những khó khăn, ngỡ ngàng buổi đầu tìm lối đi giữa đất khách quê người.

2- Chuyến nam du của ba cụ HUỲNH - TRẦN - PHAN

Khoa thi Hội năm Tân Sửu (1901) ông Phan Chu Trinh đậu Phó bảng, được Triều đình Huế bổ dụng làm Thừa biện bộ Lễ. Ông phải ra làm quan nhưng với cái nhìn khác lạ, không mưu cầu danh lợi để "vinh thân phì gia", cũng không có ảo vọng gì với triều đình quan lại. Và tâm tư này của ông được thể hiện qua bài thơ "Giáp Thìn kinh thành cụ phong":

Cẩm tú giang sơn vọng nhãn hồ

Hồi thiên vô nại thử thân cô...

Dịch nghĩa:

Giang sơn gấm vóc trông ra mịt mờ

Muốn xoay trời không ngại, hiềm sức chỉ có một mình.

---

(1) Là thân sinh của Hòa thượng Thích Minh Tâm, Chánh đại diện Giáo hội Phật giáo tỉnh Thuận Hải.

Đến khoa thi Hội năm Giáp Thìn (1904) Huỳnh Thúc Kháng đỗ đầu, Trần Qúy Cáp đỗ thứ hai, được bổ dụng làm giáo thụ phủ Thăng Bình. Ba ông nhất trí cùng cáo quan và lên kế hoạch tiến hành một chuyến Nam du để khảo sát dân tình, bắt mạch nhân tâm sĩ khí.

Tháng 2 năm 1905, các ông xuất phát từ Quảng Nam. Đến Bình Định, các ông vào thăm trường thi, cùng lấy tên Đào Mộng Giác để lại bài thơ "Chỉ thành thông thánh" và bài phú "Lương sơn danh ngọc" với nội dung khơi dậy lòng yêu nước, khuyên các thí sinh từ bỏ việc đeo đuổi lối học văn chương cử nghiệp, hưởng ứng phong trào cải cách Duy Tân. Các ông thuyết phục được Nguyễn Quý Anh, con trai thứ hai của cụ Kỳ Xuyên Nguyễn Thông đang học để chuẩn bị cho kỳ thi Hương sang năm và cùng nhau về Bình Thuận.

Đến Nha Trang, nghe có tàu Nhật đậu ở Cam Ranh, các ông cải trang dân buôn thuê ghe ra tận nơi xem xét, nhưng đó là tàu của Nga Hoàng từ biển Đen sang tiếp ứng cho hạm đội Thái Bình Dương đang đánh nhau với quân Nhật. Qua quan sát sự tình, các ông thấy rõ sự cách xa nền văn minh giữa ta và các nước Âu Mỹ như trời vực!

... Đến Phan Thiết, ba ông được ông Trần Lệ Chất đón về nhà, sau đó được mời về nghỉ ở Ngọa Du Sào, trong khuôn viên nhà thờ cụ Nguyễn Thông do Trọng Canh Nguyễn Trọng Lội, con trai trưởng quản lý.

Ở Phan Thiết khoảng một tháng, cụ Huỳnh Thúc Kháng và cụ Trần Qúy Cáp ra lại miền Trung. Cụ Phan Chu Trinh bị bệnh phải nằm lại điều trị mấy tháng [1].

---

(1) Theo "Huỳnh phái phổ lục".

Trong khoảng thời gian ở Phan Thiết, ba cụ đã tiếp xúc với nhiều thân hào nhân sỹ, cùng nhau xướng họa thi ca, luận bàn về thời cuộc, vận động phong trào cải cách Duy Tân, thực thi phương châm "chấn dân khí, khai dân trí, hậu dân sinh".

Nhìn lại lịch sử, sau khi có Chiếu Cần Vương của vua Hàm Nghi kêu gọi (1885), ở đất Bình Thuận đã có nhiều cuộc nổi dậy hưởng ứng do các ông Ung Chiếm, Cao Hành (ở Hàm Thuận), Phạm Đoan, Phạm Sằng, Dương Hoàng Nghị (ở La Gàn, Tuy Phong), Nguyễn Văn Luận, Phùng Hàn, Phùng Tố (ở Duồng, Tuy Phong), lãnh đạo nghĩa quân mở nhiều đợt tấn công vang dội như chiếm tỉnh đường Bình Thuận (ở Chợ Lầu, Hòa Đa), chiếm huyện lỵ Tuy Phong, bao vây phủ đường Hàm Thuận (Phan Thiết)...làm cho bọn thực dân bạt vía kinh hồn.

Do sức yếu thế cô, vũ khí trang bị yếu kém nên không đủ sức chống trả lại viện binh của Pháp từ Nam kỳ kéo ra nên tất cả các cuộc nổi dậy của nghĩa binh đều bị chìm trong biển máu. Từ năm 1886 về sau, phong trào chống Pháp lắng xuống, các lãnh tụ hầu hết đếu bị hành quyết, nhân dân cam chịu sống trong tủi nhục mà nguyên nhân chủ yếu là do Triều đình Huế quá khiếp nhược đã sớm đầu hàng thực dân Pháp.

3- Những tổ chức mang khuynh hướng Duy Tân ở Phan Thiết

Sau chuyến Nam du của ba cụ Huỳnh - Trần - Phan, ở Phan Thiết lần lượt xuất hiện 3 tổ chức văn hóa, kinh tế, giáo dục là: Liên Thành thư xã (1905), Liên thành Thương quán (1906) và Dục Thanh Nghĩa thục (1907).

Những yếu nhân sáng lập 3 cơ sở trên gồm các ông:

- Nguyễn Trọng Lội (hiệu Trọng Canh - Ấm Năm - 1871-1911) con trai trưởng cụ Nguyễn Thông.

- Nguyễn Quý Anh (hiệu Nhụ Khanh - Ấm Bảy - 1881 - 1938) con trai thứ cụ Nguyễn Thông.

- Nguyễn Hiệt Chi (Ký Thuận). Giáo thọ quê Hà Tĩnh. Có em ruột là Nguyễn Hàng Chi do đấu tranh giảm sưu bị xử tử ở Nghệ An. Con ông là Nguyễn Kinh Chi, học sinh trường Dục Thanh lúc bấy giờ, sau này là bác sĩ, thứ trưởng Bộ Y tế của Chính phủ ta lúc mới thành lập (1945).

- Trần Lệ Chất (1866-1968) quê Nghệ An, tú tài Hán học, biết tiếng Pháp, làm thông phán Tòa sứ Phan Thiết, thư ký riêng của công sứ Garnier.

- Hồ Tá Bang (Ký Bang - 1875-1943) quê Thừa Thiên, Ký lục Tòa sứ Phan Thiết từ năm 1899.

- Ngô Văn Nhượng : Đề lại tỉnh đường Bình Thuận

- Trương Gia Mô (1866-1929). Năm 1908 bị bắt tại Phan Thiết nên rút tên khỏi danh sách.

- Huỳnh Văn Đẩu (1866-1908) điền chủ tiến bộ, đã ủng hộ hoa lợi 10 mẫu ruộng nhất đẳng điền cho trường Dục Thanh làm kinh phí.

**** Liên Thành thư xã*** (1)

Được thành lập vào khoảng tháng 5 năm 1905 sau khi ba cụ Huỳnh, Trần, Phan có mặt ở Phan Thiết.

---

(1) Liên Thành: liên hiệp, thành đạt. Không mang ý nghĩa hoài cổ là thành cổ Bình Thuận có ao sen ở Hòa Đa như Phan Hải ghi theo lời ông Trần Lệ Chất (Báo cáo khoa học về Nguyễn Thông -1984. trang 204).

Liên Thành thư xã đặt tại nhà Võ Ca của đình làng Phú Tài (nay không còn). Sinh hoạt vào tối thứ Năm, do ông Nguyễn Hiệt Chi phụ trách. Tổ chức này sinh hoạt với tính chất như một câu lạc bộ văn thơ. Nơi đây các thân hào, nhân sỹ có cảm tình với phong trào Duy Tân thường đến nghe các diễn giả thuyết trình về thân thế, sự nghiệp và tác phẩm của các nhà khai sáng Trung Quốc (như Lương Khải Siêu, Khang Hữu Vy...) và các nhà triết học, văn hóa Pháp (như Voltaire, Montesquieu, J. Ruosseau...).

Người đăng đàn đầu tiên là cụ Phan Chu Trinh nhà hùng biện đất Quảng Nam tuyên truyền về chủ thuyết Duy Tân do ông khởi xướng.

Trước cổng Liên Thành thư xã có dán hai câu thơ nói rõ về phương hướng, nội dung hoạt động của tổ chức này:

"Dư ngã tẩy trừ ô não cựu
Vi quân diễn thuyết vũ đài tân"
Dịch nghĩa:
"Cùng nhau xóa bỏ lề thói cũ
Chung sức cổ động lối Duy Tân"

Những buổi sinh hoạt đều có mời các quan Tây và quan ta đến dự. Tuy nhiên, hoạt động của Liên Thành thư xã không tránh khỏi sự dòm ngó, theo dõi gắt gao của nhà cầm quyền đương thời. Vào tháng 5 năm 1908, các thành viên của Liên Thành thư xã được gọi đến Tòa sứ để nhắc nhở và cuối cùng thấy tổ chức này không có lợi về mặt an ninh chính trị nên công sứ Garnier đã ra lệnh đóng cửa (tháng 5/1909) (1).

---

(1) Theo báo cáo No 1869/8RM-19/9/1909 của công sứ Garader gửi khâm sứ Trung kỳ Levecque.

**** Liên Thành thương quán*** (Công ty Liên Thành - Hội Liên Thành)

Sáng lập tại Phan Thiết ngày 15/3/1906. Đây là công ty cổ phần chuyên kinh doanh hải sản và hàng tạp hóa, chủ yếu là nước mắm và mắm các loại. Lúc bấy giờ tại Phan Thiết chưa có cầu bắc qua sông như hiện nay. Chợ Phan Thiết nằm ở bờ hữu ngạn sông Cà Ty, Liên Thành thương quán có quầy hàng dọc theo bờ sông gần chợ nên việc mua bán rất thuận tiện. Bên cạnh cửa hàng, để tiện việc giao dịch, công ty có khách sạn gồm 4 phòng trệt để làm nơi nghỉ ngơi cho khách hàng. Đây là khách sạn do người Việt lập ra đầu tiên ở Phan Thiết.

Điều hành công ty là một Hội đồng quản trị (từ 6 đến 12 thành viên) do các cổ đông bầu ra, định kỳ thay phiên nhau điều hành và quản lý chặt chẽ. Ban thường trực gồm chủ tịch, một phó chủ tịch và tổng thư ký.

Để mở rộng kinh doanh, năm 1922 trụ sở Liên Thành thương quán di dời vào Sài Gòn (243 Bến Vân Đồn). Tháng 2 năm 1977, Hội đồng quản trị nhất trí đưa toàn bộ cơ sở sản xuất sát nhập với 5 Xí nghiệp nước mắm lớn khác thành "xí nghiệp" quốc doanh nước mắm Liên Thành, bản doanh đặt tại Sài Gòn.

Nhìn chung, quá trình hoạt động, Công ty Liên Thành đã thể hiện được tinh thần tự lực tự cường, có ý thức cạnh tranh trên thương trường để bảo vệ quyền lợi của dân tộc và địa phương. Những người sáng lập và điều hành đều có khả năng quản lý tốt. Tuy nhiên, Công ty không chỉ là một tổ chức kinh doanh đơn thuần, bởi các thành viên của Công ty hầu hết là những người tích cực hưởng ứng cuộc vận động cải cách Duy Tân của Phan Chu Trinh nên bị nhà cầm quyền nghi ngờ, theo dõi, đôi lần bọn chúng đã cho cảnh sát ập đến bất ngờ kiểm soát.

Liên Thành thư xã đặt tại nhà Võ Ca của đình làng Phú Tài (nay không còn). Sinh hoạt vào tối thứ Năm, do ông Nguyễn Hiệt Chi phụ trách. Tổ chức này sinh hoạt với tính chất như một câu lạc bộ văn thơ. Nơi đây các thân hào, nhân sỹ có cảm tình với phong trào Duy Tân thường đến nghe các diễn giả thuyết trình về thân thế, sự nghiệp và tác phẩm của các nhà khai sáng Trung Quốc (như Lương Khải Siêu, Khang Hữu Vy...) và các nhà triết học, văn hóa Pháp (như Voltaire, Montesquieu, J. Ruosseau...).

Người đăng đàn đầu tiên là cụ Phan Chu Trinh nhà hùng biện đất Quảng Nam tuyên truyền về chủ thuyết Duy Tân do ông khởi xướng.

Trước cổng Liên Thành thư xã có dán hai câu thơ nói rõ về phương hướng, nội dung hoạt động của tổ chức này:

"Dư ngã tẩy trừ ô não cựu
Vi quân diễn thuyết vũ đài tân"
Dịch nghĩa:
"Cùng nhau xóa bỏ lề thói cũ
Chung sức cổ động lối Duy Tân"

Những buổi sinh hoạt đều có mời các quan Tây và quan ta đến dự. Tuy nhiên, hoạt động của Liên Thành thư xã không tránh khỏi sự dòm ngó, theo dõi gắt gao của nhà cầm quyền đương thời. Vào tháng 5 năm 1908, các thành viên của Liên Thành thư xã được gọi đến Tòa sứ để nhắc nhở và cuối cùng thấy tổ chức này không có lợi về mặt an ninh chính trị nên công sứ Garnier đã ra lệnh đóng cửa (tháng 5/1909) (1).

---

(1) Theo báo cáo No 1869/8RM-19/9/1909 của công sứ Garader gửi khâm sứ Trung kỳ Levecque.

**** Liên Thành thương quán*** (Công ty Liên Thành - Hội Liên Thành)

Sáng lập tại Phan Thiết ngày 15/3/1906. Đây là công ty cổ phần chuyên kinh doanh hải sản và hàng tạp hóa, chủ yếu là nước mắm và mắm các loại. Lúc bấy giờ tại Phan Thiết chưa có cầu bắc qua sông như hiện nay. Chợ Phan Thiết nằm ở bờ hữu ngạn sông Cà Ty, Liên Thành thương quán có quầy hàng dọc theo bờ sông gần chợ nên việc mua bán rất thuận tiện. Bên cạnh cửa hàng, để tiện việc giao dịch, công ty có khách sạn gồm 4 phòng trệt để làm nơi nghỉ ngơi cho khách hàng. Đây là khách sạn do người Việt lập ra đầu tiên ở Phan Thiết.

Điều hành công ty là một Hội đồng quản trị (từ 6 đến 12 thành viên) do các cổ đông bầu ra, định kỳ thay phiên nhau điều hành và quản lý chặt chẽ. Ban thường trực gồm chủ tịch, một phó chủ tịch và tổng thư ký.

Để mở rộng kinh doanh, năm 1922 trụ sở Liên Thành thương quán di dời vào Sài Gòn (243 Bến Vân Đồn). Tháng 2 năm 1977, Hội đồng quản trị nhất trí đưa toàn bộ cơ sở sản xuất sát nhập với 5 Xí nghiệp nước mắm lớn khác thành "xí nghiệp" quốc doanh nước mắm Liên Thành, bản doanh đặt tại Sài Gòn.

Nhìn chung, quá trình hoạt động, Công ty Liên Thành đã thể hiện được tinh thần tự lực tự cường, có ý thức cạnh tranh trên thương trường để bảo vệ quyền lợi của dân tộc và địa phương. Những người sáng lập và điều hành đều có khả năng quản lý tốt. Tuy nhiên, Công ty không chỉ là một tổ chức kinh doanh đơn thuần, bởi các thành viên của Công ty hầu hết là những người tích cực hưởng ứng cuộc vận động cải cách Duy Tân của Phan Chu Trinh nên bị nhà cầm quyền nghi ngờ, theo dõi, đôi lần bọn chúng đã cho cảnh sát ập đến bất ngờ kiểm soát.

* ***Dục Thanh nghĩa thục*** (Dục Thanh học hiệu - Trường Dục Thanh)

Năm 1881, Nguyễn Thông được triều đình Huế bổ nhiệm làm Phó sứ Điền Nông kiêm Đốc học Bình Thuận. Tuổi mới 55 nhưng sức lực ông suy giảm nhiều do bệnh phổi. Ông mua miếng đất của một Hoa kiều để dựng ngôi nhà dỡ từ Sa Ra (gần núi Tà Dôn) đem về. Lúc bấy giờ hai bên bờ sông Cà Ty mọc đầy bần đước. Trước nhà, có con rạch nhỏ, đi lại bằng ghe nhỏ và xuồng rất thuận tiện.

Ngoài ngôi nhà chính, ông còn cho cất thêm Ngọa du sào (tổ nằm chơi) có hiên Ỷ nguyệt (ngắm trăng) để nghỉ ngơi, đọc sách, sáng tác và tu chỉnh tác phẩm, đồng thời cũng là nơi để tiếp đón khách, hàn huyên với các bạn tâm giao. Để có thêm thu nhập cho gia đình, ông còn sắm lưới rùng, cất nhà "Ngư" để chứa ngư lưới cụ, hàng nông lâm sản và chế biến nước mắm. Ngoài ra, ông còn xây lò hầm vôi và đúc ghè ống để bán cho dân địa phương.

Sau khi cụ Nguyễn Thông qua đời, con trai trưởng Nguyễn Trọng Lội giữ nhà từ đường. Tiếp thu chủ thuyết Duy Tân của ba cụ Huỳnh - Trần - Phan, những yếu nhân của Công ty Liên Thành. Sau đó bà con thân tộc còn đồng ý cho cất trường Dục Thanh trước nhà thờ vào khoảng tháng 5 năm 1907. Trường lấy tên Dục Thanh nhằm giáo dục thanh niên, lớp người tương lai để góp phần xây dựng đất nước. Học sinh được miễn trả học phí. Tổ chức của trường mô phỏng theo Đông Kinh nghĩa thục ở Hà Nội(1), nhưng quy mô hạn hẹp hơn nhiều. Trường là một ngôi nhà được làm bằng gỗ, vách song đan chéo, lợp ngói âm dương,

(1) Mô phỏng theo Khánh ứng nghĩa thục của Phúc Trạch Du Cát (Nhật Bản từ 1852. Nghĩa thục: cốt lột tả tinh thần vì nghĩa lớn).

chung có cả 4 lớp: nhất, nhì, ba, tư với 3 dãy bàn kê sát nhau. Nhà Ngư được sửa sang thành nơi lưu trú cho các học sinh ở xa (như Phú Hài, Mũi Né, Phan Rí, Tân An (Nam kỳ)...) về học.

Trường học ngày 2 buổi, dạy quốc ngữ là chính. Hán văn và Pháp văn chỉ dạy vào thứ bảy. Trước khi người thanh niên Nguyễn Tất Thành đến nhận việc, bộ máy giáo viên của trường gồm có các ông:

- Hán văn: Nguyễn Qúy Anh - Hiệu trưởng, chánh Hán; Trần Đồng Phiên, phó Hán.

- Pháp văn: Thầy Hải (Tây lai) quê Quảng Nam, chánh Tây và thầy Của cựu xếp ga quê ở Đức Thắng, phó Tây.

- Quốc ngữ: do thầy Trung và thầy Chấn đảm trách.

Sách học và tài liệu giảng dạy dùng cho cả Liên Thành thư xã và Dục Thanh Nghĩa thục do các yếu nhân Đông Kinh Nghĩa thục ở Hà Nội biên khảo, và do ông Đình nguyên Hoàng giáp Đào Nguyên Phổ (thân sinh ký giả Đào Trinh Nhất - bạn thâm giao của ông Trần Lệ Chất) gửi vào (1). Các giáo viên được trợ cấp 8đ/tháng để tiêu vặt. Việc bảo trợ học đường do Liên thành Thương quán thực hiện cùng với sự đóng góp hoa lợi 10 mẫu ruộng nhất đẳng điền của ông Huỳnh Văn Đẩu.

Lúc bấy giờ ở Phan Thiết đã có Trường Tiểu học Pháp - Việt, nhưng một số gia đình lại gửi con theo học Trường Dục Thanh, được xem là một trường tư tiến bộ nhất lúc bấy giờ ở Bình Thuận.

Số học sinh lúc đầu chỉ có vài chục, dần dần tăng lên có lúc gần đến 100 học sinh. Trong số học sinh đó có 4 nữ, được biết tên như sau (2):

(1) Theo Huỳnh phái phổ lục.

(2) Theo cụ Nguyễn Đăng Lầu băng ghi âm 5/1977.

* ***Dục Thanh nghĩa thục*** (Dục Thanh học hiệu - Trường Dục Thanh)

Năm 1881, Nguyễn Thông được triều đình Huế bổ nhiệm làm Phó sứ Điền Nông kiêm Đốc học Bình Thuận. Tuổi mới 55 nhưng sức lực ông suy giảm nhiều do bệnh phổi. Ông mua miếng đất của một Hoa kiều để dựng ngôi nhà dỡ từ Sa Ra (gần núi Tà Dôn) đem về. Lúc bấy giờ hai bên bờ sông Cà Ty mọc đầy bần đước. Trước nhà, có con rạch nhỏ, đi lại bằng ghe nhỏ và xuồng rất thuận tiện.

Ngoài ngôi nhà chính, ông còn cho cất thêm Ngọa du sào (tổ nằm chơi) có hiên Ỷ nguyệt (ngắm trăng) để nghỉ ngơi, đọc sách, sáng tác và tu chỉnh tác phẩm, đồng thời cũng là nơi để tiếp đón khách, hàn huyên với các bạn tâm giao. Để có thêm thu nhập cho gia đình, ông còn sắm lưới rùng, cất nhà "Ngư" để chứa ngư lưới cụ, hàng nông lâm sản và chế biến nước mắm. Ngoài ra, ông còn xây lò hầm vôi và đúc ghè ống để bán cho dân địa phương.

Sau khi cụ Nguyễn Thông qua đời, con trai trưởng Nguyễn Trọng Lội giữ nhà từ đường. Tiếp thu chủ thuyết Duy Tân của ba cụ Huỳnh - Trần - Phan, những yếu nhân của Công ty Liên Thành. Sau đó bà con thân tộc còn đồng ý cho cất trường Dục Thanh trước nhà thờ vào khoảng tháng 5 năm 1907. Trường lấy tên Dục Thanh nhằm giáo dục thanh niên, lớp người tương lai để góp phần xây dựng đất nước. Học sinh được miễn trả học phí. Tổ chức của trường mô phỏng theo Đông Kinh nghĩa thục ở Hà Nội(1), nhưng quy mô hạn hẹp hơn nhiều. Trường là một ngôi nhà được làm bằng gỗ, vách song đan chéo, lợp ngói âm dương,

(1) Mô phỏng theo Khánh ứng nghĩa thục của Phúc Trạch Du Cát (Nhật Bản từ 1852. Nghĩa thục: cốt lột tả tinh thần vì nghĩa lớn).

chung có cả 4 lớp: nhất, nhì, ba, tư với 3 dãy bàn kê sát nhau. Nhà Ngư được sửa sang thành nơi lưu trú cho các học sinh ở xa (như Phú Hài, Mũi Né, Phan Rí, Tân An (Nam kỳ)...) về học.

Trường học ngày 2 buổi, dạy quốc ngữ là chính. Hán văn và Pháp văn chỉ dạy vào thứ bảy. Trước khi người thanh niên Nguyễn Tất Thành đến nhận việc, bộ máy giáo viên của trường gồm có các ông:

- Hán văn: Nguyễn Qúy Anh - Hiệu trưởng, chánh Hán; Trần Đồng Phiên, phó Hán.

- Pháp văn: Thầy Hải (Tây lai) quê Quảng Nam, chánh Tây và thầy Của cựu xếp ga quê ở Đức Thắng, phó Tây.

- Quốc ngữ: do thầy Trung và thầy Chấn đảm trách.

Sách học và tài liệu giảng dạy dùng cho cả Liên Thành thư xã và Dục Thanh Nghĩa thục do các yếu nhân Đông Kinh Nghĩa thục ở Hà Nội biên khảo, và do ông Đình nguyên Hoàng giáp Đào Nguyên Phổ (thân sinh ký giả Đào Trinh Nhất - bạn thâm giao của ông Trần Lệ Chất) gửi vào (1). Các giáo viên được trợ cấp 8đ/tháng để tiêu vặt. Việc bảo trợ học đường do Liên thành Thương quán thực hiện cùng với sự đóng góp hoa lợi 10 mẫu ruộng nhất đẳng điền của ông Huỳnh Văn Đẩu.

Lúc bấy giờ ở Phan Thiết đã có Trường Tiểu học Pháp - Việt, nhưng một số gia đình lại gửi con theo học Trường Dục Thanh, được xem là một trường tư tiến bộ nhất lúc bấy giờ ở Bình Thuận.

Số học sinh lúc đầu chỉ có vài chục, dần dần tăng lên có lúc gần đến 100 học sinh. Trong số học sinh đó có 4 nữ, được biết tên như sau (2):

(1) Theo Huỳnh phái phổ lục.

(2) Theo cụ Nguyễn Đăng Lầu băng ghi âm 5/1977.

- Trà Thị Tự, con gái ông Trà Quý Tiếp, cháu nội cụ Trà Quý Bình (quản cơ) sui gia với cụ Nguyễn Thông.

- Huỳnh Thị Lý, con gái ông Huỳnh Văn Đẩu.

- Hồ Thị Tuyết, con gái ông Hồ Tá Bang.

- Muộn (không rõ quê quán, gia đình).

Hầu hết học sinh nam đều cắt tóc ngắn, mặc đồng phục, qua thu thập tư liệu và được người trong cuộc kể lại, có một số học sinh được biết tên như sau:

- Hoàng Tỷ (1900-1950)- Đốc Tỷ

- Huỳnh Văn Mai (1892-1942) - Cửu Mai

- Nguyễn Đăng Lầu (1897-1978) - Cửu Lầu

- Hồ Tá Phu, cháu ông Hồ Tá Bang

- Nguyễn Xuân Lộc - Cửu Lộc

- Nguyễn Trọng Lai, con ông Nguyễn Trọng Lội

- Nguyễn Quý Phầu, em Nguyễn Trọng Lai (bác sĩ D86 F812 trong kháng chiến chống Pháp).

- Nguyễn Kinh Chi (Thứ trưởng Bộ Y tế của Chính phủ ta lúc mới thành lập, tháng 8/1945).

- Bàng Xà

- Lê Văn Mỹ

- Từ Trường Phùng (tên thật Nguyễn Văn Phùng) quê Hòa An, Cát Lãnh, Tân An, con Hương bộ Nguyễn Văn Cây.

Các thầy đều có nhà riêng hoặc tạm cư ở Phan Thiết. Ngọa du sào là nơi các thầy nghỉ ngơi, trao đổi công việc giảng dạy hàng ngày. Việc cơm nước cho học sinh lưu trú do hai con gái của cụ

Nguyễn Thông (bà Nguyễn Thị Chuyên vợ ông Lý Cẩn và bà Nguyễn Thị A Lúa vợ ông Trà Quý Tiếp) đảm trách, nên cũng bảo đảm được cái ăn thường xuyên của cả thầy và trò trong trường.

4- Trường Dục Thanh và Thầy giáo Nguyễn Tất Thành

Đầu năm 1978, Thường vụ Tỉnh ủy Thuận Hải có mở hội nghị chuyên đề về Khu Di tích Bác Hồ ở Phan Thiết do đồng chí Lê Hiền, Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng, bí thư Tỉnh ủy Thuận Hải chủ trì. Tham dự hội nghị có đồng chí Hà Huy Giáp, Viện trưởng Viện bảo tàng Hồ Chí Minh. Đặc biệt còn có mặt 3 người học trò của thầy Thành tại trường Dục Thanh khi xưa, gồm các cụ: Từ Trường Phùng, Nguyễn Quý Phầu và Nguyễn Đăng Lầu...

Những gì đã khai thác được về thầy Thành dạy học tại trường Dục Thanh là một phần khá quan trọng do 3 cụ kể lại. Tuy nhiên, gần 70 năm đã trôi qua, các cụ đã trên dưới 80 tuổi, trí nhớ có phần nào giảm sút, có việc nhớ có việc quên, vả lại khi thầy Thành đã là Chủ tịch Hồ Chí Minh thì việc phát biểu về Người cũng có phần dè dặt và cẩn trọng.

**** Thầy Thành dạy lớp mấy, và dạy môn gì ở trường Dục Thanh?***

Nguyễn Tất Thành được cụ Nghè Mô đưa vào Phan Thiết và dạy học ở trường Dục Thanh. Theo lời kể của cụ Nguyễn Đăng Lầu (Cửu Lầu ở Đức Thắng, Phan Thiết, 1897-1978 [1]; thì *"Thầy Thành chuyên dạy lớp Nhì và lớp Ba, thỉnh thoảng cũng có dạy lớp Nhất và lớp Bốn. Thầy dạy môn Pháp văn, Toán. Thỉnh*

---

(1) Băng ghi âm của Huy Sô. Tháng 5-1977.

thoảng thầy cũng có dạy chữ Hán... Tôi học lớp Nhì, thành thử tôi học với thầy Thành nhiều hơn các thầy kia. Ngoài ra thầy Thành còn dạy môn thể dục vào buổi sáng và cuối buổi chiều.

Nói về thời gian và lịch học tại trường; mỗi ngày dạy hai buổi. Buổi sáng lúc 6 giờ. Buổi chiều lúc 5 giờ sau khi bãi học.

Sau khi tập thể dục buổi mai xong thì tất cả học sinh đều xếp hàng vào lớp. Khi vào lớp rồi, tất cả đều đứng vòng tay. Thầy Thành yêu cầu tất cả học trò đều hát "Bài ca Ái quốc".

Nước Nam ta từ đời Hồng Lạc

Mấy nghìn năm khai thác đến nay

Á châu riêng một cõi này

Giống vàng ta cũng xưa nay một loài...

Sau khi ca xong, thầy Thành rung chuông ra hiệu, học trò mới được phép ngồi và bắt đầu học.

Về chấm bài, khi xưa không gọi là "điểm" mà gọi là "công". Tối đa xuất sắc là được 10 công. Còn trò nào học quá tệ thì hưởng zéro, hột vịt! Bây giờ gọi là số không. Về chữ Pháp và chữ Quốc ngữ, học trò thường dùng phẩm tím hòa với nước nóng và ít rượu để làm mực".

- Bác sỹ Nguyễn Kinh Chi, nguyên Thứ trưởng Bộ y tế kể như sau:

"Những buổi lên lớp, Bác giảng bài rất kỹ. Giọng Bác vừa trầm, vừa thanh, nghe rất ấm và dễ cảm mến. Có những chữ khó, Bác giảng đi giảng lại nhiều lần cho cả lớp hiểu được mới thôi".

Bác là giáo viên đầu tiên dạy Quốc ngữ ở trường Dục Thanh. Bác phụ trách lớp Nhì và dạy thêm các lớp khác. Bác

không bao giờ đánh mắng học trò. Giờ nghỉ, Bác thường đưa học sinh đi chơi ở dọc bờ sông hay ra bờ biển. Thường mỗi tháng một đôi lần vào ngày chủ nhật, Bác đưa học trò đi chơi ở động cát Thiềng Đức (phường Đức Nghĩa ngày nay) hoặc bãi biển Thương Chánh. Khi đi mang theo cơm nước để ăn trưa. Những lần đi chơi như vậy, Bác thường giảng về địa lý và lịch sử đất nước cho học sinh nghe. Có khi Bác kể chuyện Bà Triệu Ẩu cưỡi voi bành vàng chống ngoại xâm. Khi thì kể chuyện Ngô Quyền, Trần Hưng Đạo chống xâm lăng... Bác đặc biệt kể nhiều lần và hết lời ca ngợi vua Quang Trung Nguyễn Huệ. Bác kể về Thái Sá, quê nội của Nguyễn Huệ và vùng đất Bình Khê có dòng sông Côn là nơi Nguyễn Huệ lớn lên và đó cũng là căn cứ khởi nghĩa của phong trào Tây Sơn buổi đầu..."

Cụ Nguyễn Quý Phầu kể lại rằng: *"Có lần thầy Thành đến bên một học trò đang đọc Lục Vân Tiên của Nguyễn Đình Chiểu. Thầy hỏi:*

- Trong sách có câu "Trai thì trung hiếu làm đầu", em có hiểu không?

Học trò đáp:

- Thưa thầy: Trung có nghĩa là trung với vua. Hiếu là hiếu với cha mẹ ạ!.

Thầy Thành cười. Chủ nhật lần sau nhân chuyến dã ngoại (ở nơi Tỉnh ủy đóng chân bây giờ), thầy tóm tắt nội dung tập thơ Lục Vân Tiên, nhấn mạnh khí tiết của nhà thơ yêu nước khiếm thị qua câu thơ "Đâm mấy thằng gian bút chẳng tà" và giải thích cặn kẽ hai chữ Trung, Hiếu cho học sinh nghe: Các vua Hùng dựng nước ta đã gần 4000 năm. Nhân dân ta đã anh dũng chống giặc ngoại

xâm để giành độc lập, tự do cho đồng bào, cho đất nước, nên trung, trước hết phải là trung với nước với dân. Còn với vua thì trung với những ông vua yêu nước thương dân như vua Quang Trung, vua Duy Tân... còn những ông vua ôm chân ngoại bang thì các em có nên trung hay không?. Tất cả đều trả lời: "Không ạ!". Thầy giảng sang chữ hiếu, ai cũng có cha mẹ, phải nhớ công ơn dưỡng dục sinh thành. Hai chữ Trung, Hiếu phải đi đôi với nhau. Trai và gái đều lấy hai chữ Trung, Hiếu làm đầu... và thầy dẫn những hình ảnh, sự việc cụ thể minh chứng để cho học sinh ghi nhớ.

Cả ba cụ còn giữ được những kỷ niệm êm đẹp về tình thầy trò: *"Bác dạy học trò bằng cả tình thương yêu như với em ruột mình, không bao giờ Bác đánh hoặc chửi mắng học trò. Ngày đó, các thầy giáo kể cả các thầy giáo tiến bộ ở trường Dục Thanh thường hay la mắng và bắt phạt những học trò không thuộc bài hoặc bị lỗi xấu. Có lần Bác nói với thầy Hải (dạy tiếng Pháp): "Các em còn nhỏ làm sao không bị lỗi, ta phải chỉ bảo các em, đừng làm các em sợ".*

Trong thực tế, khi vào lớp, thầy giảng bài rất kỹ. Chỗ nào khó, thầy giảng đi, giảng lại rồi hỏi các học trò: Hiểu chưa? Khi nào tất cả đều trả lời "hiểu" thì thầy mới an tâm. Nhiều học trò khi lên lớp không thuộc bài, mất bình tĩnh, thầy bảo "đừng sợ! Các em sợ quá sẽ quên hết đó!" Nếu học trò ấp a ấp úng, thầy bảo: "Như thế là em chưa tốt. Thôi xuống học lại bài cho thuộc rồi trả bài sau, không có gì phải sợ!".

Phong trào cắt tóc theo tinh thần Duy Tân ở Phan Thiết cũng khởi xướng từ trường Dục Thanh. Cụ Nguyễn Đăng Lầu kể:

"Chỉ có học trò trường Dục Thanh là cúp tóc hết, còn ở các trường tư và trường công khác thì ít người hớt tóc. Lúc ấy có một bài hát khuyên hớt tóc..., tác giả là ai tôi không biết, nhưng chính thầy Thành đọc cho cả học trò trường Dục Thanh cùng viết để học thuộc lòng. Bài "Khuyên hớt tóc", tôi còn nhớ, xin đọc lại như sau:

...Gọi cúp tóc là thất trung thất hiếu
Chứ tóc dài trung hiếu mấy ai đâu?
Kìa xem trong Ngũ đại châu
Nào ai dài tóc có đâu như mình!
Nói cũng ngặt mà làm thinh cũng ngặt
Hễ có tay có chân có mày có mặt
Chữ đồng tâm cho chắc mới nên người.
Hễ là có mắt không ngươi
Có tai không lỗ ra người sống dư
Duy Tân lúc bây chừ là phải
Tóc cúp đi là dại mới chừa cho
Biết ăn mà chẳng biết lo
Lửa đã táp đến giò mà chẳng biết
Mình chẳng tiếc sao tóc da còn tiếc
Nghĩ cái đời dại thiệt chớ khôn đâu
Muốn ăn ngồi đợi kẻ và
Còn mang thói cũ ắt là hư thân"

Bài hát này từ trường Dục Thanh loan ra, phổ biến rộng trong thanh niên thị xã Phan Thiết. Vài ngày sau, số thanh niên dưới 35 tuổi, nhiều người đã hớt tóc kiểu "pi-nhông".

Thầy Thành cũng là người khởi xướng phong trào tập thể dục thể thao trong trường. Thầy cho đào các hố dài để học sinh tập nhảy từ dưới lên, mỗi ngày đào sâu thêm một chút.

Thể dục khi đó là những bài hít thở với vài động tác rất nhẹ nhàng. Sáng sáng, tiếng hô của thầy Thành vang vang trong sân trường. Thầy hô theo âm Hán "nhất, nhị, tam, tứ". Đưa hai tay lên trời thì thầy hô "lưỡng thủ tả hữu tề cử".

Học sinh tập thể dục vào buổi sáng trước khi vào lớp và tập thể thao vào buổi chiều sau khi tan lớp. Lúc ấy, có thể nói, ở Bình Thuận trường Dục Thanh là trường duy nhất có phong trào thể dục thể thao".

**** Sinh hoạt của thầy Thành***

Theo các học trò kể lại, không biết thầy Thành đã đến thăm bà con ngư dân nghèo ở xóm Cồn Chà bao nhiêu lần, mà mỗi khi thầy dẫn học trò đi chơi, bà con ai cũng chào hỏi và mời thầy vào nhà. Vô thăm nhà nào thầy cũng hỏi thăm gia cảnh, đời sống của họ. Thầy còn tìm hiểu cách đánh bắt các loại cá, làm sao để khỏi say sóng, định hướng khi ở giữa biển khơi, làm sao biết trước được giông bão để tránh thiệt hại .

Thầy Thành rất ham học hỏi, đến Trường Dục Thanh, thầy học thêm tiếng Pháp ở thầy Hải. Không biết học từ bao giờ, nhưng thầy đã biết đánh moóc-xơ (morse). Đêm đêm, các học trò thỉnh thoảng có nghe thầy Thành và thầy Của dùng thước kẻ đánh moóc-xơ để liên lạc với nhau.

Trên gác Ngọa du sào có yên thư và rương sắt giữ nhiều sách chữ Hán của cụ Nguyễn Thông để lại. Lúc rảnh rỗi, thầy Thành tranh thủ vào đó để đọc sách, có đêm chong đèn đọc đến

khuya. Thầy còn có sáng kiến thành lập một tủ sách do học sinh góp tiền để mua. Trước khi ra đi, thầy còn ghi lại mấy dòng: "Tiền của tủ sách, tôi đã giao lại cho trò Kinh (Nguyễn Kinh Chi) cất giữ".

Cụ Nguyễn Đăng Lầu còn kể thêm:

"Thầy Thành ăn mặc rất giản dị. Thầy thường mặc chiếc áo dài đen bằng vải san đầm và quần vải quyến trắng, đôi khi thầy mặc áo dài trắng. Thầy đi guốc vông, đôi khi có mang giầy hàm ếch kiểu xưa".

Bác sỹ Nguyễn Kinh Chi miêu tả:

"Bác có dáng người thanh thanh, tóc hớt ngắn, trán cao, nét mặt thanh thoát, đôi mắt sáng long lanh như lúc nào cũng cười. Bác thường mặc bộ bà ba màu trắng, thắt lưng màu hoa lý thả lòng thòng bên hông như thanh niên đương thời, hoặc mặc áo dài trắng. Bác hay đi guốc đẽo bằng gỗ vông hoặc giày vải kiểu hàm ếch, đội mũ cát không có băng tròn trên mũ. Sáng dậy, Bác thường cùng học trò quét dọn nhà cửa trước, sau và gánh nước tưới hoa, tưới cây..."

Cụ Nguyễn Quý Phầu, học trò lớp Ba của Trường nhớ lại:

"Tết năm ấy (Canh Tuất 10/2/1910) dù là mới vào Trường chưa được bao lâu, nhưng thầy Thành đã được nhiều học trò quý mến. Tết đến, học trò nội trú đều về nhà đón Tết, các thầy cũng vậy, chỉ có thầy Thành ở lại Trường. Một học trò thưa với thầy:

- Thưa thầy, tết này thầy có về nhà không?

Thầy cười và trả lời:

- Thầy ở lại Trường....Đất nước mình đâu cũng là nhà, ở đâu cũng có tết mà..."

Thầy ăn tết với gia đình con cháu cụ Nguyễn Thông, có đủ bánh tét, thịt kho, dưa muối, củ kiệu... Thầy rất thích món dưa muối và nói: món này giống món ăn ngoài Bắc.

Cụ Từ Trường Phùng nhắc lại:

"Năm thầy Thành dạy học có sao chổi xuất hiện cả tháng ở biển Đông (2). Thầy đã giải thích cho các em biết theo tinh thần khoa học vì sao có hiện tượng trên". Cụ Phùng còn cho biết thêm:

"Thầy Thành cùng học trò đón Tết Trung thu (năm Canh Tuất) bên ghềnh đá trước sân trường. Sau khi phá cỗ, ăn bánh, uống nước, thầy kể lại truyền thuyết về Hằng Nga - Chú Cuội cho học sinh nghe".

---

(2) Sao chổi Halây- xuất hiện nửa cuối tháng 4 và đầu tháng 5/1910.

Vì sao trường Dục Thanh đóng cửa ?

Đây là một câu hỏi có nhiều khúc mắc, do vậy hiện nay vẫn còn nhiều ý kiến khác nhau. Có người cho rằng, trường Dục Thanh do ông Nguyễn Trọng Lội, người chủ trương sáng lập trường bị bệnh bất ngờ đã qua đời. Cũng có ý kiến khẳng định do ông Nguyễn Quý Anh lúc đó không còn ở Phan Thiết nữa, trường không có ai coi sóc nên phải đóng cửa. Có ý kiến thì bảo do Nguyễn Tất Thành đi vào Sài Gòn nên trường thiếu người dạy đành phải đóng cửa...

Vậy sự thật như thế nào?

Ông Lê Ấm, con rể cụ Phan Chu Trinh dịch "Trung kỳ dân biểu tụng oan thỉ mạt ký" (tập ký kêu oan kể đầu đuôi vụ dân biểu ở Trung kỳ) đưa lên cho Thượng thư Bộ thuộc địa và Toàn quyền Đông Dương, có ý kiến cho rằng: Các cơ sở canh tân ở Phan Thiết tồn tại lâu như vậy là vì công sứ Bình Thuận Garnier chống lệnh khâm sứ ở Trung kỳ Lévecque không chịu hủy trường học, phá hội buôn, bắt thân sĩ, ca ngợi Garnier là một nhà dân chủ am hiểu rộng. Thực ra Garnier đâu dám chống lệnh Khâm sứ Lévecque. Là một con cáo già, hắn âm mưu giăng lưới để tóm gọn những ai hoạt động chống đối chính quyền thực dân.

Theo ông Phan Hải trong bài "Gia đình Nguyễn Thông với phong trào đấu tranh yêu nước ở Bình Thuận vào đầu thế kỷ XX" thì "trường Dục Thanh đóng cửa vào cuối năm 1912 sau khi ông

Nguyễn Trọng Lội, người sáng lập bị bệnh bất ngờ qua đời, và em trai ông là Nguyễn Quý Anh lúc đó không còn sinh sống và hoạt động ở Phan Thiết nữa.

Ý kiến trên e không được chính xác vì:

Tháng 1/1911 Nguyễn Quý Anh được Hội đồng quản trị phân công phụ trách Phân cuộc Liên Thành ở Sài Gòn, đến tháng 3/1911 cưới bà Lý Thu Liên, con bá hộ Xường người Hoa ở Chợ Lớn. Thời gian xảy ra sự kiện này khớp với thời gian cụ Phan Chu Trinh làm bài thơ 6 khổ "Tặng Ấm Bảy cưới vợ" (1) viết tại Mỹ Tho năm Canh Tuất (1911) và trong tháng 3/1911 cụ Phan đã cùng con Phan Văn Dật lên tàu sang Pháp (2)

Ông Nguyễn Quý Anh đang làm Hiệu trưởng trường Dục Thanh, nếu không vì một lý do chính đáng (đến nỗi vô trách nhiệm) bởi lo việc riêng tư mà bỏ học sinh trường Dục Thanh như đàn gà con mất mẹ?

Năm 1906 ông Nguyễn Trọng Lội được cử làm Tổng lý (tức tổng giám đốc) Liên Thành thương quán, là người sáng lập tích cực nhất. Nếu ông chẳng may qua đời thì Hội đồng quản trị sẽ cử người khác thay thế, vả lại cũng không ảnh hưởng gì đến số phận của trường Dục Thanh.

Theo Huỳnh phái phổ lục do cụ Huỳnh Sanh Tài (1900-1983) nguyên là trợ giáo và cụ Huỳnh Khánh Tòng (1906 -1977) nguyên Hiệu trưởng Tư thục Đức Dục Phan Rí - Phan Rang, sưu

---

(1) Thơ văn Phan Chu Trinh - Nhà XB Văn học 1983. trang 25+26.

(2) Cụ Phan bị đày ra Côn Đảo cùng cụ Huỳnh tháng 4/1908. Nhờ sự can thiệp của liên minh cầm quyền Pháp nên tháng 6/1910 được phóng thích, nhưng vẫn bị quản thúc ở Mỹ Tho.

tầm năm Giáp Dần 1974, thì sau vụ khám xét Công ty Liên Thành, mặc dù không có chứng cứ đây là một tổ chức hoạt động chính trị chống đối, Công sứ Garnier vẫn chấp hành lệnh của Khâm sứ Trung kỳ Lévecque đóng cửa Dục Thanh Nghĩa thục.

Như vậy những nguyên nhân: Ông Ấm Năm (Nguyễn Trọng Lội) qua đời, ông Ấm Bảy (Nguyễn Qúy Anh) đi vào Chợ Lớn cưới vợ, thầy Thành nghỉ dạy nên trường Dục Thanh đóng cửa, phải chăng chỉ là giả định?. Vậy có sự kiện gì đặc biệt đã xảy ra trong khoảng thời gian này?

Theo Huỳnh phái phổ lục thì:

"Đa số nhân viên công ty Liên Thành và giáo sư Dục Thanh Nghĩa thục là những đồng chí từ Nghệ Tĩnh và Quảng Nam vào. Những hoạt động tích cực của các vị ấy bị viên Án sát , một tay sai rất mẫn cán của Pháp báo cáo ra tòa Khâm sứ Huế. Khâm sứ Lévecque có vào Phan Thiết để thanh tra và giao công sứ Garnier theo dõi nhóm này.

Công ty Liên Thành đã bị nhà chức trách địa phương khám xét và tịch thu một cái tráp hình chữ nhật mang về Tòa sứ Phan Thiết để xem xét. Hội đồng gồm có công sứ Garnier, Tuần vũ Hồ Văn Phức và Phán sự Trần Lệ Chất. Do đã cảm thông trước với ông Hồ Văn Phức, ông Trần Lệ Chất dịch bừa những tài liệu và thư tín của Duy Tân Hội bằng Hán văn thành sách Đông y và toa thuốc Bắc. Cuộc tra cứu tạm ngưng vào lúc 9 giờ tối. Sáng hôm sau, ông Trần Lệ Chất đến Tòa sứ rất sớm, mở tráp thu hết tài liệu cất giấu trong người rồi thay thế bằng sách và toa thuốc. Cuộc tra xét không đưa đến một kết quả nào. Mặc dù thế, vẫn có công điện của Tòa Khâm sứ Huế ra lệnh cho Công sứ Garnier phải đóng cửa Dục Thanh Nghĩa thục".

Tình cảm và những giá trị nhân văn của Người để lại cho đồng bào Bình Thuận

Trên quãng đường 30 năm gian khổ đi tìm ánh sáng cho dân tộc, Bác Hồ chỉ dừng chân ở Bình Thuận một thời gian ngắn, trong đó có thời gian Người làm giáo viên ở trường Dục Thanh. Vậy những giá trị nhân văn cao cả, tư tưởng đạo đức của Người đã phát tiết, bộc lộ như thế nào ở lứa tuổi 20, mà con cháu chúng ta hôm nay xem đó là những bài học và tình cảm vô cùng quý giá mà Người đã để lại cho đồng bào Bình Thuận.

**** Tấm lòng yêu nước, thương dân***

Yêu nước thương dân là truyền thống đạo đức tốt đẹp của dân tộc ta. Truyền thống ấy được xây dựng, bồi đắp và tiếp nối suốt hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước, đã thấm vào trong từng gia đình, và mỗi người dân Việt Nam.

Bác Hồ được sinh ra và lớn lên trong một gia đình nho sỹ nghèo, lại phải sống trong hoàn cảnh nước nhà đã bị thực dân Pháp đô hộ, đồng bào bị đẩy vào con đường bần cùng, đói khổ, chết chóc, một cổ hai tròng...

Người được học chữ Nho từ bé, thường đi với cha (cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc) nên cũng biết có nhiều cuộc nổi dậy hưởng ứng phong trào Cần Vương, nhiều cuộc vận động chính trị

cải cách tiến bộ, nhưng do chưa có đường lối đúng đắn, chưa huy động được đông đảo nhân dân tham gia nên đều bị thất bại.

Người đã đọc nhiều sách báo và những tác phẩm kinh điển tiến bộ của các nhà khai sáng Trung Hoa và Tây Âu... nên bước đầu đã có suy nghĩ đúng đắn về những cụm từ "tự do - bình đẳng - bác ái" và từng bước nảy sinh ý tưởng sẽ tìm con đường cứu nước theo phương pháp riêng của mình, dù lúc bấy giờ nó rất mơ hồ, nhưng sau đó không lâu đã trở thành định hướng để Người quyết tâm thực hiện lý tưởng và hoài bão của mình sau này.

Để có thể truyền đạt những ý tưởng tốt đẹp, Người đã chọn "một nghề cao hơn tất cả mọi nghề" đó là nghề thầy giáo trong một hoàn cảnh hết sức ngẫu nhiên, cho nên khi đến trường Dục Thanh, làm giáo viên chuyên dạy quốc ngữ, bài học đầu tiên của Người là truyền đạt cho học sinh: "Bài ca ái quốc" để hun đúc tinh thần yêu nước trong giới trẻ ở Phan Thiết.

Là người Việt Nam yêu nước, ngay từ đầu Người đã tự xác định, yêu nước thì không thể không hiểu biết về lịch sử truyền thống của cha ông, không thể không hiểu biết về địa lý, cương vực biển trời của Tổ quốc thân yêu. Vì vậy, trong suốt thời gian dạy học tại trường Dục Thanh, Người đã chủ tâm uốn nắn nhận thức bảo thủ phong kiến về hai chữ Trung - Hiếu cho học sinh. Theo Người, thì trung hiếu có nghĩa là phải tận trung với nước, tận hiếu với dân. Trung phải đi đôi với Hiếu. Nam nữ cũng phải Trung - Hiếu như nhau, không trung hiếu mù quáng với những ông vua bán nước, hèn nhát, đầu hàng kẻ thù.

Đã yêu nước thì phải biết yêu quê hương, không yêu quê cha đất tổ thì làm sao yêu nước? Yêu quê hương phải yêu từng ngọn cỏ lá cây, bờ làng, góc phố, phải biết giữ gìn những truyền thống văn hóa của dân tộc.

**** Học, học nữa, học mãi***

Vũ trụ bao la còn biết bao điều bí ẩn, trong lúc kiến thức của con người về nó rất hạn hẹp. Để thực hiện được ý tưởng cao đẹp, Bác Hồ phải tranh thủ trong mọi hoàn cảnh tự nâng cao sự hiểu biết cho mình.

Từ một học sinh bậc trung học, Người trở thành một lãnh tụ thiên tài, một nhà văn hóa kiệt xuất, nói và viết được 12 thứ tiếng(1) nước ngoài.

Trong thời gian dạy học ở trường Dục Thanh, Người tranh thủ học thêm tiếng Pháp ở thầy Hải, tập đánh mooc-xơ cùng thầy Của, tranh thủ tham khảo những sách quý của cụ Nguyễn Thông để lại tại Ngọa du sào... Người không giấu dốt, cái gì chưa biết thì tìm thầy mà học, học ở người hiểu biết hơn mình và cả người ít biết hơn mình, theo hướng "năng nhặt chặt bị, tích thiểu thành đa..." không bao giờ, tự mãn. Người thường tự răn mình: "Muốn nên sự nghiệp lớn - Tinh thần càng phải cao". Và chính đây cũng là bài học mà Người đã để lại cho con cháu chúng ta hôm nay, muốn thành người có ích thì trước hết phải học, học nữa và học mãi cho đến cuối cuộc đời...

**** Biết yêu thương và tôn trọng con người***

Yêu thương con người là phẩm chất đạo đức cao đẹp nhất để thể hiện mối quan hệ giữa người với người trong xã hội. Trong

---

(1) Hồ Chí Minh- con người bình thường và người cộng sản kiệt xuất (J. StenSon- nhà nữ Sử học Mỹ).

thời gian dạy học ở trường Dục Thanh, thầy Thành thường tranh thủ đi thăm nom và tìm hiểu cuộc sống của ngư dân. Thái độ dung dị, khiêm tốn của Người đã được bà con nghèo xóm Cồn Chà cảm mến và đã đưa Người lên ghe chà ra biển để được "ăn cá nục giãy đành đạch" nấu chua với me, hành, ớt...

Trong mối quan hệ thầy trò, thái độ ứng xử với học sinh của Người khác hẳn các thầy khác: không la mắng học sinh khi phạm lỗi mà nhẹ nhàng giải thích động viên. Người đã cùng ăn, cùng ở, cùng lao động với học sinh nên tình cảm giữa thầy và trò ngày càng gắn bó. Nhờ đó mà Người mới hiểu được tâm tư của học sinh, mới nắm bắt được trình độ hiểu biết của học sinh để giúp đỡ nâng cao nhận thức. Người giỏi chữ Nho nên nắm vững: "Dưỡng bất giáo, phụ chi quá. Giáo bất nghiêm sư chi đọa" (Nuôi con không dạy là lỗi ở cha. Thầy dạy không nghiêm là lỗi ở thầy). Vì vậy mà tình cảm yêu thương kính trọng vẫn còn giữ mãi trong lòng các học trò của Người sau 70 năm xa cách.

**** Đạo đức làm người***

Đạo đức như gốc của cây, như nguồn của suối, là nguồn nuôi dưỡng và phát triển con người. Đạo đức thể hiện toàn diện trong 3 mối quan hệ: với mình, với người, với công việc.

Đạo đức của Người là: "Khổ trước thiên hạ, vui sau thiên hạ". Người ra đi chỉ với một khối óc và một trái tim chứa đầy nhiệt huyết. Sở dĩ Người đi được xa và đến đích trước hơn những người khác là nhờ ở sự thông tuệ và kiên trì của Người và không hề tính toán cá nhân. Phẩm chất của Người là giản dị và lão thực.

Phẩm chất đó được toát ra từ khi Người đặt chân lên con đường cứu nước. Trong suốt thời gian Người dạy học ở trường Dục Thanh, phẩm chất ấy được thể hiện rất rõ trong mối quan hệ với mọi người xung quanh.

Tấm gương đạo đức của Người là tấm gương của một vĩ nhân, nhưng đồng thời cũng là tấm gương đạo đức của một người rất đỗi bình thường, nên ai cũng có thể học tập và làm theo được.

Cuộc sống của Người là cuộc sống hiến dâng trọn vẹn. Tình thương của Người vô cùng bao la, dành cho tất cả mọi người hôm nay và con cháu mai sau.

Phần thứ hai

BÁC HỒ với quê hương Bình Thuận

TỐ HỮU

Tặng Bình Thuận

Thuở xưa Bình Thuận đất cằn khô
Khát nước như người khát tự do
Sôi sục Dục Thanh, vang tiếng Bác
Gian nan cách mạng dựng cơ đồ
Biển bạc, thuyền khơi ngời cá, mực
Sông Quao, núi bọc, biếc lòng hồ
Đức Linh, lúa ngập thơm cơm mới
Mũi Né, vàng phơi, đẹp sóng xô
Nguồn nước nào trong hơn Vĩnh Hảo?
Nghĩa tình Bình Thuận ngọc nào so?

Phan Thiết 11/7/1999

HUY CẬN

Những cột bồm cao

(Kính tặng đồng bào Thuận Hải)

Gió nâng buồm, được gió buồm bay
Thuyền về Thuận Hải cá tôm đầy
Biển mênh mông nắng, chiều hè thịnh
Xanh biếc trời xanh, trắng đóa mây

Những cột buồm cao trụ với trời
Bao năm địch phá, những con người
Kiên gan bám đất làm ra gió
Rồi một mùa xuân bão dậy rồi…

Trường Dục Thanh vang vọng vẫn nghe
Tiếng thầy Thành dạy trẻ xưa kia
Bác ơi, nước mất đau lòng Bác
Bác gọi lòng dân, nước lại về

Những người đi, da rám hồng nâu
Như vốn phì nhiêu đất bạc màu
Dày đất, cao trời và rộng biển
Đời ta thơm mát tựa hương cau.

Phan Thiết, 27-7-1985

HOÀNG TRUNG THÔNG

Phan Thiết

Tôi chưa bao giờ đi trong thành phố nào
Ngay ở thành phố quê tôi
Mà lộng gió biển khơi
Mà sực mùi biển mặn
Biển xanh thẳm, trời cũng màu xanh thẳm
Thành phố trong ấm áp vị đời

Ôi Phan Thiết tôi từng gọi thiết tha
Hai tiếng đó
Từng gọi tôi mặn mà
Tôi chưa đến mà tôi đã đi
Tôi nghe gì
Sóng biển
Tôi nghe gì
Lưu luyến
Tôi nghe gì lòng tôi
Rung trong chiều chơi vơi
Rung trong sóng
Rung trong mộng
Tôi say trong vị mặn vị đời

Dọc theo những con đường
Tôi đi
Cây cối thầm thì
Phố phường thỏ thẻ
Ngọa du sào ơi
Tôi bước nhẹ
Tôi đi
Bên dòng sông Cà Ty

Tôi đã đi, như ngày xưa chắc Bác đã từng đi
Nước trong màu biển biếc
Thuyền cá đỗ, thuyền chài Phan Thiết
Nơi Bác nhìn sông, nhìn biển, nghĩ suy
Tôi chưa bao giờ đi trong thành phố nào
Mà lòng mình nao nao
Như một thuở tâm hồn mình xao động
Ngọn gió chiều ngọn sóng xôn xao

Ban đêm tôi nhìn ra dòng sông, nhìn ra biển cả
Ánh đèn trên mặt nước mê ly
Tôi mới đến lần đầu, ôi Phan Thiết
Nơi Bác Hồ từng dạy học, Bác ra đi…

Tháng 5-1977

BẢO ĐỊNH GIANG

Bầu trời Phan Thiết sao đêm sáng

Đã lâu chưa lại thăm Bình Thuận
Viếng "Ngọa du sào" viếng "Dục Thanh"
Rời Bến Nhà Rồng ra biển lạ
Chắc Người nhớ lắm đất Phan thành

Mỗi bước Bác đi, nơi Bác đến
Dân không quên, Bác cũng không quên
Làm sao quên được đời dân khổ
Dân khổ một trăm, Bác khổ nghìn

Nguyễn Thông ngao ngán việc triều đình
Mài mực làm thơ đêm trắng canh
Trường học Bác Hồ - Trường học lớn
Gửi tình yêu nước đến môn sinh

Chặng đầu cất bước cuộc trường chinh
Nghĩ tới giang sơn, chẳng nghĩ mình
Rét mướt trời Âu, manh ảo mỏng
Tù đầy không nguội chí bình minh

"Gạo đem vào giã bao đau đớn
Gạo giã xong rồi trắng tựa bông" (.)
Nơi ngục tối mơ màng giấc ngủ
Trong mơ thấy hiện ngọn cờ hồng (. .)

Về lại chốn xưa thăm lớp cũ
Cây vườn xuân đến lá xanh cành
Bầu trời Phan Thiết sao đêm sáng
Ở Dục Thanh mà nhớ Dục Thanh.

Xuân 1997

(.) Thơ Hồ Chủ Tịch - Nhật ký trong tù, lời dịch

(. .) Ý của Bác trong một bài thơ ở Nhật ký trong tù (VNBT số 45 - 46, tháng 1 - 2 1997 tr5)

GIANG NAM

Thăm trường xưa Bác dạy

Ghế này xưa, Bác ngồi đọc sách
Căn gác này, Bác thức thâu đêm
Cây che mát những trò chơi tuổi trẻ
Màu hoa vàng như mặt trời lên

Sông Cà Ty nước lớn, ròng hai buổi
Gió mặn khơi xa năm tháng đổ về
Nơi Bác dừng chân có lời ru của biển
Có mẹ nghèo vất vả sớm khuya

Phan Thiết ơi, bao người còn nhớ
Bài học đầu tiên Bác dạy hiểu mình
Thuở đất nước như con tàu trong bão
Đâu hướng mặt trời và cửa biển niềm tin?

Có phải cát ở đây rất trắng
Như lòng dân chung thủy đợi chờ
Có phải trời ở đây rất rộng
Nên Bác nhìn thấy những bờ xa

Trường không giữ bước chân của Bác
Tuổi hai mươi khao khát câu trả lời
Bác còn đi, người học trò của đất
Hãy yên lòng nhé, Phan Thiết ơi!

Động Thiềng Đức, xưa in bóng Bác
Phường Đức Nghĩa nay đỏ một rừng cờ
Ôi hạt cát li ti mà rất khỏe
Đã thành xóm làng và cuộc đời ta

Cái tuổi lên mười ham chơi quên học
Càng nhớ nhiều thầy cũ, trường xưa
Mái tóc bạc đã mấy mùa cay đắng
Ngược thời gian, chuyện vẫn chuyện bây giờ

Tất cả vẫn như ngày có Bác
Hoa nở vàng, cánh cửa khép mong manh
Sông Cà Ty, bầu trời xanh, gió mặn
Và thủy chung trong suốt tấm lòng dân.

PHAN MINH ĐẠO

Thăm trường Dục Thanh

Tôi thắp nén hương tỏa khói ngà
Bồi hồi nhớ Bác cõi tiên xa
Dừng chân dạy học ươm hồn trẻ
Định hướng tìm phương cứu nước nhà

Tôi đứng lặng yên dưới mái trường
Nhà Ngư, thảo bạt phủ phong sương
Vẳng nghe tiếng Bác vang vọng mãi
Trang sách học trò đậm ngát hương

Tôi đi dưới bóng mát tươi xanh
Cây khế trăm năm vẫn ngọt lành
Giếng nước khung trời trong như ngọc
Tưởng chừng bóng Bác mộng hồn quanh

Tôi vỗ tay reo đón Bác về
Vui cùng con cháu mái trường quê
Hạt giống Bác gieo ngày xưa ấy
Bốn mùa hoa trái nở sum suê.

LÊ NGUYÊN NGỮ

Thăm di tích nơi trường xưa Bác dạy

1.

Con lần theo thương nhớ biết bao người
Chợt bắt gặp nhớ thương mình ở đó
Khu di tích là một ngôi trường nhỏ
Ngồi ghế học trò xúc động hóa thành thơ

2.

Phan Thiết ngày xưa không giống với bây giờ
Sông vặn nỗi đau dài qua thị xã
Ngang trường học từ chương êm ả quá
Dòng nước buồn cau một nỗi tang thương

Cái học vừa rời thi Hội với thi Hương
Lại gặp phải "văn minh bảo hộ"
Giữa cái ách hai tròng chen một cổ
Chữ nghĩa như cây giữa ngục mọc thầm

Dòng thời gian chạy dài gần thế kỷ hờn căm
Áo mão cân đai buồn tàn thu lá úa
Chiếc lá mục trên sông Cà Ty ngập ngừng không trôi nữa
Dợm thấy đại dương vỗ mạnh sóng cao trào

Phan Thiết chìm đêm mất ngủ xanh xao
Gót giầy đinh khua khô đầu góc phố
Chiếc cáng đến công môn chưa đổ
Tiếng lính lệ đã quát dân khúm núm trước huyện đường

Chữ nghĩa co sau chiếc cổng trường
Đâu thấy sông Cà Ty trôi
Cánh buồm trăm miếng vá
Cuốn vở học chấn đôi dính bìa dăm vẩy cá
"Văn chương không bằng xương cá mòi"

3.

Phan Thiết tối chìm chẳng một ngọn đèn soi
Như con thuyền không tìm ra bến
Ngôi trường nhỏ một hôm Người đến
Cây khế sau vườn mừng trổ đỏ chùm bông
Trường vùi trong giấc ngủ mùa đông
Thức dậy theo chân thầy giáo trẻ
Bài thể dục đầu nơi ngôi trường nhỏ bé
Dạy lao động trước tiên lợi chính sức khỏe mình.

Thao thức tìm đường đất nước đến bình minh
Ngọa du sào đêm đêm
Ngọn đèn vẫn thức
Khuya ngoài sông tràn vào sương muối đặc
Vây giáo án thầy
Dân tộc hỏi đường ra?

Đêm ngoài vườn thoảng lại mùi hoa
Trăng giữa tháng nghiêng vào căn gác
Phải ra nước ngoài- không còn đường nào khác
Thang gỗ Ngọa du sào
Tiếng guốc xuống lại lên

Bộ bà ba trắng ngã bóng chân thềm
Dãy nhà Ngư tiếng học trò đã bặt
Thức dạo với Người là vầng trăng vằng vặc
Suy nghĩ theo Người sông gợn sóng mênh mông

Phía nhà Ngư lại sáng ngọn đèn hồng
Bên tiếng ngáy bao trò, thầy vẫn thức
Cây đèn nhỏ mấy lần khêu ngọn bấc
Khuya vẳng vô trường tiếng vỗ sóng triều lên

Bài giảng nào của Người cũng dễ nhớ, khó quên
Bởi bắt nguồn từ
Yêu quê hương dân tộc
Nằm sẵn trong lòng khỏi cần phải học
Thầy nhắc qua trò đã thuộc làu làu

Bài dạy không riêng trong lớp trong phòng
Những buổi dẫn học trò dạo chơi
Động Làng Thiềng trăng dải
Dăm nhà lá gió lùa nơi cuối bãi
Áo vá dân chài chen bến cá chiều hôm.
Những mẹ già khóe mắt rách chân chim
Những đồng bạc chui hầu bao đầu nậu
Bữa cơm chiều đèn lên chưa vội nấu
Còn chờ con hôi (*) cá mãi chưa về.
Những hình ảnh khắc sâu như một lời thề
Qua cái nhìn của thầy hóa thành bài giảng
Xã hội quanh mình là giáo án
Cho lớp học mở ra đụng bốn phía cuộc đời.

Nên, một sớm mai hồng
Thầy vượt sóng ra khơi
Trang giáo án lật qua
Gặp mênh mông bốn biển
Giờ đại bàng cất cánh bay đâu cần tiễn biệt
Kịp đưa chân Người
Gốc khế nở chùm bông.

4.

Năm tháng xưa hóa bài học thuộc lòng
Đăm đắm trong lòng dân thị xã
Thời gian trôi bằng cách nào, rất lạ
Qua cổng trường ngược lại gặp thành quen

Một lớp ngày xưa, phấn trắng với bảng đen
Giờ cả nước người thầy không đổi khác
"Sống học tập và làm theo lời Bác"
Khi con sinh ra cả nước Bác là thầy

Để bây giờ ngồi ghế học trò đây
Xã hội đi lên có bài con chưa hiểu
Trong cách sống mình còn sai, thiếu
Trước bàn thầy con thấy lại chính con

Chất độc khai quang hậu quả hãy còn
Chợ trời con buôn vẫn tòng tam tụ ngũ
Lao động một ngày thật tình chưa làm đủ
Phần độn tăng lên, con đã nghĩ lung rồi!

Cả nước máy, người không phí một phút trôi
Con đã để thời gian qua
Bằng cái nhìn hào phóng
Những bài học đáng nhớ đời
Lại quên đi mau chóng
Để bây giờ tấm bảng hỏi nhìn con

Vết thương chiến tranh lành chưa kịp da non
Thị xã lại thơm nồng mùi vôi vữa
Khu di tích nhìn ra
Cổng trường vừa mở cửa
Gặp sông xanh dâng bóng ngói đỏ rồi

Mái ngói âm dương cửa trường lượn dưới trời
Nỗi nau nức không thôi
Thị xã lớn như người đương sức trẻ
Khu di tích là trái tim đập nhẹ
Hướng máu tỏa đi theo di chúc của Người

Đất nước đi lên theo hướng mặt trời
Khu di tích là trái tim màu đỏ
Bao thương nhớ chảy dồn về nơi đó
Thị xã lại chia đều sức sống đập từ tim

Ơi màu đỏ cờ bay tha thiết mắt con nhìn!
Tiếng ghe máy thả sâu vào lòng phố
Chiếc tháp nước phả xuống sông màu đỏ
Triều dợn lên, phấp phới bóng cờ bay.

5.

Khu di tích con vào
Trời đẹp sáng hôm nay
Thèm cặp sách đến trường như thuở nhỏ
Rù rì ong bay thành lời của gió
Sân gạch rêu xanh ấm nắng tháng năm vàng

Tiếng ve trường rả rích, râm ran
Chợt im bặt như mùa hè về nghỉ
Lại rả rích kêu cuối hàng phượng vĩ
Rồi bỗng im, lòng lắng lại nhớ thương

Giếng nước xưa vẫn như cũ sau trường
Năm tháng đi qua để lại vầng mây trắng
Lớp rêu phủ bên trong thành đá nặng
Giữ lại hoài tiếng lật bật gàu qua

Nước giếng vẫn trong và ngọt thiết tha
Gửi lại cho đời mạch trào, mạch nhớ
Người gửi lại cho Trường nỗi lòng trăn trở
Của buổi lên đường theo tiếng gọi núi sông

Tàu kéo neo năm ấy cảng Nhà Rồng
Gửi lại sóng, sông trước trường vẫn vỗ
Con vào đây biển chồm theo nỗi nhớ
Cửa sổ Ngọa du sào
Ngọn gió vẫn vào ra.

*

Khu di tích sáng nay
Thầy như mới vắng nhà
Bộ ván hơi Người còn ấm chìm trong gỗ
Nắng tháng năm trải chiếu dài vô ngạch cửa
Cánh mai vàng rung nhớ bóng Người qua

Giải phóng miền Nam rồi, thầy đã đi xa
Cây khế sống trăm năm chờ ngày thống nhất
Nỗi mơ ước đón Người thăm lại gốc
Năm cánh trái xanh mong chín tới cạnh vàng

Khu di tích con vào
Ve đã gọi hè sang
Mừng sinh nhật thầy phượng dâng ngàn cánh đỏ
Lớp tuổi chúng con như học trò ngoại khóa
Bài võ lòng đầu tiên
Là mãi mãi nhớ ơn Người
Con gọi thầm trong lớp:
Bác Hồ ơi!

Phan Thiết, mùa sinh nhật Người -1982

(*) Chỉ hành động trẻ con giật cá ở vùng biển.

LÊ NGUYÊN NGỮ

Dòng sông bên tượng Bác

Rồi bất ngờ nơi một khúc quanh
Bác lặng đứng bên bờ nhìn ra biển
Lũ trẻ quây quần dưới chân quyến luyến
Biển mênh mông theo tầm mắt Người nhìn

Chiều sông xanh dẫu vắng những cánh buồm
Cầu cũng chấm hai đầu cong hò hẹn
Ngọa du sào
mùa xuân
cánh én
Bay từ mặt nước sông lên...

Chiều hạ về, không gian xanh thêm
Sau lưng Bác ráng trời còn sắc đỏ
Người đứng đây
hồng hào nỗi nhớ
Giữa bốn bên ồn ã chuyện đời thường

Giữa bốn bên đổi mới- những con đường
Đường ngược, đường xuôi, đường ngang, đường tắt
Mặt trời hết sau lưng rồi trước mặt
Ngày lại ngày, hướng Bác - Mặt trời lên

Ôm ấp đôi bờ, Cà Ty chẳng quên
Nghe biển vỗ, nhớ sấm nguồn chảy chậm
Bóng Bác hồng, sóng thì xanh thẫm
Nước xa nguồn…
Bốn biển chảy về đâu?
Để nhớ thương ngơ ngẩn mấy chiếc cầu…

Phan Thiết, 1989

ĐỖ QUANG VINH

Bác Hồ ơi ! Phan Thiết vẫn đợi Người

Bác là "Người Thầy của cách mạng Việt Nam"
Ấy là lời ta tự nói với nhau, chứ lúc sinh thời
chưa bao giờ Bác nhận
Nhưng cách đây gần chín mươi năm,
tại trường Dục Thanh - Phan Thiết
Bác đã dừng chân làm Thầy giáo Nguyễn Tất Thành

Chỉ giữ tuổi tên Người trong ký ức thôi ư?
Dân Phan Thiết không đành
Hơn thế nữa sẽ muôn vàn đắc tội
Không chỉ với dân tộc mình mà với cả nhân dân toàn thế giới
Không chỉ với Thầy giáo Nguyễn Tất Thành
Mà với lãnh tụ thiên tài - vị anh hùng dân tộc
và danh nhân văn hóa Hồ Chí Minh

Bác khắc sâu trong trái tim mình
Hình ảnh người dân nghèo Phan Rang
bị chết đuối một cách thương tâm

Trong khi giặc Pháp đắc ý nhìn nhau, cười sặc sụa
Nên khi đến Đa- Ca gặp lúc bể cồn, sóng dữ
Bác đau đáu dõi theo số phận những người nô lệ da đen
bị nước cuốn, mãi không về

Dấu chân Người in đậm ở trăm quê
Gắn bó với phu phen, thợ thuyền; gần gũi yêu thương
những xóm nghèo lao động
Phan Thiết xưa - cái phố biển miền Trung
với những mái nhà chồ xác xơ, vặn mình trong gió lộng
Làm sao có áo ấm, cơm no khi dân sống kiếp lầm than,
nô lệ, cổ hai tròng...
Thời thanh niên Bác đã có gì đâu, ngoài một trái tim hồng
Luôn cháy bỏng tấm lòng yêu nước
Những cảnh ngộ đau thương Người chứng kiến tận mắt mình
Ở Huế - Thừa Thiên, Quảng Ngãi, Quảng Nam,
Quy Nhơn, Bình Định...
Như lửa nấu nung thêm khát vọng: "tìm đường..."

Từ giã làng Sen, còn nghe vẳng bên tai câu hát xưa:
"...Làng Sen...cơm ít, cháo nhiều..."
Bác ra đi tìm con đường cứu nước
Con đường dắt toàn dân ta vững bước
Quật ngã đế quốc, thực dân, giành lại nước non mình

Đó là cuộc hành trình khai thông cho mọi cuộc hành trình
Trong quá khứ chưa có lời giải đáp
Bác là người mở lối, cầm chèo; thuyền cách mạng
theo Người về tới đích
Đi suốt cuộc trường chinh, Tổ quốc đẹp tên Người

Bác đi đến tận cùng đau thương để cả nước gặp nụ cười
Bạn bè bốn biển, năm châu nhớ Người
hành hương về tận Ba Đình viếng Bác
Bao giọng nói, màu da, đầu xanh kề tóc bạc
Mong vẽ lại chân dung người Cộng - sản - Bác - Hồ

Trong nỗi đau chung không được gặp Người của miền Nam
có nỗi đau riêng xé lòng của người dân Phan Thiết
Mái trường xưa Người tạm biệt, vẫn mong hoài
Dẫu biết Bác sống vĩnh viễn với non sông,
Bác muôn đời bất diệt
Sao Phan Thiết vẫn đợi người trở lại, Bác Hồ ơi!

Phan Thiết, 1999

PHẠM TƯỜNG ĐẠI

Bên tượng Bác

(Kỷ niệm ngày thăm trường Dục Thanh- Phan Thiết)

Trăng rọi mái trường mây trắng phủ
Lung linh bóng Bác dưới khung trời
Chúng con xích lại gần chân tượng
Như vẫn còn nghe Bác giảng bài

Bác đứng nhìn con, con ngắm Bác
Nhấp nhánh chòm râu ngỡ Bác cười
Hoa bỗng nở hồng đêm Phan Thiết
Thơm tho mảnh đất ấm hơi Người.

5-1991

NHẤT LIÊN HƯƠNG

Đêm giao thừa nhớ Bác

Đêm nghe tiếng pháo giao thừa
Bỗng đau nỗi nhớ những ngày xuân nao
Lời thơ Bác vút trời cao
Chúc xuân đất nước dạt dào tình thương

Lời thơ Bác quyện khói hương
Ngát thơm Tổ quốc, kiên cường trái tim
Bác ơi vững một niềm tin
Theo lời Bác dặn, thác ghềnh con qua

Giờ đây đời đang nở hoa
Pháo xuân thay pháo tầm xa năm nào
Giờ đây vươn tới đỉnh cao
Đón nghe thơ Bác mà nào ...thơ đâu!?

Phải chăng tiếng Bác năm nào
Con nghe vang giữa chiến trường thảo nguyên
Bác ơi thao thức trăm miền
Đêm nay thương nhớ chong đèn... chờ thơ!

Phải chăng thêm đẹp câu thơ
Xác thân Bác muốn thành tro dâng đời (*)
Giao thừa, nhìn đất nhìn trời
Trên cao bóng Bác chợt ngời ánh xuân.

(*) Trong di chúc Bác có đề nghị hỏa táng khi Bác mất

NHẤT LIÊN HƯƠNG

Xin Bác ngủ yên

Bác nằm ngoài ấy không xa
Trái tim Bác vẫn nở hoa tháng ngày
Bác nằm, giấc ngủ chưa say
Phải vì dân, nước mà đầy nỗi lo?

Năm xưa con mãi hẹn hò
Thơ chưa kịp viết, bến bờ chia ly
Để rồi khóc Bác ra đi
Cầm di chúc nhớ những gì Bác khuyên

Bắc Nam khăng khít vùng lên
Non sông thống nhất mà nên cơ đồ
Nhớ nhung năm tháng ước mơ
Được gần, nhìn Bác mà giờ có đâu!

Xuân về đất nước xôn xao
Mừng vui cũng lắm, nỗi đau cũng nhiều
Bác ơi, trăn trở sớm chiều
Gập ghềnh lối ngõ thương nhiều quê hương

Theo lời Bác, vượt dặm đường
Trồng hoa hạnh phúc, mở đường ấm no
Xênh xang, áo mũ lắm trò
Nhớ đôi dép lốp thẫn thờ hồn con

Đời con chẳng ngại mất còn
Phong ba bão táp vẹn tròn trái tim
Giờ đây xin Bác ngủ yên
Bác ơi sông núi lửa thiêng bập bùng!

CẢNH TRÀ

Về Dục Thanh

Hôm nay về đến Dục Thanh
Trời xanh Phan Thiết mát lành gió xuân
Bâng khuâng hoa sứ trắng ngần
Sương đầm ngõ cát bước chân bồi hồi.

Rêu phong mái ngói tường vôi
Bóng xoài nghiêng xuống ghế ngồi bên hiên
Tiếng chim rót xuống cành mềm
Lặng nhìn nắng trải trước thềm xôn xao.

Lòng con nhớ Bác thuở nào
Sớm trưa từng đã ra vào nơi đây
Áo nâu khoác tấm vai gầy
Cao cao dạo dưới bóng cây vườn trường.

Mắt người nặng nỗi yêu thương
Bàn chân guốc mộc Bác thường vẫn đi
Bao lần ra bến Cà Ty
Lắng nghe con sóng rầm rì trên sông.

Nước non canh cánh bên lòng
Bao đêm trăng xuống trên sông ghé nhìn
Trầm tư vầng trán còn in
Như ngôi sao thắp niềm tin giữa trời

Lòng con thầm gọi: Thầy ơi!
Cho con được khóc ở nơi trường này
Dục Thanh từ ấy đến nay
Vẫn nghe lời Bác đêm ngày bảo ban.
Con về giữa lúc xuân sang
Giọng chim như tiếng trẻ đang học bài.

THU LÂM

Bác ơi

Bác ơi!...
Bác mất thật rồi sao?
Trời bàng hoàng, nức nở những vì sao...
Lòng đất chuyển rung...
cây cỏ nghẹn ngào!
Ôi ruột thắt!
Tim như ngừng đập!
Như mất mẹ, con nhìn về phương Bắc
Bồi hồi thầm gọi...
Bác nơi đâu?!
Công ơn Người như biển rộng trời cao
Con nhớ nỗi nhục đau mất nước
Có Bác về...
đời hồng lên phía trước
Cây đâm chồi
nảy lộc
đơm hoa...
Bác chắp cho con đôi cánh bay xa

Biết ghét

biết yêu

thương người cùng khổ

Biết "trợn mắt khinh thường nghìn lực sĩ

Và cúi đầu làm ngựa các nhi đồng" (*)

Niềm ước ao khắc khoải chờ mong

Được đón Bác về Nam

sau ngày giải phóng

Ôi Bác mất...! Đại dương trào cuộn sóng

Trường Sơn buồn...nức nở thương đau!

Nhớ đến Người

con gạt lệ bước mau

Vũ khí trong tay, vâng lời di chúc

Chiến thắng hôm nay

con mang trong.tim hình Bác

Nhịp bước hành quân...

Con vượt núi sông dài...

Thu 1969

(*) *Hoành uy lãnh đối thiên phu chỉ*
Thủ phủ cam tâm nhạ tử ngưu (Lỗ Tấn 1881-1936)

THU LÂM

Một sớm Dục Thanh

Nghe đêm thao thức giục tinh sương
Nhè nhẹ đường vui bước đến trường
Giản dị áo nâu, ôi! Bóng Bác
Nhà Ngư - lững thững bước ra vườn

Nắng hòa cánh đỏ mùa phượng nở
Bồi hồi hàng ghế đá, Thầy đâu?!
Dấu phấn mờ mờ trên bảng gỗ
Bài giảng cuối cùng, ngày ấy....Người đi?

Mỗi di vật cùng không gian thủ thỉ
Người về đây, đau nỗi đau quốc sỉ
Dân còng lưng, đất nước mãi mịt mùng
Sao ngang trời, chưa tỏ- hướng mông lung

Giáo án cho trò in trong sử sách
Đáp án cho thầy không một chữ ai ghi
Cứu nước, phương trình không công thức
Lật mãi suy tư và tri thức...

Bàn độc hỏi dĩa dầu: thay mấy bấc?
Ván chửa ấm hơi, ngơ ngác...bước chân đi
Trăng vẫn thức lén dòm song ỷ nguyệt
Cho câu thơ gieo vần xướng:
Hướng Người đi
Vang vọng gì giếng hẹp lộng trời xanh?
Bát ngát trùng dương cuồn cuộn sóng
Buồm trắng bấc về căng gió lộng
Hải âu dang cánh thẳng chiều bay

Phan Thiết, mảnh đất miền cát bỏng
Cánh bản lề giao tiếp ngoài trong
Luôn ngửa mặt đón Đông, Tây gió lộng
Cà Ty xanh, biển bạc khơi dòng

Đây, miền "tụ địa" của sĩ phu yêu nước
Đất tụ nghĩa Cần Vương thuở trước
Sóng Duy Tân sớm mọc mấy Liên Thành
Chữ "Đất này" trong đáp án Thầy Thành?

Tự hào thay Phan Thiết có Dục Thanh
Đâu phải ngẫu nhiên mà tất yếu
Giàu phù sa ắt mùa vàng hạt trĩu
Nơi đây từng nâng bổng cánh chim bằng

Bước đi Dục Thanh
Dặm dài về Pắc Bó
Bàn gỗ viết giáo trình cho trò nhỏ
Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng Tháng Mười
Cả nước tựu trường
Người mãi mãi trồng người

Bác đi, nôi mẹ chưa kịp ru con
Bác về, con hát vang khúc ca cứu nước
Học Thầy Thành mơ trong mơ, ao ước
Hạnh phúc, con vào trường Tháng Tám buổi bình minh
Với người thầy vĩ đại: Hồ Chí Minh

Tự hào thay Phan Thiết nở Dục Thanh!
Rạng rỡ Dục Thanh có Thầy Thành
Soạn giáo án tìm dáng hình đáp án
Biển xanh lộng lẫy bóng trời xanh

Phan Thiết - Dục Thanh ôi! Da diết
Lòng con mong bước mẹ ngày ngày
Động Làng Thiềng in dấu chân Người trên cát
Ghềnh đá trăng lên lấp ló đợi chân mây
Biển bạc lòng con nuôi lớp sóng
Dạt dào đưa buồm trắng lướt ra khơi

Con nục, con thu truyền nhau, dặn nhỏ:
Những cội chà năm ấy, đón Người chơi
Sông Cà Ty nâng niu dòng bến tắm
Cây khế già đếm quả tính ngày xa

Lấp loáng sông xanh đầy nắng ấm
Hoa trong hoa, ríu rít tiếng chim cười
Bác về đây ! Ôm chầm Bác, reo vui…

Mùa hè 1989

TRƯỜNG GIANG

Qua cầu Dục Thanh

Sáng sáng đi dạy học
Tôi qua cầu Dục Thanh
Sông Cà Ty in bóng
Dừa xanh và trời xanh

Bên cầu, trường Dục Thanh
Xưa Bác Hồ dạy học
Những dãy bàn hiền lành
Ngọn đèn khuya trần trọc

Những học trò xưa đâu
Tượng đài- tay Bác vẫy
Dáng Thầy Thành năm ấy
Vững chãi chấp thời gian

Vườn trường, hoa vẫn nở
Gió lật vở hàng ngày
Con cháu nay lớp lớp
Vẫn lắng nghe tiếng Thầy…

Trên từng trang từng trang
Nghĩa cuộc đời gợi mở
Theo từng dòng từng dòng
Thầy Thành luôn nhắc nhở

Mỗi lần qua Dục Thanh
Trường xưa luôn ngỏ cửa
Tôi trở về tuổi nhỏ
Ước được nghe tiếng Thầy...

Phan Thiết, 1987

CẨM HÀ

Gài lên búi bông hoa

Mang theo nắng mùa thu
Anh đi vào Đại hội
Như vào mùa gặt hái
Gieo hạt giống mùa sau

Đất vốn đã phì nhiêu
Lại dày công vun xới
Nên lứa đầu hoa trái
Đã chín ngọt mùi hương

Anh chọn đóa cúc vàng
Cho em, ngày Đại hội
Buổi lên đường anh gửi
Cành cúc tím cho em

Theo tiếng lá thì thầm
Mưa lọc thành dòng sữa
Nắng ủ từng lớp nhựa
Gió êm ả lời ru...

Mang theo nắng mùa thu
Ta đi vào Đại hội
Chút mây mù sót lại
Nắng sớm sẽ xua tan

Xưa Bác Hồ phê văn
Hoa rừng soi nghiên mực
Nay ta xin phép Bác
Gài lên bút bông hoa.

Tháng 9-1986

HUY SÔ

Nhìn về phương Bắc

Đứng trên chiến hào
con nhìn về phương Bắc
Bắc Đẩu đêm nay tỏa sáng diệu kỳ
Như mắt Bác
những tháng năm không ngủ
Để soi đường, dẫn lối chúng con đi...

Nối gót cha, anh
chân con bước tiếp
Tim nhịp hành quân
non sông ca hát
Trên những nẻo đường từ tim Bác
chim gọi bình minh

Chúng con đi
trùng trùng
điệp điệp
Lấy lửa chiến công viết trang sử học...

*

Đâu những ngày đói cơm, thiếu muối
gậy gộc tầm vông

Chúng con hôm nay
đủ pháo, đủ xe
sức như giông bão
Bốn biển reo mừng
chung hội tấn công...
Cây rừng trụi lá
đã trổ mầm non
Nhọn như lê xung kích
Chuẩn bị công đồn
Xóm làng trơ trụi
đã cất khăn tang
Mẹ lau khô đôi mắt
Em cầm súng đứng lên!

*

Đứng trên chiến hào
con nhìn về phương Bắc
Ôi vầng trán Bác
vừa rộng
vừa cao
Như thế giới đêm nay
lấp lánh triệu triệu vì sao!
Chiến trường hôm nay đã lên phía trước
Gọng kềm hôm nay
đã xây bằng thép!
Con đếm từng xác giặc
bằng viên đạn súng trường
Con nghe từng tiếng rú
trong địa ngục Tà Cơn!

Thuốc nổ ngàn cân con đà chực sẵn
Chờ lệnh xông vào san phẳng Bái Sơn!
Chân con sẽ đạp bằng Cồn Tiên, Dốc Miếu
Trời Đông Hà, cờ con phất cao hơn

Con sẽ dìm quân thù xuống sông Cửa Việt
Cho ba mươi mốt triệu dân ta thỏa nỗi căm hờn...!

*

...Con nhớ Bác
những tháng năm không ngủ
Từng tia tóc bạc óng ánh kim cương
là muôn ngàn suy nghĩ
Vì con
vì nước
năm Châu...
Vâng lời Bác
Con sẽ thành dũng sĩ
Từ chiến công đầu
con thắng tiếp trận sau
Mỗi giọt máu của con
sẽ đổi trăm xác giặc
Mỗi mũi tên lao sẽ chứa ngàn tấn thép
chấn động địa cầu...!

Đường Chín - Nam Lào, 07-5-1968

NGUYỄN NHƯ MÂY

Mùa Xuân ở Trường Dục Thanh

Mùa xuân ở trường Dục Thanh
Hoa và trái vẫn mát lành như xưa
Ngọa du sào thức giữa trưa
Vẳng đâu đây tiếng Bác Hồ đọc thơ

Mùa xuân là của ước mơ
Của khăn quàng đỏ dâng hoa tặng Người
Bác đang nghĩ đến cuộc đời
Ngày hôm nay đã hơn mười ngày xưa...

Mùa xuân, Bác lại đọc thơ
Bao nhiêu vần "Thắng" bây giờ là đây!
Non sông trọn một vòng tay
Cho Phan Thiết được gặp thầy Thành xưa...

Phan Thiết, 5-1993

VƯƠNG ĐẠI LỢI

Mùa Xuân nhớ Bác

Xuân Phan Thiết sân đình xưa Đức Nghĩa
Lễ giao mùa mai - sứ trắng thoảng hương
Lời chuông ngân điệu hiền hòa vương vấn
Trống âm vang cờ sao khắp phố phường

Trường Dục Thanh gần đình cao động cát
Dấu thời xa thầy giáo Nguyễn Tất Thành
Thường chủ nhật cùng học trò thăm viếng
Hướng tây - nam sông màu biếc non xanh

Từ dạo đó Thầy đi chưa trở lại
Tìm tự do đường cách mạng sáng ngời
Bác sống mãi cả cuộc đời vĩ đại
Như Thánh hiền đem hạnh phúc muôn nơi

Nhớ nguồn núi - sông Cà Ty - đình cổ
Trường Dục Thanh - giếng Bác - khế đơm hoa
Giờ Phan Thiết nét khang trang thành phố
Việt Nam xinh xuân tươi thắm thái hòa.

HUY ĐẠT

Nhìn trăng nhớ Bác

Đêm nay trăng sáng trên đầu
Nhìn trăng nhớ Bác lòng sâu sắc lòng
Vầng trăng bàng bạc mênh mông
Như lòng Bác trải khắp trong mọi nhà

Từ ngày Bác Hồ đi xa
Xòe tay bấm đốt mười ba năm tròn
Nghe bà kể chuyện nước non
Những năm tăm tối đâu còn vui trăng...

Bác về theo ánh trăng rằm
Trời thu xanh lại cho trăng sáng ngời
Bác đi để lại cho đời
Trung thu sáng mãi rạng ngời niềm tin

Đêm nay trăng sáng quê mình
Nhìn trăng nhớ Bác đậm tình nước non.

Trung thu, 1982

ĐOÀN THUẬN

Trăng và thơ Bác

Một mảnh trăng treo ngoài song cửa
Yên ả không gian, ngát hương đêm
Trăng nghiêng nghiêng tỏa trang giáo án
Trăng với thơ xưa gợi nỗi niềm.

Có phải ánh trăng rừng khuya vắng
Lắng "tiếng suối trong", lắng "ngàn hoa"
Và "Người chưa ngủ" đêm xưa ấy
Với nỗi lo chung: "Nỗi nước nhà".

Có phải ánh trăng trên sóng nước
Sáng một dòng xuân, một trời xuân
Và Người vẫn thức bàn việc nước
Nghĩ đến muôn dân giữa thuyền trăng.

Có phải ánh trăng ngoài ngục tối
Hay vào cửa sổ để đòi thơ
Nhà thơ khuya ấy đâu hờ hững
Nhưng chuyện non sông đang đợi chờ.

Biết bao đêm nữa, Người chưa ngủ
Suốt những canh thâu đợi ánh ngày
Năm châu, bốn biển, đầu điểm bạc
Vì nước, thương dân, lo ngày mai

"Trăng xưa hạc cũ" vẫn còn đây
Nhưng Bác đi xa đã bao ngày
Bao đêm nhớ Bác lòng thao thức
Với ánh trăng trong, sáng muôn đời.

1991

HIỀN AN GIANG

Bác về khai xuân

Tưởng rằng Bác đã đi xa
Nhưng không, Bác vẫn về nhà khai xuân
Cháu con già trẻ xa gần
Kéo về nô nức quây quần bên cha

Bác hỏi: "Cháu nào ở xa?
Đến đây Bác tặng bông hoa hồng đào
Cháu nào ở tít rẻo cao
Đến Bác cho gói thuốc lào đầu năm..."

Miền Nam ơi! Hỡi miền Nam
Bác hôn, Bác tặng bưởi cam Bác trồng
Đến đây đàn cháu nhi đồng
Ông nội cho kẹo ngồi vòng quanh ông

Bác về vầng trán mênh mông
Bác về nắng ấm chiến công theo Người
Bác về thơm cả đất trời
Bác về tỉnh táo thảnh thơi nhẹ nhàng

Bác về múc ánh trăng vàng
Tưới đồng tăng vụ thơm nàng lúa xuân
Bác về trống giục ra quân
Khai mương nước ngọt cây rừng dày thêm

Bác về rộn rã tiếng chim
Hải âu đón những cánh buồm ra khơi
Bác về nới rộng chân trời
Đất hoang lại ấm tình người chăm nom

Bác về trái Bắc cành Nam
Càng sâu tình Đảng, âm vang "Kết đoàn"
Bác về trọn vẹn nước non
Ba xuân hiển hiện dấu son chói lòa

Bác về đi đến từng nhà
Thăm trẻ hỏi già, Bác lại làm thơ
Bác về thỏa nguyện ước mơ
Cả nước lộng gió đỏ cờ tung bay

Mấy ngàn năm đất nước này
Đồi hoang đã hóa rừng cây ngút ngàn
Con đường hạnh phúc thênh thang
Bàn tay Bác vẫy xóm làng nở hoa

Em ơi! Dù Bác đi xa
Năm nào Bác cũng về nhà khai xuân.

1978

NAM HÀ

Trận tháng Năm

(Tặng đơn vị chiến thắng sân bay Phan Thiết)

Bác ơi! Tháng Năm ngày sinh của Bác
Chúng con lên đường đi lập chiến công
Phượng đã đỏ cả một trời Phan Thiết
Nắng Ba Đình quen với nắng phương Nam

Phan Thiết mà thời thanh xuân Bác đến
Thì vẫn như xưa, anh dũng, cần cù
Bóng Bác in sâu phố nghèo lao động
Tiếng Bác vẫn ấm trường Dục Thanh

Những phố phường, những làng chài ven biển
Mỗi đêm khuya lại gọi Bác thì thầm
Lửa vẫn đỏ từng trái tim ấp ủ
Mấy mươi năm vẫn một dạ trung thành

Ôi những cánh đồng, ôi những đường quê
Với những phố nghèo ngoại ô, lao động
Có phải nơi xưa chân Bác đi về
Mà đến hôm nay vẫn còn nóng bỏng

Bác về múc ánh trăng vàng
Tưới đồng tăng vụ thơm nàng lúa xuân
Bác về trống giục ra quân
Khai mương nước ngọt cây rừng dày thêm

Bác về rộn rã tiếng chim
Hải âu đón những cánh buồm ra khơi
Bác về nới rộng chân trời
Đất hoang lại ấm tình người chăm nom

Bác về trái Bắc cành Nam
Càng sâu tình Đảng, âm vang "Kết đoàn"
Bác về trọn vẹn nước non
Ba xuân hiển hiện dấu son chói lòa

Bác về đi đến từng nhà
Thăm trẻ hỏi già, Bác lại làm thơ
Bác về thỏa nguyện ước mơ
Cả nước lộng gió đỏ cờ tung bay

Mấy ngàn năm đất nước này
Đồi hoang đã hóa rừng cây ngút ngàn
Con đường hạnh phúc thênh thang
Bàn tay Bác vẫy xóm làng nở hoa

Em ơi! Dù Bác đi xa
Năm nào Bác cũng về nhà khai xuân.

1978

NAM HÀ

Trận tháng Năm

(Tặng đơn vị chiến thắng sân bay Phan Thiết)

Bác ơi! Tháng Năm ngày sinh của Bác
Chúng con lên đường đi lập chiến công
Phượng đã đỏ cả một trời Phan Thiết
Nắng Ba Đình quen với nắng phương Nam

Phan Thiết mà thời thanh xuân Bác đến
Thì vẫn như xưa, anh dũng, cần cù
Bóng Bác in sâu phố nghèo lao động
Tiếng Bác vẫn ấm trường Dục Thanh

Những phố phường, những làng chài ven biển
Mỗi đêm khuya lại gọi Bác thì thầm
Lửa vẫn đỏ từng trái tim ấp ủ
Mấy mươi năm vẫn một dạ trung thành

Ôi những cánh đồng, ôi những đường quê
Với những phố nghèo ngoại ô, lao động
Có phải nơi xưa chân Bác đi về
Mà đến hôm nay vẫn còn nóng bỏng

Chân ta đi gặp dấu chân Người
Ta bỗng thấy một trời cờ đỏ
Biển Phan Thiết dập dồn muôn sóng vỗ
Biển gọi về bao kỷ niệm Bác ơi!

Đêm nay! Ôi trời tháng Năm bốc lửa
Ở Ba Đình Bác vẫn thức cùng ta
Vầng trán mênh mông và cây chì đỏ
Bác lắng nghe ta mỗi phút mỗi giờ

Bác vẫn cùng ta đi vào trận đánh
Bác cho tâm hồn, Bác cho đôi cánh
Bác cho ta sức công phá diệu kỳ
Và con đường mang tên Bác ta đi

Đêm nay chúng con tiến vào Phan Thiết
Giặc Hoa Kỳ nêm chặt một sân bay
Chúng con quyết giáng một đòn tiêu diệt
Trận tháng Năm rung chuyển đất này

Chung con tiến lên dưới làn đại bác
Bác đến kia rồi! Thấy Bác vẫy tay
Cánh đồng cỏ bỗng bay hương ngào ngạt
Bác gọi ta rồi. Thưa Bác đêm nay

Nào hãy trào sôi như dòng thác dữ
Trống giục, cờ bay, xông lên đồng chí
Giặc Hoa Kỳ tan xác dưới chân ta
Lửa nổi mênh mông, mặt biển chói lòa

Biển đã gầm lên ngang trời sóng vỗ
Phan Thiết tưng bừng nổi dậy tấn công
Hoa phượng nở đêm hè thêm sắc đỏ
Tiếng hát cất cao bay lượn trăm vòng

Thắng trận trở về sao khuya chưa tắt
Trời tháng Năm thanh thản biếc trên đầu
Chiến công này chúng con dâng lên Bác
Bác đón kia rồi. Hãy vượt lên mau!

Tháng 5-1970

Chân ta đi gặp dấu chân Người
Ta bỗng thấy một trời cờ đỏ
Biển Phan Thiết dập dồn muôn sóng vỗ
Biển gọi về bao kỷ niệm Bác ơi!

Đêm nay! Ôi trời tháng Năm bốc lửa
Ở Ba Đình Bác vẫn thức cùng ta
Vầng trán mênh mông và cây chì đỏ
Bác lắng nghe ta mỗi phút mỗi giờ

Bác vẫn cùng ta đi vào trận đánh
Bác cho tâm hồn, Bác cho đôi cánh
Bác cho ta sức công phá diệu kỳ
Và con đường mang tên Bác ta đi

Đêm nay chúng con tiến vào Phan Thiết
Giặc Hoa Kỳ nêm chặt một sân bay
Chúng con quyết giáng một đòn tiêu diệt
Trận tháng Năm rung chuyển đất này

Chung con tiến lên dưới làn đại bác
Bác đến kia rồi! Thấy Bác vẫy tay
Cánh đồng cỏ bỗng bay hương ngào ngạt
Bác gọi ta rồi. Thưa Bác đêm nay

Nào hãy trào sôi như dòng thác dữ
Trống giục, cờ bay, xông lên đồng chí
Giặc Hoa Kỳ tan xác dưới chân ta
Lửa nổi mênh mông, mặt biển chói lòa

Biển đã gầm lên ngang trời sóng vỗ
Phan Thiết tưng bừng nổi dậy tấn công
Hoa phượng nở đêm hè thêm sắc đỏ
Tiếng hát cất cao bay lượn trăm vòng

Thắng trận trở về sao khuya chưa tắt
Trời tháng Năm thanh thản biếc trên đầu
Chiến công này chúng con dâng lên Bác
Bác đón kia rồi. Hãy vượt lên mau!

Tháng 5-1970

TRẦN DUY LÝ

Chúng con tìm đá xây Lăng Bác

Sắc đá hoa
Trắng ngà
Hạt nhỏ mịn
Mát làn da...
Băng rừng tìm đá xây lăng Bác
Hay tiếp thêm trăng một ánh ngà?

Lăng đá là thành canh giấc ngủ
Sắc đá là lòng tuyết trắng trong
Bác ơi! Một giấc ngàn năm ấy
Dạ vẫn thức hoài với núi sông

Tuổi đá phải dùng niên đại tính
Mắt nhìn vẫn thấy rõ thời gian
Tuổi Bác đã đi vào vĩnh viễn
Sống giữa lòng người dân Việt Nam

Hoa đá mãi còn sức thấu quang
Ngàn sau sách vẫn sáng từng trang
Trên đường tìm đá xây lăng Bác
Thấp thoáng rừng hoa sáng bản làng.

1969

VƯƠNG HỢP

Nhớ Bác

Dục Thanh mãi còn đây
Mái trường mãi còn đây
Mát màu xanh cỏ cây
Thăm thẳm trời Phan Thiết

Có điều chi da diết
Ngẩn ngơ chiều tháng Năm
Mỗi lần con về thăm
Được muôn lần nhớ Bác

Cà Ty sông mãi hát
Sóng ngày đêm vỗ về
Gió dùng dằng đi, ở
Mơn man vào trang thơ

Để chiều nay về đây
Nơi trường xưa có Bác
Như con đang đến lớp
Hồn dâng lên trong veo.

NGUYỄN VĂN MINH

Nơi này nhớ mãi Bác Hồ

Bác chỉ đến một lần
Mà nơi này nhớ mãi
Ngôi trường, dòng sông, con đường, xóm biển
Ngót thế kỷ rồi in dấu chẳng hề phai!

Có phải khi xưa trên đường đi cứu nước
Quá thương dân Người lưu luyến nơi này
Đã cống hiến tuổi thanh xuân dạy học
Để bây giờ Phan Thiết có Dục Thanh

Tôi viết bài thơ mừng sinh nhật Bác
Nắng tháng Năm tỏa sáng quê hương
Bóng Bác Hồ mênh mông Khu di tích
Nụ cười hiền ấm áp một tình thương!

TRẦN ĐỨC LỰC

Trường xưa in bóng

Phượng đỏ gọi hè gợi nhớ thương
Dục Thanh in bóng một ngôi trường
Trang thơm Bác để hồng năm tháng
Sử sách đời còn rạng đức gương
Cứu nước gan bền qua bão táp
Thương nòi chí vững vượt trùng dương
Nghĩa nhân hương đượm trời Phan Thiết
Nơi Bác dừng chân mãi vấn vương.

BÙI NGUYÊN HƯ

Viếng di tích Dục Thanh

Nắng vàng rơi trên lối
tôi đi
Lòng thầm lặng mênh mông
Như thể trăm năm theo khói hương bay tỏa
Thanh âm đâu đó bước chân Người

Cảm giác trên tay màu xanh biển
Một ngày Phan Thiết để tôi yêu
Để kết hoa
Để kết lời âm nhạc
Bay lên với ước nguyện bao điều

Câu thơ
Vội
Đến bấy lần thao thiết
Võng đong đưa tờ sách lật trang
Đôi môi ấm nụ cười - Bác hỏi:
Quê hương, đất nước, con người!

Phan Thiết, 6/2001

VÕ THỊ HỒNG TƠ

Dẫn đường con theo

Mạch nguồn nên suối nên sông
Lá xanh nhờ cội bế bồng mà xanh
Đời Người một mái nhà tranh
Hôm nay con cháu đã thành dinh cơ

Một đời đau đáu niềm mơ
Áo cơm nhân loại cõi bờ nước non
Triều dâng từ ngọn sóng cồn
Mà nên bão táp dập dồn mai sau

Bác về trời lộng xanh cao
Suối trong Pắc Bó dạt dào trang thơ
Người đi mây núi mong chờ
Từ trong nô lệ thắm cờ Điện Biên

Nước non giặc cắt đôi miền
Chia hai dòng chảy cho Hiền Lương đau
Lời thương Bác gọi hai đầu
Miền Nam phải được chung bầu trời Nam

Công Người như sóng Trường giang
Tim Người đập nhịp cưu mang giống nòi.
Đến khi đời hết khổ rồi
Bác "ra đi"...

Giữa trắng trời mưa tuôn!

VÕ THỊ HỒNG TƠ

Dẫn đường con theo

Mạch nguồn nên suối nên sông
Lá xanh nhờ cội bế bồng mà xanh
Đời Người một mái nhà tranh
Hôm nay con cháu đã thành dinh cơ

Một đời đau đáu niềm mơ
Áo cơm nhân loại cõi bờ nước non
Triều dâng từ ngọn sóng cồn
Mà nên bão táp dập dồn mai sau

Bác về trời lộng xanh cao
Suối trong Pắc Bó dạt dào trang thơ
Người đi mây núi mong chờ
Từ trong nô lệ thắm cờ Điện Biên

Nước non giặc cắt đôi miền
Chia hai dòng chảy cho Hiền Lương đau
Lời thương Bác gọi hai đầu
Miền Nam phải được chung bầu trời Nam

Công Người như sóng Trường giang
Tim Người đập nhịp cưu mang giống nòi.
Đến khi đời hết khổ rồi
Bác "ra đi"...
Giữa trắng trời mưa tuôn!

VÕ THỊ HỒNG TƠ

Nỗi nhớ Dục Thanh

Cái nắng Dục Thanh
Mang hình hài thế kỷ
Mảnh trời riêng như thể chẳng phai màu
Ngọa du sào sóng vẫn vọng đêm thâu
Thanh gác gỗ bước chân Người thức muộn

Cây khế Bác chăm
Trái sai vàng chín ruộm
Con mân mê không dám hái bao giờ
Gió ở đây cũng như thể mong chờ
Cứ quanh quẩn sợ sóng đùa ra biển

Không gian mở khoảng trời nâng cánh én
Đêm lặng thầm sông nhuộm ánh trăng xưa
Lớp học vẫn còn tiếng giảng níu song thưa
Như đâu đó âm hưởng Người chưa tắt

Trong im ắng giọt thời gian góp nhặt
Tiếng ve sầu thương mãi lá vàng rơi
Búp sen hồng còn ướp giọt sương mai
Cho mỗi sớm nơi này không đơn độc

Để con cháu về đây chỉ nghẹn ngào không khóc
Thương gió sân trường, nhớ nắng vàng mơ
Đêm rì rào sóng hát khúc ru đưa
Cho Phan Thiết hôm nay
Ấm khoảng trời đất nước.

PHAN BÌNH

Thăm trường Dục Thanh nhớ Bác Hồ

Con đã nhiều lần thăm chốn đây
Ngọa du sào đó giếng khơi này
Vườn sau cây khế bông chen nở
Cảnh cũ như hồi Bác ở đây

Nhiều lần say ngắm vật lưu này
Lặng lẽ sờ xem nhớ chẳng khuây
Ấm chén, khay trà, rương, phản gỗ
Nguồn thương dồn đọng ấm bàn tay

Nhà Ngư lớp học Ngọa du sào
Thang gỗ còn kia ai biết đâu
Giữa tối mịt mù thời thuộc Pháp
Nơi này ẩn giấu một vì sao?

Trên đường cứu nước tạm dừng chân
Mái Dục Thanh xưa thầy giáo Thành
Gieo hạt niềm tin ươm sức trẻ
Tuổi đời hai chục tóc đương xanh

Anh Ba phụ bếp vượt trùng dương
Cứu nước lòng Anh đã chọn đường
Yêu nước nồng nàn nuôi chí lớn
Tên Người sáng tỏa một vầng dương

Tháng Tám sao cờ đỏ Việt - Minh
Đập tan xiềng xích cứu dân mình
Việt Nam độc lập từ khi ấy
Lãnh tụ là Bác Hồ - Chí - Minh

Ai biết được xưa Bác ở đây?
Lòng nuôi chí lớn tự bao ngày
Ra đi thầy giáo nay là Bác
Tình nghĩa càng thêm thắm nặng đầy

Giông tố qua rồi trời lại xanh
Sáu lăm năm đó biết bao tình
Dục Thanh trò cũ còn vài cụ
Gọi Bác thân thương thầy giáo Thành

Trời quê Bình Thuận rợp cờ sao
Giải phóng miền Nam mơ Bác vào
Trường cũ Dục Thanh lòng Bác đó
Ơn Người sâu rộng biển trời cao.

PHAN BÌNH

Cháu con xin một lời nguyền

Dục Thanh sáng sớm xuân nay
Cháu con Phan Thiết về đây viếng Người
Nơi đây xưa có một thời
Người thanh niên ấy hai mươi xuân hồng
Một lần đến nỗi nhớ mong
Tạc vào góc phố , dòng sông bến bờ
Mặn nồng đượm những vần thơ
Hương sen ngát tỏa Bác Hồ Chí Minh
Quê mình Phan Thiết - Dục Thanh
Bác về ngọn gió thơm lành nắng mai
Lời nguyền giục bước tương lai
Thắng rồi xây lại hơn mười ngày qua
Bác về tỏa sáng trong ta
Hương trầm nghi ngút đậm đà niềm yêu
Cháu con thương Bác bao nhiêu
Trăm năm sau nữa bao điều không quên
Trong tim xin một lời nguyền.

Tháng 5/1999

LÊ VĂN PHÚ

Dục Thanh nhớ Bác

Nhớ những năm nào Bác ở đây
Dục Thanh còn đó mái trường này
Chân người xứ Nghệ còn in dấu
Văng vẳng còn nghe tiếng giảng bài
Hết giảng bài xong, kể chuyện đời
Đau lòng mất nước các con ơi!
Thằng Tây cấu kết quân bán nước
Hà hiếp dân ta chẳng tình người
Không thể ngồi yên nhìn nước mất
Nỗi đau luôn nặng ở trong lòng
Từ đó ra đi mang hồn nước
Thề quyết một lòng cứu non sông

Một trăm năm lịch sử đã trôi qua
Vang vọng Ba Đình khắp gần xa
Bác đọc Tuyên ngôn ngày độc lập
Ấm lòng non nước thỏa lòng ta

Một trăm năm lịch sử đã trôi qua
Đuổi hết ngoại xâm khỏi nước nhà
Giang sơn thống nhất về một mối
Thỏa lòng mong ước của dân ta

Một trăm năm lịch sử đã trôi qua
Nhìn lại quê hương Tổ quốc ta
Đất nước từng ngày thêm đổi mới
Con đường Bác chọn sáng đời ta...
Dục Thanh còn đó mái trường xưa
Dù cho sớm nắng, hay chiều mưa
Nhớ Bác trăm năm, tình không đổi
Vọng mãi ngàn sau tiếng của Người.

LÊ VĂN

Dục Thanh nhớ Bác

Anh dắt các em thăm nơi Bác dạy
Trọn trăm năm rồi thuở ấy Bác dừng chân
Dục Thanh mát bên Cà Ty gió lộng
Vườn cây nhớ Bác thắm trời xuân

Ríu rít bầy chim trong chiều nắng đẹp
Đón tết vui xuân các em múa ca cười
Em có biết bao người cùng lứa tuổi
Ngày ấy lầm than đói khát vất vơ?

Cây khế Bác chăm giờ trái đầy lúc lỉu
Phản gỗ, án thư, Ngọa du sào vương vấn
Dáng Bác sớm chiều tảo tần lên bảng
Dạy lẽ thương đời, thương nước bị xâm lăng

Hát bài hát "Ai yêu Bác Hồ..."
Trong vườn hồng đung đưa trái ngọt
Em vuốt ve từng cây từng quả
Đời đổi thay rồi, cây lá cũng đổi thay

Các em lớn lên khi Bác đã đi xa
Không có Bác trao quà qua tay mềm thơ trẻ
Bao tết đến thiếu người Ông hiền dịu
Hớn hở cháu con níu áo quây quần

Thương nhớ Bác mẹ cha nhắc nhở
Giữ đẹp mái trường Bác dạy năm xưa
Để con cháu muôn đời sau thăm viếng
Hướng lòng mình tới đỉnh thiêng liêng.

Canh Dần 2010

Chúng tôi diễn kịch tại Phủ Chủ tịch

NSND TRÀ GIANG

1. Nhớ năm 1962, sau khi đóng xong phim "Chị Tư Hậu", tôi được cử tham dự Đại hội văn nghệ toàn quốc lần thứ III, tại Nhà hát lớn Hà Nội. Lần đầu tiên được dự một hội nghị lớn như vậy, tôi vô cùng bỡ ngỡ và hồi hộp. Tôi càng hồi hộp hơn khi được thông báo Bác Hồ sẽ đến thăm Đại hội. Nhà thơ Bảo Định Giang bảo "Trà Giang được vinh dự sẽ lên tặng hoa cho Bác Hồ, đấy!". Tôi vui sướng đến không nói nên lời, bỗng nghe tiếng mọi người reo: "Bác Hồ đến! Bác đến rồi kìa!..." Các đại biểu bật đứng lên reo vui, hoan hô. Khi mọi người an tọa trở lại, Bác Hồ bày tỏ ý muốn bắt tay hết tất cả đại biểu tham dự "nhưng Đại hội đông quá; vậy, cho Bác bắt tay một đại biểu nhiều tuổi nhất nhưng không phải "già" nhất đâu nhé và một đại biểu trẻ tuổi nhất"- giọng Bác ôn tồn, ấm áp và rất dí dỏm.

Họa sĩ Nguyễn Phan Chánh được cử là người cao tuổi nhất đến bắt tay và tặng hoa cho Bác Hồ. Một khoảnh khắc yên lặng trôi qua, Bác Hồ chợt hỏi "...còn đại biểu trẻ tuổi nhất đâu?". Lúc ấy, tôi đang đứng ở cánh gà sân khấu Nhà hát lớn mà chân như cứng lại, tưởng như không bước đi được vì xúc động. Chú Bảo Định Giang khích lệ, đẩy nhẹ tôi bước ra và nói "Thưa Bác, đại biểu trẻ tuổi nhất đây ạ!". Tôi bước đến tặng hoa cho Người với

niềm xúc động tột cùng, chỉ thốt lên hai tiếng "Bác ơi!". Cả hội trường bấy giờ bỗng vỗ tay sôi động, mọi người reo vui, phấn khởi...

Sau đó, Bác Hồ nói chuyện cùng Đại hội. Bác bày tỏ nhiều vấn đề. Tôi nhớ nhất điều Bác phân tích "một đất nước bị nô lệ thì văn học nghệ thuật cũng bị nô lệ". Rồi, Bác kể lại những hoạt động hồi Bác ở Pháp: vũ khí đấu tranh chống thực dân chính là việc viết kịch, làm thơ vạch tội ác của chúng đã gây bao nỗi thống khổ cho nhân dân Việt Nam...

Tôi cảm nhận lời Bác thật giản dị mà sâu sắc. Những điều tâm huyết ấy, tôi như khắc sâu vào tâm trí. Đã từ lâu, nó luôn sống trong lòng như một tâm niệm lý tưởng thật mạnh mẽ, trong suốt chặng đường dài nghệ thuật điện ảnh của tôi.

2. Một kỷ niệm khác khá sâu sắc khi chúng tôi được gặp Bác Hồ vào mùa hè 1967. Lúc ấy Mỹ đã bắt đầu ném bom ác liệt ở Hà Nội. Hà Nội luôn rơi vào tình trạng báo động khẩn cấp; ngoại trừ những bộ phận cần thiết phục vụ thủ đô, còn tất cả mọi người đều sơ tán về các địa phương. Năm ấy, nhóm diễn viên điện ảnh chúng tôi còn diễn cả kịch nói. Đoàn kịch Điện ảnh được ra đời chủ yếu tham gia dựng những vở kịch ngắn phục vụ các đơn vị bộ đội, công nhân các nhà máy...Tuy vậy, đoàn kịch cũng đi sơ tán qua nhiều nơi để tránh máy bay Mỹ ném bom! Chúng tôi lúc ở Cổ Loa, Đông Anh; lúc dời về Lạc Đạo, Hưng Yên; lúc quay ra Sáu Giá, Sơn Tây v.v... Lúc này, các vở "Trong phòng trực chiến" của Tào Mạt và "Tiếng đàn T'rưng" của Huy Thành gần như được biểu diễn thường xuyên. Một hôm, chúng tôi nhận thông báo đoàn kịch sẽ về Hà Nội, diễn cho các đồng

chí Bộ Chính trị xem. Đặc biệt, Bác Hồ cũng sẽ đến xem. Bất ngờ quá! Mọi người rất phấn khởi, nhưng không khỏi lo lắng...

Hôm ấy đoàn kịch Điện ảnh được diễn tại Phủ Chủ tịch, thay vì diễn ở Nhà hát lớn. Khán giả ngoài Bác Hồ, đồng chí Trường Chinh, các đồng chí trong Bộ Chính trị còn có đoàn dũng sĩ miền Nam mới ra thăm miền Bắc. Trước khi vở diễn bắt đầu, Bác Hồ bảo chúng tôi: "Hôm nay các cô, chú diễn không phải chỉ cho Bác xem mà còn diễn cho nhân dân miền Nam xem nữa đấy!". Vừa nói, Bác vừa giới thiệu đoàn dũng sĩ miền Nam. Lúc ấy, chúng tôi thật xúc động, thầm nghĩ sẽ cố gắng diễn thật tốt, thật hay, để không phụ tấm lòng yêu thương của Bác luôn đau đáu dành cho đồng bào miền Nam. Vở "Trong phòng trực chiến" với bảng phân vai như sau: Trà Giang - cô y tá, Tuấn Tú - giám đốc nhà máy, Mai Châu - bà mẹ, Minh Đức - cô công nhân kỹ thuật, Lân Bích - kỹ sư nhà máy. Nội dung kịch mang đậm tính thời sự và không khí hào hùng của Hà Nội, ca ngợi tinh thần dũng cảm của anh em công nhân quyết tâm chiến đấu bảo vệ nhà máy và đánh trả những đợt đột kích ném bom của máy bay Mỹ. Thật may mắn, suốt vở diễn, anh chị em nghệ sĩ chúng tôi luôn tạo được hiệu quả nghệ thuật tốt qua các cảnh diễn. Có lúc khán giả cười rộ thoải mái với tình huống trớ trêu khi bà mẹ quê đi tìm anh kỹ sư, con trai. Nhưng có lúc mọi người cũng lặng đi trước tình cảm mãnh liệt của cô y tá trẻ đang quyết tâm xin trở lại miền Nam chiến đấu cho quê hương...

Vở diễn kết thúc, Bác Hồ và đồng chí Trường Chinh đến bắt tay từng nghệ sĩ. Tôi thật cảm động khi được Bác khen "Cô gái miền Nam của Bác". Sau đó Bác Hồ chiêu đãi cho đoàn dũng

sĩ miền Nam và nhóm kịch. Bác cười thật tươi, chuyện trò: 'Bác không có gì chiêu đãi các cô, chú ngoài chút bánh kẹo. Bánh kẹo - các cô, chú nên ăn hết; còn nước thì phải mang về!". Lời dặn dò của Bác đầy ý vị, sâu xa. Trong phút giây này, chúng tôi cảm nhận được nỗi niềm đau đáu của Bác - ý nghĩa nước là đất nước, là "miền Nam luôn ở trong trái tim tôi". Cả đoàn xúc động lắng nghe, rồi thật vui sướng, kéo ùa nhau ngồi vây bên Bác. Chúng tôi lúc này mới thực sự được ngắm nhìn Bác...một cách "cận cảnh". Có người nắm tay Bác, sờ vào áo Bác; có em thật thương yêu, bạo dạn, se sẽ vuốt chòm râu bạc của Bác... Bác đối với chúng tôi lúc này không chỉ là vị lãnh tụ kiệt xuất của nhân dân mà còn là người Cha thật gần gũi và đầy lòng nhân hậu...

***

Mỗi lần được gặp Bác, đối với tôi là một điều kỳ diệu. Nó còn như là sự truyền lửa diệu kỳ đã giúp cho chúng tôi có lý tưởng sống thật tin, yêu: Sống để cống hiến nhiệt thành cho quê hương, cho cuộc đời và cho nghệ thuật. Được gặp Bác Hồ, chúng tôi luôn cảm nhận được những tình cảm lớn của Bác dành cho dân tộc, đất nước và dành cho nhân dân miền Nam nói riêng trong thời điểm lịch sử buổi ấy. Hồi tưởng về Bác Hồ kính yêu, về cuộc đời và những bước đường hoạt động cách mạng của Người, đối với tôi - một người con miền Nam có quê cha Quảng Ngãi - núi Ấn, sông Trà, quê mẹ Phan Thiết - với ngôi Trường Dục Thanh, tôi càng tự hào về những dải đất quê hương yêu thương, nơi Bác Hồ đã từng đi qua, hay dừng chân, để lại với những dấu ấn lịch sử sâu đậm từ ngày ấy cho đến bây giờ...

Hình ảnh "Bác Hồ" & "Mái trường Dục Thanh" trong mảng thơ viết về Phan Thiết

NHẬT VŨ TRƯỜNG CA

Không phải ngẫu nhiên mà hình ảnh Bác Hồ và mái trường Dục Thanh luôn đan xen, hòa quyện vào nhau trong mảng thơ viết về Phan Thiết- nơi cách đây 88 năm đã từng được vinh dự đón bước chân Người.

Chúng ta nhớ lại chuyến Nam du của các nhà chí sĩ yêu nước như Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp vào năm 1905. Khi dừng chân tại Phan Thiết, chính các vị đã gợi ý cho hai người con của cụ Nguyễn Thông là các ông Nguyễn Quý Anh và Nguyễn Trọng Lội lập ra "Dục Thanh học hiệu" vào năm 1907. Đây là trường tư thục đầu tiên ở Trung kỳ vào đầu thế kỷ XX được đánh giá là có nhiều điểm tiến bộ cả về phương diện tổ chức cũng như nội dung chương trình giảng dạy. Ngoài con em thuộc những gia đình tầng lớp trung lưu ở Phan Thiết, trường còn thu hút học sinh ở lục tỉnh Nam kỳ đến học.

Được sự giới thiệu của cụ Trương Gia Mô, Bá
giờ lấy tên là Nguyễn Tất Thành vừa tròn 20 tuổi)

trường Dục Thanh trong khoảng thời gian từ 1909-1910. Một số học trò của Bác còn sống cho đến ngày đất nước thống nhất như các cụ Nguyễn Đăng Lầu, Nguyễn Quý Phầu, Từ Trường Phùng đều tự hào nhắc lại những kỷ niệm khó quên về thầy giáo Nguyễn Tất Thành thuở ấy. Những hồi ức quý báu của các nhân chứng sống này đã góp phần thiết thực vào việc trùng tu phục chế mái trường Dục Thanh năm xưa.

Không có gì ngạc nhiên khi các nhà thơ từ khắp miền đất nước mỗi khi về mái trường Dục Thanh là lòng lại bồi hồi, khôn nguôi nhớ Bác. Nhà thơ Cảnh Trà trong một lần viếng thăm đã trang trải tình cảm da diết của mình trong bài "Về Dục Thanh" với những câu thơ lục bát dung dị, thân thương và biết bao gần gũi:

Lòng con thầm gọi: Thầy ơi!

Cho con được khóc ở nơi trường này.

Nhà thơ Giang Nam từng gắn bó máu thịt với chiến trường khu VI, tác giả bài thơ "Quê hương" nổi tiếng từ những năm 60, trong một lần về Phan Thiết đã dừng lại khá lâu bên mái trường Dục Thanh, tìm hiểu những kỷ niệm sâu sắc của Bác còn lưu lại nơi đây và bộc lộ những suy nghĩ của mình với niềm xúc động dâng tràn:

Có phải cát ở đây rất trắng

Như lòng dân chung thủy đợi chờ

Có phải trời ở đây rất rộng

Nên Bác nhìn thấy những bờ xa.

Trong ký ức không bao giờ phai mờ của người dân Phan Thiết xưa, hình ảnh Bác không tách rời những xóm nghèo lao động lam lũ, một nắng hai sương; dẫu phải sống trong tù ngục, lưỡi lê của kẻ thù, nhưng lòng vẫn dặn lòng luôn hướng về cách mạng:

Những phố phường, những làng chài ven biển

Mỗi đêm khuya lại gọi Bác thì thầm

Lửa vẫn đỏ từng trái tim ấp ủ

Mấy mươi năm vẫn một dạ trung thành.

(Trận tháng Năm- Nam Hà)

Và cũng chính những tình cảm thiêng liêng ấy đã không ngừng thôi thúc họ vùng lên, trút căm giận xuống đầu quân xâm lược.

Đã đứng lên rồi, bẻ xiềng nô lệ

Đã đứng lên rồi súng vững trong tay

Đêm Phan Thiết truyền đơn bay trắng phố

Tề, điệp như đèn trước gió lung lay.

(Quê mẹ cực Nam - Giang Nam).

Nhà thơ Hoàng Trung Thông lặng lẽ làm một cuộc hành hương về những nơi đã từng in dấu chân của Bác năm xưa. Anh có cảm giác dường như vừa mới đây thôi- lối ấy, nơi này Bác vẫn còn dạo bước:

Tôi đã đi, như ngày xưa chắc Bác đã từng đi

Nước trong màu biển biếc

Thuyền cá đỗ, thuyền chài Phan Thiết

Nơi Bác nhìn sông, nhìn biển, nghĩ suy...

Phan Thiết không giữ được bước chân thời thanh xuân của Bác nhưng Phan Thiết là nơi chuẩn bị cho chuyến ra đi tìm đường cứu nước của Người. Có lẽ phần nào đồng cảm với ý nghĩ trên đây nên nhà thơ Huy Cận vẫn nghe trong tâm tưởng của mình vang vọng tiếng thầy Thành cùng những bài giảng tràn đầy nhiệt huyết và sục sôi lòng yêu nước, thương nòi:

Trường Dục Thanh vang vọng vẫn nghe

Tiếng thầy Thành dạy trẻ xưa kia

Bác ơi, nước mất đau lòng Bác

Bác gọi lòng dân, nước lại về.

(Những cột buồm cao)

Trong một bài thơ khá dài viết về Khu di tích Dục Thanh, Lê Nguyên Ngữ ước ao được làm người học trò nhỏ của Bác, hạnh phúc được Người dạy dỗ, bảo ban:

Con lần theo thương nhớ biết bao người

Chợt bắt gặp nhớ thương mình ở đó

Khu di tích là một ngôi trường nhỏ

Ngồi ghế học trò xúc động hóa thành thơ.

(Thăm di tích- nơi trường xưa Bác dạy)

Có thể nói, tuy mỗi bài thơ được thể hiện ở những cung bậc khác nhau nhưng tất cả đều hòa chung một mạch tình cảm thiết tha, thành kính mà không kém phần sâu lắng.

Bác ơi! Phan Thiết mà thời thanh xuân Bác đến vẫn thủy chung sau trước vẹn tròn. Tất cả vẫn còn đây: Mái trường, dòng sông, con đường, góc phố; ngỡ như tất cả luôn sẵn sàng mừng đón Bác về thăm:

Trong nỗi đau chung không được gặp Người của miền Nam có nỗi đau riêng xé lòng của người dân Phan Thiết.

Mái trường xưa Người tạm biệt vẫn mong hoài

Dẫu biết Bác sống vĩnh viễn với non sông, Bác muôn đời bất diệt

Sao Phan Thiết vẫn đợi Người trở lại, Bác Hồ ơi!

(Bác Hồ ơi! Phan Thiết vẫn đợi Người- Đỗ Quang Vinh).

Bác Hồ xem Đoàn Dân ca kịch Liên khu 5 diễn vở Thoại Khanh Châu Tuấn

Nguyễn Tường Nhẫn

Từ năm 1957 vở "Thoại Khanh - Châu Tuấn" (TK-CT) của Đoàn Dân ca kịch Liên khu 5 (DCKLK5) ra đời đã khẳng định nghệ thuật dân ca kịch bài chòi Liên khu 5 là một kịch chủng trong gia đình sân khấu Việt Nam. Thoại Khanh - Châu Tuấn được cán bộ, chiến sĩ, đồng bào miền Bắc, cán bộ, bộ đội miền Nam tập kết nhiệt tình hoan nghênh, được phục vụ các đồng chí lãnh đạo Bộ Chính trị Trung ương Đảng như các đồng chí Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Phạm Hùng, Nguyễn Duy Trinh, Nguyễn Chí Thanh...Tuy vậy các nghệ sĩ trong đoàn hằng ước ao được diễn để Bác Hồ xem, mặc dù chị Lệ Thi đã được vinh dự phục vụ Bác nhiều lần những khi Bác lên thăm đoàn tại khu văn công nhưng chưa lần nào toàn thể diễn viên biểu diễn trọn vẹn một vở kịch cho Bác xem.

Điều mơ ước ấy đã thành hiện thực. Một sáng mùa xuân năm 1961, anh Bùi Tấn Linh Vụ trưởng Vụ Lễ tân đến đoàn gặp tôi và anh Nguyễn Văn Khánh, anh Văn Phụng Hoàng báo tin vui là qua sự giới thiệu của anh Tô (Phạm Văn Đồng), Bác muốn xem Đoàn Dân ca kịch Liên khu 5 biểu diễn vở "Thoại Khanh - Châu Tuấn" vào thứ 7 tuần tới tại nhà hát cùng với khán giả và Bác không muốn phục vụ riêng Bác, tốn kém, phiền đoàn nhưng các anh lãnh đạo Bộ Chính trị đã xin Bác cho biểu diễn tại Phủ Chủ tịch, anh dặn phải giữ bí mật và cố gắng biểu diễn cho hay.

Được lời như cởi tấm lòng, chúng tôi họp nhau chuẩn bị mọi mặt từ nhân sự, tư tưởng, thái độ khi gặp và phục vụ Bác đến bộ phận nghệ thuật phải phối hợp chặt chẽ nghiêm túc... Những việc này không khó, vì anh em rất kính yêu Bác, không phải lo lắng. Cái khó nhất là nơi biểu diễn vì sân khấu là nhà gương, trên là la phông phẳng, dưới gạch hoa láng bóng đi giày còn dễ trượt, bốn phía toàn gương soi to cao 5m, làm thế nào thiết kế dàn cột xà để treo cánh gà, phông cảnh và ri đô... Nghe nói trước đó đã có đoàn làm cả một giàn cây bằng gỗ mất hàng tuần, nặng nề và tốn kém, nay thời gian chỉ còn vài ngày làm sao giải quyết cho tốt, không lẽ diễn mộc. Chúng tôi phân công anh Khánh cùng anh Văn Na họa sĩ phụ trách sân khấu vào nghiên cứu làm dàn treo phông màn. Do yêu quý Bác anh em đã động não suy nghĩ, kết quả có sáng kiến chỉ dùng mấy cây tre to làm khung treo phông màn tốn rất ít tiền và công sức mà vận chuyển cũng nhẹ nhàng.

Tôi và anh Hoàng họp đoàn báo tin với anh chị em là tối thứ 7 sẽ phục vụ hội nghị quan trọng nên phải tập dượt kỹ và chuẩn bị cho đêm diễn thật tốt. Đến sáng thứ 7 chúng tôi mới họp đoàn nói thật với anh chị em là phục vụ Bác Hồ. Vừa nói dứt lời, anh chị em ôm nhau nhảy múa, có em ôm mặt khóc hu hu... Lúc đó lại có một sự việc rất khó xử là chính tối thứ 7 hôm đó đoàn tổ chức đám cưới cho 2 diễn viên trong đoàn (những diễn viên này rất cần trong tiết mục). Thiệp mời đã gửi đi, công việc chuẩn bị đang tiến hành... bây giờ tính sao đây? Trước tình hình như vậy, chúng tôi bàn nhau hỏi thật với hai cô cậu xử lý như thế nào? Không cần suy

nghĩ hai người đồng thanh xin được phục vụ Bác, còn đám cưới sẽ lui lại ngày chủ nhật và thế là chúng tôi cho người đi hoãn những nơi đã mời dự đám cưới với lý do đặc biệt... và dặn anh chị em tuyệt đối giữ kín việc này, nếu lộ ra Bác biết chắc Bác sẽ không vui lòng, nhất định sẽ không cho đoàn diễn đêm đó.

Ngày thứ 7 anh chị em hậu đài đang trang trí tại phòng Phủ Chủ tịch, bỗng nhiên Bác bước đến, anh em reo lên: Bác, Bác... Các anh đang cột dây trên giàn cao luýnh quýnh, Bác giơ tay lên: Các cháu bình tĩnh xuống đây... Anh em vây quanh Bác. Bác bảo: Bác đi họp về ngang qua đây, ghé thăm các chú làm trang trí như thế nào. Bác nhìn khắp sân khấu, nhất là giàn treo phông màn rồi bảo: chỗ này khó cho việc trang trí đấy, trước đây có đoàn làm khung to bằng gỗ nhưng không được vững, khi kéo màn, các cây cột đung đưa, Bác lo lắm. Hôm nay các chú làm như thế này rất tốt, nhẹ nhàng, Bác thưởng. Rồi quay sang anh Kỳ lấy kẹo, thuốc lá Điện Biên, chè Ba Đình cho anh em.

Chiều hôm đó anh em không ăn được cơm vì quá mừng, ai ai cũng chờ lên xe vào Phủ Chủ tịch.

Đúng 17h30 anh chị em đang chăm chú hóa trang thì Bác đi vào nhẹ nhàng không ai hay. Bác lại sau lưng chị Lệ Thi. Nhìn trong gương thấy Bác, chị quay lại đứng lên gọi: Bác, Bác... Bác bảo mọi người cứ làm việc. Bác hỏi chị Thi: Cháu sắm vai gì? Chị Thi thưa: Thưa Bác, Thoại Khanh ạ! Bác quay sang anh Đinh Thái Sơn hỏi: Còn chú? Dạ thưa Bác, cháu sắm vai Châu Tuấn ạ. Bác lại hỏi anh Nguyễn Kiểm: Chú sắm vai gì? Dạ, cháu sắm vai Tương Tử ạ. Bác bảo: Bác có khách... rồi Bác đi ra, anh Kỳ quay lại dặn anh em: Anh Tô đã giới thiệu với Bác vở này, các đồng chí cố gắng diễn cho hay.

Đến 19h, dưới hội trường đã đông người. Gọi là đông chứ độ trên dưới 50 người, trẻ em rất nhiều. Bác ngồi ghế trước với ông bà người ngoại quốc, chuông reo, màn mở, không khí im lặng. Tôi bước ra để báo cáo đêm diễn, mặc dù đã viết sẵn trên giấy, nhưng khi đứng trước micrô nhìn thấy Bác ngồi gần quá, khoảng cách độ gần 10m, tự nhiên tôi đâm hoảng... cứ đứng im, lưỡi líu lại vì quá xúc động... Bác bảo: Cháu nói đi... Tôi bắt đầu nói: "Kính thưa Hồ Chủ tịch kính mến!" Bác đưa ngón cái ra hiệu chỉ ông bà ngoại quốc ngồi bên. Mặc dù không có trong giấy tôi cũng nói "Kính thưa ngài đại sứ và phu nhân!", Bác dịch cho hai ông bà lời giới thiệu của tôi. Thực tình tôi không biết chức vụ của ông bà, cứ thưa như vậy (sau này mới biết đó là ông bà luật sư người Anh - ân nhân của Bác).

Sau khi tôi thưa Bác xong. Vở kịch bắt đầu diễn, tôi thấy anh Tô ở phía sau đi đến ngồi sau ghế Bác. Anh em diễn rất tốt, Bác chăm chú theo dõi hết màn này đến màn khác. Khán giả vỗ tay từng lớp, Bác cũng vỗ tay cổ vũ.

Đến màn 5. Khi Châu Tuấn đang cầm chén rượu uống cùng công chúa, bỗng nghe tiếng đàn của Thoại Khanh, chàng làm rơi chén rượu xuống đất (chén bằng thau). Cho đến khi gặp mẹ, Châu Tuấn chạy theo mẹ, đá chén rượu văng lung tung dưới chân. Bác nói to: Nữ tỳ nhặt chén lên... anh Khánh đứng bên cánh gà bảo vai nữ tỳ chạy ra nhặt... Chúng tôi toát mồ hôi và khâm phục Bác rất tinh ý trong nghệ thuật, thích ứng rất linh hoạt.

Vở kịch kết thúc, nhưng Bác còn muốn nghe nữa... Nghe tiếng anh Kỳ nói lên: Hết kịch thì hát thêm dân ca Liên khu 5. Chúng tôi quýnh cả lên vì không chuẩn bị nội dung các bài hát, nên chị Lệ Thi hát thêm vài làn điệu dân ca nữa rồi im lặng. Anh

Tô nói to: Hát thêm đi... Anh em bảo: Hát tuồng, hát tuồng, chị Thi hát tuồng đi! Tôi bước ra giới thiệu: Kính thưa Bác, chị Lệ Thi sẽ diễn một đoạn trong Hộ Sanh Đàn... Bác hỏi: Hộ Sanh Đàn là gì? Tôi thưa: Dạ, Kỷ Lan Anh tìm Tiết Cương, Bác bảo: Thì cứ nói Kỷ Lan Anh tìm Tiết Cương chứ Hộ Sanh Đàn là gì quần chúng khán giả đông đảo ai hiểu? Rồi Bác hỏi: Có phải "Phú Quân ơi không?" Tôi thưa: Dạ phải. Anh Tô bảo hôm nay Đoàn Dân ca Liên khu 5 diễn cứ hát dân ca Liên khu 5 cho Bác nghe. Thế là chúng tôi lại hát thêm mấy bài dân ca nữa. Rồi anh chị em sắp hàng chào Bác. Bác khoát tay bảo ngồi xuống, chờ Bác tiễn khách ra cửa rồi quay lại cùng chụp ảnh chung với anh em. Song Bác nói: Hôm nay các cháu diễn tốt, vở kịch cũng tốt, dân ca Liên khu 5 hay lắm; cố gắng cho hay hơn nữa, nhưng Bác phê bình công chúa cầm bút như vậy là sai, thầy khẻ tay đấy. Anh Tô nói vui: Thầy không dám khẻ tay công chúa đâu! Bác nói công chúa mà cầm bút sai thầy vẫn cứ khẻ. Bác lại nói khi Châu Tuấn làm rơi chén rượu cứ để lăn lóc dưới chân làm khán giả sợ dẫm lên vỡ chén, nên ly tâm không xem Châu Tuấn diễn, lúc đó nữ tỳ chạy ra nhặt là hợp lý, vì là nữ tỳ mà, nghệ thuật gọi là gì? Anh Khánh thưa: Dạ, gọi là thích ứng. Bác nói: Đúng. Bây giờ Bác nói thêm một việc nhỏ nữa là bình hoa đặt trên bàn rượu của công chúa và Châu Tuấn, mà bàn lại đặt trên kệ gỗ nhỏ, nên khi Châu Tuấn hoặc công chúa đứng lên làm bình hoa lại rung rinh như muốn ngã. Khán giả cũng ly tâm, cứ sợ bình hoa ngã. Làm sao theo dõi được kịch... chỉ một vài chi tiết nhỏ ấy cũng làm hại đến sự thưởng thức của khán giả đối với nghệ thuật, nhất là sự đối đáp giữa công chúa và Châu Tuấn.

Chúng tôi cảm động và kính phục, đồng thanh "dạ" to.

Chiếc huy hiệu Bác Hồ

** Truyện ngắn của* **NGÔ ĐÌNH MIÊN**

Tôi đến thăm gia đình Bai, thắp cây nhang ngày Tết. Kỷ vật mà tôi đã tặng Bai ngày lên đường thoát ly vẫn còn đây, đang nằm trên bàn thờ anh, bên cạnh những tấm huy chương lấp lánh. Đó là chiếc huy hiệu bằng bạc, như đang nhìn tôi, ánh lên màu thời gian biêng biếc và thầm thì kể lại những buồn vui mà nó đã từng chứng kiến...

Năm 1961, tôi lên bảy tuổi, nhà tôi cùng cả làng Lại Yên Thượng bị dồn vào ấp chiến lược.

Để chuẩn bị cho việc dồn dân lập ấp thuận lợi, bọn Mỹ - Diệm đã khống chế, đàn áp dữ dội. Chú Hai Tần, dì Sáu Son và những người nòng cốt khác bị chúng bắt giam ở nhà lao tỉnh. Bác Ba, ba của Bai cũng bị bắt.

Cho đến khi, việc dồn dân cả làng Lại Yên Thượng xong, chúng mới thả những người ấy ra. Bác Ba, lúc ra tù trở về nhà thì thân thể không còn nguyên vẹn nữa. Bọn chúng đã chặt mất của bác một bàn tay. Từ nay, bà con xóm làng gọi bác Ba bằng cái tên mới, như bằng chứng tội ác của kẻ thù : Ba Cụt !

Hôm nhà tôi được dỡ xuống để đưa vào trong ấp, tôi ngồi trên chạc ba cây me sau nhà, cắn trái me non mà nước mắt cứ

trào ra. Tôi đã nghe nhiều người nói rằng, khi con thú hay cái cây mà xa chủ của nó, thì nó nhớ, cứ héo hắt dần, rồi chết. Vì thế, tôi cứ đinh ninh, những ngày sắp tới, khi cả nhà tôi phải vào sống trong ấp chiến lược, thì cây me của tôi cũng ủ rủ, héo úa mà khô chết đi như lời người lớn nói. Cả nhà chuẩn bị đi. Má tôi giục tôi xuống đôi ba lần không được. Cuối cùng, chị Hai doạ sẽ bỏ tôi lại để mà chết theo cây me luôn, tôi mới chịu bò ra khỏi chạc ba quen thuộc như chiếc giường ngủ, tụt xuống đất. Tôi lửng thửng như người mất hồn đi theo sau chiếc xe bò chở lỉnh kỉnh đồ đoàn của gia đình, cùng với chiếc bàn thờ ba tôi.

Gia đình tôi bắt đầu cuộc sống âm thầm trong ấp chiến lược. Má tôi lầm lì ít nói hẳn đi. Chị Hai tôi cũng đổi tính nết, hay bẳn gắt và ít khi ra khỏi nhà. Tôi với Bai chơi thân với nhau từ bé tí. Những ngày còn ở xóm cũ, cả hai đứa thường leo chuyền trên những cành me ram ráp da tay và ngủ ngon lành trên những chạc ba quen thuộc.

Tôi và Bai bắt đầu cắp sách đến trường "Ấp Tân sinh". Nhưng chỉ mấy tháng sau, cả tôi và Bai đều bỏ học.

Từ ngày vào trường, cứ đầu mỗi buổi sáng, trước khi vào lớp, cả lũ con nít chúng tôi đứng thẳng hàng, nghiêm trang, rồi ong ỏng hát bài "suy tôn Ngô Tổng Thống". Tôi thấy chán bài hát đó lắm, vì không hiểu gì cả, nhưng cứ phải gân cổ lên mà gào thật to.

Một hôm, trong giờ ra chơi, Bai kéo tôi ra sau trường rồi hỏi nhỏ :

- Này, mày có biết Ngô Tổng Thống là ai không ?

Tôi trả lời như trả bài học thuộc lòng :

- Ngô Tổng Thống là chí sĩ cách mạng, là người đã... đã...

- Không phải!- Thằng Bai hét lên ngắt lời tôi một cách đột ngột và giận dữ - Ngô Tổng Thống là người đã giết ba mày, chặt tay ba tao trong tù, còn bắt cả nhà mày, nhà tao vào ấp sống khổ cực! Mày nghe chưa ?

Tôi chụp tay nó, hốt hoảng:

- Sao mày biết? Ai nói với mày ?

- Ba tao nói với tao hồi tối này !

Ai chứ bác Ba Cụt nói là tôi tin ngay. Từ ngày ba tôi mất, bác Ba là người thân tín nhất của gia đình tôi .

Sáng hôm sau, không như thường lệ phải thức dậy sớm để chuẩn bị đi học, tôi nằm lì trên giường, trùm mền kín đầu. Tưởng tôi bị bệnh, chi Hai tôi giở mền sờ vào trán tôi, hỏi :

- Em bệnh phải không ?

- Không! Tôi vùng vằng.

- Vậy sao em không dậy đi học ?

Tôi tung mền ngồi dậy, nhìn chị trân trân, rồi nói một cách cương quyết:

- Em không thèm đi học nữa !

Chị tôi hơi ngạc nhiên, ngồi xuống mép giường, vuốt tóc tôi rồi ân cần hỏi lại :

- Em nói cho chị nghe đi, sao lại không thèm đi học ?

- Tại em không thèm hát suy tôn Ngô Tổng Thống nữa !

Rồi như có một luồng hơi nóng từ ngực tôi phả lên mặt nóng bừng, tôi nói như hét vào tai chị tôi:

- Vì người ta giết ba mình, Ngô Tổng Thống giết ba mình, chặt tay bác Ba, vì...

Chị Hai vội vàng lấy bàn tay bịt miệng tôi lại, không cho tôi nói nữa. Lần này, thì chị tôi sửng sốt thật sự . Chị ôm chặt lấy tôi. Rồi hai chị em cùng khóc. Ngày hôm đó trôi qua lặng lẽ. Hai chị em không nói với nhau một lời nào, nhưng trong thì như có cái gì đang âm ĩ.

Sáng hôm sau, chi Hai gọi tôi xuống bếp. Chị nhẹ nhàng cầm bàn tay tôi và mở cho những ngón tay xòe ra; chị đặt vào đó một vật gì nhỏ, tròn như đồng xu, rồi nắm chặt bàn tay tôi lại. Chị hỏi tôi nhỏ nhẹ :

- Em có nhớ cây me nhà mình không ?

- Dạ có, em nhớ lắm !

- Em có muốn về lại với nó không ?

Tôi ngạc nhiên hỏi lại chị :

- Nhưng mà làm sao về được ?

Chị không trả lời câu hỏi của tôi. Chị từ từ mở bàn tay tôi tôi ra. Cái vật be bé, tròn như đồng xu ấy nằm giữa lòng bàn tay tôi, có màu bạc; ở giữa có hình nổi gương mặt một ông già có chòm râu dài, trán rộng, vẻ hiền từ phúc hậu hao hao như hình ông Bụt trong tranh vẽ in trong sách .

- Em có biết ai đây không ?

Tôi lắc đầu.

- Bác Hồ đó !

Lần đầu tiên tôi nghe nói đến cái tên ấy. Tôi cầm cái vật be bé đó lên ngắm nghía, rồi hỏi chị Hai :

- Bác Hồ giống ông Bụt quá phải không chị ?

- Bác Hồ là ông tiên đó !

Chị Hai tôi nói và cười. Nụ cười tươi tắn hiếm hoi mà tôi được thấy ở chị từ ngày về sống trong ấp chiến lược này.

- Vậy ông Bụt - Bác Hồ có giúp nhà mình và nhà thằng Bai về lại xóm cũ, cho em về với cây me được không chị ? Tôi nói liền một hơi .

- Ừ - chị lại cười, Bác Hồ sẽ giúp cho bà con về lại xóm cũ, cho em về với cây me của em.

Tôi mừng quá, muốn nhảy lên, chạy mau đi tìm thằng Bai để nói cho nó biết điều này. Tôi lại ngắm nghía cái vật be bé có ảnh ông Bụt - Bác Hồ lần nữa; và bỗng nhớ đến gương mặt bì bì trong khung ảnh lớn treo phía trên bảng đen trong lớp học. Bây giờ, tôi mới thấy nó ác làm sao!

- Chắc Ngô Tổng Thống sợ Bác Hồ lắm hả chị?

- Ừ, sợ lắm!

Tôi cảm thấy lòng mình được thoả mãn, được trả thù. Tôi đã biết được kẻ đã giết ba tôi, mà tôi phải suy tôn mỗi sáng, phải sợ một người. Tuy rằng, người ấy, giờ đây, tôi chỉ mới hình dung qua cái vật tròn tròn be bé này. Tôi áp nó lên ngực và nói với chị tôi:

- Chị cho em xin cái này nghe chị?

- Ừ, chị cho em. Em gọi nó là "huy hiệu Bác Hồ".

Chị tôi đứng dậy, kéo tay tôi đi lên nhà trên, đến trước bàn thờ ba tôi được đặt giữa nhà, rồi nói nhỏ với tôi giọng xúc động:

- Chiếc huy hiệu Bác Hồ này là của ba mình. Trước lúc hy sinh trong tù, ba đã gửi lại cho các bạn tù và sau đó được bác Ba đem về cho chị em mình.

Chị nhìn tôi, thoáng suy nghĩ rồi nói tiếp:

- Bây giờ, chiếc huy hiệu này là của em. Nhưng em phải cất nó vào sau lưng khung ảnh của ba mới được. Cảnh sát mà thấy, nó sẽ đánh chết chị em mình.

Tôi gật đầu và nhìn chừng ra cửa cho chị cất huy hiệu vào sau khung ảnh ba. Xong rồi, chị thắp ba cây nhang, thầm thì nói với khung ảnh ba tôi điều gì đó, chị cắm nhang vào lư. Hai tay chị run run.

Suốt bốn năm sống trong ấp chiến lược; Bác Hồ trong trí tưởng tượng của tôi, lúc thì mờ ảo giống như ông Bụt hiện lên giúp cô Tấm lấy được hoàng tử; lúc thì sừng sững, oai nghi như vua Quang Trung cưỡi voi đại phá quân Thanh được vẽ trong sách.

Trên bàn thờ Bai, chiếc huy hiệu vẫn ánh lên màu bạc. Tôi chợt nảy ra một ý định. Tôi sẽ nói với gia đình Bai xin lại chiếc huy hiệu kỷ niệm để tặng cho phòng truyền thống của trường phổ thông của xã và kể lại câu chuyện về chiếc huy hiệu này cho các em học sinh hiểu thêm về những cuộc đời đã hy sinh để có được hòa bình hôm nay và ngày mai tươi sáng.

Người chụp ảnh Bác Hồ

Phan Chính

Nghệ sĩ Nhiếp ảnh Lâm Hồng Long sinh năm 1925 tại Phước Hội - La Gi (Bình Thuận). Từ năm 1948 ông tham gia kháng chiến chống Pháp, năm 1951 bị địch bắt giam ở nhà lao Phan Thiết rồi đày ra trại an trí Đà Nẵng. Năm 1954 tập kết ra Bắc và công tác ở cơ quan TTXVN làm phóng viên nhiếp ảnh thời sự. Ông từng được phân công đi chụp ảnh nhiều sự kiện trong nước và lĩnh vực ngoại giao. Năm 1992, lúc ấy Lâm Hồng Long là một trong số rất ít Nghệ sĩ nhiếp ảnh VN được Liên đoàn Nghệ thuật nhiếp ảnh Quốc tế FIAP kết nạp.

Những ngày tháng cuối đời, nghệ sĩ nhiếp ảnh Lâm Hồng Long về sống với quê nhà ở phường Phước Hội, thị xã La Gi. Một mình một bóng ông lặng lẽ trong ngôi nhà tự của họ tộc Lâm có những tàng cây xanh rậm mát bên cạnh góc phố chợ chiều chỉ rộn ràng khi thuyền cá vào bến. Ông biểu lộ sự chân tình tự đáy lòng khi về lại nơi chôn nhau cắt rốn, rồi lớn lên đi theo cách mạng, tập kết ra Bắc, nay được anh em văn nghệ, bà con họ hàng đứng ra tổ chức cho ông cuộc triển lãm ảnh thời sự nghệ thuật của Lâm Hồng Long và buổi mừng thọ ông bước vào tuổi 70, đó là năm 1995. Kể cả ông, không mấy ai biết rằng một năm sau đó Lâm Hồng Long được một phần thưởng nhà nước danh giá nhất trong cuộc đời sự nghiệp nhiếp ảnh của mình: Giải thưởng Hồ Chí Minh đợt đầu tiên!

Mãi đến sau này mới có nhiều người biết đến Lâm Hồng Long là tác giả của những bức ảnh vừa có tính thời sự vừa mang tính lịch sử như bức "Bác Hồ bắt nhịp bài ca kết đoàn", bức" Mẹ con ngày gặp lại" trở thành biểu tượng cho sức mạnh đoàn kết dân tộc và người mẹ Việt Nam anh hùng. Lẽ thường, trong lĩnh vực sáng tạo không thể quên đi cái tên tác giả, nhưng với những bức ảnh đẹp như huyền thoại đó đã đi sâu vào lòng người, vậy mà không mấy ai biết đến. Ông cũng không một chút phàn nàn, nhưng bù lại khi thời gian không thể qua mặt sự hiển nhiên và ông đã được đền bù là tên ông đứng bên các tác phẩm đích thực của mình. Suốt một đời cầm máy của Lâm Hồng Long, cơ quan Thông Tấn Xã Việt Nam là nơi ông có được nhiều điều kiện về nghiệp vụ và tiếp cận các sự kiện thời sự của đất nước trong thời kỳ chiến tranh, trong lĩnh vực ngoại giao và trong đoàn Nam tiến của chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử 1975. Nhưng mãi sâu đậm trong ông vẫn là những ngày được phân công ghi lại tư liệu lịch sử bằng ảnh về Bác Hồ từ năm 1966 - 1969. Mặc dù trước đó Lâm Hồng Long với tư cách một phóng viên ông cũng chụp ảnh Bác nhưng theo cách chuyển tải thời sự báo chí. Ông nhớ lại vào năm 1966, nhân dịp "Đại hội anh hùng chiến sĩ thi đua chống Mỹ cứu nước", Lâm Hồng Long đã có một bức ảnh đẹp của Bác Hồ là bức ảnh đầu tiên theo chân Bác. Sau đó, ông có nhiều bức ảnh của Bác gắn với các sự kiện lịch sử dân tộc, trong chiến đấu, trong hoạt động thường ngày...Có nhiều bức ảnh được in làm bìa sách và làm biểu tượng cho phong trào như bức ảnh Bác tặng hoa cho Mẹ Suốt được phong anh hùng giao thông vận tải Quảng Bình, người mẹ hiên ngang chèo đò đưa bộ đội qua sông Nhật Lệ dưới làn bom đạn của địch; bức ảnh "Bác trồng cây" tại xã Vật Lại, huyện Ba Vì (Hà Sơn Bình) vào ngày mùng 2 Tết năm 1969, lúc này sức khỏe Bác

rất yếu, đi phải có người dìu, bức ảnh thường thấy trưng bày ở các cuộc vận động "trồng cây đời đời nhớ ơn Bác" sau này. Ông rưng rưng kể lại, bức ảnh cuối cùng ông chụp Bác Hồ là vào tháng 6/1969, dịp Bác dự lễ kỷ niệm ngày thành lập Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam Việt Nam tại Hà Nội.

Kỷ niệm lớn nhất mà cũng là cơ hội cho Lâm Hồng Long có những bước đi ban đầu trong nghề nghiệp bằng sự tự tin và hăng hái của thời trai trẻ. Ông chậm rãi kể lại nhiều chi tiết khá thú vị. Hôm ấy, cơ quan TTXVN giao cho ông đi làm nhiệm vụ chụp ảnh Dạ hội nhân dân Thủ đô mừng thành công Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III tại công viên Bách thảo Hà Nội (1960). Trong khung cảnh hoành tráng của buổi lễ, Bác Hồ xuất hiện với bước chân ung dung lên thẳng bục nhạc trưởng và bằng một phong cách thư thái, Bác cầm đôi đũa chỉ huy để bắt nhịp bài ca "Kết đoàn", là một bài ca quen thuộc được nhân dân, chiến sĩ thường mời Bác khởi xướng trong các dịp mit tinh, hội nghị. Lúc ấy Bác hướng mặt nhìn về phía dàn nhạc công và ban hợp xướng, tất nhiên những ống kính phóng viên chỉ lấy được phần lưng của Bác mà thôi. Khi bài ca được xướng lên" Kết đoàn chúng ta là sức mạnh, kết đoàn chúng ta là sắt gang...". Thật là bất ngờ cho các phóng viên nhiếp ảnh vì không thể nào chụp được chân dung của Bác vừa cùng lúc thấy cho được giàn nhạc đang cất lên hùng tráng vì đó mới là cái nền rất đẹp cho bối cảnh bài ca"kết đoàn" do Bác bắt nhịp. Thế là một số phóng viên chạy tìm vị trí mới, Lâm Hồng Long cũng lúng túng chưa biết phải chọn góc độ nào nhưng ông ước đoán chắc chắn Bác sẽ quay người ra phía các nhà báo, phóng viên đang còn sẵn sàng chờ tác nghiệp, song bài ca vào đoạn kết thúc mà chưa thấy Bác quay lại nên bỏ chỗ chạy chuyển vào góc phía

trong ban nhạc để chụp được chân dung Bác. Còn lại một mình, Lâm Hồng Long vẫn đứng tại chỗ và cơ hội may mắn đã đến. Quả nhiên bài ca đến đoạn kết "tiến, tiến...theo ngọn cờ tự do đang reo vầng lên ánh dương xây đời mới, trong dân chủ mới...". Cũng là lúc Bác quay mặt ra phía ống kính của ông, trong một tư thế chỉ huy với đôi đũa điều khiển rất đẹp. Lập tức không bỏ lỡ khoảnh khắc thần kỳ này và ông bấm máy. Chiếc máy ảnh hiệu Rolleiflex qua giây đồng bộ với chiếc đèn Flash Braun phát ra một tia chớp. Hình tượng Bác mặc áo lụa trắng sáng lên trên một nền sẩm với vẻ mặt rạng rở của các nhạc công và những bóng đèn như ánh sao lung linh. Ông nhớ rất rõ, khẩu độ chụp của máy là T 5,6, tốc độ chụp 1/50 giây và chỉ duy nhất một kiểu phim 6x6cm để có được bức ảnh "Bác Hồ bắt nhịp bài ca kết đoàn". Đây là bức ảnh trở thành biểu tượng cho tinh thần đoàn kết của dân tộc, nhất là trong thời điểm lịch sử lúc bấy giờ và còn mãi giá trị đến mai sau.

Những lần nói chuyện nghề nghiệp với các bạn trẻ ở quê nhà, Lâm Hồng Long rất khiêm nhường, từ tốn kể lại những ngày được đi chụp ảnh Bác Hồ là kỷ niệm đẹp nhất, hạnh phúc nhất trong đời. Đối với ông không chỉ là vấn đề nghệ thuật mà còn là tấm lòng của người nhiếp ảnh cảm nhận được cái nhân cách vĩ đại của Bác Hồ nên trong mỗi động tác bấm máy của ông là bằng tất cả sự rung động dạt dào.

Năm 1997, Lâm Hồng Long mất ở tuổi 72, nhưng đã có nửa thế kỷ hoạt động nhiếp ảnh và dành cho sự nghiệp nghệ thuật. Thật qúy giá biết bao, trong những năm được chụp ảnh Bác Hồ gắn với nhiều sự kiện quan trọng để có được những tác phẩm về Bác có giá trị lịch sử và đậm nét nhân văn.

Người chăm sóc Khu Di tích Bác Hồ

***Truyện ngắn của* Lê Nguyên Ngữ**

Thêm già Chất lên là chiếc xe được sáu, còn bốn người nữa mới "đủ tài", xe chạy. Hôm nay là hai sáu tết. Thành phố có chợ đêm từ tối qua. Bến xe đông đầy. Người đi mua sắm, rồi cây trái, bánh mứt, gánh sọt đầy nghẹt trên các chuyến xe đi về như con thoi, nối thành phố với những vùng lân cận.

- Nhanh nhanh lên các bà các chị ơi! Giao thừa sắp đến nơi rồi mà còn cà rịch cà tang cái điệu đó là chết tui.

Một bà ngưng khúc mía đang xiết ở miệng, nói:

- Còn mời thỉnh gì nữa, ông tài? Đủ mỗi bên năm người rồi, sao không chạy đi, nóng nực quá trời hè!

Tài xế xe Lam không trả lời, vẹt thúng gióng nhìn vào lòng xe. Đoạn anh kéo chân già Chất ra và đẩy vào dưới băng cái thúng; xong lễ phép xếp cẳng ông già lại và nở nụ cười cầu tài:

- Phải ai đi xe cũng như bác thì tụi cháu khỏe re, có người sao mà... to đến độ chỉ ngồi có ba chỗ đã chật hết cả băng. Đã thế còn đồ đoàn lỉnh kỉnh!

Có tiếng hấm hứ của chị thân hình thuộc loại "có cỡ" bên hàng ghế đối diện với già Chất:

- Đồ đoàn thì ông có tiền ba-ga, còn mập ú gì thây kệ người ta, miễn ngồi một chỗ trả tiền một chỗ thôi chớ!

- Chật như nêm vầy còn xích vào đâu được nữa mà xích!

- Còi chết...! Ai đạp chân tui?

Tiếng phản đối, càm ràm hai bên băng ghế nổi lên cùng với tiếng máy nổ, khói xăng khiến chuyến xe buổi trưa cuối năm thêm chộn rộn, hấp hổi. Một cơn gió bấc vừa đánh trốt bên vệ đường. Lá khô và cát bay rạt rào, mịt mù trong tiếng la í ới. Một anh ngồi trong chồm người qua già Chất, nói với anh tài đang ràng rịt gì đó trên mui xe:

- Anh ràng dùm tôi nhành mai cho khéo, kẻo gió cái kiểu này... về tới nhà chắc còn chà không!

Đang ngồi thu lu chịu đựng chờ giờ xe chạy, nghe nói đến nhành mai, già Chất bỗng hốt hoảng:

- Chết tui rồi! Tui quên cái nhành mai rồi bà con ơi! Thảo nào mà cứ lướng vướng mãi, nghĩ không ra.

Vừa nói già Chất vừa một tay gom giữ hai vạt áo bà ba, tay kia vẹt thúng gióng, vọt xuống. Trong xe lại ồn lên tiếng khách đi lao nhao:

- Rồi, lại thiếu một người nữa rồi!

- Rõ khổ, mai với chả mốt! Con cháu đâu lại để già cả thế đi chợ hông biết nữa.

Mặc những lời của hành khách trên xe, già Chất ba chân bốn cẳng rảo bước. Già Chất là người trông nom Khu Di tích Bác Hồ chứ không phải đi chợ tết như họ nghĩ. May chút nữa già quên mất cây mai thì hỏng. Chỉ cần quên hay bỏ chậm long não vào chậu mai một tối là nó sẽ nở muộn lại, không đúng

giao thừa ngay. Chơi mai tết mà không nở đúng giao thừa là dở. Với già Chất, không bao giờ có chuyện chơi mai như vậy. Chỉ vì tụi nhỏ lấn bấn làm già sợ trễ xe nên lật đật mới quên phắt nó đi.

*
* *

Năm nào cũng vậy, cứ khoảng thượng tuần tháng Chạp, già Chất lại cơm đùm, cơm nắm, dắt cháu lên bên kia sườn núi Tà Dôn, tìm chặt mai. Già nghe nói hồi Bác Hồ chưa đi xa, Người rất thích mai vàng của miền Nam. Bởi đó năm nào cứ mỗi lần tết đến, già Chất cũng tự mình đi tìm chặt cho bằng được cành mai rừng để cắm vào trong Khu Di tích.

Gốc mai già Chất quên dặn Hảo bỏ long não vào đây là gốc mai già phải leo núi đến lần thứ hai mới chọn chặt được. Gốc mai già tìm chặt được này, nhát rựa của tay sành mai nào để lại từ những năm về trước, với thời gian và đất đá khô cằn nơi ngọn núi quê già đã tạo nên cho nó một vóc dáng tuyệt hảo đẹp cách vô tiền khoán hậu. Đã thế, cứ mỗi lần nách lá là một búp bông, trông đặt sệt cứ như đem đậu rằng đãi vào. Khi gốc mai ấy về đến Sa Ra, ngoài già ra thì miễn có ai được rớ tới. Kể luôn cả thằng cháu vác nó đi té ngửa từ sườn núi xuống. Từ vặt lá đến thui gốc, vô nước... đều tự tay già làm. Và khi mang về đặt ở Khu di tích cũng vậy.

Hôm nay già Chất cần về nhà từ đường ở Sa Ra sớm, nên đành phải nhờ Hảo chăm hộ cây mai. Già Chất định đi lúc sáng sớm, nhưng rồi bất ngờ có đoàn các cháu học sinh giỏi vào tham quan Khu di tích. Già thì còn lạ gì tánh của mấy đứa trẻ, đến là

hay tò mò, láu táu. Cuối cùng không ngờ cháu nào cháu nấy rất ngoan, song già Chất cũng mất đứt một buổi sáng để dè chừng. Rồi kế đến việc này, việc khác. Mãi đến lúc bóng cây vú sữa chấm mí sân trường, già mới ra khỏi được Khu di tích. Trình tràng vậy mà lấn bấn, lúi búi thế nào già lại quên dặn Hảo, mỗi tối bỏ hai viên long não vào ché nước cắm mai. "Quên gì quên ác nhơn ác nghiệt quá! Chẳng biết khi mình ra lại, có còn kịp xe về Sa Ra không?". Già Chất tay vỗ vỗ vào trán, nơi có hàng lông mày đang bắt đầu nhốm bạc của mình và bước nhanh hơn.

Tết nào cũng vậy, già Chất có lệ đón giao thừa ở Khu di tích, đến mồng hai về nhà từ đường trên Sa Ra và mồng bốn tết thì xuống lại. Riêng năm nay thì khác. Già Chất tính về từ đường của họ trước, đến chiều ba mươi thì xuống và ở hẳn dưới này luôn. "Để trực trông coi Khu di tích cho các anh em trẻ đi chơi thoải mái". Đó là cái lý do nửa đùa nửa thật của ông già. Thật ra, chuyến về nhà tự của già Chất trước tết năm nay có một mục đích thầm kín khác.

Cách đây gần nửa tháng, hôm đi chặt mai núi về, đầu gối của già Chất tự dưng mưng mủ lên. Qua hai ngày sau, chỗ đầu gối da nhăn đã thấy phồng căng cái màu đỏ của mận chín. Mỗi lần già co duỗi, đau cứ như là bị ai tháo khớp gối chân. Già Chất cố giấu, nhưng rồi cái dáng đi khệnh khạng đã tố cáo chỗ đau của già. Biết không tránh trớ đâu được, già nói dối là leo núi bị ngã, song anh em không tin. Sau khi xem cặp đầu gối của gìa, anh em trong Khu di tích đều bảo đó là bệnh thấp khớp. Thấp khớp thường là bệnh của người có tuổi. Bệnh của người già! Sự thật này làm già Chất bàng hoàng, lo lắng. Già không sợ mình đến cái tuổi "Lực bất tòng tâm", chỉ lo rồi trên lại chẳng cho già trông

coi, chăm sóc Khu di tích nữa, vì tuổi cao, sức yếu. Cũng may sau đó vài ngày, đôi gối già Chất tự nhiên khỏi, dù chẳng xoa bóp, thuốc men gì ráo. Già lại tiếp tục công tác thường ngày một cách xốc vác hơn.

Tưởng mọi sự bình thường, vậy mà... hôm kia, tổ chức bên Sở văn hóa đã mời già. Sau một lúc thăm hỏi vòng vo về công tác, chế độ này nọ cuối cùng anh Hộ, phó phòng tổ chức nói: "Bác Chất ạ, càng ngày chúng cháu thấy Bác càng không được khỏe. Điều này cũng tất nhiên thôi, tuổi già mà, ai tránh khỏi. Chúng cháu định tìm người khác thay thế để Bác về nghỉ, song chưa chọn được ai - Anh Hộ ngừng một lát rồi nói tiếp: chúng cháu cũng có bàn, thôi thì không ai hiểu công việc này bằng Bác, nên đề nghị Bác kiếm hộ cho tổ chức một người có thể thay thế mình. Già trẻ gì cũng được, rồi báo với chúng cháu...". Sau đó, anh Hộ còn nói thêm gì nữa với già. Dường như loáng thoáng có gợi ý thằng Minh, con trai già, nhưng hai tai già Chất bỗng ù đặc đi.

Vậy là, điều già Chất lo sợ đã đến. Gần hai mươi năm nay, công việc ở Khu di tích là lẽ sống của Già. Hình ảnh Bác Hồ, hình ảnh thầy Thành đã gắn liền với tâm trí của già trong cùng khắp Khu di tích, ở hầu hết công việc già làm. Bắt đầu từ lòng kính yêu Người-cha-già-dân-tộc, tất cả các công việc ở Khu di tích đối với già đều trở thành thiêng liêng. Lau bộ ấm chén, già Chất cũng nghĩ năm xưa thầy Thành cũng đã từng lau như thế này. Tưới gốc khế, già cũng nghĩ năm xưa thầy Thành đã tưới. Mở cổng trường, già cũng nghĩ...Già Chất nghĩ rằng không ai có thể làm những việc ấy một cách thành kính, trân trọng bằng già. Đó là chưa kể người nào thế già làm những công việc ấy. Tâm

cách của người đó ra sao?... Lời gợi ý của tổ chức khiến hai đêm nay già gần như mất ngủ, cứ hết đi ra lại đi vào, và ho húng hắng suốt đêm. Ai sẽ thế già trông coi, chăm sóc Khu di tích. Già Chất bỗng thấy nhiệm vụ mà tổ chức giao hệ trọng vô cùng. Thằng Minh con trai của già? Nó tuy là đảng viên, chững chạc song lại còn quá trẻ. Khi nghĩ tới điều này, già Chất bất chợt có ý định về Sa Ra gặp lại thằng Minh để xem xét nó. Tuy là cha con, nhưng khi tổ chức gợi ý việc hệ trọng này, già lại thấy mình như chưa hiểu rõ về nó lắm. Cái ý định vừa mới manh nha đã vụt thôi thúc, khiến già Chất vội vã thu xếp về quê ngay. Đó là lý do khiến già năm nay về quê trước tết. Và rồi, quên phắt đi việc dặn Hảo mỗi tối bỏ dùm long não vào ché nước cắm mai.

Đưa điếu thuốc rê lên miệng sơ kín mép giấy, già Chất bập vào cây đèn ABC để trên bàn, thằng Minh đi vắng, lúc chiều về nhà già Chất mở cửa bằng chìa khóa riêng. Đến giờ này nó họp hành gì mà vẫn chưa thấy về. Gió cuối năm vọng qua đầu hồi nhà tự nghe ù ù, ào ào từng đợt. Già Chất vặn nhỏ tim cây đèn, thổi luôn và trở lại võng nằm. Chiếc võng làm bằng sợi mấu nhễu thành vệt bán nguyệt đậm giữa hai cây cột lớn. Hai cây cột xưa kia dán đầy những đuôi tàn thuốc đỏ quệt trầu của ông nội già Chất. Ở đầu cột võng, cây khoèo tre dùng để gãi lưng, vật tùy thân còn lại duy nhất của cha già Chất treo lủng lẳng. Trong bóng tối nhờ nhờ, nom nó tựa như cái móc câu nối liền già với gian nhà tự đang thơm thoảng khói hương vào đêm cuối năm. Tiếng kẽo kẹt ở hai đầu võng thả vào đêm cái âm điệu buồn buồn, mỗi lúc nghe một nhỏ dần như tiếng tắc kè kêu.

Mốt đã là ngày giỗ ông của già Chất. Từ lúc chạng vạng già đã đốt nhang và thắp nhỏ tim những cây đèn hột vịt chong ở

khắp các bàn thờ, trang thờ. Già Chất xích nhẹ võng. Ông cảm thấy mình như đang trôi nhè nhẹ giữa cái vũ trụ của nhà thờ họ mà mỗi đầu nhang thỉnh thoảng lóe sáng lên là một ngôi sao. Cái vũ trụ ấy và mấy chồng cốm tết đang nằm chờ dán giấy trên bộ ván ngựa đã xoay xuôi xoay ngược trong hồi tưởng của già.

Già Chất giờ tuy nghèo, nhưng nhà tự là của dòng họ giàu có nên rất lớn, với thảo bạt rộng đủ chỗ cho cả họ tụ quần mỗi khi có giỗ chạp hay "xuân kỳ, thu tế". Ngôi nhà ba tiền ba hậu, từ cột kèo cho đến rui mè đều toàn loại danh mộc thượng thặng cả. Nghe đâu tốp thợ vào làm trường Dục Thanh (nơi Bác Hồ dạy học sau này) của cụ Nguyễn Thông với toán thợ làm nhà tự này là một. Bởi thế nên hầu hết các kiểu chạm khắc, nhất là ở mặt tiền ngôi nhà, trường Dục Thanh với nhà tự dòng họ già giống nhau như tạc.

Sau giải phóng miền Nam, biết nhà nước sẽ phục chế trường Dục Thanh để làm Khu di tích Bác Hồ, già Chất đã khăn gói xuống tận Ủy ban tỉnh. Già kể rõ sự tình và trình bày nguyện vọng của mình: được hiến toàn bộ mặt tiền và nếp nhà tự, hầu đóng góp phần nhỏ vào việc phục chế trường xưa. Trước nguyện vọng thiết tha của già Chất, cuối cùng rồi Ủy ban cũng chấp thuận cho già được hiến mặt tiền ngôi nhà. Sau này khi được vào chăm sóc Khu di tích, già Chất mới biết mặt tiền nếp nhà tự già hiến, chẳng qua là để tham khảo, chứ không dùng gì được vào việc phục chế ngôi trường cả. Có lẽ do tầm cỡ của nó không ăn thua gì so với Khu di tích. Trước đây, Ủy ban chấp thuận, chẳng qua là để thỏa mãn nguyện vọng của già mà thôi.

Nghĩ đến Khu di tích, già Chất bỗng nhớ tới việc tổ chức Sở gợi ý, lại thấy bồn chồn trong dạ. Già Chất xích nhẹ võng mấy

cái, như thể cho mát bớt điều hiện đang hấp hổi trong lòng mình. Ai sẽ thế già chăm sóc Khu di tích đây? Điểm qua những người quen từ thuở "chín năm" cho đến thời bị địch tạm chiếm và bây giờ, già thấy không có ai. Hay nếu có thì vì lẽ này lẽ khác. Quanh đi quẩn lại, già Chất lại nghĩ tới thằng Minh, con trai già. Nó thế già, sẽ có cái ưu thế mà già không tài nào có được. Đó là nó đã kinh qua nghề dạy học. Công việc của già trong Khu di tích, dù không phải là hướng dẫn, thuyết minh cho khách đến tham quan mà là tưới cây, lau chùi bàn ghế, ấm chén ở Ngọa du sào...Song nếu đã trải qua nghề dạy học, già nghĩ, nó sẽ làm những công việc này một cách hiểu biết hơn. Chẳng hạn, mỗi sáng lau tấm bảng trong lớp, nó sẽ lau theo cách theo chiều mà những thầy giáo đứng lớp thường lau. Để chiếc ghế ở bàn thầy ngồi, nó cũng sẽ để khiến cho người nhìn tưởng như thầy Thành vừa mới đứng dạy đi đâu đó...Và, kiến thức như nó công tác cũng thuận lợi hơn già nhiều mặt. Chẳng hạn, cây khế sao lại trổ những chùm bông lủng lẳng ở ngay gốc mà không trổ trên ngọn...Thằng Minh thế già, nó sẽ có những thuận lợi đó. Rồi ra, biết đâu nhà nước lại chẳng cho nó đi học lớp bảo tồn, bảo tàng gì nữa. Già nhớ nó cũng đôi lần nói với già về ước ao được làm công tác bảo tồn bảo tàng. Chà chà...! Hượm đã, già sẽ không nói với nó cái tin này vội. Nghĩ đến thằng con trai trong việc thế mình một cách có bài bản, già Chất phấn chấn xích nhẹ võng.

Minh dạy ở trường cấp một gần đây. Từ khi về chăm sóc trông coi Khu di tích, nhà tự này già Chất để lại cho thằng Minh ở. Hồi chiều về thấy nó tìm đâu được tấm kính lớn lộng khung ảnh Bác Hồ treo rất trang trọng, khiến già cũng thấy vui vui. Phải thế chớ! Thằng Minh như vậy, nếu để nó trông coi, chăm sóc Khu di tích, già sẽ không phụ lòng của tổ chức Sở và của cả lòng già.

Có tiếng cửa mở. Một thanh niên dáng đậm chắc, hơi lùn bước vô. Đó là Minh, con trai già đã về. Khi nhận ra người nằm trên võng, nó vồn vã:

- Ủa ba! Ba về hồi nào?

Già Chất bỏ một chân xuống đất cho chiếc võng dừng lại và nói, tuồng như già chẳng để ý hay trông đợi thằng con về cả:

- Ừ, tao về hồi chiều.

Ngọn đèn hột vịt trên bàn thờ lao chao, Minh xoay ra đóng lại cửa. Dưới ánh đèn dầu vừa vững ngọn, gương mặt của nó ánh lên màu đỏ bầm như người uống phải rượu. Năm học này, nghe đâu nó được đề bạt vào Ban giám hiệu. Da dẻ, tướng tá thằng này trông không có vẻ nhà giáo chút nào. Tướng ấy mà thế già chăm sóc, trông coi Khu di tích thì như cá gặp nước.

- Hôm nay ở trường họp sơ kết học kỳ một, nên con về muộn - Minh để cặp lên bàn và kéo ghế tựa ngồi xoay mặt về phía cha.

Già Chất lại bỏ gót chân lên lọt tỏm vào mắt chiếc võng mấu. Già sực nhớ đã lâu lắm mình chưa hỏi thăm đến công tác của con. Dễ chừng ba tháng nay già mới gặp lại nó. Lần trước, già về chặt mai, thằng Minh đang học gì bên huyện.

- Lóng rày, trường trại của mày sao...r.ồ..i...?

Già Chất vừa hỏi, vừa vờ ngáp để dè chừng ý thằng con... Cái ngáp của người già thường ít ngủ vào lúc mới chập tối nghe lãng xẹt! Khi vòng tay ra sau ót giả gối đầu để che miệng, già Chất mới bực mình vì câu hỏi đã không nhằm gì vào việc thăm dò bản thân nó cả.

Ngược lại với sự trật lất của già, câu hỏi đối với thằng Minh lại như... gãi trúng vào hoài bão, dự định gì của nó về tương lai ngôi trường. Nó bắt đầu nói và nói rất nhiều, theo già gần như là huyên thuyên! Ngôi trường nó đang dạy là một thứ trường làng, với cả nghĩa đen và nghĩa bóng của nó. Già Chất nằm nghe những điều nó nói mà chẳng "nhập nhĩ, nhập nhãn" chút nào. Lỗ tai bên này cứ dông tuốt qua bên kia! Ờ, đã đành trẻ thì hay nhóng đến tương lai, nhưng theo già cũng còn quá khứ chớ. Quá khứ là nơi xuất phát, là trớn để vọt tới. Không có quá khứ thì làm sao có tương lai được? Chưa chi nó đã muốn quên quá khứ trong cách say sưa về tương lai của mình. Vô cổ bất thành kim, già Chất nghĩ thầm, cái thằng này đến là hỏng, đến là không thể thế già được! Già Chất nghe nóng dần ở hai lỗ tai. Nằm tòn teng trên võng, già hết xoay ngang rồi xoay ngửa mà thằng Minh vẫn nói mãi về tương lai của ngôi trường.

Đến lúc già Chất ngoáy, xích võng tới lần thứ ba và nằm tréo ngoe lưng lại, Minh mới chợt để ý đến thế nằm và cách nghe chuyện của cha, anh ngừng nói rồi... tần ngần:

- Con tưởng đâu ba mươi ba mới về chớ.

Già Chất xoay bỏ hai chân sang một bên giá võng và ngồi dậy. Kéo vạt áo bà ba trẹo bên hông vào giữa lòng, già lấy thuốc hút:

- Chớ mày hông nhớ mốt là ngày gì à?

Tiếng hỏi âm vang của già Chất nghe trầm lặng trong ngôi nhà tự. Sự vô tâm trong câu nói sau cùng của thằng Minh làm già giận cành hông.

- Ngày gì hả ba? Mốt có là ngày gì đâu!

Già Chất bỗng nộ khí xung thiên:

- Ngày gì à? Mốt là ngày giỗ ông nội tao chớ có phải ông bà, ông vải gì mày đâu mà nhớ. Thế là hỏng! Hỏng! Hỏng...!

Cơn giận ập đến khiến tay chân già Chất run lẩy bẩy. Già vấn nhàu nhụi điếu thuốc đưa lên miệng. Giận nó quên ngày giỗ ông thì ít nhưng giận vì cái tính của nó, rồi sẽ làm sụp đổ điều già kỳ vọng thì nhiều. Vậy là hỏng trét! Cái ngữ đó thì chăm sóc Khu di tích làm sao được. Công tác bảo tồn, bảo tàng là giữ gìn quá khứ, nhưng thằng con già chỉ chú trọng có tương lai!

Nó còn quá trẻ. Già Chất ngao ngán bật người ra võng. Và bỗng nhiên già Chất buồn vô cùng. Điều khám phá ở thằng Minh đã làm chuyến về Sa Ra của già không còn hứng thú nữa.

Trước cơn giận đột ngột của cha, Minh chẳng biết phải ăn nói ra sao. Anh xoay ra mân mê cái khóa của chiếc cặp như thể mới thấy nó lần đầu, rồi ngập ngừng nói:

- Vậy mà con quên. Nhưng ... mốt lận kia mà.

- Thì ...mốt!

Già Chất chợt hồi tâm lại. Kể ra thì giận nó cũng vô lý. Biết trước cái tính thế có khi lại may. Không lỡ nó vào chăm sóc Khu di tích rồi sơ suất điều gì thì già lại ân hận. Với lòng kính yêu vô hạn Bác Hồ, từ khi vào chăm sóc, trông coi Khu di tích đến giờ, già Chất chưa làm điều gì để tự mình thấy phải buồn, phải tiếc cả, nay vô lẽ để thằng con làm mình phải buồn thẹn và mang tiếng với tổ chức hay sao? Chợt có tiếng Minh rụt rè:

- Thế... bao giờ ba xuống lại?

- Mai!

Vậy là đủ. Già Chất thấy mình cần phải xuống gấp để báo với tổ chức về việc thằng Minh không thể thế già được.

- Ủa ba mới về mà. Sao không để xong giỗ ông rồi hẵng đi?

- Thì tao nói vậy, chớ giỗ ông trên này tùy mày. Có gì cúng nấy - Ngừng một chút, già Chất tiếp: Còn tao, tao phải xuống gấp vì công việc còn đăng đăng đê đê ra dưới ấy. Hơn nữa tết nhất đến nơi rồi! Nhà tự tao bỏ được, chứ Khu di tích vắng lâu là tao không yên tâm.

Nói xong, già Chất lại khều chân đưa nhẹ võng. Giữa hai cha con giờ chỉ còn tiếng "kít...kẹt..." buông ra từ hai đầu võng nghe đơn điệu, buồn buồn. Và giữa những tiếng tắc kè kêu ấy là suy nghĩ của già. Thằng Minh nói khí trúng. Nó đang làm cái việc cách đây hơn chín mươi năm Bác Hồ đã làm ở Khu di tích bây giờ già chăm sóc. Ngày ấy môn dạy và cách dạy của Bác mới mẻ, táo bạo hơn nhiều so với các giáo viên khác trong trường. Làm cách mạng là phải thế. Mỗi thời đều có những nhu cầu khác nhau, và muốn hợp thời thì phải chuyển đổi đi những cái cũ xưa, lạc hậu. Vậy thì lý gì già lại đi giận thằng Minh trong dự định cách tân cái ngôi trường mà nó đang dạy? Giá vào thời già, có được ngôi trường như thằng Minh nói lúc nãy thì già đâu đến nỗi phải chịu dốt. Tiếc là mình không được trẻ lui như nó để làm lại cuộc đời. Già là già, mà nó là nó. Thời nào người ấy. Nó có quyền ước mơ và thực hiện, già có quyền với tình cảm và quá khứ của già. Tất cả đều rạch ròi và có ích cho xã hội.

Cuối cùng rồi, già Chất cũng vui vui khi thấy rằng ý tưởng của thằng con trai là đúng và sự thất vọng của già cũng chẳng sai. Chiếc võng đã ngừng đưa từ lâu. Một chân của già Chất vẫn còn thòng chấm đất nhưng cũng không động đậy. Già Chất sợ cái khều chân đưa võng sẽ tố cáo với thằng con điều suy nghĩ của già. Minh tần ngần đứng lên. Anh không tài nào hiểu được lý do

tại sao cha mình mới về nhà tự, nằm chưa ấm võng đã lại đòi đi. Anh lắc đầu, đoạn cất cặp và đi xuống nhà bếp. Một lát sau, lẫn trong hương nhang trầm là mùi khói bếp bữa cơm tối nấu muộn của Minh.

Già Chất bấy giờ mới khuấy mạnh chân xuống nền gạch. "Cớ sự này thì cũng nên ở lại chơi với nó thêm một ngày nữa". Và già Chất chợt lắc đầu khi sực nhớ ra là mình về, chẳng có mang gì theo để ở lại cả. Hồi xế già về tay không. Tất cả đồ đạc của già đều để lại ở Khu di tích. Già Chất lại khoắng thêm trớn võng đưa và lơ mơ. Mùi khói bếp nhà sau bay lên lẫn với hương nhang trầm ngai ngái, thơm nồng khiến già Chất bỗng nhớ ra là mình chưa ăn cơm chiều. Cả bữa cơm trưa già vẫn còn để ở Khu di tích./.

1982

L.N.N

Với Bình Thuận xin thưa

Tạ Hữu Yên

Buổi sáng cuối mùa khô ấy, bầu trời Phan Thiết đã thấp thoáng những cánh én bay. Một đoạn sông Cà Ty chừng hơn 1.000 mét chứ mấy đã có 3 cây cầu nối đôi bờ mập mạp, ngày thêm đông vui: Cầu Dục Thanh, cầu Trần Hưng Đạo, cầu Sắt - cây cầu này nằm chính giữa hai cây cầu kia.

Thưa bạn. Khi bạn đến Phan Thiết, tỉnh lỵ của Cực Nam Trung bộ - Bình Thuận, ấy là bạn đã hành hương về nơi thầy giáo Nguyễn Tất Thành - Bác Hồ thời trẻ - dạy học ở trường Dục Thanh. Tôi cứ nghĩ: đây là một vinh dự lớn của một tỉnh nghèo, chúng ta biết: dấu chân Bác đã từng in trên đất Nghệ An - quê Người - rồi Huế, Phan Thiết, sau đó là Pác Bó - Cao Bằng, Tân Trào - Tuyên Quang, rồi Hà Nội và Việt Bắc.

Bình Thuận - Đất tụ nghĩa, lịch sử đã ghi rồi.

Những Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp, Nguyễn Thông rồi Trương Quyền và những kẻ sĩ khác nữa... Mà không chỉ là đất tụ nghĩa, nơi này còn là đất trung kiên. Đầu đội bom, chân đạp lên xác xe tăng địch. Bình Thuận đứng với tư thế oai phong của người dũng sĩ trong đội hình Quân khu Sáu. Phải là một lá cờ cực lớn, chói chang màu đỏ mặt trời mới có thể

đính hết những tấm huân chương mà dân và quân Bình Thuận đã giành được trong cuộc chiến đấu 30 năm ròng. Mà không chỉ là đất kiên trung, nơi đây còn là vùng đất có nhiều danh lam thắng cảnh. Trường Dục Thanh trong Ngọa Du sào, cái vịnh nhỏ nơi Mũi Né, bãi biển Thương Chánh và bến cá Cồn Chà; hang Phật nằm trong chùa cổ Tuy Phong, một khu Lê bốn mùa khát nước và một Biển Lạc quanh năm nước dâng; Lầu Ông Hoàng và cửa biển Hàm Tân; rừng Đức Linh, Tánh Linh và đảo xa Phú Quý...

Không thể kể hết, nhưng có điều tâm đắc này: đất ấy, cảnh ấy, người ấy, lịch sử ấy, truyền thống ấy... rất gợi thơ và nhạc kịch và ảnh họa và múa. Và ở đây đã xuất hiện những cây bút được nhiều người biết đến. Mấy năm nay, những nghệ sĩ nhiếp ảnh Bình Thuận đã trình trước người xem cả nước những tấm ảnh nghệ thuật với chất lượng cao, xứng đáng với huy chương vàng và giải thưởng quốc tế. Lại có lúc tôi nghĩ tản mạn về vùng đất này. Ngồi trên sân Hà Nội xem một trận bóng đá, thấy rõ cái biển quảng cáo: "Nước suối Vĩnh hảo" và một nhà báo ngồi bên cạnh tôi nhắc: Anh có biết Bưu điện Bình Thuận đã có bước "nhảy vọt" như thế nào không và họ đăng quảng cáo trên một tờ Tuần báo đây này.

Vùng đất này tôi đã đến dễ không ít hơn mười lần. Nằm ở một phòng nhỏ bên dòng sông Cà Ty, tôi vẩn vơ mà nghĩ: Bình Thuận có đôi cánh xanh với màu xanh tuyệt vời. Một cánh là rừng vàng, một cánh là biển bạc. Hai màu xanh - màu lá rừng và màu hồ thủy, tạo nên một Bình Thuận vừa trẻ, vừa giàu, vừa tươi, vừa mát. Giữ gìn và khai thác cũng như bồi đắp thêm, hẳn đây là một thế mạnh dễ gì nhiều nơi khác có được. Giữa đôi cánh màu

xanh ấy là màu hồng của vườn trái sum suê, màu vàng của lúa chín và nhất là màu bạc vừa ấm vừa mát của công trình thủy lợi Sông Quao.

Cái kho vô tận của thiên nhiên ban tặng, cộng thêm với công sức của con người, quả thiệt Bình Thuận là một đề tài lớn cho những ai yêu vùng đất này, gắn bó một đời để khám phá và sáng tạo. Tôi những ước ao: giá như được đọc một bộ sách lịch sử - ít ra là hai đến ba tập - những bài hồi ký có chất lượng, nói được nhiều mặt của khu Tam Giác lửa, của khu Lê. Rồi một tập bút ký có sức nặng về công trình thủy lợi Sông Quao, rồi một tập sách giới thiệu về danh lam thắng cảnh của Bình Thuận - bài và ảnh đi kèm - kiểu như tập sách "Đi thăm đất nước" của nhà văn hóa có tên tuổi: Hoàng Đạo Thúy. Rồi một giai phẩm - gồm nhiều thể loại - về hòn ngọc và pháo đài tiền tiêu: Huyện đảo Phú quý. Rồi một tập gồm những bài viết kỷ niệm sâu sắc nhất, mỗi người một bài thôi - của các cây bút trong giới văn nghệ của tỉnh nhà. Tập sách này làm giỏi, sẽ là một tập sách gây được ấn tượng đối với bạn đọc của tỉnh nhà và của cả nước..

Đôi lời về một vùng đất đã để lại trong tôi nhiều kỷ niệm - xin được nói những lời chân thành nhất - dẫu biết rằng những ý nghĩ tản mạn này còn sơ sài và nông cạn.

VNBT số 78 (10/1999) tr5

Tấm ảnh và ống muối Cụ Hồ

Truyện ký của Phan Minh Đạo

Ha-ma-đa là một trong những làng có truyền thống đánh Pháp anh dũng nhất hồi kháng chiến chín năm và ngày nay trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, là một làng chiến đấu rất vững chắc của miền núi Ninh Thuận ở mạn Tầm Nhâm, Krông-pha.

Hàng năm ở làng này, cứ đến hoa "pí" nở đỏ núi rừng, tức là lúc mọi nơi bỏ hạt bắp xuống rẫy xong, là dân làng thường tụ tập ở nhà Ủy ban tự trị xã uống rượu cần, đánh mã-la ca múa liên hoan mừng thọ Cụ Hồ và nghe người cầm gốc trong làng kể chuyện cái bụng người Rắc-lây đối với Cụ, trong đó có chuyện rất cảm động về Xa-Khai.

Xa-Khai là chồng của A-wây-Bê, là cha của chín đứa con vừa trai vừa gái đang chiến đấu ở mặt trận hoặc phục vụ ở các cơ quan.

Mùa Đông năm 1958, Xa-Khai và vợ con bị Mỹ-Diệm lùa vào khu tập trung Tầm Nhâm. Vì là người cầm gốc của làng Ha-ma-đa hồi kháng chiến chín năm, nên Xa-Khai bị chúng đánh đập tra tấn rất dữ. Nhưng Xa-Khai rất cứng gan, không khai nửa lời. Phần bị giặc tra tấn dã man, phần thương nhớ núi rừng, Xa-Khai lâm bệnh nặng.

Một hôm biết mình không thoát khỏi bàn tay độc ác của giặc, Xa - Khai gọi vợ và các con để nhắn lại cái lời trước khi "ra đi" Xa-Khai nằm trên chiếc giường tre, mọt ăn thủng lỗ chỗ, nổi bụi vàng khè, không có chiếu giải, hai tay xuôi thẳng. Trước ngực đắp một tấm ảnh Cụ Hồ, đầu gối trên một ống muối nhét nút bằng lá chuối khô, vẻ mặt bình thản, hiền hòa. Tấm ảnh và gói muối có ý nghĩa lịch sử rất cảm động. Năm 1948, sau khi mặt trận Ban-Mê-Thuột, Lâm-Đồng, Đà-Lạt bị vỡ, Pháp tràn xuống đánh chiếm Ninh Thuận, cụm tề mọc lên như nấm, Xa-Khai bị đứt liên lạc với Cách mạng. Xa-Khai chưa biết mặt Cụ Hồ lần nào. Hồi chống bè, ngược dòng sông Cái, đưa bộ đội đi đánh đồn Pháp ở Đờ-Răng, sau giờ chiến thắng trải lá nằm chung với cán bộ giữa rừng, Xa-Khai mới chỉ nghe cán bộ nói Cụ Hồ là người cầm gốc cho đồng bào cả nước làm Cách mạng, để cho người Kinh, người Thượng hết bị áp bức, bóc lột, được sung sướng bằng nhau. Chỉ nghe nói bấy nhiêu thôi, Xa-Khai đã rất tin tưởng, yêu kính Cụ Hồ và càng tích cực lãnh đạo dân làng Ha-ma-đa đi theo con đường của Cụ Hồ vạch ra. Xa-Khai đã cùng toàn dân bỏ làng lên núi cao, vót chông làm cạm bẫy, đoàn kết bụng gan nhau để tiếp tục đánh Pháp.

Mãi đến năm 1953, Xa-Khai mới gặp được người cán bộ đầu tiên tên là Ra-La đến bắt liên lạc, xây dựng cơ sở. Mừng quá, Xa-Khai đang cầm cái ní nơi tay cắm phập xuống đất ôm chầm Ra-La, hai hàng nước mắt trào ra như hai con suối:

- Dân làng mình ơi, cán bộ của Cụ Hồ đây rồi!

Nhưng rồi Xa-Khai buông Ra-La ra, đứng tách ra một bên, ngó trân trân người anh từ đầu đến chân như để tìm cái gì. Biết ý và để làm tin, Ra-La tặng Xa-Khai một tấm ảnh Cụ Hồ nho nhỏ rất đẹp. Tấm ảnh chụp lúc Cụ đang làm việc trong nhà lá ở chiến

khu Việt - Bắc. Từ đó, núi rừng đã năm lần thay đổi, nhưng tấm ảnh được Xa-Khai bọc kín trong giấy bóng, màu mực vẫn còn tươi và sáng. Trong cuộc càn quét gom dân của Mỹ-Diệm, Xa-Khai bị mất hết ché, mã-la, cóng đồng, kiềng bạc nhưng không bao giờ Xa-Khai để mất tấm ảnh Cụ Hồ.

Còn muối thì cũng là muối Cụ Hồ. Năm 1954, sau ngày hòa bình lập lại, lúc sắp xếp cho dân làng ăn theo tình hình mới. Xa-Khai nhận được muối Cụ Hồ gởi cho. Cán bộ nói với Xa-Khai: "Đó là cái bụng thương nhớ của Cụ Hồ gởi đồng bào Rắc-Lây. Lúc sắp bước vào cuộc đấu tranh gian khổ với quân thù, Xa-Khai đem chia cho dân làng mỗi người một nhúm. Người nào cũng không ăn. Người nào cũng bỏ vào ống tre cất kỹ để lúc nhớ Cụ Hồ đem ra nhìn cho thỏa cái dạ. Về phần mình cũng vậy, Xa-Khai cất ống muối Cụ Hồ kỹ lắm, lúc thì để trên hang đá, trên núi cao, lúc thì nhét trong mái tranh trên giàn bếp. Có lẽ giấu trên bếp lâu hơn, nên lúc bấy giờ ống tre phủ một lớp khói đen hun. Cũng như tấm ảnh, mất gì thì mất, Xa-Khai không bao giờ để mất ống muối của Cụ Hồ. Cả những lúc bị giặc lùng, dẫu đói cơm, lạt muối giữa rừng, Xa-Khai cũng không lấy ra ăn.

A-wây-Bê và chín người con đến đứng quây quần bên Xa-Khai thành một vòng. Xa-Khai đưa mắt nhìn vợ và con cùng một lượt, nói chậm chạp: A-wây-Bê và các con, tui chắc không còn sống đến ngày được gặp mặt Cụ Hồ như cái bụng tui mong muốn. Tức quá chừng, nhưng thôi, mai sau khi đồng bào mình làm cách mạng giành được hết nước, Cụ Hồ có vô thăm miền Nam, nhờ A-wây-Bê và các con nhắn dùm cái lời của tui chúc Cụ Hồ khỏe cái tay, manh cái chân và sống miết như cây Pi noh trong rừng Ha-ma-đa mình.

Xa-Khai ngừng nói, lần tay cầm tấm ảnh giơ lên trước mặt vợ con rồi tiếp:

- Cụ Hồ thương nhớ người Thượng mình lắm. Cụ nói đồng bào Kinh, Thượng là anh em một nhà, cùng một mẹ, một cha sinh ra, nhưng vì người Thượng cực khổ hơn, nên cái bụng Cụ thương hơn. Đó, A-Wây-Bê và các con có... - Xa-Khai mở to đôi mắt vàng khè như để nhìn Cụ Hồ thật đang đứng ở đâu đó- Con mắt của Cụ Hồ sáng như ông sao trên trời, có thể nhìn thấu cái bụng, cái gan người Rắc -Lây mình. Tóc của Cụ Hồ đẹp lắm, trắng như mây bay trên đỉnh núi Cha-banh đó. Tiếng nói của Cụ rung to hơn tiếng kêu của mã-la. Đứng xa ba, bốn cụm núi cũng nghe được, còn cái bụng của Cụ thì rộng như rừng có thể ôm hết cả làng nước. Còn muối đây, Xa-Khai đưa tay rờ ống muối trên đầu - khác với muối mua ngoài chợ là muối ăn, chớ muối đây là muối thương, muối tiếc. Vậy mai mốt tui đi, A-wây-Bê và các con ráng giữ tấm ảnh và ống muối Cụ Hồ cho thiệt kỹ, nếu để thằng giặc lấy, cái bụng tui ở dưới đất không vui đó.

Nói đến đây Xa- Khai bỗng thấy như có một hình ảnh thân thiết từ ngoài cửa bước vào đứng bên cạnh mình. Đó là cán bộ Ra - La, người của Cụ Hồ, cán bộ Ra-La không đi tập kết, cũng không về dưới xuôi sống với cha mẹ mà ở lại núi rừng, sống và làm ăn với dân làng. Sự việc này làm cho Xa-Khai hết sức xúc động. Ra-La như người già làng.

Cái tên Ra-La là do Xa-Khai đặt cho. Xa-Khai nghĩ: "Cái bụng của cán bộ đối với dân làng như cái bớ che mưa nắng, mái bớ lợp bằng cây Ra La. Cây Ra La mọc thành rừng không bao giờ chết được".

Hồi chưa bị tập trung, để tránh con mắt thằng giặc, Xa-Khai nuôi và giấu cán bộ Ra La kỹ lắm. Đi suối bắt được con cá, đi rừng bắn được con chim, Xa- Khai và vợ con không ăn mà để dành cho Ra La hết.

Mỗi khi Ra La đến nhà, Xa-Khai đều có kế hoạch đối phó với địch. Xa- Khai để sẵn một tấm mền to ở cửa buồng, có động thì gói Ra La lại, đút vô trong, A-wây-Bê thì ngồi ở bậc cửa giã trầu để tìm cách đuổi khéo thằng giặc đi chỗ khác. Và mỗi lần cán bộ Ra La ra đi, Xa-Khai đều dặn dò đi cho cẩn thận, phải ngó trước ngó sau, giữ cho còn cái bụng. Và để cho yên cái bụng, Xa-Khai thường ra đứng ở đầu làng trông theo bóng Ra La, lắng tai nghe ngóng không có động tĩnh gì mới trở về. Bị bắt vô khu tập trung, những ngày nằm liệt giường bịnh cũng là những ngày Xa-Khai thương nhớ Ra La rất dữ. Xa-Khai ít lo cho mình mà dành hết cái bụng của mình lo cho cán bộ Ra La. Xa- Khai thường thấy Ra La trong giấc ngủ. Cho nên bây giờ, trước khi vĩnh biệt cuộc đời, Xa- Khai như thấy Ra La thật vậy.

Xa- Khai nghiêng mặt ngó chăm chăm ra ngoài cửa, rồi hỏi nhỏ vợ:

- Cán bộ Ra La đến nhà mình có phải không A -wây-Bê?

- Không đâu.

- Hôm rày, dân làng có liên lạc được với Ra La không?

- Thằng giặc lùng núi miết, chưa gặp được.

Xa-Khai lắc đầu tỏ vẻ lo lắng:

- A-wây-Bê lên nói với dân làng phải nuôi cán bộ cho tốt, giấu cán bộ cho kỹ đó. Nếu để Mỹ- Diệm bắt, e mất cái lời cán bộ, mình tối mắt đó.

Dặn vợ xong, Xa-Khai quay sang các con, ngắm mãi những giọt máu yêu quý của mình:

- Giáo, Hiên, Huyết, Hái, Cam, Thiết là con trai, Bê Pu, Hóa, Hiền, Phin là con gái. Giáo, Hiên, Huyết và chị Bê như cây cao mọc giữa rừng đã trổ buồng, ra lá. Hái, Cam, Thiết như những con nai con, ăn chưa no, lo chưa đến. Còn Hiền tóc mới chấm vai, chưa biết búi thành búi sau ót. Còn Phin thì tóc còn để chỏm, chưa biết quấn cái váy cho gọn ngang lưng.

Xa-Khai nói với bốn đứa con lớn:

- Các con đã lớn cái người, khôn cái óc, các con phải thay A Ma cầm gốc dân làng làm Cách mạng, mình ở đây như chim bị nhốt trong lồng, như con heo bị nhốt trong cũi. Có miệng không được nói, có chân không được đi, các con phải cùng dân phá cái khu tập trung này trở về sống với núi rừng ông bà, mồ mả tổ tiên, sống với anh em Cách mạng, đi theo Cụ Hồ đến hết đường.

Rồi nói với ba con nữa:

- A Ma giao các con cho cán bộ Ra La đó, ráng học cái chữ cho nhiều, tập bắn cái súng cho giỏi, mai mốt khi sáng mắt khôn người thì đi bộ đội đánh Mỹ trả thù cho làng cho nước nghe...

Đoạn Xa - Khai kêu hai đứa con nhỏ lại đứng sát bên mình, đưa tay âu yếm xoa tóc chúng nó, rồi nhìn vợ nói:

- A-wây-Bê ráng nuôi hai đứa con nhỏ nghe, lúc nào biết bay như con chim, nhớ cho theo các anh nó đi làm Cách mạng.

Một cơn ho dữ dội bất chợt trào lên cổ Xa-Khai, Xa-Khai nhăn mặt nén cơn đau, giương mắt nhìn vợ và các con, rồi nói thều thào:

- Đừng khóc, khóc Mỹ-Diệm nó nghe nó đánh chết bây giờ. A-wây-Bê không thấy mấy đứa con nít đằng nhà A wây Ranh vì đói quá mà khóc, Mỹ-Diệm nói khóc như vậy là làm xấu cái chế độ nó, nên nó đổ nước mắm vào mũi cho kinh, đừng khóc nữa đó sao?

Xa-Khai dừng lại thở. Có lẽ con người ta trước phút vĩnh biệt bao giờ cũng muốn nói lại với người đời rất nhiều. Lúc này Xa-Khai như muốn cắt cả gan bụng mình để vào bụng gan vợ, con, Xa-Khai dồn tất cả sức lực còn lại vào cái môi, cái mắt. Ông biểu vợ con có thương ông thì khóc ở nhà chớ trước mặt thằng giặc đừng khóc. Khóc nó khinh mình mềm yếu cái gan. Phải ăn lời Cụ Hồ dạy: "Đừng lấy nước mắt trả lời kẻ thù. Nó đánh mình thì mình tìm cách đánh lại nó". Như Xa-Khai đó, hồi Mỹ-Diệm tràn lên rừng, lấy ché, mã la, cóng đồng, kiềng bạc, quần áo, khăn khố chất trong nhà rồi châm lửa đốt, bắt ông ngồi coi. Cái gan ông phừng phực ngọn lửa, nhưng con mắt ông không khóc. Rồi nó bắt ông cầm tù ở Liên -khàng, Đờ-răng, nhốt ông trong khu tập trung Tầm Nhâm này, đánh ông bằng roi mây, roi sắt, cái thân hình vạm vỡ đen tựa đồng hun của ông mềm nhũn như cây chuối. Nhưng cái lưng, cái gối ông vẫn đứng thẳng, không chịu quỳ trước thằng giặc.

Trước giờ phút hấp hối này, Xa-Khai cũng muốn truyền cho hết vào dòng máu mấy đứa con cái chí khí kiên cường bất khuất của dân tộc Rắc-lây, đôi mắt ông sáng rực lên. Giọng nói ông trở nên hối hả như nhịp vỗ của cánh chim lúc trời sắp tắt. Ông ngược thời gian, ông kể lại những ngày quật khởi năm 1945 khi lệnh khởi nghĩa của Cụ Hồ ban ra, rừng núi Rắc-lây ầm ầm chuyển động, ông sung sướng nhảy cẫng lên như con nai con gặp mẹ giữa

rừng già, ông vác ná, mang tên, hòa mình vào hàng ngũ người Rắc-lây kéo đi cuồn cuộn như dòng suối lũ xuống hùn sức với người Kinh cướp chính quyền ở thị xã Phan Rang, vật ngã tất cả bọn Nhật, Pháp và quan quyền phong kiến.

Rồi những năm kháng chiến khó khăn gian khổ, bị giặc bao vây riết trên núi cao, nạn đói, lạt, rách dồn dập đến, người Rắc-lây chích máu thề với nhau rằng: thiếu cơm, muối, vải không chết. Cách mạng, Cụ Hồ như suối nước, mặt trời, thiếu Cách mạng, thiếu Cụ Hồ mới chết. Thà đào củ ăn thay cơm, đốt tranh ăn thay muối, bóc vỏ cây tạm che thân, bám núi kháng chiến, chứ không bao giờ bỏ Cách mạng, bỏ Cụ Hồ đi theo giặc. Rồi đến bây giờ, dưới chế độ Mỹ - Diệm, suối Rắc-lây vẫn thế, vẫn giữ mãi lòng kiên trinh, chung thủy với Cụ Hồ. Thân xác ở trong khu tập trung, nhưng bụng gan thì vẫn ở ngoài với Cách mạng.

Đến đây, tiếng nói Xa-Khai nhỏ dần, đôi mắt từ từ khép lại. Làn môi khô héo chỉ còn mấp máy:

- Thôi, tui đi.

Lúc này Xa-Khai vừa tròn bảy mươi mùa rẫy. Giữa khu tập trung của Mỹ-Diệm, đám ma Xa-Khai vắng ngắt buồn teo, không có tiếng khóc, tiếng kèn, tiếng mã la, tiếng chim kêu, tiếng suối nước. Chỉ có lòng thương tiếc thầm kín của dân làng. Thương chồng đi một lần dưới đất không trở lại nữa, A-wây-Bê gởi tấm ảnh Cụ Hồ đem theo cho Xa-Khai.

Chỉ một thời gian ngắn sau cái chết của Xa-Khai, khí thế Cách mạng ở vùng này đã dấy lên như vũ bão. Tất cả dân làng Ha-ma-đa đã bỏ khu tập trung Tầm Nhâm trở về núi cũ, đoàn kết bụng gan làm Cách mạng đánh Mỹ và tay sai, xây dựng cuộc sống mới. Ha-ma-đa với tuyến rào, tuyến chông xen kẽ cung ná,

dựng cạm bẫy tua tủa khắp núi rừng, với ý chí chống Mỹ, cứu nước cứng như gan sắt đã trở thành bức thành đồng nhỏ trong bức thành đồng to lớn của Tây-nguyên, của cả miền Nam.

Bị giặc Mỹ tàn ác khủng bố, Ha-ma-đa còn nghèo khổ. Núi trọc, nhà thưa, đời sống chưa phải đã hết lạt, rách, nhưng dân làng Ha-ma-đa rất sung sướng tự hào vì được sống độc lập, tự do.

A-wây-Bê đã già, nhưng rất giỏi việc nhà, chăm lo việc nước, làm đúng theo lời nhắn lại của Xa-Khai. A-wây-Bê đã cống hiến tất cả đàn con yêu quý của mình cho Tổ quốc. Chị Bê công tác tại một trạm hành lang, hàng ngày như con chim mang cái lời của Mặt trận đến khắp núi cao, rừng rậm. Các anh Giáo, Hiên, Huyết, Hái, Cam, Thiết đều là những cán bộ, chiến sĩ đánh giặc ngoan cường dũng cảm trong bộ đội Giải phóng. Còn Hiền, Phin ở nhà giúp mẹ làm công tác địa phương. Hiền làm tổ trưởng tổ đổi công và Ủy viên Ban chấp hành Phụ nữ xã, Phin làm y tá kiêm giáo viên trường làng.

Làng Ha-ma-đa vừa được Mặt trận tặng thưởng Huân chương giải phóng hạng hai. Tiếng thơm bay khắp làng nước. Trong tiếng thơm này có phần mồ hôi, nước mắt và máu của gia đình Xa-Khai.

Mỗi lần gợi lại chuyện xưa, bà con Rắc-lây đều nói:

- Nếu như bây giờ Xa-Khai được sống lại, thấy dân làng và cả gia đình mình đều theo con đường Cụ Hồ, theo cách mạng hết, chắc là Xa-Khai mát cái ruột lắm đó.

Hào khí Dục Thanh

Theo điệu Liên Bắc - Nam: Xuân Tình - Nam Ai - Đảo ngũ cung

Tác giả: Đặng Long

XUÂN TÌNH (LỚP 1)

Nam: 1. Trên đường cứu nước, nơi dừng chân đầu tiên của Bác Hồ

2. Trong những năm đầu thế kỷ 20

Đó là Bình Thuận - Phan Thiết anh hùng

Nữ: 3. Năm ấy là năm 1910. Tuổi trẻ sục sôi ý chí căm hờn

4. Người thanh niên tên Nguyễn Tất Thành. Lặn lội trên đường từ Huế vào Nam.

5. Trường Dục Thanh - Phan Thiết là nơi Bác dạy học.

Bác đọc sách - thơ tại nhà Ngọa Du sào

6. Nghiền ngẫm chuyện thời cuộc năm nào

Đau lòng cho vận nước dưới ách thực dân

Nam: 7. Tiếp tục cuộc hành trình cứu nước.

Bác vào nơi bến cảng Nhà Rồng

8. Mang tên người phụ bếp Văn Ba

Với hoài bão thiết tha giải phóng quê nhà

9. Nhiều năm bôn ba hải ngoại.

Bác đã tìm ra chân lý sáng ngời

10. "Đường Kách Mệnh" một thời chỉ ra đường lối Cách mạng Việt Nam

Nữ: 11. Nơi Ba Đình Bác đọc "Tuyên ngôn độc lập"

"Không có gì quý hơn tự do độc lập!"

12. Khẳng định hùng hồn với năm châu bốn biển:

Nước Việt Nam đã có Độc lập - Tự do!

Nam: 13. Nhưng hiệp định Giơ-ne-vơ đã ngăn cách hai miền

Cách mạng đành lỗi hẹn với non sông

14. (mở ai) Bác còn canh cánh bên lòng

Nỗi đau chia cắt hai miền Bắc - Nam.

NAM AI (Lớp 1)

Nữ: 1. Giặc Mỹ thay chân Pháp bước vào

2. Mở rộng chiến tranh. Gây tang tóc cho dân lành.

3. Những mảnh vườn, đồng ruộng tươi xanh

Bỗng hóa thành những hố bom sâu

4. Từ trẻ thơ đến tuổi bạc đầu. Nặng một nỗi sầu đau thương.

Nam: 5. Chiến tranh gây nên bao cảnh đoạn trường.

Làng mạc điêu tàn ảm đạm thê lương

6. Tiếng oán than ngất trời. Thù giặc Mỹ ngoại xâm

7. Trường Dục Thanh xưa còn vang bài học:
Không nỗi đau nào hơn nỗi nhục quốc vong

8. Hỡi ai, nòi giống Lạc Hồng!
Mau cứu lấy non sông!

ĐẢO NGŨ CUNG

Nữ: 1. Cách mạng rầm rập tiến công giải phóng hoàn toàn

2. Thống nhất hai miền Bắc - Nam cùng dòng máu Rồng Tiên

3. Cả nước hân hoan hát mừng bài ca thống nhất hòa bình

4. Phan Thiết xây dựng những công trình.
Cho Bình Thuận hồi sinh!

Nam: 5. Chiến tranh đã qua đi như mong muốn của Bác Hồ

6. Gầy dựng lại cơ đồ vì hạnh phúc cháu con.

7. Trường Dục Thanh nay đón khách tham quan viếng thăm thầy giáo Nguyễn Tất Thành.

8. Để nghe lời dạy của Người: Xây dựng lại hơn mười ngày nay

Nữ: 9. Đất nước vững bước đi lên, Bình Thuận cũng sánh vai cùng bè bạn xa gần

10. Phát triển kinh tế nhiều thành phần.
Chú trọng ngành công nghiệp không khói.

11. Du lịch và công nghiệp quyết tâm vươn tới ngang tầm với thế giới năm châu

12. Cho hạnh phúc dài lâu. Trọn đời con cháu mai sau!

Dục Thanh nhớ Bác

Sáng tác: Đặng Long và Ngô Minh Tiến

Nam *ngâm thơ:* Nhớ quá ngày nay của tháng Năm.
Dục Thanh bao khách lại về thăm.

Nữ: Cảnh cũ còn đây cây khế nhớ.
Ngọa Du Sào ấy sáng trăng rằm.

Nam ca LÝ CÁI MƠN

Về Dục Thanh trường xưa yếu dấu.
Bóng mát cây xanh, đôi bờ sông nước Cà Ty

(Nữ) Gió êm êm chiều đẹp nắng nhớ nhung đậm tình.
Người người vui hướng về Dục Thanh.

(Nam) Phan Thiết ơi yêu thương. Cuộc đời ấm no tươi đẹp là đây.

Nữ ca **CÂU 1:**

Giữa chiều nay bên Khu di tích, đứng trên bờ sông nhìn dòng nước lặng lờ trôi chảy, con như thấy Bác đâu đây trong những ngày dạy học dưới mái trường *Dục Thanh yêu quý năm nào.*

(Nam) *Lệ mừng rơi con xúc động nghẹn ngào...*

Nỗi nhớ nhung bàng hoàng nuối tiếc, hình bóng cha già in đậm lòng con.

(Nữ) Mấy chục Xuân rồi Bác đã đi xa, cả non sông thổn thức ngậm ngùi.

Nay cuộc đời đổi mới yên vui, hàng chục triệu trái tim bùi ngùi thương nhớ Bác.

Nữ ngâm thơ: Thưa Bác, tình chung của mọi miền.
Xin cho Phan Thiết nặng tình riêng.
Dục Thanh - trường cũ in bóng Bác.
Soi bóng Cà Ty ngước động Thiềng.

Nam ca CÂU 2:

79 mùa Xuân cuộc đời của Bác là 79 mùa Xuân *Người trĩu nặng ân tình...*

(Nữ) *Thương nước thương dân, Bác đâu quản thân mình...*

Xuân chưa độc lập tóc Bác càng bạc trắng, Tết chẳng thanh bình vai Người nặng quần thêm.

(Nam) Cả cuộc đời không nệm ấm chăn êm, đèo núi rừng sâu nắng mưa gian khổ.

Ngày đêm chiến khu tháng năm trăn trở, hình bóng cha già muôn thuở không quên.

Nam *ngâm thơ:* Bác đã đi tìm đường cứu nước.
Từ đời tăm tối phá xiềng gông.
Nữ: Dục Thanh - trường cũ Người đã sống.
Để có bây giờ cả núi sông.

Nam ca LÝ QUA CẦU

Mùa Thu xưa vang chiến công anh hùng.

Ba Đình năm ấy sử vàng ghi tiếng Bác Tuyên ngôn:

Độc lập - Tự do không gì cao quý hơn trên đời.

(Nữ) Ngày sau son sắt khắc ghi tình Người ơn sâu.
Tổ quốc Việt Nam ngàn năm mãi in sâu hình bóng cha già.

Nam ca CÂU 5

Bác đã đem lại mùa Xuân cho đất nước, cho Phan Thiết - Bình Thuận thênh thang rộn ràng niềm vui mới, thanh thản ung dung trên bước đường đi tới, hạnh phúc tương lai *đang chờ đợi bao... người.*

Dũng cảm hiên ngang lao động xây đời...

Đường đi lên tuy còn nhiều gian khổ, những hạt giống đã đâm chồi hứa hẹn nẩy mầm xanh.

(Nữ) Xây dựng quê mình nhờ tay chị tay anh, trăm việc ngàn công muôn lòng một ý.

25 năm qua đã đơm bông kết trái, đem lại đời vui tiếng hát câu hò.

CÂU 6

Nam *(ngâm):* Đường chúng con đi Bác dựng nền.
Mạch rừng lòng đất biển triều lên
Nữ: Nhớ lời Bác dạy không việc khó.
Chỉ sợ lòng ai dạ chẳng bền.

Nữ ca **LÝ TRĂNG SOI**

Ơi Dục Thanh in dấu chân Người.

Lời Người khuyên nhớ ơn vua Hùng nguyền cùng nhau giữ yên quê nhà.

(Nam) Cho đời sau ngàn năm vui đón bao mùa Xuân.

Bình yên trên đất nước vinh quang. Trang sử vàng tô đậm từng trang.

(**Nữ** *ca tiếp Vọng cổ*)

Đất nước mình đang cần trí tuệ tài năng và sẽ mạnh giàu trên chặng đường đổi mới.

Phan Thiết- Bình Thuận vững lòng cùng cả nước đi lên, có cây khế Dục Thanh tiếp cho nhựa đời Cách mạng.

(Nam) Đem lại ấm no tương lai tươi sáng cho thỏa lòng *mong ước của cha già...*

Mỗi một mùa Xuân muôn vạn trái tim đều hướng về Dục Thanh để nghe lời Bác dạy

(Nữ) Xây dựng quê hương bằng bàn tay và khối óc. Cho nước nhà giàu đẹp hơn xưa.

Giấc mơ gặp Bác

Ca múa cảnh

Tác giả Thái Phụ

Không gian:

Buổi sáng nền trời xanh bao la, chan hòa trong không khí tưng bừng của ngày mới. Một đoàn nam, nữ thanh niên nhiều sắc phục tươi thắm xuất hiện trong điệu Sắc bùa rộn ràng và phấn khởi. Vũ điệu vừa dứt, đoàn người đi qua, nhiều tiếng vỗ tay vang lên rồi tiếp đến là những loạt trống cơm, trống chiến nhịp nhàng và mỗi lúc một to dần, báo hiệu cuộc diễu hành của ngày hội.

Phóng viên từ trong ra:

- Thưa đồng bào và các bạn! Hiện nay tôi đang đứng trên Đại lộ Nguyễn Tất Thành - Trung tâm thành phố Phan Thiết. Ở đây đang diễn ra lễ mítting kỷ niệm 25 năm giải phóng Bình Thuận.

Thưa đồng bào và các bạn!

Bình Thuận - mảnh đất duyên hải cực Nam Trung bộ - những năm đầu thế kỷ XX từng là nơi tụ nghĩa, tụ trí, tụ lực của các sĩ phu yêu nước từ Nam ra, từ Bắc vào. Với tấm lòng nhân hậu, trung kiên; cộng đồng các dân tộc Bình Thuận kề vai sát cánh cùng cả nước viết nên những trang sử hào hùng trong hai cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc.

Hai mươi lăm năm hòa bình và xây dựng, Bình Thuận tiếp tục phát huy truyền thống tự lực- tự cường, phấn đấu vươn lên trong sự nghiệp đổi mới quê hương, đất nước theo con đường mà Bác Hồ kính yêu đã chọn cho toàn dân tộc.

(Sau múa Sắc bùa) Thưa đồng bào và các bạn. Hiện chúng tôi thấy đoàn đại biểu các lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Bình Thuận đang tiến vào lễ đài.

Sát cánh cùng đồng bào dân tộc tỉnh nhà - anh bộ đội Cụ Hồ - lực lượng vũ trang nhân dân Bình Thuận đã trưởng thành và lớn mạnh không ngừng góp phần đắc lực vào công cuộc giành độc lập tự do, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Nhiều tập thể và cá nhân anh hùng - những tinh hoa của lực lượng đã tiếp nối nhau lập nên những chiến công kỳ tích sáng ngời, viết nên những trang truyền thống vẻ vang cho quê hương Bình Thuận; xứng đáng với những phần thưởng cao quý: Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập, Huân chương Sao Vàng, danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang, danh hiệu thành đồng quyết thắng với 12 chữ vàng: "Tự lực tự cường, chiến đấu oanh liệt, thắng lợi vẻ vang" của Nhà nước và nhân dân trao tặng.

Vâng! Đi đầu là chiếc xe hoa có hình tượng Bác Hồ rất uy nghiêm và trang trọng. Bác đang vẫy chào cán bộ, chiến sĩ và nhân dân Bình Thuận chúng ta.

(Bé gái dẫn cựu chiến binh và tiếp theo là quần chúng nhân dân các dân tộc lần lượt xuất hiện)

Bé gái: *(Chỉ về một hướng reo lên)* A, Bác Hồ! Bác Hồ ngoại ơi!

Cụ già: Bác Hồ, Bác Hồ đâu? *(Mọi người cùng dướn lên)* Bác Hồ đâu?

Bé gái: Kia kìa, a, Bác Hồ đang đi tới với chúng ta ngoại ơi!

Cụ già: À, đúng rồi, nhưng đó là tượng của Bác đang đứng trên xe hoa.

Em bé: Không, không phải tượng, Bác đang đi, đang cười nói và đang vẫy tay chào chúng ta (mọi người chuyển theo hướng em bé quay vào phía trong thì... Bác Hồ xuất hiện, bao quanh là những dải lụa màu trên chiếc xe hoa).

Tất cả: (Reo lên) Bác Hồ - Bác Hồ muôn năm!

Bác Hồ: *(Sau khi vẫy tay chào mọi người yên lặng)*

Tôi thân ái gởi lời chào, hỏi thăm đồng bào và chiến sĩ miền Nam, hỏi thăm đồng bào, chiến sĩ các dân tộc tỉnh Bình Thuận yêu quý... *(mọi người vỗ tay).*

Bé gái: Bác ơi! Chúng cháu nhớ Bác quá- Bác là Ông tiên của chúng cháu.

Bác Hồ: *(Cười vui)* Ờ, Ngoài bảy mươi xuân còn vui khỏe.

So với ông Bành vẫn thiếu niên

Ăn khỏe, ngủ ngon, làm việc khỏe

Trần mà như thế kém gì tiên (Mọi người vỗ tay)

Bé gái: Bác ơi, cô giáo cháu kể là gần một trăm năm trước, khi nước nhà còn nô lệ, trước khi Bác ra đi tìm đường cứu nước- Bác là thầy giáo Nguyễn Tất Thành dạy học ở trường Dục Thanh Phan Thiết quê cháu, phải không Bác?

Bác Hồ: Ờ, cháu ngoan lắm! Bác và đồng bào đồng chí làm Cách mạng là để cho nước nhà được hòa bình thống nhất, độc lập tự do - mong cho ai ai cũng có cơm ăn áo mặc, được học hành, không còn ai phải sống trong nô lệ, đọa đày, đau khổ. *(Với mọi người)* À, tôi nhớ đầu năm 1946 sau khi dự Hội nghị Phôngten nơ bờ lô trở về, ta cần có thời gian để củng cố lực lượng chống thực dân Pháp xâm lược. Có hai mươi chiến sĩ của Bình Thuận ra gặp Bác.

Ông già: Dạ Bác tặng mỗi người một điếu thuốc lá, một huy hiệu Phôngten nơ bờ lô và cho chụp ảnh chung với Bác để làm kỷ niệm ạ.

Bác Hồ: Tôi có gởi thơ cho đồng bào ngày ấy, có ai còn nhớ không?

Cụ già: Dạ! Bác viết là :

Nước càng mau giàu

Dân càng mau mạnh

Đồng bào Bình Thuận

Muốn chóng phú cường

Sĩ...?

Bác Hồ: (Đọc tiếp) *Sĩ nông công thương*

Đoàn kết hợp tác

Một người: Dạ thưa Bác trong những năm kháng chiến gian khổ, chống Pháp đuổi Nhật, đánh Mỹ xâm lược, đồng bào chiến sĩ các dân tộc Bình Thuận vẫn khuyên nhau: "Dù đói cơm thiếu muối, dù bị giặc bắt tù đày tra khảo, nhưng quyết không sợ hy sinh gian khổ - có Cách mạng, có Đảng, có Bác Hồ là chúng con có tất cả ạ".

Bác Hồ: *(Đột ngột)* Có tất cả là có những gì nào?

Một người: Dạ thưa Bác chúng cháu có Tam giác kiên cường, có Khu Lê bất khuất, có Trung đoàn 812 anh hùng, có chiến thắng Hoài Đức - Bắc Ruộng...

Bé gái: *(Cướp lời)* Dạ thưa Bác, ngoại cháu kể lại là còn có chiến công của tổ thiếu niên liên lạc Tuy Phong đốt cháy chiếc máy bay chỉ điểm của quân Pháp ở Chi khu Long Hương, sau đó được Bác gởi thơ khen và tặng cho ba người năm chục đồng tiền Đông Dương nữa, có phải vậy không hả Bác?

Bác Hồ: Ờ phải, đó là truyền thống *Tự lực tự cường, chiến đấu oanh liệt, thắng lợi vẻ vang,* đó là mười hai chữ vàng của Mặt trận dân tộc Giải phóng miền Nam tặng cho quân và dân Bình Thuận, đúng không nào?

Tất cả: Dạ đúng ạ (Vỗ tay)

Bác Hồ: *(Đến bên một bà mẹ)* Có phải cô là đội viên cứu quốc, là chiến sỹ giao liên, là người đã đào hầm bí mật ngay trong nhà mình để che giấu cán bộ hoạt động qua hai cuộc kháng chiến đánh Pháp, chống Mỹ?

Người mẹ: *(Cảm động)* Bác!

Bác Hồ: Hồi tập kết ra Bắc, chú con trai đầu của cô có đến đọc cho tôi nghe hai câu thơ.

Người mẹ: Dạ thưa Bác, cháu viết là:

Con ra thưa với cụ Hồ

Miền Nam nhớ cụ không giờ nào nguôi.

Bác Hồ: Ờ, không ngờ sau đó mấy năm trở về miền Nam hoạt động, chú ấy không còn nữa.

Một người khác: Dạ thưa Bác, rồi lần lượt bảy người con của má thay nhau gia nhập quân giải phóng, nhưng tất cả đều đã hy sinh.

Bác Hồ: Tôi biết, tôi biết *(Bác quay đi để giấu sự xúc động trước mọi người - một giai điệu của bài ca "Người mẹ của tôi" rạo rực tha thiết vang lên xen trong tiếng lồng lời di chúc của Bác)*... "Tôi có ý định ngày đó tôi sẽ đi khắp hai miền Nam Bắc để chúc mừng đồng bào, cán bộ và chiến sĩ anh hùng - Thăm hỏi các cụ phụ lão, các cháu thanh thiếu niên và nhi đồng yêu quý của chúng ta". Nhân dịp này tôi sẽ ghé thăm đồng bào và chiến sĩ các dân tộc Bình Thuận, thăm mái trường Dục Thanh, thăm mộ cụ Nguyễn Thông và tất cả học trò, bè bạn tôi ngày ấy... *(Bác quay lại và như để xóa đi không khí ấy).*

À, thế còn tuổi trẻ Bình Thuận thế nào?

Một thanh niên: Dạ thưa Bác, chúng cháu nguyện tiếp bước cha anh, quyết xứng đáng với truyền thống quê hương, xứng đáng là cháu con của Bác ạ.

Bác Hồ: Được thế là tốt. Ờ, hát một câu cho vui hầy. Hồi dừng chân dạy học ở Phan Thiết- tôi được nghe nhiều cô chú hát những điệu hát dân ca rất hay.

Cô gái: Dạ thưa Bác, cháu xin hát tặng Bác bài dân ca Chăm ạ.

Bác Hồ: Dân ca Chăm, ờ tốt lắm - Cháu hát đi cho mọi người cùng nghe nào.

Cô gái: Dạ *(Trong giai điệu của bài 'Nhớ ai" dân ca Chăm - cô gái vừa hát vừa múa, dần dần cũng cuốn hút mọi người đứng dậy hát múa quây tròn chung quanh Bác - Bài hát vừa dứt, Bác và mọi người vỗ tay tán thưởng).*

Bác Hồ: *(Đến bên cô gái)* Hay lắm, quý lắm - Dân ca Chăm cũng như dân ca mọi miền đất nước, là vốn quý của dân tộc, là sáng tạo của nhân dân, các cháu phải biết giữ gìn và phát triển nó cho thật hay để phục vụ nhân dân ngày một tốt hơn - Nhưng không được gieo vừng ra ngô- có đồng ý không nào?

(Tất cả vỗ tay: Đồng ý ạ-Bác bước lên bục trở về vị trí ban đầu).

Đồng bào và chiến sĩ các dân tộc tỉnh Bình Thuận có truyền thống đoàn kết, đánh giặc giỏi, sản xuất giỏi. Song cũng luôn nhớ: Đánh giặc giữ nước đã khó- xây dựng hòa bình còn khó hơn nhiều- Biết đoàn kết dân tộc, có đoàn kết quốc tế, ý Đảng lòng dân là một thì xây đời dựng nước nhất định thành công.

Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết

Thành công, thành công, đại thành công

(Tiếng vỗ tay rộn lên)

Bác có câu thơ thế này:

Bình Thuận mãi mãi anh hùng bất khuất tuyệt vời

Ấm no hạnh phúc đời đời phồn vinh

(Bác vẫy chào mọi người trong tư thế tượng. Những dải lụa đủ màu kết lại bên xe hoa. Giai điệu bài ca "Hồ Chí Minh đẹp nhất tên Người" vang lên tha thiết tự hào. Từ trong tiếng hát, vũ điệu Bông sen uyển chuyển dịu dàng như một niềm tôn kính của hàng triệu con tim, tấm lòng của người dân Bình Thuận hướng về bên Bác).

Màn

20-4-2000

Trích Hồi bảy, tập kịch thơ tám hồi "Dấu chân trường cũ" của Văn Thoại Nhiên

Cảnh trước sân Ngọa Du sào vào buổi trưa, dưới mái hiên có kê một chiếc bàn con và hai cái ghế. Trên bàn có để một chiếc khay khảm xà cừ đựng bộ chén trà Lục ẩm. Thầy Thành đang ngồi viết, thỉnh thoảng buông viết thở dài.

*** Thầy Thành** *(chợt đứng lên đi đi, lại lại, ánh mắt đăm chiêu buồn bã. Rồi lại ngồi xuống cầm bút lên).*

Biệt Đế Kinh ta đến nơi đây,
Tính đếm thời gian được bấy chày?
Qua bao nhiêu dặm đường dong ruổi
Ngót trải mấy năm đuổi khói mây
(đau đớn và tự hỏi)

Thái Sá Quang Trung vung kiếm bạc[1]
Anh hùng đã dựng nghiệp rồng mây

(1) *Thái Sá là quê nội của Vua Quang Trung (Nguyễn Huệ) ở huyện Bình Khê - tỉnh Bình Định..*

Phan Thiết tạm dừng vui với trẻ
Có lẽ ta đâu mãi thế này?

*** Thầy Hải** *(đi vào thấy ngạc nhiên)*
Sao thầy ngồi ở nơi đây?
Cửa kia thiếu trước nhà này hụt sau
Nhưng cùng chung cảnh trời cao
Gió lay mặc gió, mây chào mặc mây
Từ khi thầy đến trường này
Lá vàng đã rụng, đây còn chưa quên
Súng Tây như sấm chớp rền
Bủa vây mọi nẻo, tường phên cũng hờn
Quan triều một lũ vô ơn
Nịnh bợ cửa trước, cúi lòn ngõ sau
Nhớ thì ruột xót, gan đau
Quên thời không thể, rốn nhau một lòng
Hỡi ơi, trời đất mênh mông
Cho dù bảy bể, chín sông cũng liều
Canh trưa dế dặt, ve dìu
Sao thầy chưa nghỉ, có điều phân vân?

*** Thầy Thành** *(ân cần kéo ghế mời thầy Hải ngồi)*
Xin thưa chuyện chẳng xa gần
Chín phần việc nước, một phân việc trường

Chừng đi, người chớ vấn vương
Khi nào thống nhất hiệp thương sẽ về
Thương cha vất vả đường khê
Nhưng đành gắng chịu mọi bề cho xong
Người thương nên đã đoái trông
Tôi xin tạc dạ mãi không quên lời!

*** Thầy Hải** *(tỏ vẻ không bằng lòng)*
Chuyện này thầy bận thế ư?
Việc công thì giữ, chuyện tư xin đừng
Nữ nhi xưa có bà Trưng
Vung roi, tuốt kiếm Hán quân về Tàu
Liệt hồng rạng mãi về sau
Đời nay còn nhớ yếm đào khi xưa
Thầy dành chi giấc ngủ trưa
Viết thôi, lại viết, đây chưa yên lòng.

*** Thầy Thành** *(cảm động)*
Cảm ơn người đã đoái trông
Canh trưa tranh thủ chấm công học trò [1]
Cùng bao nhiêu nỗi toan lo

(1) Lúc bấy giờ (năm 1910) cho điểm học trò gọi là chấm công.

Thức khuya dậy sớm lò mò đã quen
Sự đời còn lắm bon chen
Quan trường nhiều nẻo đỏ đen, khóc cười
Ta dù có muốn vui chơi
Nghĩ trông việc nước còn chơi nỗi gì
Lòng tôi quyết chí ra đi
Cỡi muôn sóng biển, sá gì đại dương
Âu - Phi trên vạn dặm đường
Tìm ra chân lý con đường cứu dân
Năm xưa lời dạy phụ thân
"Làm người phải xứng là thân con người"
Tôi giờ tuổi đã đôi mươi
Sức thừa vượt núi, lòng dư băng rừng!

*** Thầy Hải** *(băn khoăn)*
Đây còn một nỗi bâng khuâng
Xứ người trắc trở ai gần sớm khuya?
Ai người đói khổ sớt chia
Ngữ ngôn bất nhất, muỗng thìa chẳng thông
Thầy đi gió đợi, mây trông
Héo hon cành khế, kém hồng khóm hoa
Giếng sau cũng chẳng muốn rò
Vắng người hôm sớm chăm lo tưới trồng
Trúc, đào thôi ngại trổ bông

Còn ai mơn trớn trong lòng bàn tay
Người đi để nhớ bao thầy
Để thương bao trẻ đêm ngày tưởng mong
Nước buồn, ngừng chảy nơi sông
Bến đò Văn Thánh còn trông ngóng gì? [1]

*** Thầy Thành** *(xúc động bồi hồi)*
Xin người chớ quá ưu bi
Nói thời như vậy, chưa đi bây giờ
Ngồi đây sao ngỡ như mơ
Kẻ trông xứ Bắc, người chờ phương Nam
Giận ai tóc trổ màu chàm
Biếng lười việc nước, lại tham việc nhà
Đến đây bao tháng đã qua
Lớp trường đã mến, cỏ hoa cũng gần
Thể dục buổi sáng trên sân
Ê - a tiếng trẻ cùng vầng trăng khuya
Nói sao hết cảnh chia lìa
Người đi, kẻ ở xẻ chia giọt sầu
Xin người bớt nỗi lo âu
"Cái ăn, cái mặc dựa vào bàn tay"

(1) Tên một bến đò trên sông Cà Ty- Phan Thiết, nơi thầy Thành thường dắt học trò đến vui chơi, ngoạn cảnh.

Còn riêng cái dở cái hay
Trông vào trí óc mê say học hành
Chỉ lo cái chí thành danh
Làm sao biết trước trắng xanh hai đường

(mặt trời chênh chếch hướng Tây, báo hiệu đã đến giờ vào lớp. Thầy Hải đứng dậy từ giã).

*** Thầy Hải** *(nhắc nhở)*
Trời chiều sợi nắng vương vương
Hôn lên cành khế góc trường phía sau
Ngắn dài đủ rõ âm hao
Tôi xin lui gót, thầy mau vào trường

(thầy Thành đứng lên tiễn thầy Hải ra khỏi phòng, quay lại thấy một học trò còn nằm ngủ trên bộ ván trong mái nhà Ngư lòng cảm thấy buồn buồn nuối tiếc).

*** Thầy Thành** *(thở dài)*
Mái đầu xanh, một mái đầu xanh
Em đang say giấc ngủ yên lành
Thoảng đưa tiếng gió lòn vô cửa
Bỗng chốc ta mơ thấy tuổi xanh
Đẫy giấc vẫn còn như tiếc rẻ
No lòng bên mẹ cứ loanh quanh

Vòi mua chiếc áo màu vải mới
Biếng học còn chưng được dỗ dành!
Chỉ là hình ảnh của ngày xưa
Bên đèn nghe kể chuyện đêm mưa
Cha đang đèn sách lo thi Hội[1]
Mẹ đỡ đần thay việc sớm trưa
Nhớ sao cái thuở ngây thơ ấy
Bên mái tranh nghèo đụt nắng mưa
Nhưng chẳng được yên vì quân giặc
Kéo bầy đốt phá chẳng đâu chừa!

(1) *Thi Hương, thi Hội, thi Đình: chế độ khoa cử các Triều đại phong kiến thời xưa.*

Ngôi Trường Kỷ Niệm

Nhạc và lời : ***HOÀNG VÂN***

Nhịp nhàng - Vui

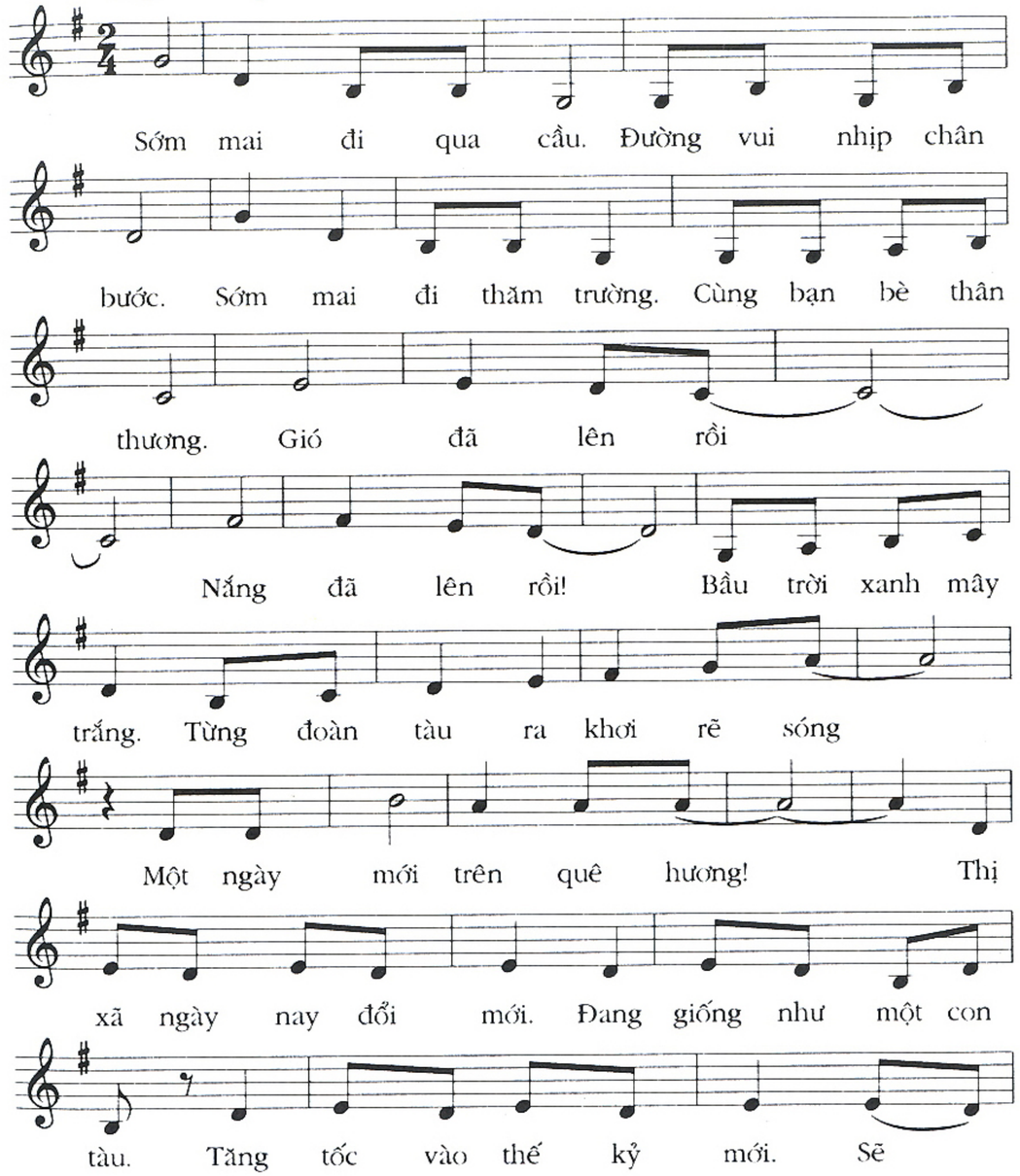

là thành phố tương lai! Nơi đây trường Dục

Thanh còn trong lòng Phan Thiết. Bóng dáng người thầy

giáo năm xưa. Như vẫn còn đâu đây

Dịu dàng - Cảm động

Nơi đây Người đã qua Mái trường xưa còn đó

Nơi đây Người đã qua

Thương yêu từ ánh mắt.

Mái trường xưa còn đó. Thương yêu từ ánh mắt

Giọng nói bao ân tình.

Giọng nói bao ân tình.

Hơi chậm lại...

Sân trường cây khế kia Chứng kiến bao lưu

Chứng kiến bao lưu

Rall...

niệm Trong đáy lòng tuổi thơ. Còn

Rall...

niệm. Trong đáy lòng tuổi thơ. Còn

atempo (Nhanh) *atempo (Nhanh hơn)*

hát mãi câu ca! Người đã đến quê tôi.

atempo (Nhanh)

hát mãi câu ca!

Người đi khắp nơi nơi.

Người đã đến quê tôi. Người đi khắp nơi nơi.

Người ở khắp muôn nhà. Và trong trái tim

Người ở khắp muôn nhà

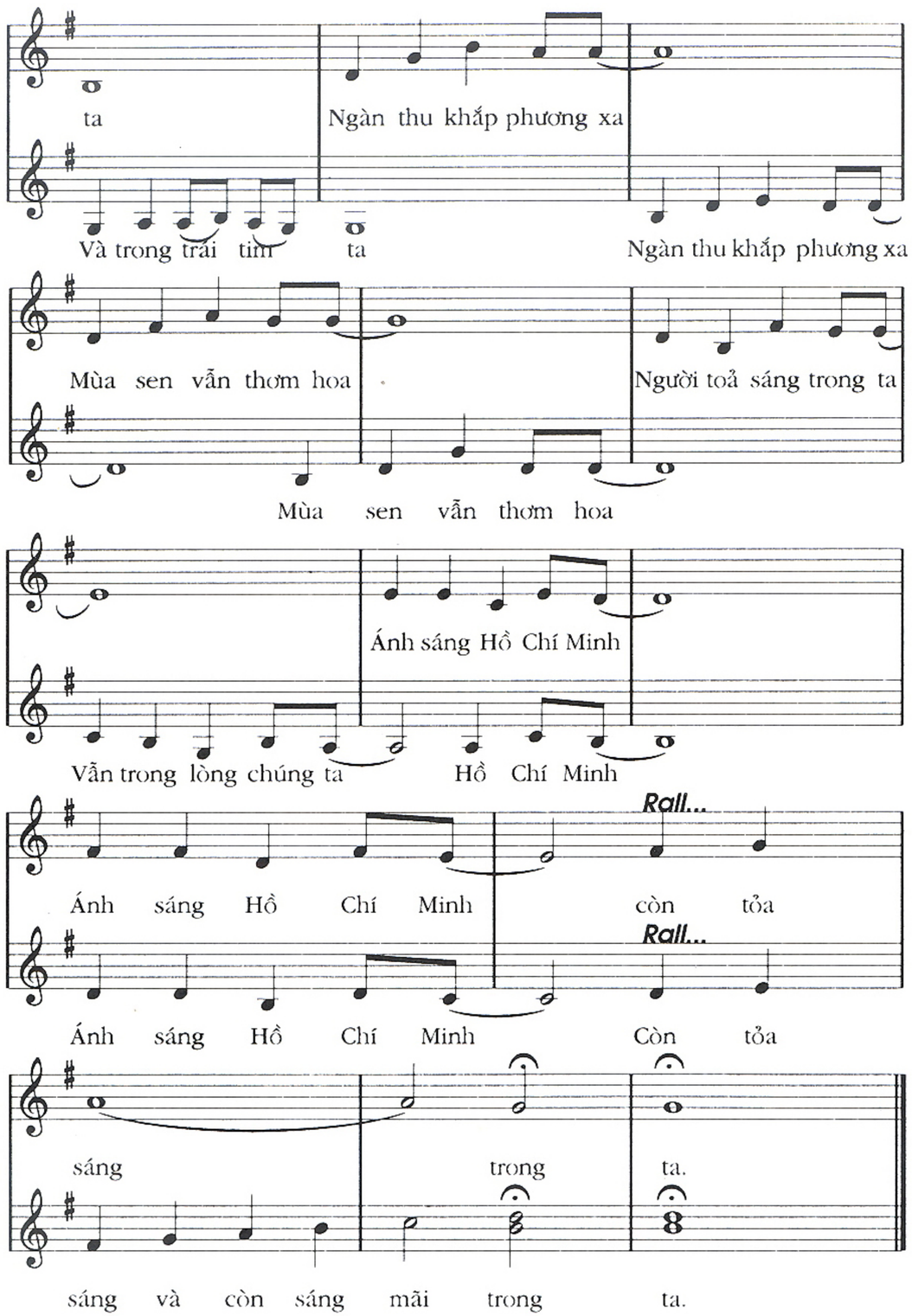

Cát Đỏ Quê Hương

Nhạc và lời : **CÁT VÂN**

Chậm vừa - Phong cách Rock

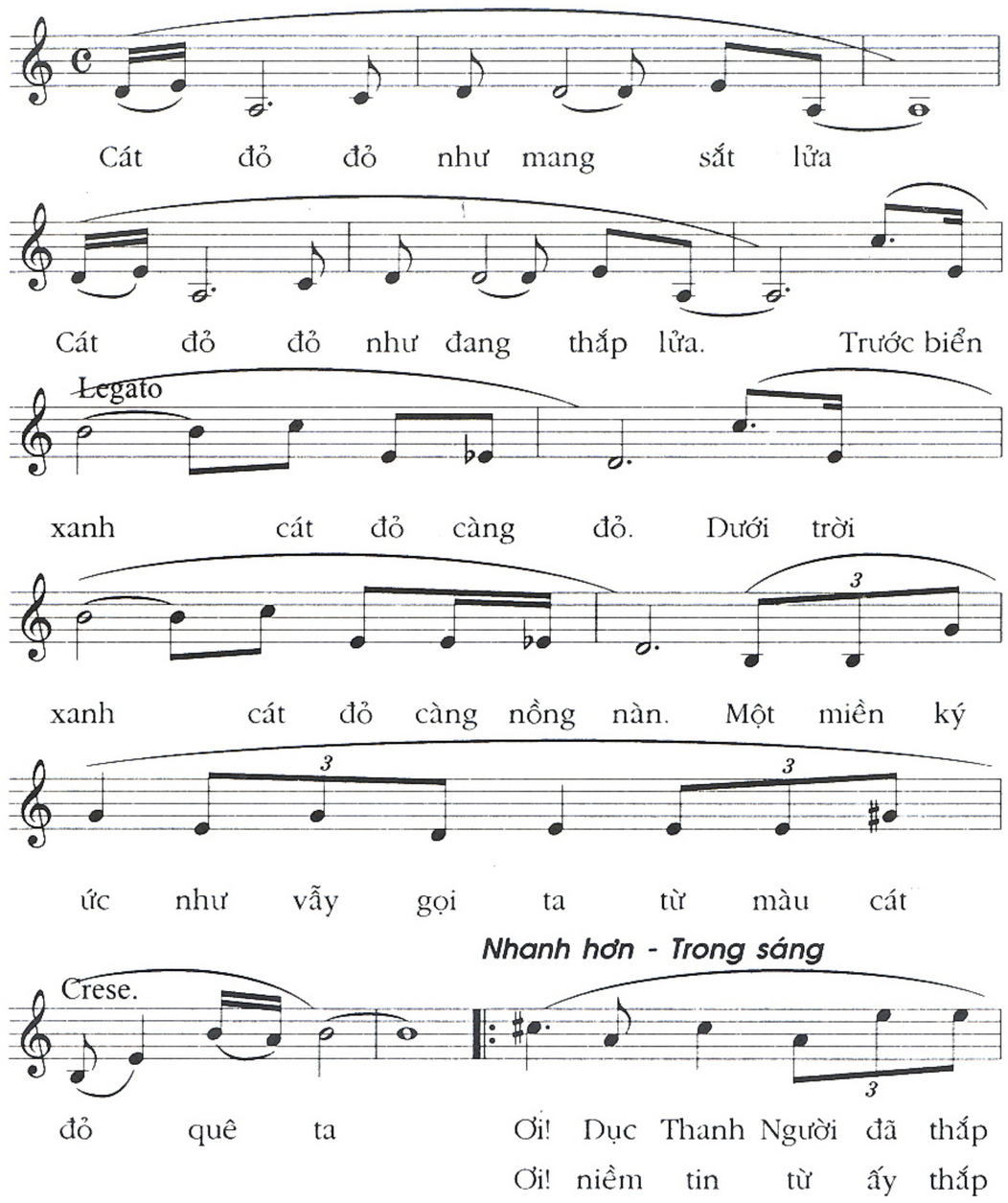

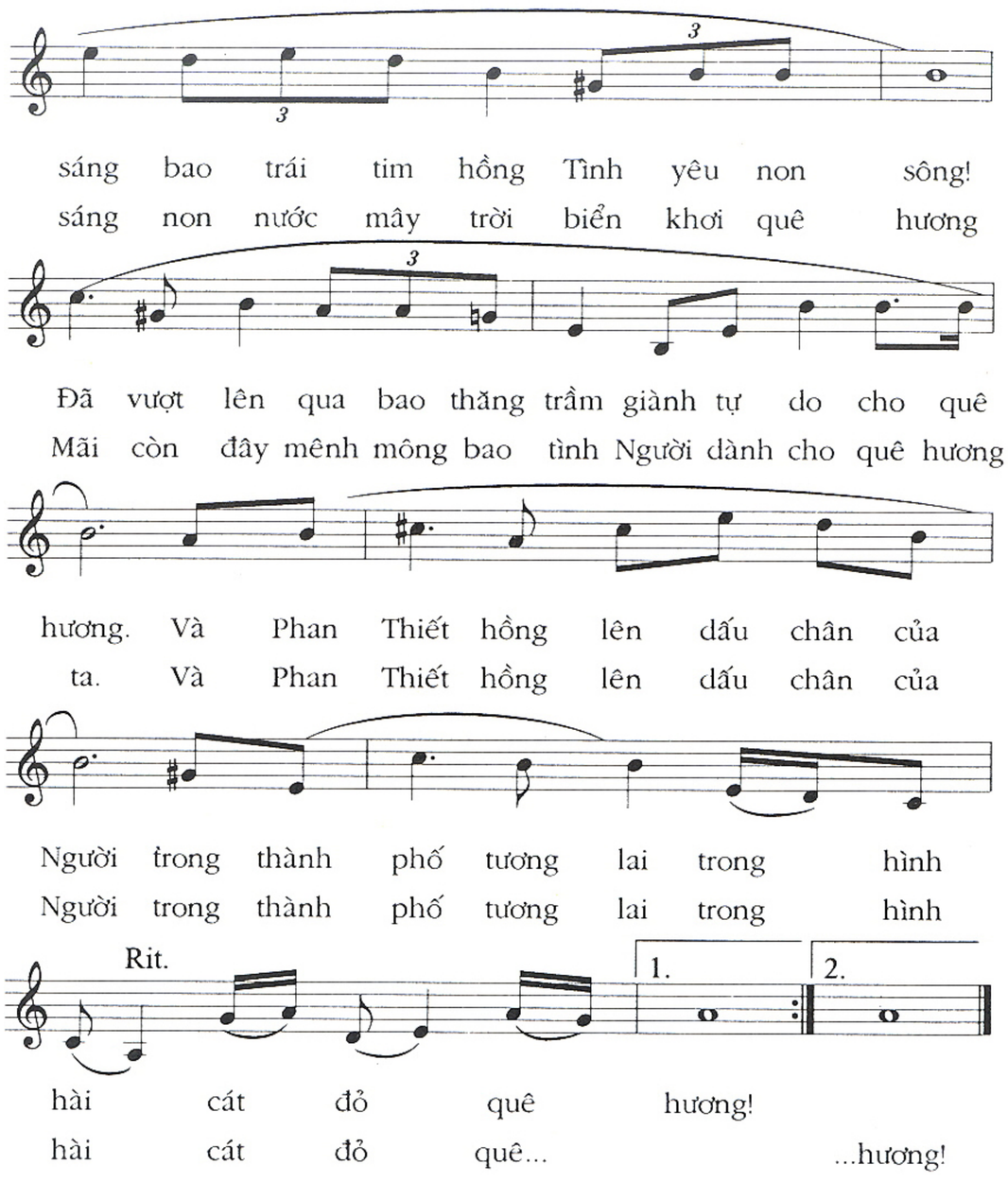

Về Dục Thanh

Nhạc và lời : **NGỌC TRUNG**

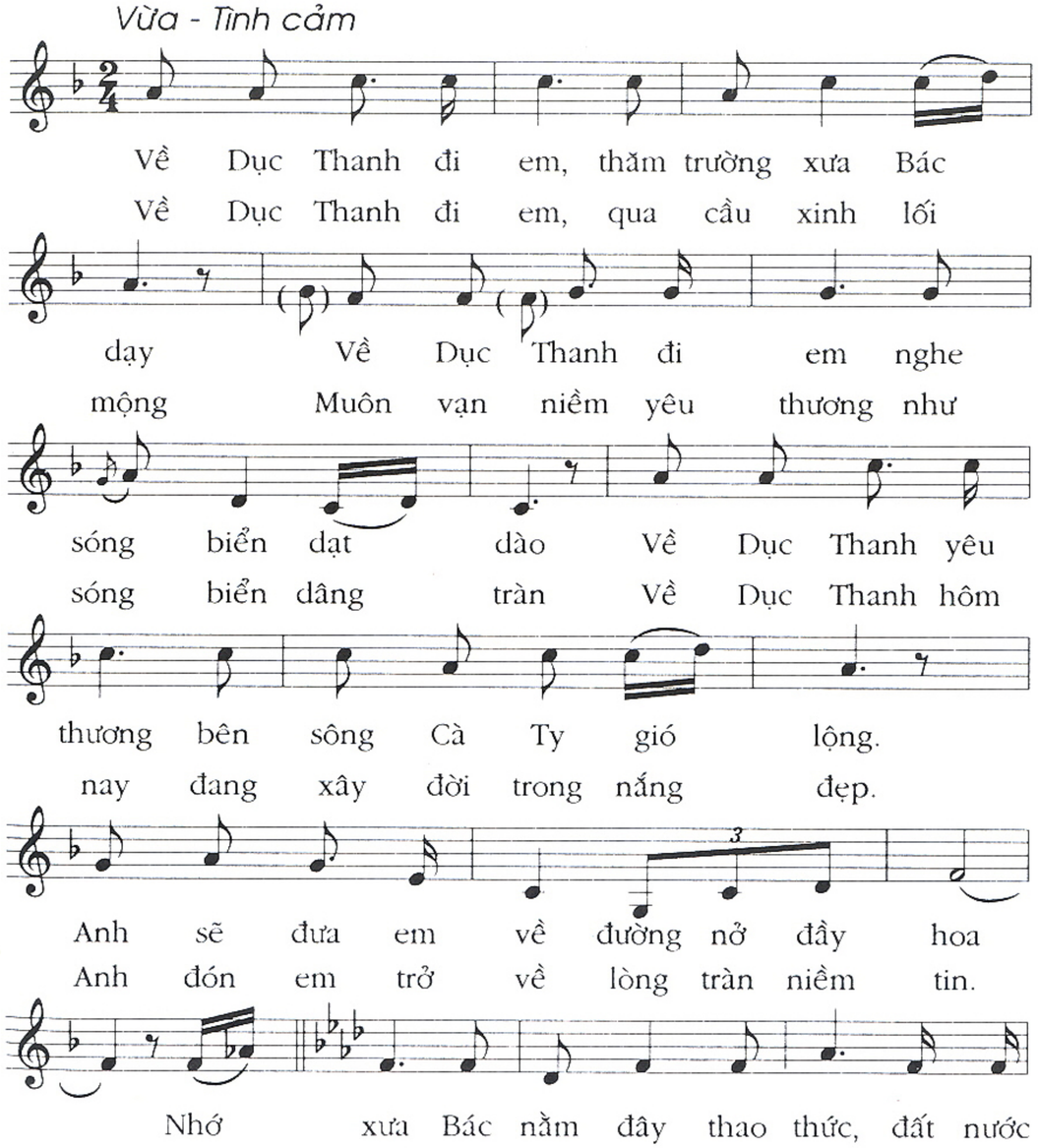

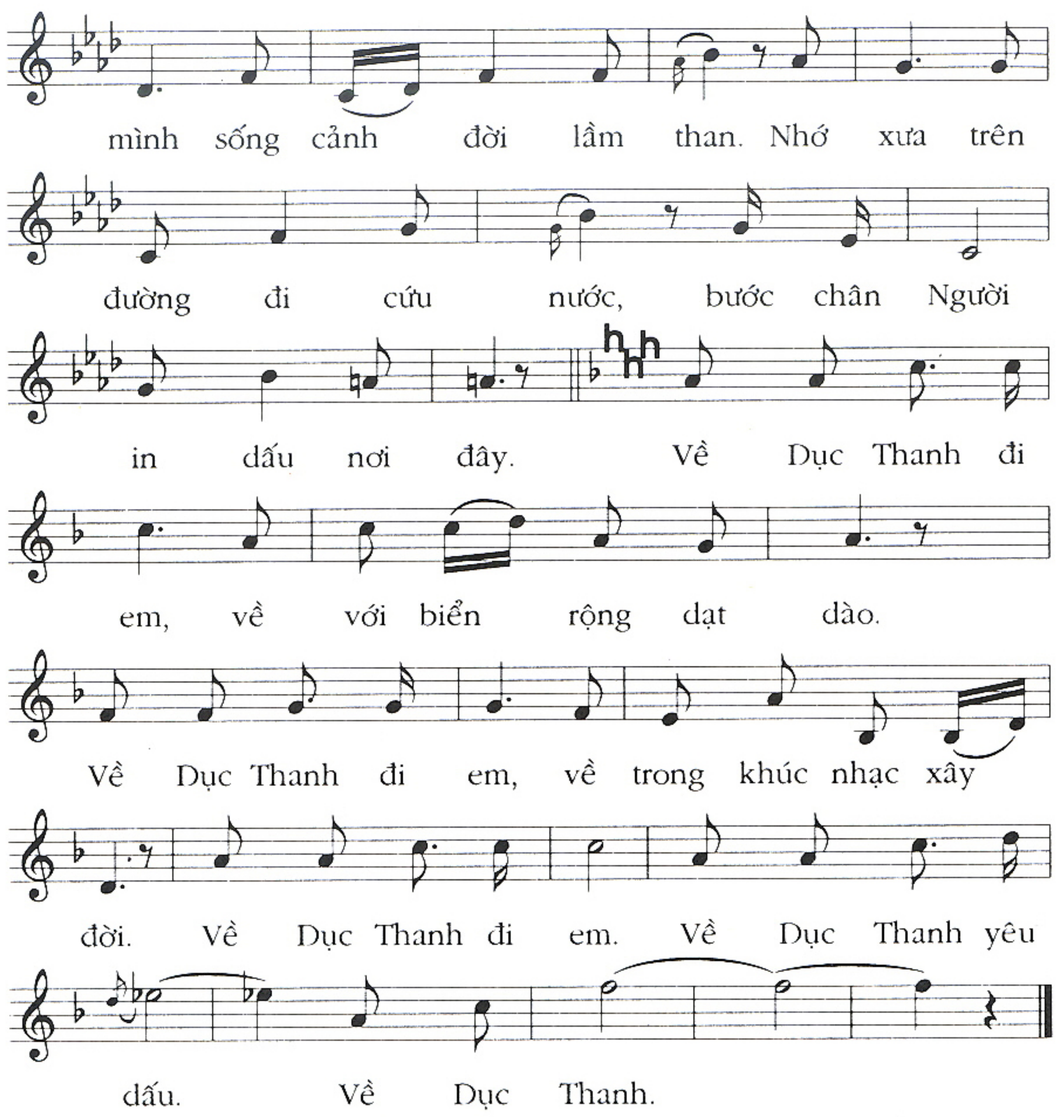

Nơi này
Bác đã đi qua

Vừa phải - Trân trọng

Nhạc và lời : **ĐỖ QUANG VINH**

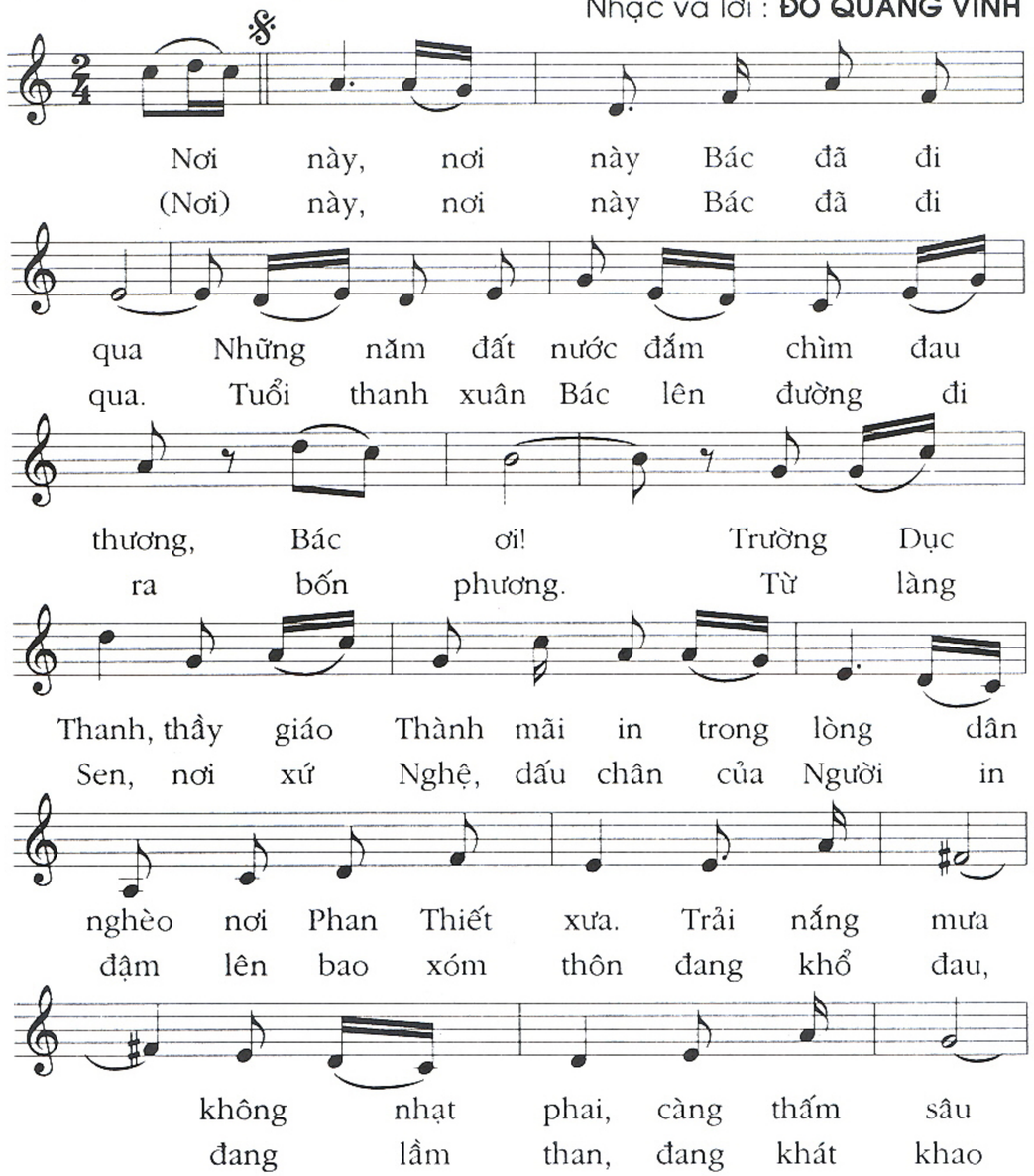

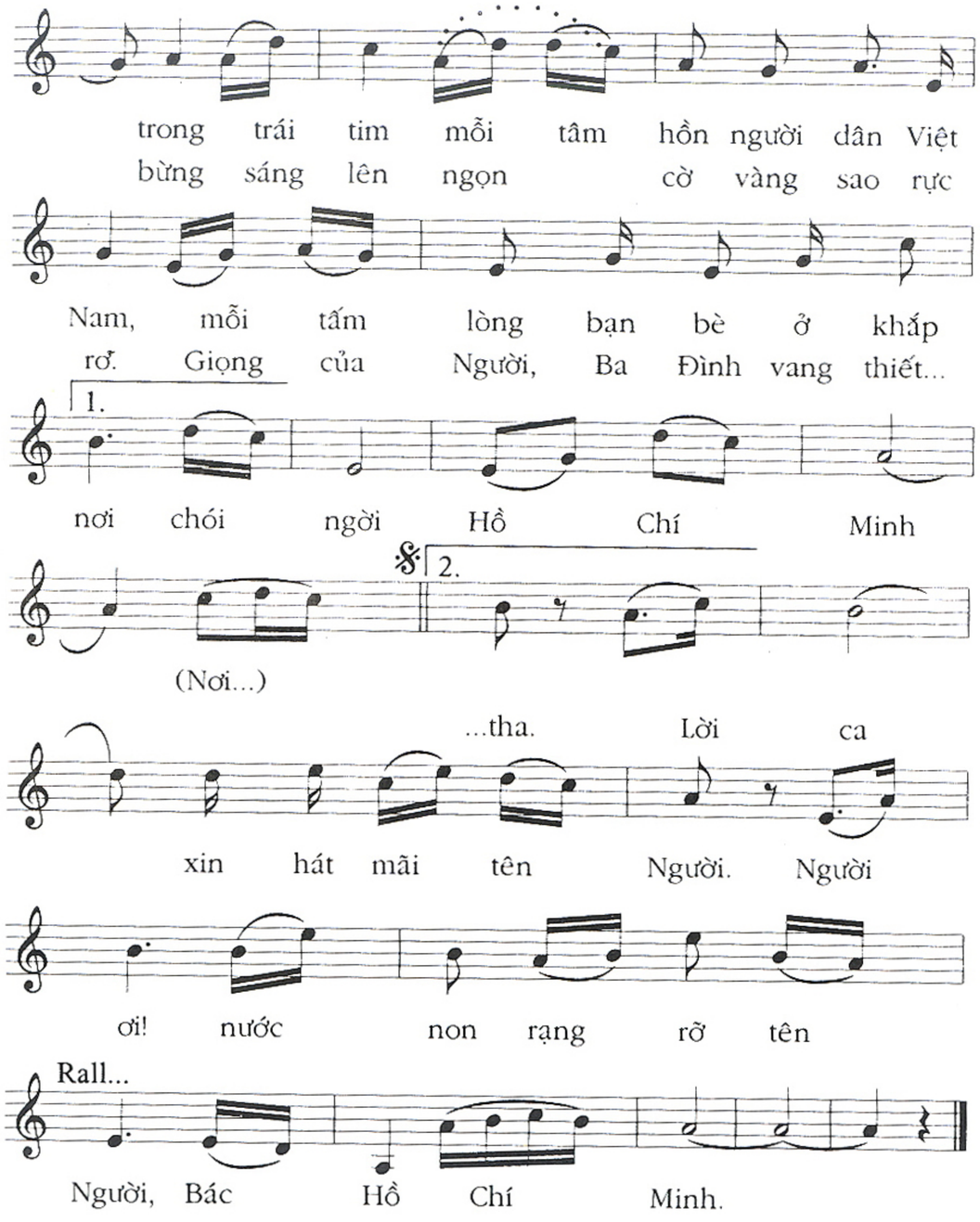

Cây khế Dục Thanh

Chậm vừa - Dạt dào - Thắm thiết

Nhạc và lời : **HUY THỤC**

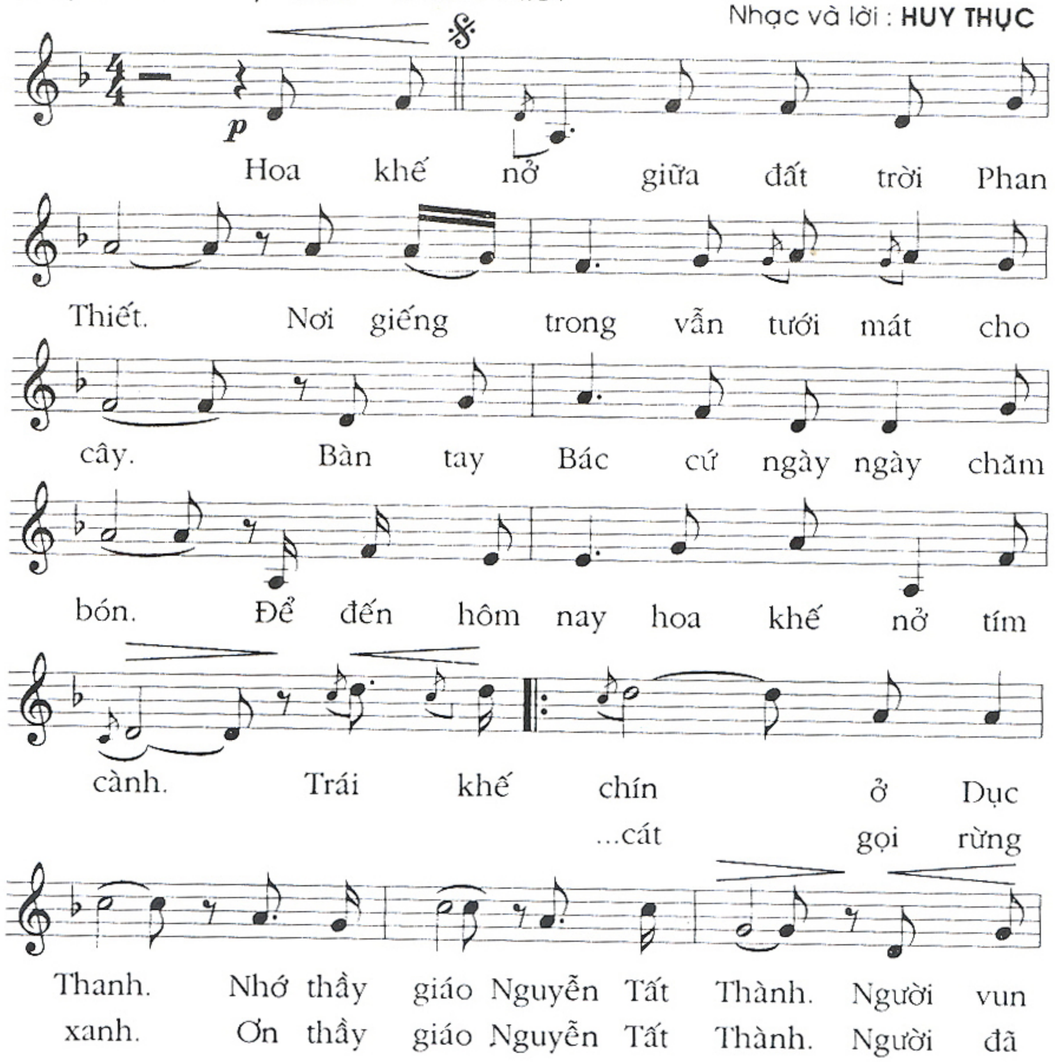

xới cho cây xanh che bóng mát. Trên trăm
đến đây ươm cây xua chua xót. Cứu nước

năm hoa trái ngọt trĩu cành. Kìa bình minh
non cây đắng lại ngọt bùi. Biển trời quê

ff
lên! Tiếng chim ca thánh thót. Trường Dục
hương. Nắng quyện màu yêu thương... Về Dục

Thanh em cất cao tiếng hát. Đáy giếng
Thanh trăng sáng soi lấp lánh. Gốc khế

trong. Còn in hình bóng Bác. Hương khế toả
xưa. Trổ ra thêm năm nhánh. Như Bác xoè

1.
thơm bát ngát trên sân trường. (Đất gió...)
tay đón những hoa học

2. Pocorit...
...trò. Cây khế Dục Thanh còn in bóng dáng thầy

Rall... 3. 4. a tempo
giáo Nguyễn Tất Thành (Hồ khế...)
...Thành.

Chiều Phan Thiết

(Phong cách dân ca Chăm)

Trống bập bùng - Allégro Nhạc và lời : **TRẦN HOÀN**

Hưm...

Fine

Chiều đang lặng
Dù phải ở

trôi, dãy núi mờ tối dần, chỉ mỗi mình
xa, mà sao như vẫn gần, gửi theo ngọn

em, ngồi ngắm những ráng chiều Đầy khoang thuyền
gió, nỗi nhớ người đất liền Đẹp sao những

cá về, vọng lên lời khoan hò của những con
đêm dài, cùng nhau nhìn phố biển bên con sông

người tháng năm ở với biển Dòng sông Cà
đẹp với muôn vàn kỷ niệm. Chẳng thể nào

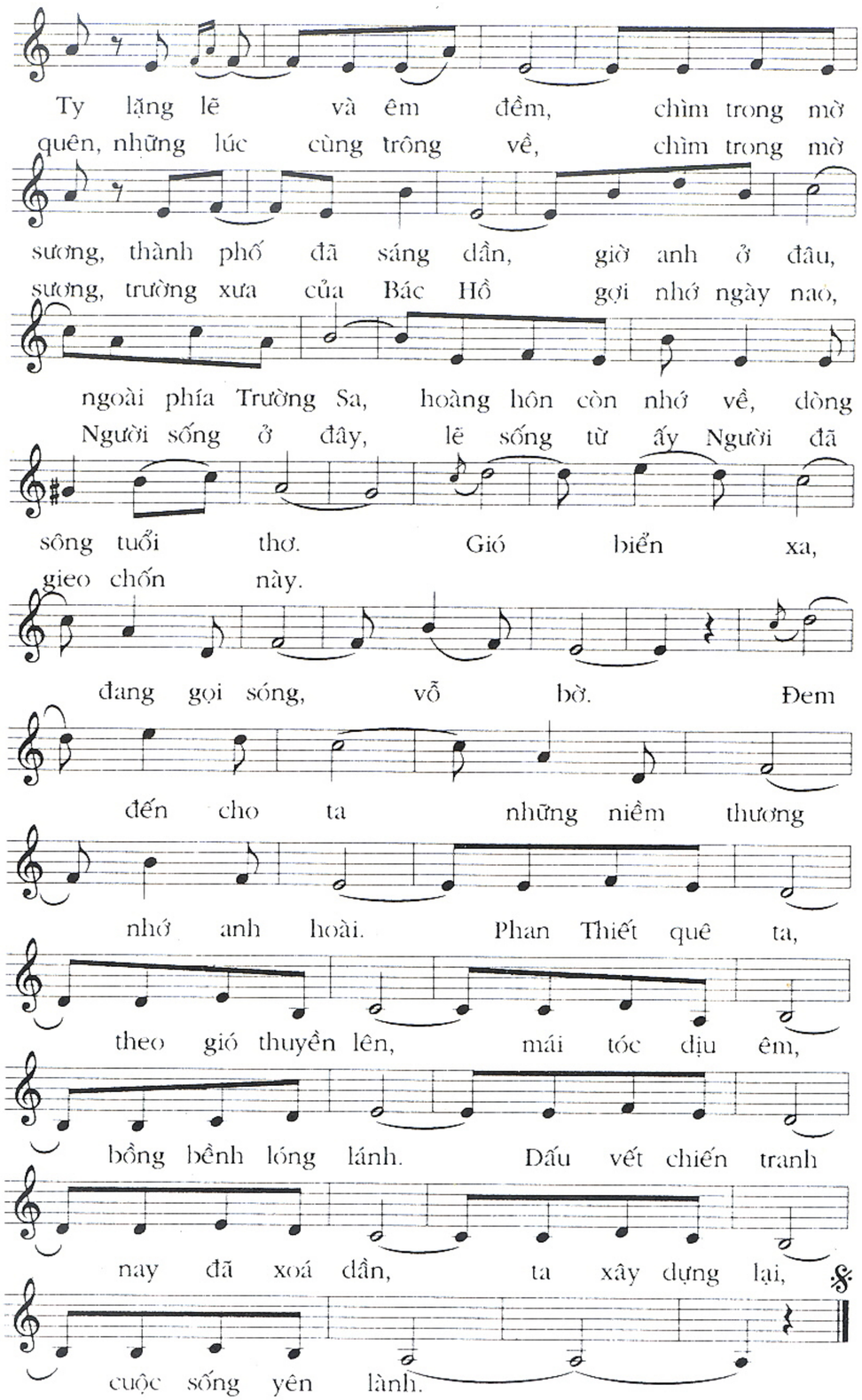

Nơi Bác dừng chân

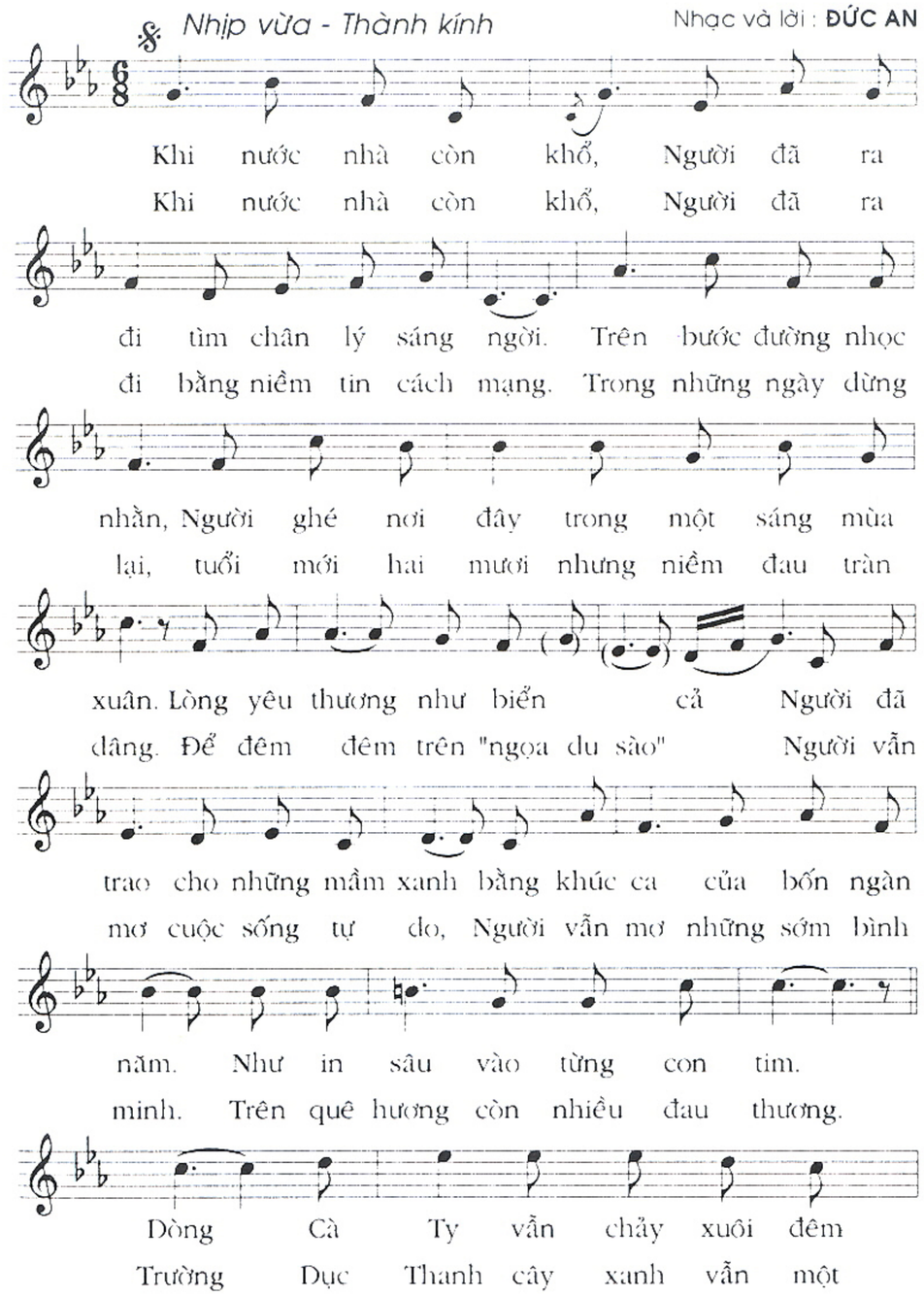

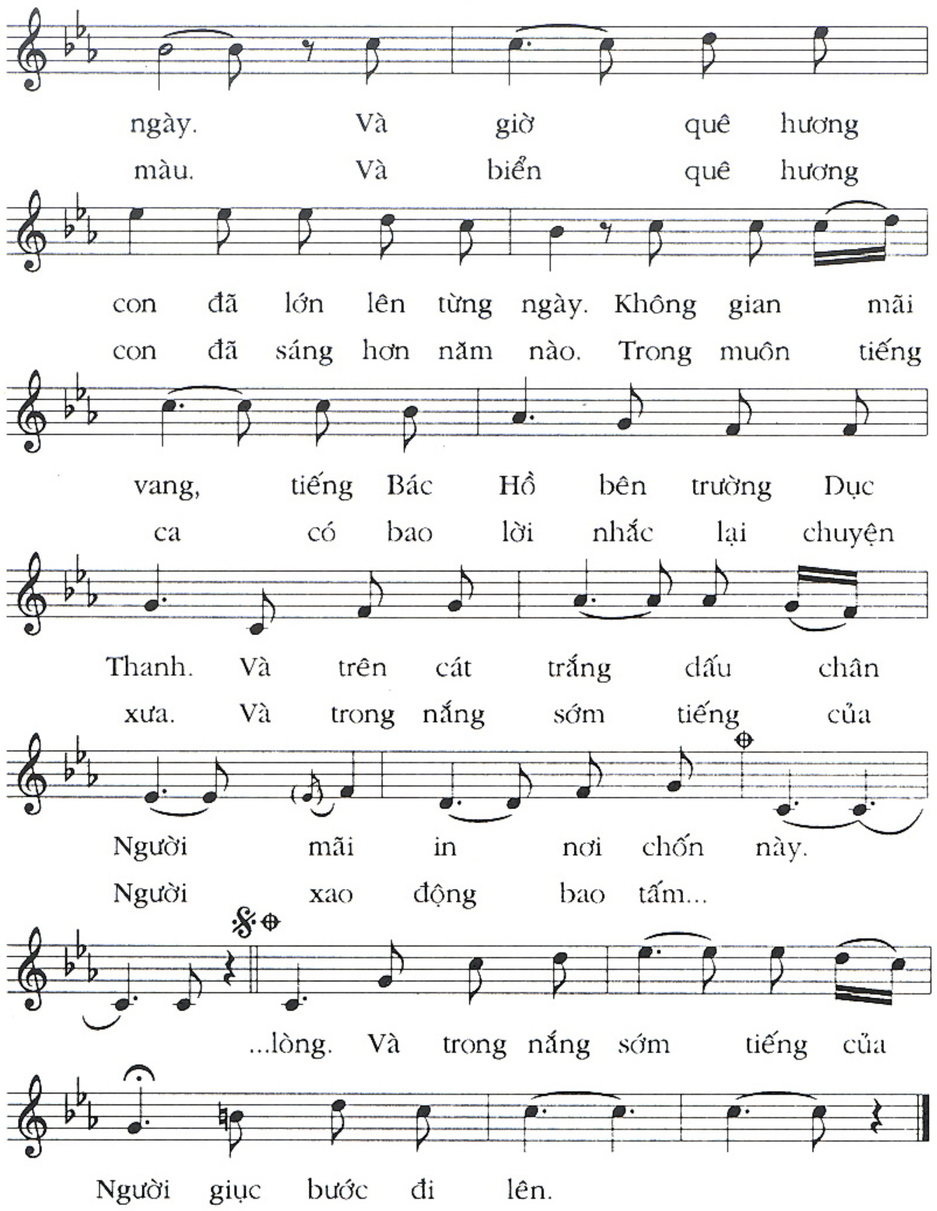

Người Phan Thiết

(Chào mừng quê tôi 100 tuổi)

Nhạc và lời : **HUY SÔ**

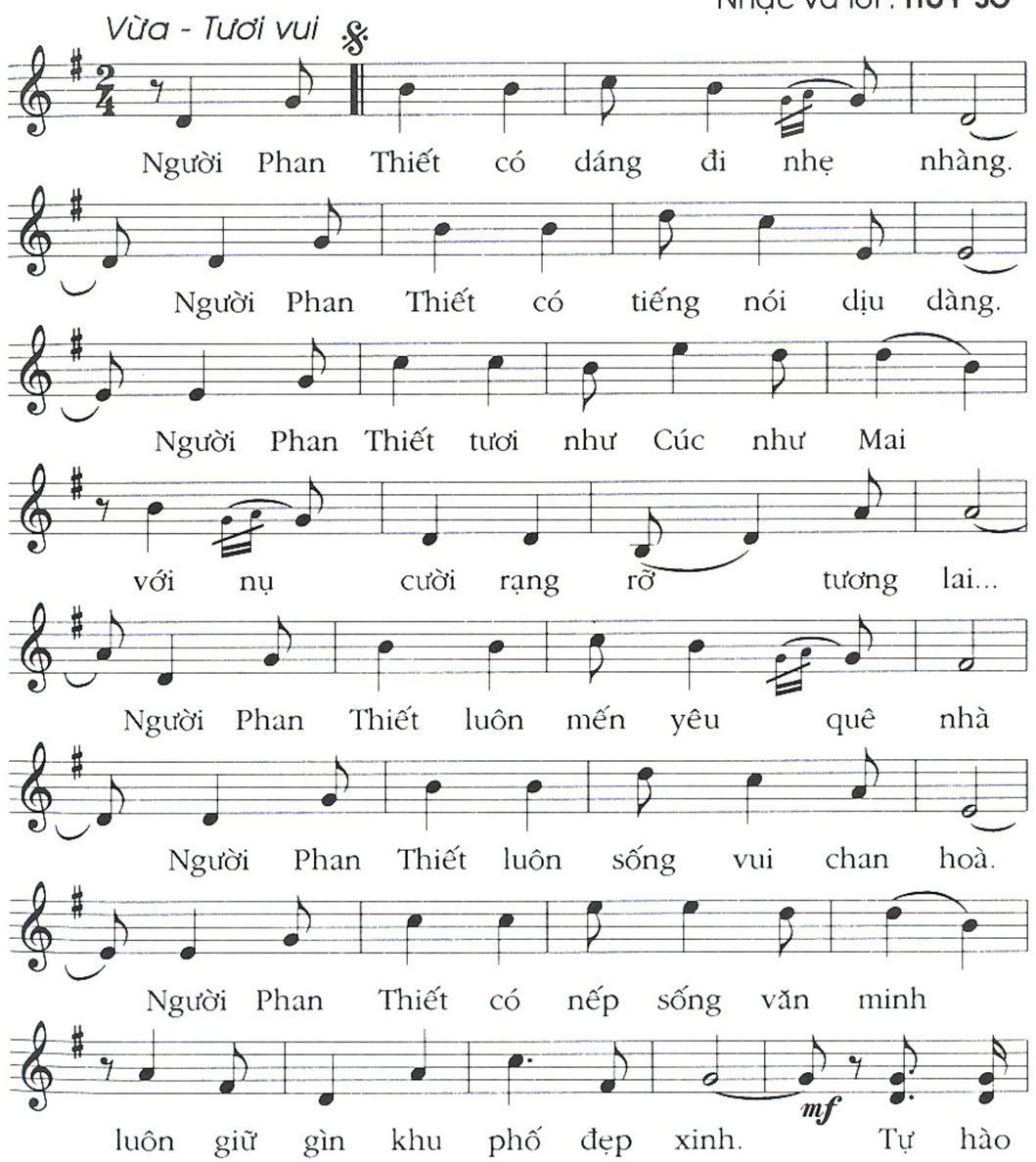

thay! Phan Thiết ta Trường Dục

Thanh vang tiếng ca. Thành phố

xanh bên bờ biển xanh. Tự hào

thay! Tháp nước xưa Dòng Cà

Ty mang ý thơ nâng con

tàu cởi sóng ra khơi... Người Phan

Thiết có mắm ngon tuyệt vời. Bờ cát

trắng nghe sóng vỗ từng hồi. Người đi

xa luôn nhớ đến quê hương. Mong ngày

1. 2.

về sống giữa tình thương... Người Phan...

...thương.

Phố xưa
còn in dấu chân người

Largo - Recitando - Senoro **QUANG ĐẨU**

Dòng sông miên man trong ta Lắng

(Dòng) sông trong xanh mênh mông Lắng

đọng câu hò quê hương Dòng

đọng muôn vì sao đêm Đầy...

1.

sông êm trôi êm trôi Vẫn

còn in bóng người xưa (Dòng...)

2.

...với câu thơ tự tình Phố

xưa nơi Bác dừng chân Dòng

(Dòng)

sông ơi! dòng sông phố
sông mang phù sa vấn...

1.

xưa đưa con thuyền ngược xuôi phố

xưa âm vang thủy triều "Ngoạ Du

Sào" vọng mãi ngàn năm (Dòng...)

2.

...vương bên bồi bên lở "Cà

Ty" con sông quê hương "Dục

Thanh" Âm vang lời ca thiết tha phố

xưa phố xưa tự tình.

Nhớ Người Thầy Xưa

Hồi tưởng - Chậm rãi - Sâu lắng

Nhạc và lời : **NGUYỄN TIẾN LIÊU**

Ngày ấy có một người trai quê nghèo xứ

Nghệ đã dừng chân nơi đây, trên đường tìm chân

lý. Từ ấy trường Dục Thanh đã đón, đón một người

thầy dáng cao cao hao gầy mà trái tim nồng

ấm... Người chăm lo bồi đắp các em tình yêu quê

hương non nước Lạc Hồng. Giữa biển trời Phan

Thiết, nghe sóng vỗ bồi hồi nhớ dòng sông Lam lòng Người mênh

mang, mênh mang... Nào ai biết rằng một ngày

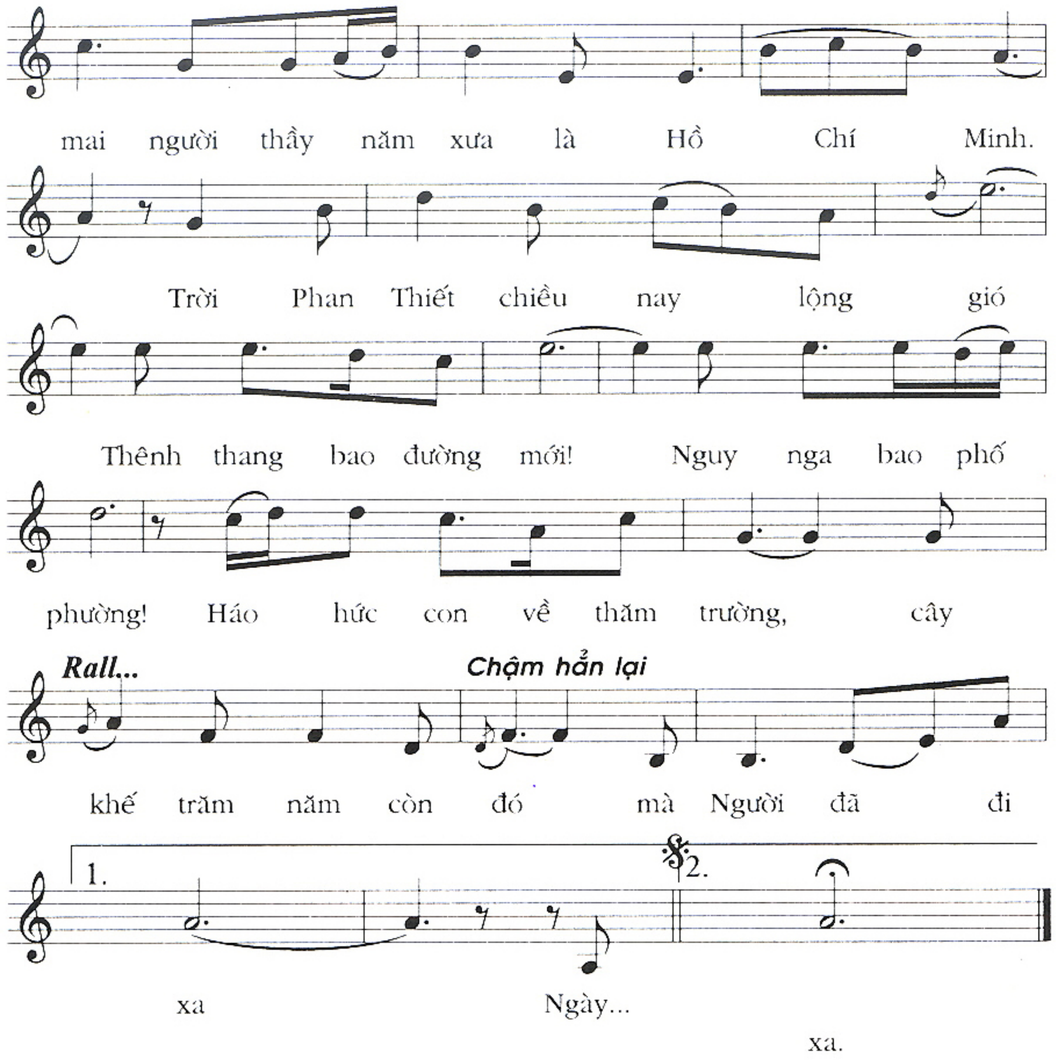

Tiếng hát

Làng Chăm Ơn Người

Sáng tác : **TỐ HẢI**

Nhịp trống Ki năng nhịp nhàng phóng khoáng

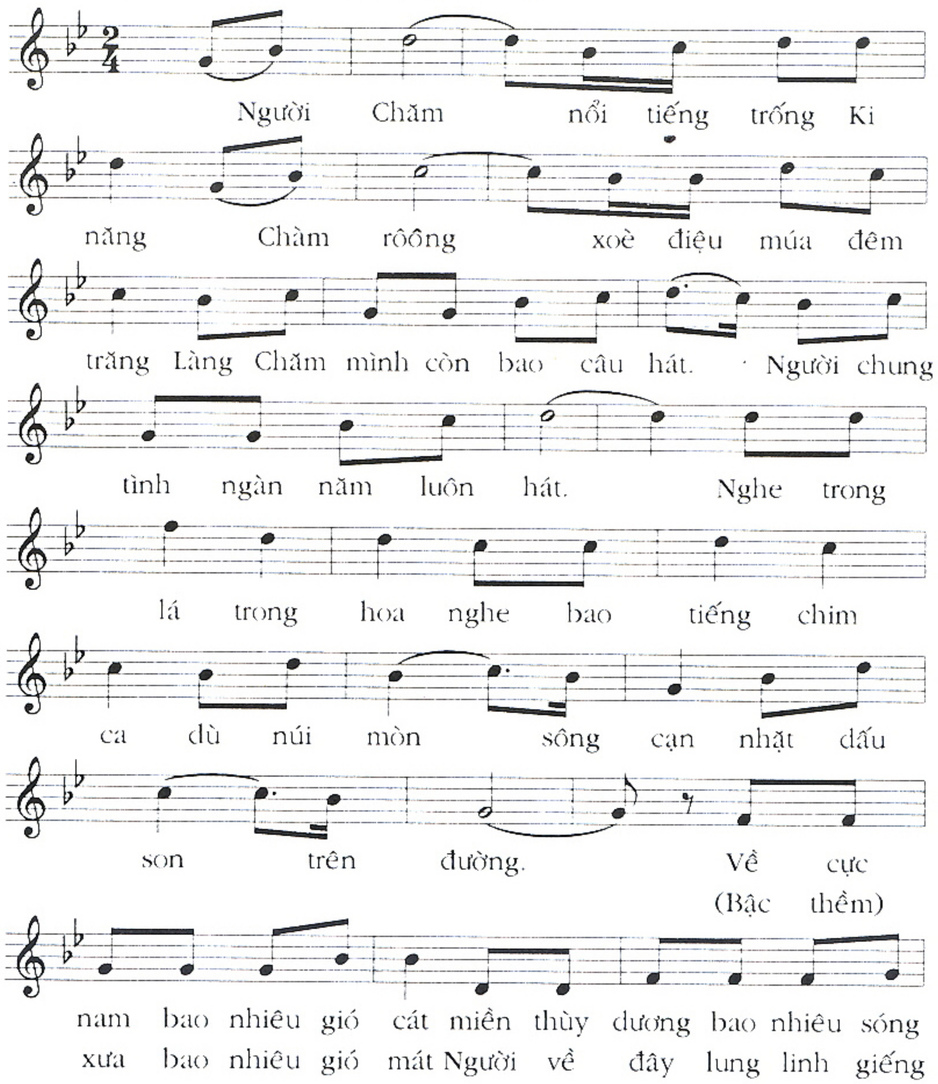

hát. Người về đây Dục Thanh nên trường. Người về
nước Nhịp cầu quê bàn chân đi về Gọi ngàn
đây cạn sâu đo lường. Múa ta
sao về bao đêm trường. Tiếng chim
múa theo nhịp Chăm rông. Trống ơi trống theo hoài dòng
hót bên dòng Cà Ty. Cánh hoa thắm cho đời mùa
sông. Ai đong được bao nhiêu giọt
xuân. Ai đong được bao nhiêu hạt
nước. Ai tính được đường lên phía trước cánh én
nhớ. ác gieo mầm ngày sanh ở đó khắp núi
chao rộn khắp làng quê. Ta đưa nhau về Ta chung câu
sông từng bước người qua. Quê ta anh hùng Hương hao muộn
1.
thề cùng dựng xây trên quê hương ta Người Chăm
trùng ngàn lời ca trên quê hương
2.
hát hát lời ơn Bác. Bậc thềm...
...ta Từ trái
tim khát khao tình yêu.

Phan Thiết Nhớ Người

Nhạc và lời : **VĂN KÝ**

Tự do - Khoáng đạt

mf

Biển cồn cào lời ru thâu đêm
Sông Cà Ty êm đềm
Mái trường Dục Thanh còn đó, cây khế năm xưa Người
Vào nhịp
đã từng chăm tưới. Đã kết mùa quả mới.
f
Trăm năm đi qua. Mùa thu đã chín.
Vườn quả ngọt ngào. Bình Thuận hôm nay.
Mắt biển như say. Tàu ra khơi xa.

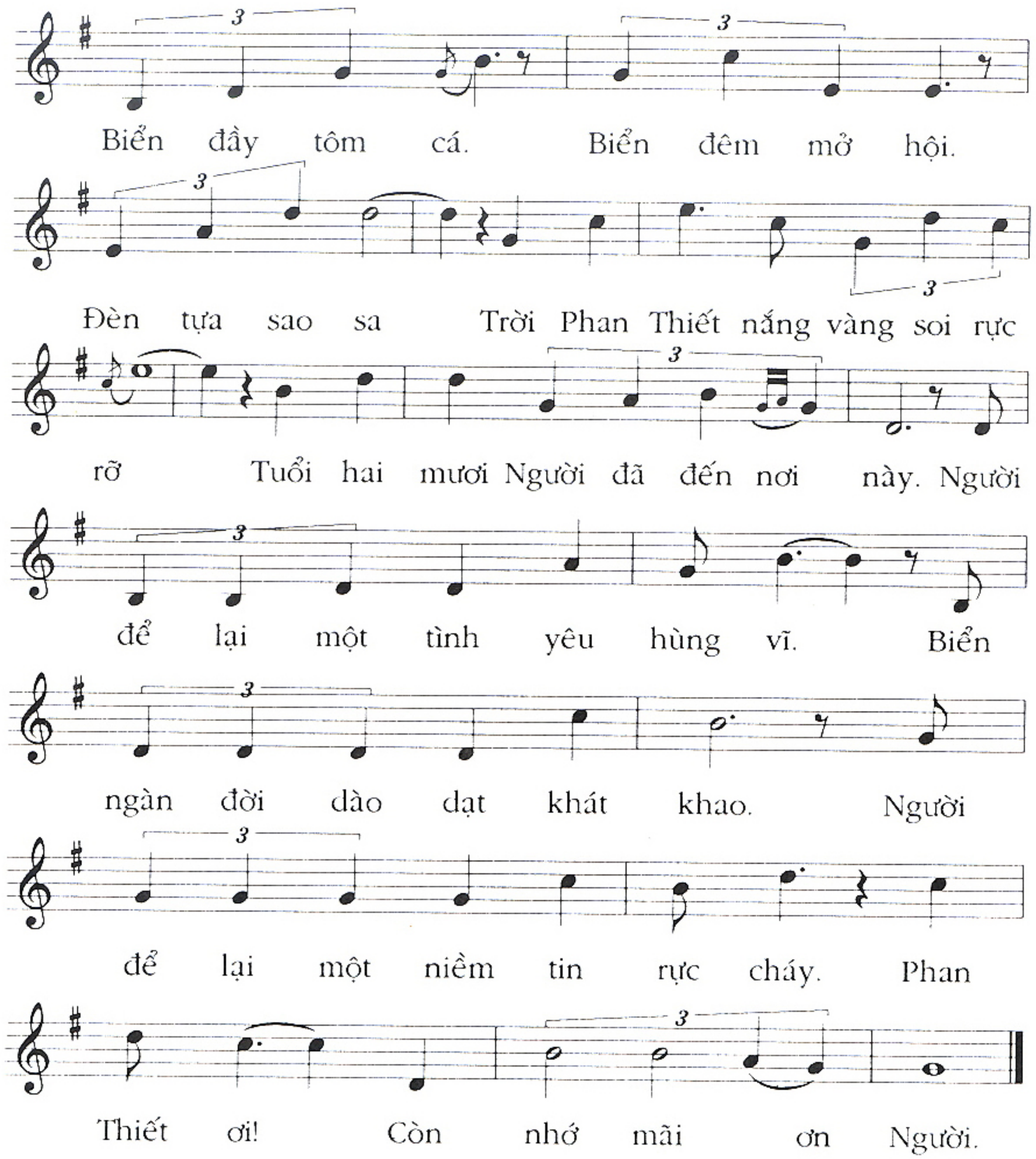

Cây khế Dục Thanh
Cây khế Bác Hồ

Nhanh vừa - Rộn ràng

Nhạc và lời : **HOÀI SƠN**

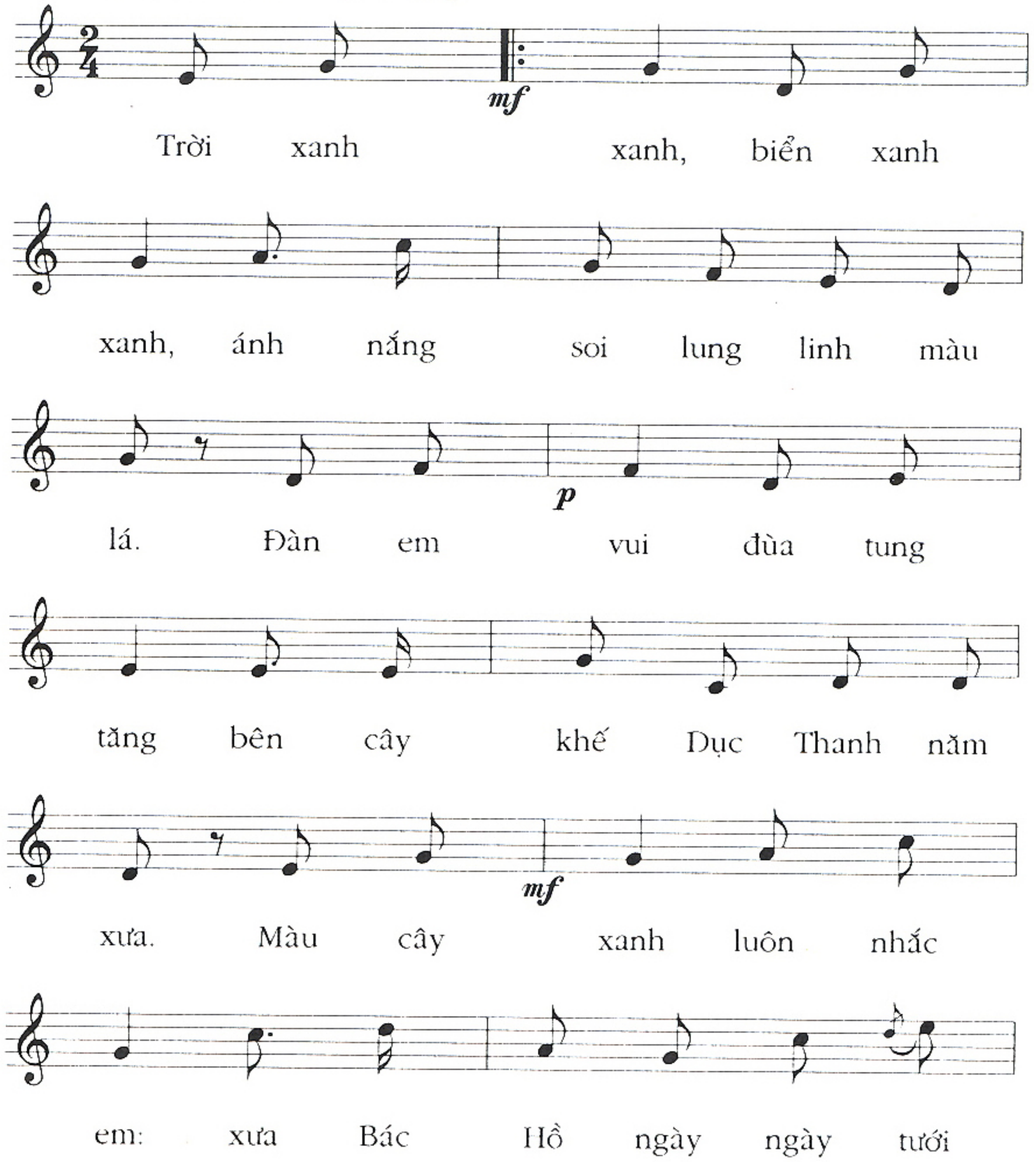

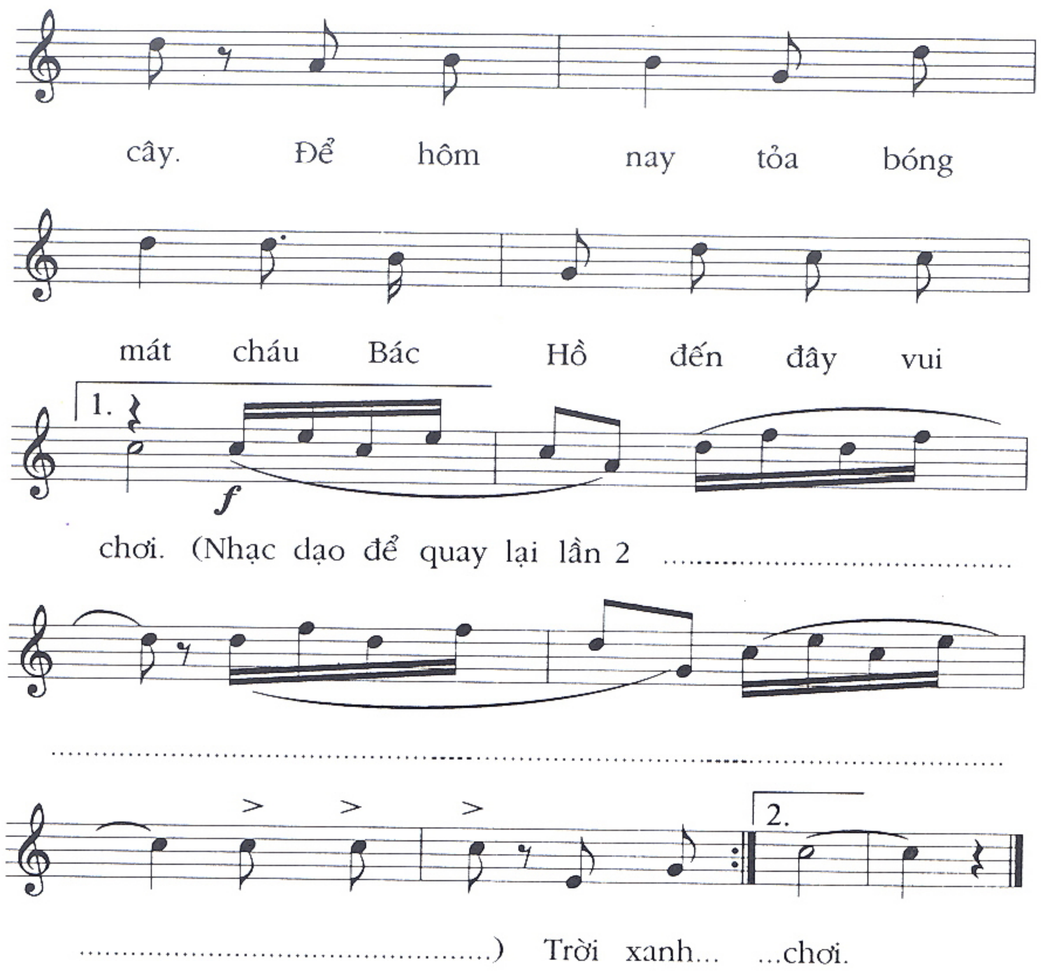

Khu Di tích trường Dục Thanh và Bảo tàng Hồ Chí Minh
- Chi nhánh Bình Thuận.

Khu di tích trường Dục Thanh.

Trường Dục Thanh, nơi Thầy giáo Nguyễn Tất Thành
dạy học 1910 - 1911.

Bảo tàng Hồ Chí Minh - Chi nhánh Bình Thuận.

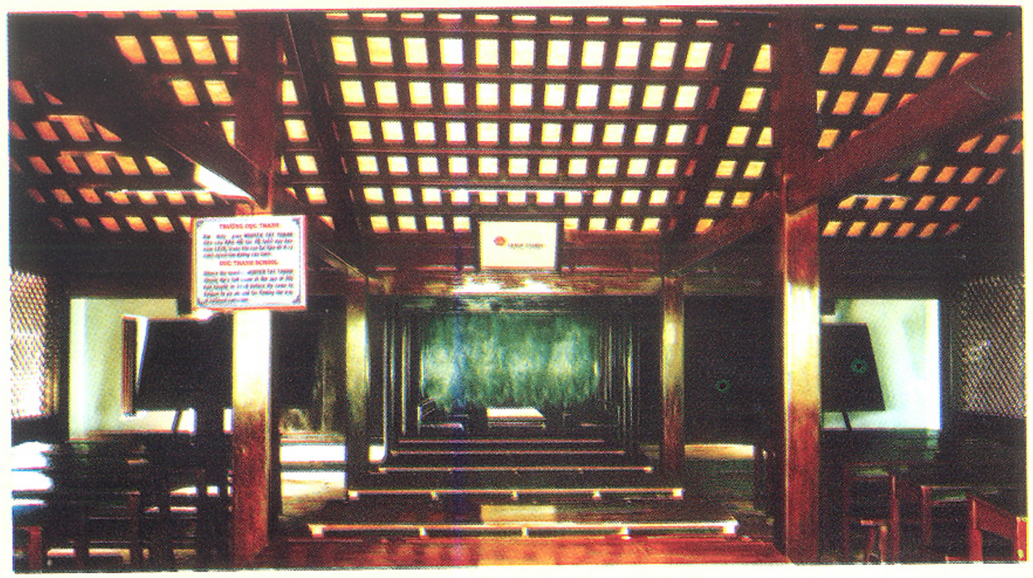

Toàn cảnh bên trong trường Dục Thanh,
nơi thầy giáo Nguyễn Tất Thành dạy học 1910 - 1911.

Trong thời gian dạy học tại trường Dục Thanh
thầy giáo Nguyễn Tất Thành nội trú
trong nhà Ngư này.

Toàn cảnh gian thờ của Nhà thờ cụ Nguyễn Thông,
nhà thơ, văn yêu nước 1827 - 1884.

Bên trong nhà Ngư - Nơi nội trú của thầy giáo và học sinh.

Tráp văn thư, nghiên mài mực, 3 chén uống trà của cụ Nguyễn Thông.

Kiếm, thước lỗ ban của cụ Nguyễn Thông.

Nhà Ngọa Du Sào - Nơi thầy giáo Nguyễn Tất Thành thường đọc sách, chấm bài trong thời gian dạy học tại trường Dục Thanh.

Toàn cảnh bên trong của nhà Ngọa Du Sào.

Vườn cây ăn trái trong khuôn viên trường Dục Thanh.

Cây khế - được thầy giáo Nguyễn Tất Thành
thường chăm sóc, tưới nước khi Người dạy học
tại trường Dục Thanh.

Đèn lồng
trước cổng
trường Dục Thanh.

Bức Bình phong trước trường Dục Thanh.

Giếng nước, được thầy giáo Nguyễn Tất Thành thường múc nước sinh hoạt, tưới cây trong vườn khi Người dạy học tại trường Dục Thanh.

Lễ dâng hương viếng Bác tại Bảo tàng Hồ Chí Minh - Chi nhánh Bình Thuận.

Đón trung thu bên tượng đài Bác Hồ.

Đình làng Đức Nghĩa, được
thầy giáo Nguyễn Tất Thành thường đưa học sinh
trường Dục Thanh đến tham quan 1910 - 1911.

Bác bắt nhịp bài ca kết đoàn.
Ảnh: LÂM HỒNG LONG

Tượng đài Bác Hồ với thiếu nhi (tại Bảo tàng Hồ Chí Minh - Chi nhánh Bình Thuận) của nhà điêu khắc LÊ THƯỢC.

Nghệ sĩ Thái Phụ vai Bác Hồ cùng các diễn viên đoàn ca múa nhạc "Biển Xanh" trong ca múa cảnh "Giấc mơ gặp Bác".

Tượng đài Bác Hồ với thiếu nhi (thị xã La Gi)
của nhà điêu khắc ĐINH QUANG AN.

Thành Phố Tôi Yêu

Thơ : **ĐỖ KIM NGƯ**
Nhạc : **NGỌC THỦY**

Trữ tình - Thiết tha

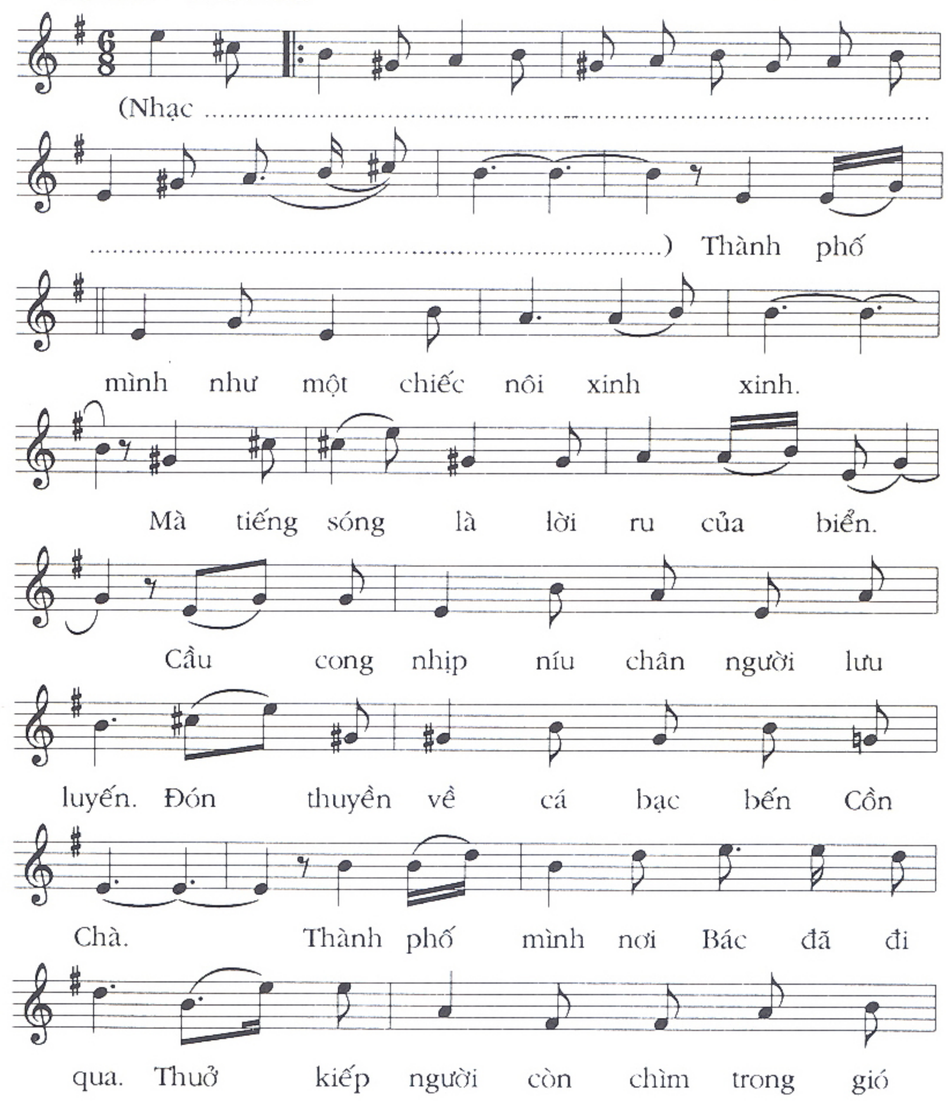

cát. Thuở mất nước lòng đau như dao

Da diết (Lần 2 Rall...)

cắt. Yêu quê hương Bác phải xa quê hương.

Vào nhịp

Hớ hớ hơ hờ hơ hớ

hờ hơ hơ hờ hơ hớ hờ hơ hớ

hơ. Thành phố mình sao quá đỗi thân

thương Ta bắt gặp trong mặn mà của

gió. Ta bắt gặp trong tiếng cười em

nhỏ. Trong mỗi dáng người dù lạ hay

1. quen. (nhạc...) 2. ...quen. Trong mỗi dáng

người dù lạ hay quen. Trong ánh mắt nhìn của người Phan

Thiết sao mà yêu thương.

Hoa nắng DỤC THANH

Nhạc : **VIỆT TRÃI**

Lời thơ : **NGUYỄN VĂN MINH**

MODERATO

Có cội tre vàng vươn mắt.

Với cội tre vàng ươm nắng.

Ngắm hàng phượng vĩ khoe hoa Và

Có hàng phượng đỏ ươm hoa Và

đó mái ngói xanh màu thời gian đi

đó mái ngói rêu trường Dục Thanh ươm

qua. Và đó tiếng hát ve trên vòm

hương. Vọng tiếng sóng biếc ru ơi Cà

me xôn xao. Mùa hạ mang mùa thi

Ty thân thương. Mùa hạ sang cùng ve

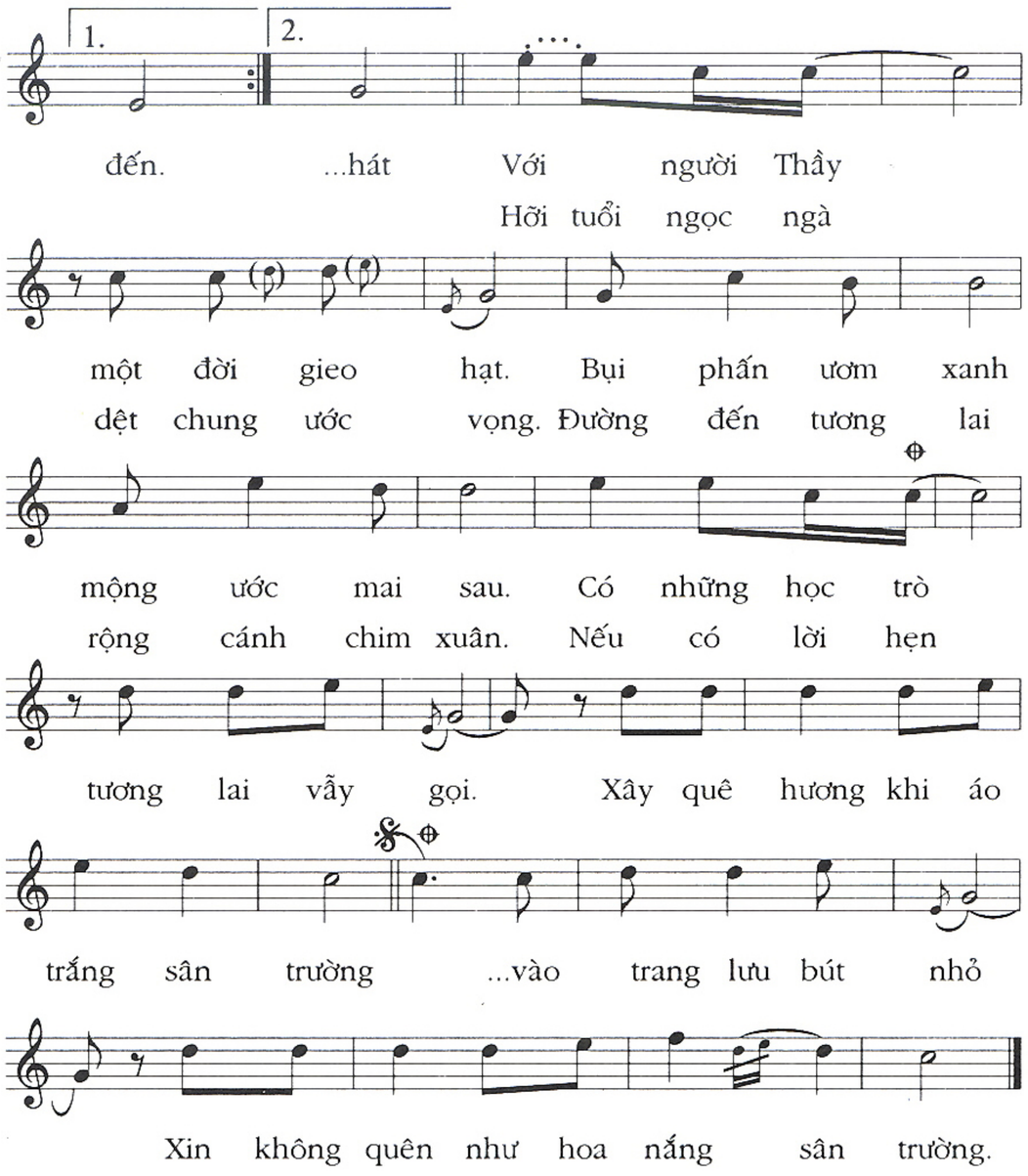

HỒ CHÍ MINH
vì sao sáng muôn đời

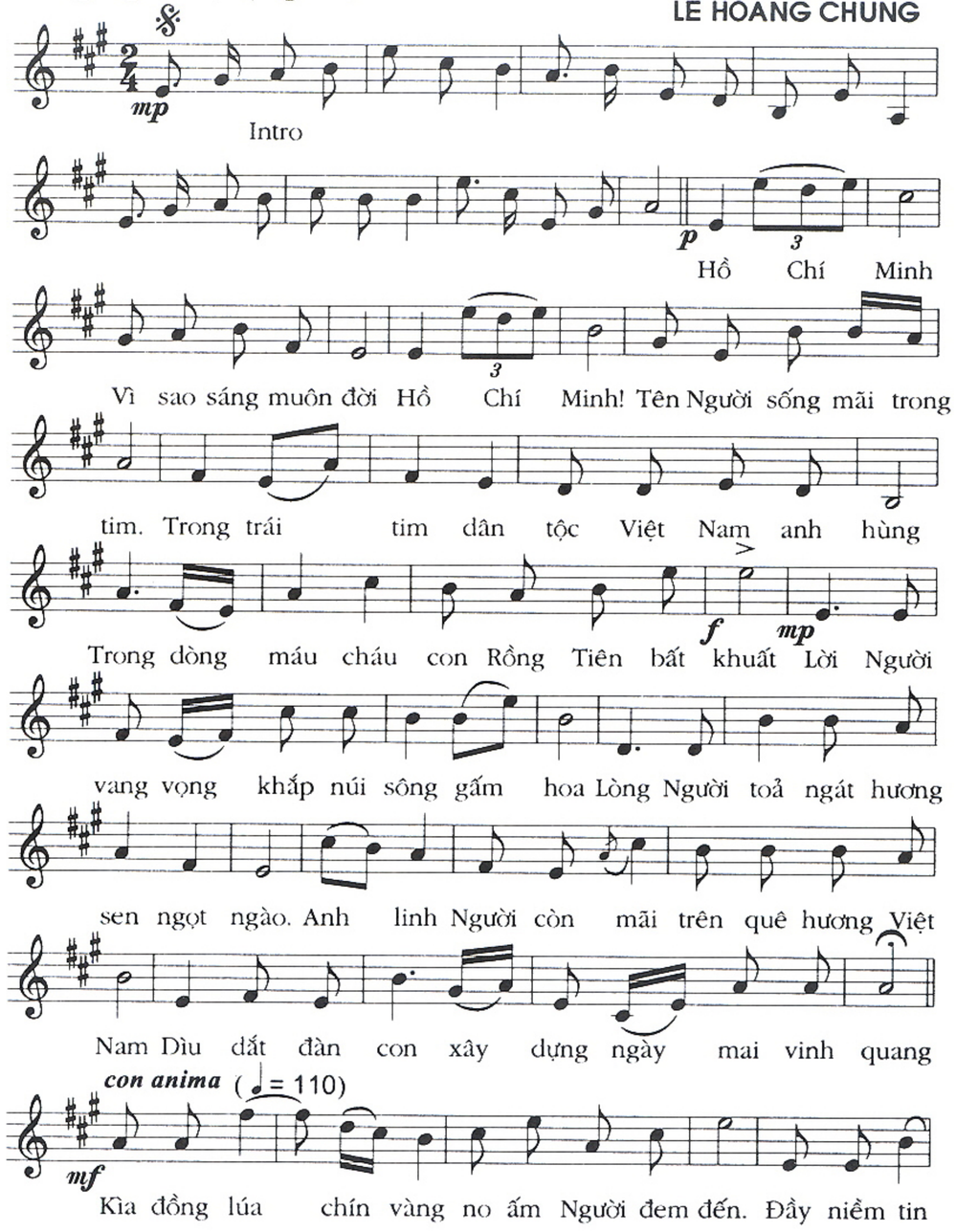

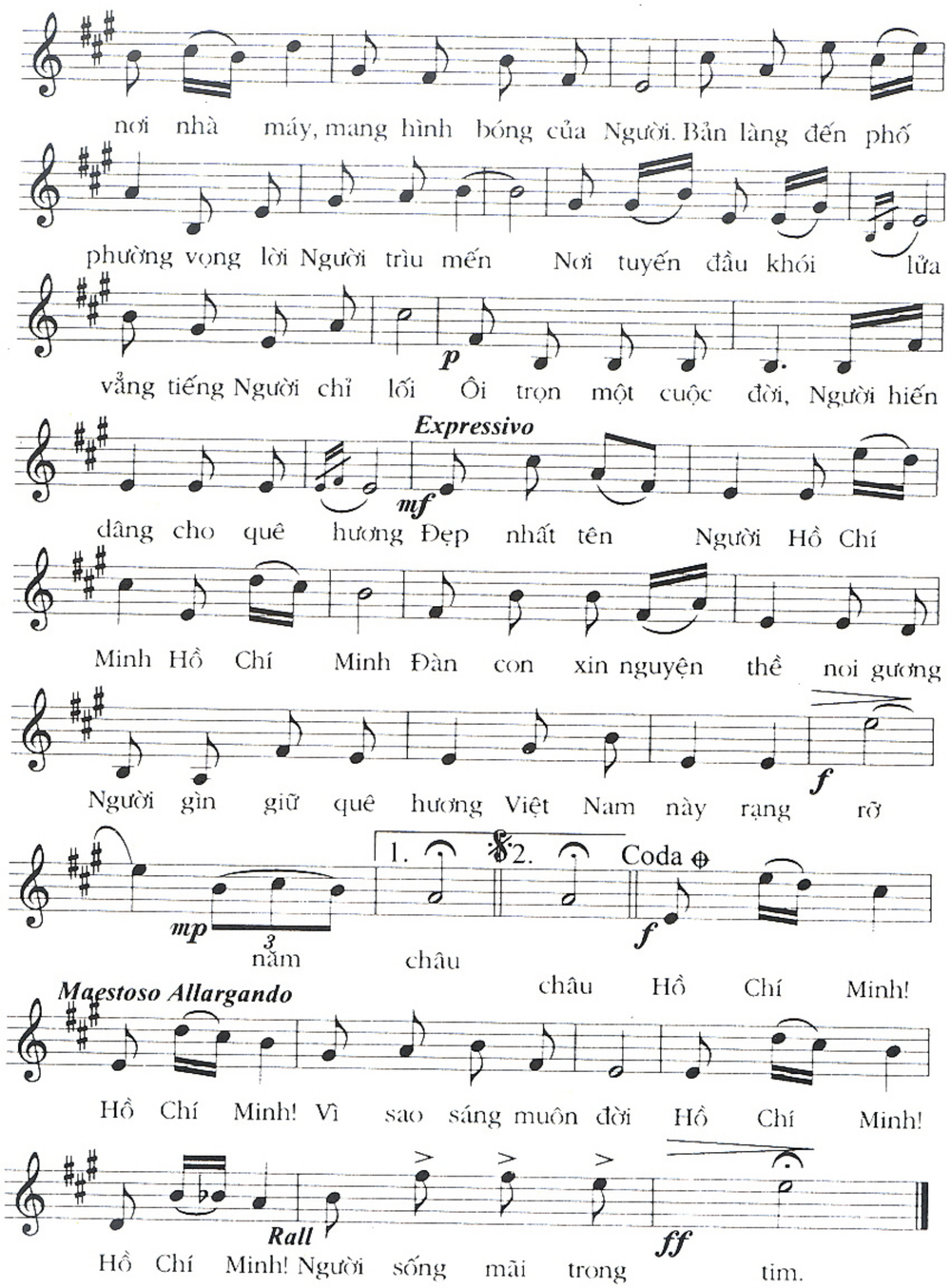

Phụ lục

Một số bài viết về Chủ tịch Hồ Chí Minh gắn với sự kiện thầy giáo Nguyễn Tất Thành dạy học ở trường Dục Thanh

Từ cậu bé Nguyễn Sinh Cung đến Thầy giáo Nguyễn Tất Thành

Quách Việt Cường

Như chúng ta đã biết, Bác Hồ kính yêu sinh ngày 19-5-1890 ở làng Hoàng Trù, quê ngoại. Quê nội của Người là làng Kim Liên. Hai làng ở cạnh nhau, cùng thuộc xã Chung Cự, tổng Lâm Thịnh, ngày nay là xã Kim Liên, huyện Nam Đàn tỉnh Nghệ An.

Bác Hồ là con thứ ba của cụ Sinh Sắc, còn gọi là Nguyễn Sinh Huy và bà Hoàng Thị Loan. Vợ chồng cụ Sắc sinh được ba người con:

Nguyễn Thị Thanh, biệt hiệu là Bạch Liên, sinh năm 1884.

Nguyễn Sinh Khiêm, sau đổi tên là Nguyễn Tất Đạt, sinh năm 1888.

Bác Hồ lúc nhỏ tên là Nguyễn Sinh Cung (tiếng địa phương gọi chệch là Nguyễn Sinh Coong) ở Huế gọi là Côn, sau này có tên là Nguyễn Tất Thành. Cậu Nguyễn Sinh Cung sinh ra và lớn lên trong hoàn cảnh xã hội như thế nào? Những yếu tố gì đã cho cậu Cung trở nên thầy giáo Nguyễn Tất Thành trước khi tạm biệt tổ quốc tìm đường cứu nước...

VÀI NÉT VỀ HOÀN CẢNH XÃ HỘI VIỆT NAM THỜI KỲ CẬU NGUYỄN SINH CUNG RA ĐỜI VÀ LỚN LÊN:

Cậu Nguyễn Sinh Cung cất tiếng khóc chào đời vào lúc các cuộc đấu tranh bảo vệ độc lập dân tộc của nhân dân Việt Nam chống thực dân Pháp xâm lược cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, tuy rất kiên cường, anh dũng, nhưng tạm thời bị thất bại. Ngày 25-8-1883 triều đình Huế ký với Hecmăng (Hermand) đại diện chính phủ Pháp ở Huế "Hiệp ước hòa bình" gồm 27 điều khoản. Nội dung bao trùm là: Triều đình Huế thừa nhận và chấp nhận Nam kỳ là thuộc địa của Pháp; thừa nhận và chấp nhận nền bảo hộ của Pháp ở Trung kỳ và Bắc kỳ. Ngày 6-6-1884, Triều đình Huế lại ký với Pháp một hiệp ước nữa tại Huế gồm 19 điều khoản nội dung là "Nước An Nam thừa nhận và chấp nhận nền bảo hộ của nước Pháp. Nước Pháp sẽ thay mặt nước An Nam trong mọi quan hệ đối ngoại. Người An Nam sống ở nước ngoài sẽ đặt dưới sự bảo hộ của nước Pháp" (điều 1) [1]. Hai hiệp ước "đầu hàng" này có tính chất như những "bản khai tử", cộng với sự thất bại của phong trào Cần Vương và đến cuộc đình chiến tạm thời của nghĩa quân Hoàng Hoa Thám ở Yên Thế (tháng 9/1894), thực dân Pháp hí hửng tự coi như đã hoàn thành công cuộc bình định Việt Nam, và bắt tay vào công cuộc khai thác thuộc địa một

(1) Hiệp ước này còn gọi là "Hiệp ước Harmand" Hácmăng, nguyên là quân y sĩ trong phái đoàn phrăngxigacnhiê từ Sài Gòn ra Hà Nội để giải quyết vụ gây hấn của Giăng Duy Puy hồi tháng 11-1873. Trong khoảng thời gian 1875 - 1877 y đã từng nhận nhiều nhiệm vụ quan trọng ở Thái Lan, Lào, Trung kỳ và đã từng làm lãnh sự Pháp tại Băng Cốc.

cách quy mô chưa từng thấy. Vì "Từ nơi đây chính quốc tha hồ mà bòn rút đầy tay của cải để đưa về nước. Ngành xuất cảng của nước Pháp cũng sẽ thấy nơi đây là một nguồn tiêu thụ hàng hóa rất có lợi cho mình... Vậy thì hãy tiến lên! Tiến lên!" [1]. Ngân khố Pháp lần đầu tiên mở cửa cho bọn Pháp ở Đông Dương vay tiền đầu tư vào công cuộc khai thác hút máu của người dân Việt Nam. Các tuyến đường bộ, đường sắt, đường thủy đã với tay đến các đồn điền, hầm mỏ, bến cảng, các thị xã, thị trấn và cả đến những vùng biên giới, núi rừng hẻo lánh để phục vụ cho việc vơ vét tài nguyên khoáng sản và sẵn sàng đàn áp những cuộc nổi dậy. Ngoài việc cướp đoạt ruộng đất của nông dân, chúng còn chiếm cứ ruộng đất của nghĩa quân Cần Vương và Văn Thân để lập đồn điền, làm trại lính. Pôn-đu-me (Paul Doumer) là một trong những tên đặt ra nhiều chính sách thuế khóa vô cùng tàn nhẫn đối với nhân dân Việt Nam. Tất cả các thứ thuế cũ tăng vọt đã đành, còn hàng trăm thứ thuế mới khác được đặt ra. Thuế thân, thuế điền, thuế diêm, thuế nhà, thuế rượu, thuế thuốc phiện, thuế tem, thuế muối, thuế ma chay, thuế cưới xin, thuế cúng tế, thuế môn bài, thuế chợ, thuế đò, thuế sông nước, thuế xe đạp, thuế cư trú, thuế mái hiên, thậm chí cả thuế vệ sinh nữa". Với chính sách thuế khóa thâm độc này, nó như những cái thòng lọng thắt chặt dần vào cổ người dân Việt Nam. Thực dân Pháp bòn rút đến tận xương tủy nhân dân Việt Nam. "Nói đến các món độc quyền, người ta có thể hình dung Đông Dương như một con nai béo mập, bị trói chặt và đương hấp hối dưới những cái mõ quặp của một

(1) Hiệp ước này còn gọi là "Hiệp ước Patơnôtơrơ", Giuyn Pa tơnôt tơcơ (Jules Patanôtre) đặc phái viên của chính phủ Pháp bên cạnh Hoàng đế Trung Hoa.

bầy diều hâu rỉa mãi không thấy no" [1]. Kết quả tất yếu của những chính sách đó dẫn đến sự phân hóa sâu sắc trong nông thôn Việt Nam "Kẻ ăn không hết người lần không ra". Đô thị phát triển, những giai tầng mới xuất hiện và những trào lưu tư tưởng mới cũng có mảnh đất để cho nó đâm chồi nẩy lộc.

Trong sự ổn định có tính chất tạm thời của tình hình Việt Nam lúc này, bọn thực dân Pháp, mà trước hết là Pôn-đu-me đã tự cảm thấy như còn ngồi trên miệng núi lửa. Pôn đã lo lắng... "nhân dân toàn sứ đều như đã khuất phục dưới quyền thống trị của chúng ta, nhưng chưa phải đã thấm nhuần tính chất vĩnh viễn của nền đô hộ Pháp và sẵn sàng nắm lấy một thời cơ thuận lợi hay một giây phút yếu đuối của chúng ta để lật đổ ách nặng trên đầu" [2].

Thật quá đáng, như điều Pôn-đu-me lo lắng. Cách mạng Việt Nam bước sang những năm đầu thế kỷ XX đã gia nhập vào cao trào "Phương Đông thức tỉnh", thực dân Pháp ngày càng lún sâu vào bước đường xâm lược Việt Nam, tạo nên một xã hội mới, với những âm mưu thâm độc nham hiểm mới, đòi hỏi nhân dân Việt Nam càng phải có những nội dung và hình thức đấu tranh mới thích hợp. Đó là sự kết hợp đấu tranh yêu nước với đấu tranh giành quyền tự chủ. Song song với tiếng súng của nghĩa quân Yên Thế, là những cuộc vận động cách mạng có tính chất dân chủ tư sản như phong trào Đông Du (1904-1908), Đông kinh nghĩa thục (1907) Duy Tân (1906-1908), đáng chú ý nhất là phong trào chống đi phu, chống sưu thuế (1908) bởi vì đó là cuộc

(1) Lịch sử Việt Nam tập 2 - Nhà xuất bản KHXH-1985 - Tr. 93.

(2) Hồ Chí Minh toàn tập - Tập 1 - ST - 1980 - Tr 339

bạo động của nhân dân, ngày càng trở nên quyết liệt, đấu tranh chính trị đã kết hợp với bạo động vũ trang, vượt khỏi ý đồ của các sĩ phu yêu nước có xu hướng dân chủ tư sản đã khởi xướng ra nó" [1].

Trái lại, thực dân Pháp đã vấp phải một sự kháng cự mãnh liệt của một dân tộc mang trong mình ý chí "Không có gì quý hơn độc lập, tự do". Phong trào nổ ra đều khắp, đủ các hạng người tham gia, đủ các xu hướng chính trị và về hình thức cũng phong phú, sinh động, mặc dù chưa giành được thắng lợi, "những phong trào cách mạng Việt Nam đầu thế kỷ XX đã góp phần xứng đáng của mình vào cao trào "thức tỉnh Phương Đông" như Lê-Nin vĩ đại đã nhiều lần nhắc tới và cổ vũ [2]. Hoàn cảnh xã hội ấy đã đặt ra cho cậu Nguyễn Sinh Cung nhiều câu hỏi mà cậu chưa thể trả lời được. Cậu Nguyễn Sinh Cung đã đau xót với nỗi đau và thống khổ của đồng bào. Cậu đã uất ức căm phẫn với nỗi nhục của người dân mất nước. Cậu đã dằn vặt trước những bất công của xã hội và cũng có những quyết đoán bước đầu: Trong cuốn "Những mẫu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ Tịch". Trần Dân Tiến đã ghi lại rằng: "Khi Chủ tịch Hồ Chí Minh còn là người thiếu niên mười lăm tuổi. Người thiếu niên ấy đã sớm hiểu biết và rất đau xót trước cảnh thống khổ của đồng bào. Lúc bấy giờ anh đã có chí đuổi thực dân Pháp; giải phóng đồng bào. Anh đã tham gia công tác bí mật, nhận công việc liên lạc".

(1) Đông Dương thuộc Pháp: Hồi ký của P.Đumie 1905-Tr.310. Dẫn theo lịch sử Việt Nam - Tập 2 - KHXH 1985 - TR.84.

(2) Thời kỳ này, Lênin đã ba lần nhắc tới cách mạng Đông Dương.

GIA ĐÌNH VÀ QUÊ HƯƠNG ĐÃ CÓ NHỮNG TÁC ĐỘNG SÂU SẮC ĐỐI VỚI CẬU BÉ NGUYỄN SINH CUNG

Cậu bé Nguyễn Sinh Cung được vinh hạnh sinh ra và lớn lên trong một "gia đình đẹp". Những người trong gia đình đều sống trong cảnh nhà nho yêu nước rất thanh bạch, có tình thương người, không màng danh lợi quyền quý, với tư cách cao thượng người dân quốc. Cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc xuất thân nhà nho yêu nước nghèo khổ, lên ba tuổi cha mất, bốn tuổi mẹ cũng qua đời, ông phải sống nhờ vào sự nuôi dưỡng của người anh cùng cha khác mẹ là Nguyễn Sinh Thuyết. Cha mẹ mất sớm phải lao động vất vả để nuôi thân. Cùng với nỗi tủi nhục khổ đau của một đứa trẻ mồ côi đã tạo nên cho ông một nghị lực lớn và có ý chí lập thân từ thuở bé. Không có điều kiện cắp sách đến trường, Cụ đã tìm mọi cách để tự học. Cụ học cả những lúc chăn trâu, cắt cỏ, giã gạo, nấu ăn... học chữ nào nhớ chữ ấy. Ông ngoại của cậu Nguyễn Sinh Cung là Hoàng Xuân Đường thấy ông Sắc như vậy, tỏ lòng thương mến, khâm phục, xin về nuôi cho ăn học. Vốn thông minh, có chí, lại được cụ Hoàng Xuân Đường hôm sớm dạy dỗ, nên cụ Sắc đã trở thành một trong hai người học giỏi nổi tiếng trong vùng.

Cụ Nguyễn Sinh Sắc thi đỗ cử nhân năm Giáp Ngọ - 1894. Lúc này cậu Nguyễn Sinh Cung lên 4 tuổi, bà con họ hàng xóm dưới, làng trên định tổ chức ăn mừng, nhưng cụ một mực từ chối. Với cái bằng cử nhân trong tay cụ Sắc có thể được thăng quan tiến chức, đó là điều chắc chắn vì được pháp luật cho phép và

được xã hội chấp nhận. Với một số nhà nho khác thì "Võng đào võng tía nghênh ngang" nhưng đối với cụ Sắc thì không. Cụ vẫn khuya sớm miệt mài đèn sách để thi Hội. Bà Loan phải gắng sức làm để nuôi chồng ăn học. Cụ học không phải vì công danh phú quý mà học vì việc làm ăn, học để dạy bảo con cái nên người, để hiểu "đạo lý làm người". Cụ Hoàng Xuân Đường nuôi ông Sắc ăn học cũng không phải vì địa vị xã hội. Khoa thi năm 1895, cụ Sắc vẫn không đỗ. Bà Loan sinh thêm cậu Nguyễn Sinh Xin nên cuộc sống gia đình ngày càng khó khăn chật vật. Cụ Sắc phải về làng Dương Nổ cách Huế hơn 5km để dạy học và chăm lo đèn sách để tiếp tục dự thi Hội khoa sau.

Bà Loan lâm bệnh nặng, cụ Nguyễn Sinh Sắc cùng bạn bè chạy từ thầy này đến thầy khác để cứu chữa, nhưng vì bệnh nặng, ăn uống thiếu thốn, thuốc men không đủ, ngày 10 tháng 2 năm 1901 (tức ngày 22 tháng 12 Canh Tý) bà Hoàng Thị Loan đã qua đời. Chưa bao giờ cha con cụ Sắc lại gặp khó khăn như lúc này: Vợ mất, cậu Xin đau yếu vì không có sữa, tiền hết, gạo không, lại sống ở chốn đất khách quê người, mặc dù được bà con dân phố, bạn bè tận tình giúp đỡ nhưng "lúa vô nhà khó như gió vào nhà trống" làm sao có thể bù đắp được. Cụ Sắc cùng các con bồng bế nhau về quê sống nhờ vào bà ngoại mặc dù lúc này bà cụ Đường đã ngoài 60 tuổi.

Được sự cưu mang và khuyến khích của mọi người. Cụ Sắc lại tiếp tục lên đường vào kinh đô Huế dự khoa thi Hội năm Tân Sửu (1901). Lần này không phải như hai lần trước. Cụ Nguyễn Sinh Sắc đã được nhà vua ban cho danh hiệu - Một người chăm học của làng Kim Liên và ban cho áo mũ bởi vì ông đã giành

được học vị Phó bảng, học vị thứ hai trong khoa cử [1]. Được tin cụ Nguyễn Sinh Sắc đỗ Phó bảng. Nhân dân hai làng Hoàng Trù, Kim Liên tự hào, vui mừng phấn khởi như hội. Đặc biệt là ở Kim Liên vì đây là lần đầu tiên trong làng có người thi đỗ Phó bảng. Bà con hai làng đem cờ trống, lọng, võng đi đón rước nhà đại đăng khoa. Tất cả nghi thức thủ tục cụ đều khước từ. Làng mời cụ lên cáng cụ không chịu, dân mở cờ, nổi trống, cụ không cho, cụ khuyên mọi người xếp cờ, lọng trống, xếp cáng cùng nhau đi bộ trở về. Làng tổ chức lễ mừng vị đại đăng khoa "Vinh quy bái tổ" Cụ cũng can ngăn, Cụ xin làng trích một số tiền đem cho người nghèo túng, theo nguyện vọng của Cụ, làng đã cấp cho mỗi nhà từ 6 tiền đến 1 quan hai.

Cả đời cụ Sắc là một tấm gương sáng, đẹp tuyệt vời trong xã hội thực dân phong kiến tối tăm mù mịt. Cụ Nguyễn Sinh Sắc đã đem lại cho cậu Cung một ý chí kiên trì, miệt mài chịu đựng mọi gian khổ để học hành; học để làm người chân chính, học để hiểu con người, để thương dân, chia bớt nổi khổ đau cho dân, không phiền hà quấy nhiễu nhân dân, chứ không phải quyết dùi mài kinh sử, tứ thư, ngũ kinh thuộc làu, chen chân vào chốn quan trường để "Vinh thân phì gia" như một số người đương thời.

Cụ Sắc đã trải qua những ngày thức khuya dậy sớm tại nhà cụ Nguyễn Sĩ Độ ở Dương Nổ (nay là huyện Hương Phú - Thừa Thiên - Huế) để miệt mài học tập đã ảnh hưởng rất lớn đến cậu Cung. Nguyễn Sinh Cung và ba người con cụ Độ đã cùng chung

---

(1) Hồ Chí Minh tuyển tập, tập I, NXB Sự thật, 1980 - tr341.

đèn với cụ Sắc để đọc sách "luận ngữ" thâu đêm, tuy rằng lúc này Cung mới lên bảy lên tám, và "luận ngữ" không phải loại sách dễ hiểu với Cung, vì nó là loại sách chữ Hán. Nỗi khó về vật chất thiếu ăn, lại khổ về tinh thần, ba lần thi hỏng, ăn đậu ở nhờ, hai cái tang đến cùng một năm, cụ Sắc phải có một nghị lực phi thường mới vượt qua được. Nguyễn Sinh Cung đã cùng cha chia sẻ gánh nặng ấy. Với cái tuổi của Cung thì nghị lực ấy lại đáng quý bội phần. Cụ Sắc đã khẳng định cho mình một niềm tin ấy - Tin ở chính bản thân mình. Sau này khi Bác Hồ của chúng ta bị bọn Tưởng Giới Thạch bắt giam ở nhà tù, Người đã viết:

"Gạo đem vào giã bao đau đớn.
Gạo giã xong rồi trắng tựa bông.
Sống ở trên đời người cũng vậy:
Gian nan rèn luyện mới thành công".

Thân mẫu của cậu Nguyễn Sinh Cung là bà Hoàng Thị Loan. Sinh ra trong một gia đình nho khá giả, nhưng cuộc sống của bà bình dị như hàng trăm người nông dân trong làng. Bà Loan cần cù lao động và rất tiết kiệm. Cha mẹ may sắm cho cái gì bà đều cất dành. Yêu chồng, thương con, sẵn sàng gánh vác tất cả công việc trong nhà để chồng con ăn học. Năm 1894 ông Sắc đỗ cử nhân, bà con vui mừng ra ngoài đồng báo tin vui, bà Loan điềm nhiên trả lời "đậu thì mừng, nhưng phải làm ra khoai ra gạo mà ăn đã", bà làm việc xong mới về.

Cô Nguyễn Thị Thanh, tức Bạch Liên, con gái đầu lòng của Cụ Phó bảng, tính tình cương trực, thông minh, biết làm thuốc bắc, thông hiểu chữ Hán và chữ Quốc ngữ, rất mực đảm đang.

Lúc 17 tuổi mẹ mất, cha đỗ Phó bảng, gia đình chuyển về Kim Liên, cô Thanh lo toan tất cả công việc trong nhà. Lớn lên nhiều người dạm hỏi mà cô nhất định không lấy chồng. Sau ngày bất đắc dĩ cụ Sắc phải ra làm quan, hai em vào học ở Huế, cô Thanh ở lại quê nhà tham gia hoạt động yêu nước, nuôi dưỡng các thủ lĩnh nghĩa quân trong phái bạo động của Duy Tân, nên bị mật thám theo dõi. Có lần một nho sĩ ở Hưng Yên đến nhà cô, bị tình nghi và bọn mật thám bắt tống giam. Cô đã đến thẳng tỉnh đường Nghệ An phản đối và nhận ngồi tù thay cho bạn. Trước hành động dũng cảm đó, bọn chúng buộc phải tha cả hai người. Ngày 19 tháng 2 năm 1918, vì vụ mua trộm súng của trại lính khố xanh ở Vinh bị lộ, vì thế cô lại vào tù (lúc này Bác Hồ đã ra hoạt động ở nước ngoài). Thực dân Pháp bắt cô ngồi trên ổ kiến lửa, ngồi trên tấm sắt nung đỏ đến nỗi cháy cả da thịt, nhưng cô không hề tiết lộ một điều gì ngoài những chi tiết mua súng mà chúng đã biết. Tháng 6 năm 1918, toà án Nam triều Nghệ An tuyên án cô: "Đánh 100 trượng, 9 năm tù khổ sai, và đày cách ly Nghệ An 500 dặm" [1]. Tháng 12 cùng năm chúng giải cô vào nhà lao Nha Trang, sau đó chúng đem cô vào quản thúc ở Huế, và cô tiếp tục làm thuốc cứu bệnh giúp dân.

Ông Nguyễn Sinh Khiêm, tức là Nguyễn Tất Đạt, (còn có tên Nguyễn Ô Pháp) là người rất thông minh hoạt bát, giỏi chữ Hán mặc dù chỉ đỗ tiểu học, nhưng nói tiếng Pháp rất thạo, sách đông y đọc nhiều và chỉ đọc qua một lần là thuộc. Cũng như cụ Nguyễn Sinh Sắc, ông có lòng nhân ái cao cả. Thời niên thiếu hễ

(1) Theo bản án số 80 ngày 4 tháng 6 năm 1918 của tòa án Nam triều Nghệ An.

gặp người khó khăn, hoạn nạn, cậu không từ nan giúp đỡ. Vì vậy cậu không bao giờ có tiền để dành. Bà con thương tình, cám cảnh cha con cụ Sắc túng thiếu, nên cho cậu Khiêm manh áo mới, cậu liền đem cho những người rách rưới hơn. Ông vốn là người "Trọng nghĩa khinh tài", ghét quyền quý. Một hôm đi giữa thành phố Huế gặp Thượng thư Thái Văn Toản, mời ông về nhà riêng ăn cơm, ông khước từ và không chút ngần ngại trả lời: "Tôi ăn cơm quan lớn làm gì cho dân người ta chửi!". Sau biểu tình chống thuế ở Huế năm 1908, cụ Nguyễn Sinh Sắc bị khiển trách. Cô Thanh bị mật thám theo dõi, em bị đuổi học, ông Nguyễn Sinh Khiêm phải rời Huế trở về quê. Ô-gê (Augé) phó sứ Nghệ An biết ông từng là học sinh Quốc Học Huế, y gọi ông xuống Tòa sứ để giúp việc sưu tầm văn học dân gian. Y mời ông ăn cơm, nhưng bữa cơm quá tồi, ông không thèm ăn, bỏ ra về để phản đối thái độ miệt thị người dân bản xứ của một tên thực dân cáo già. Ô-gê gây sự, hành hung ông trong lúc làm việc. Ông đánh lại nó để tự vệ rồi bỏ việc luôn. Thấy ông có tánh ngang bướng, bọn cầm quyền gọi ông đến vừa hăm dọa vừa mua chuộc. Chúng dùng tiền bạc để dụ dỗ ông chỉ điểm bắt Đội Quyên và Ấm Võ là những thủ lĩnh nghĩa quân Duy Tân và Việt Nam Quang Phục hội. Không những ông đã không mắc mưu bọn chúng mà còn đưa số tiền đó cho thủ lĩnh nghĩa quân hoạt động và nhiều lần còn bố trí cho họ thoát vòng vây của địch. Có lần ở Phú Lễ, huyện Quảng Điền (nay là Hương Điền - Thừa Thiên - Huế). Một nhà giàu được ông chữa cho khỏi bệnh nặng đem biếu ông 50 đồng, trên đường về nhà gặp người nghèo ông đã cho hết 49 đồng, chỉ còn 1 đồng. Có lần bị bọn thực dân Pháp tình nghi, chúng bắt ông giam ở nhà lao Thừa Phủ (Huế), gặp lúc trong nhà lao có tù nhân bẻ khóa để vượt ngục, nhiều người tù bị tra tấn tàn nhẫn nhưng

chưa tìm ra thủ phạm. Ông bảo tù nhân cứ khai cho ông mà thoát khỏi cực hình, ông nhận cho hết cả. Sau bọn giám ngục biết ông không phải là thủ phạm và hỏi vì sao ông nhận bừa như vậy? Ông Khiêm trả lời: "Là vì các ông tra tấn oan người ta, cực khổ quá cho nên tôi nhận để chịu đựng thay cho họ đỡ khổ?". Năm 36 tuổi ông lấy vợ, sinh được hai người con gái và sống với nhau một thời gian thì ba mẹ con đều qua đời. Ông sống độc thân cho đến lúc mất.

Cậu Nguyễn Sinh Cung sinh ra và lớn lên trong một gia đình như vậy đó - Gia đình nhà nho yêu nước có nguồn gốc là nông dân, sống bình dị, thanh bạch và nhân ái. Cụ Sắc, bà Thanh, ông Khiêm đều là những người thông minh, hiếu học, đều là những người khảng khái, chẳng màng công danh và khinh ghét quyền quý. Chị và anh của cậu Cung đều tham gia các phong trào chống thực dân Pháp và bị tù đày. Một gia đình mà mỗi người đều quên mình vì mọi người thì thật là một gia đình hiếm có. Cậu Nguyễn Sinh Cung đã sống trong gia đình ấy như cây hút nhựa trong mảnh đất để lớn lên và chính vì vậy "gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn".

Nguyễn Sinh Cung sinh ra và lớn lên trong một địa phương mà nhân dân bao đời đã phấn đấu gian khổ chống lại những điều kiện khắc nghiệt của tự nhiên và có truyền thống đấu tranh anh dũng chống ngoại xâm.

Mảnh đất Nghệ Tĩnh xưa kia để lại trong ấn tượng của nhiều người một khu vực không hề được tạo vật cưu đương. Vài ba miếng đồng bằng nhỏ hẹp kẹp chặt giữa những dãy núi chập chùng. Thiên nhiên hầu như bạc bẽo với con người. Mùa hè đến, mang về những đợt "Nam Lào" nóng như thiêu như đốt, khô cả

khe suối, sông ngòi, đồng ruộng nứt nẻ chân chim, bụi tỏa mù trời đầy đường, đầy nhà. Nắng và gió là hai yếu tố ngự trị. Tiếp theo thu đông thì mưa lụt, ủ dột, lạnh lẽo tiêu điều. Hoàn cảnh thiên nhiên như vậy cộng với những thủ đoạn áp bức bóc lột của thực dân, phong kiến làm người dân Nghệ Tĩnh muôn vàn cơ cực. Làng Sen quê hương của cậu Cung không thoát khỏi sự cay nghiệt da diết đó. Người làng Sen nghèo đến nỗi có người còn gọi người "làng đai khố". Hẳn ai là dân làng cậu Cung đều không thể quên câu ca dao:

"Làng Sen đóng khố thay quần,

Ít cơm, nhiều cháo, tảo tần quanh năm".

Cụ Nguyễn Sinh Sắc sau khi đỗ Phó bảng về quê nhà, tuy cũng có được chút ít bổng lộc làng nước ban cho, nhưng nhiều lúc cũng phải nhịn đói làm việc. Có lần khách đến thăm, cụ Sắc đã gọi hai con bằng câu nói lái: "Khơm, Coong nghỉ tay đã hề". Khơm là tiếng gọi chệch của chữ Khiêm, tên cậu Đạt và Coong là tiếng gọi chệch của chữ Cung, tên cậu Cung. "Khơm Coong" là không cơm. Cụ Sắc đã dùng cách nói lái dí dỏm của miền Trung để nói với con sáng dậy không ăn cơm, nghỉ tay đã.

Đói khổ là vậy, nhưng nhân dân xứ Nghệ rất tự hào về truyền thống chống ngoại xâm của các bậc tiền bối. Những thành quách, chiến lũy, hào sâu, núi cao ghi bao chiến công oanh liệt hàng mấy thế kỷ hãy còn đó. Thành Vạn An dãi dầu sương gió được dựng xây từ thời Mai Thúc Loan chống nhà Đường xâm lược, hơn 1000 năm vẫn còn đó. Chiến lũy trên dãy núi Đại Huệ chống quân Minh thời Hồ Quý Ly; thành Lục Niên ở núi Thiên Nhẫn xây trong thời kỳ chống quân Minh do Lê Lợi lãnh đạo vẫn còn đây. Tiếng vó ngựa, tiếng voi gầm của đoàn quân thần tốc

thời Nguyễn Huệ diệt quân Thanh, như còn âm vang trong các xóm làng Nghệ Tĩnh. Những thành quách, chiến lũy, mỗi ngọn núi, khúc sông đều gắn liền với tên tuổi của các anh hùng dân tộc đã để lại trong tâm hồn cậu Nguyễn Sinh Cung niềm tự hào sâu sắc về quê hương, đất nước của mình.

Tiếp bước tổ tiên, từ khi thực dân Pháp xâm lược, các bậc cha ông không ngừng nổi dậy chiến đấu bảo vệ quê hương, rửa nhục cho đất nước. Sau khi triều đình nhà Nguyễn dâng toàn bộ Nam kỳ cho thực dân Pháp, Trần Tấn và Đặng Như Mai liền phất cờ chống quân cướp nước. Thực dân Pháp kéo quân ra chiếm Trung kỳ và Bắc kỳ, thì có Hoàng Phan Thái chịu chết chém vì "tội" chống lại sự đầu hàng của triều đình nhà Nguyễn; có Lê Ninh, Ấm Võ ở Hà Tĩnh và Nguyễn Xuân Ôn, Lê Doãn Nha ở Nghệ An phất cờ khởi nghĩa. Sống trong cảnh nước mất nhà tan, Nguyễn Sinh Cung rất khâm phục chiến công hiển hách của những vị anh hùng bất khuất trước kẻ thù xâm lược. Dân làng Kim Liên mà đặc biệt là các cụ già thường kể cho con cháu nghe những tấm gương sáng ngời của những người đã quyết sống chết với quân thù. Nguyễn Sinh Cung nhớ mãi câu chuyện cụ Vương Thúc Mậu, một người cùng làng phản kháng, chống lại sự bất công đã vĩnh viễn an nghỉ dưới ao sen cạnh nhà cậu. Hưởng ứng lời kêu gọi của các thủ lĩnh Cần Vương, Vương Thúc Mậu đã tổ chức một đội nghĩa quân với tên gọi "Chung nghĩa binh", nghĩa quân đã chiến đấu với địch nhiều trận quyết liệt. Trận đánh cuối cùng trong cuộc đời của Vương Thúc Mậu đã diễn ra ngay trên đường làng. Khi bị địch bắt, ông đã chửi thẳng vào mặt chúng. Hai tay bị trói chặt nhưng ông vẫn lao thẳng xuống ao và bị chết chìm ở đó. Hoàng Xuân Khanh là bác ruột của mẹ Cung. Ông đã

nhiều năm chiến đấu dũng cảm trong hàng ngũ nghĩa quân Hoàng Hoa Thám. Sau đó ông trở về và bị bắt tại quê nhà. Kẻ thù tra tấn ông hết sức dã man, cắn răng chịu đựng không khai nửa lời. Ông đã cắn đứt đầu lưỡi định tự tử. Chúng đầy ông ra Côn Đảo. Mãn hạn tù về quê bị câm và bị bệnh bại liệt.

Nguyễn Sinh Cung đã say sưa nghe kể về những người thân thích đầy tự hào của mình, về những người của làng mình, những tấm gương ấy đã để lại trong lòng cậu những ấn tượng sâu sắc, tự nghĩ mình phải sống sao cho xứng đáng với truyền thống và dòng máu anh hùng của tổ tiên truyền lại.

Thầy Vương Thúc Quý con của cụ tú tài Vương Thúc Mậu bạn đồng khoa thi Hương với cụ Sắc (1891). Sau khi đỗ cử nhân, thầy Quý không ra làm quan và cũng không đi thi Hội, thầy mở trường dạy học ngay trong ngôi nhà thờ thân phụ của thầy. Mang nặng thù nhà nợ nước, thầy Quý đã gặp nhiều sĩ phu yêu nước để đàm đạo thế sự. Bài giảng của thầy Quý và qua việc thầy gặp bạn bè đàm luận văn chương, Nguyễn Sinh Cung càng hiểu thêm về quá khứ vinh quang của nước Việt Nam đang đau xót, càng hiểu thêm về đạo lý làm người, biết sống ích nước lợi dân. Cung càng hiểu thêm nhiều điều mới lạ, mở mang ý thức cứu nước của cậu, đồng thời cũng đặt ra những băn khoăn cho Nguyễn Sinh Cung về con đường sẽ đi, về cách thức sẽ làm. Nguyễn Sinh Cung cố tìm cho mình một đáp số thích hợp. Tình cờ gặp được cuốn sách của Giăng-Giác Rút -Sô được dịch ra Hán văn để trong giá sách của cụ Sắc. Cung cố đọc nhưng cậu chưa thể nào hiểu được. Điều Cung xúc động nhất "người ta sinh ra vốn tự do, bình đẳng, nhưng ở mọi nơi họ lại bị xiềng xích, từ bỏ tự do có nghĩa là từ bỏ phẩm giá con người và quyền con người..." Những tư

tưởng đó làm cho Cung sửng sốt. Những lời kêu gọi tha thiết đấu tranh cho tự do bình đẳng và tình anh em trong cuốn sách buộc Cung phải suy nghĩ và đặt ra câu hỏi: Đồng bào của Rút Sô đang bị áp bức tàn nhẫn - liệu có thay đổi được cái trật tự ấy không?" Sau này Hồ Chủ tịch kể lại: "Vào trạc tuổi 13, lần đầu tiên tôi đã được nghe những từ: "Tự do, bình đẳng, bác ái...", thế là tôi muốn làm quen với văn minh Pháp, tìm hiểu thêm những gì ẩn giấu sau những từ ấy" [1].

Phan Bội Châu là một trong những người thường qua lại nhà thầy Quý, cũng là người mà cha của Nguyễn Sinh Cung thường lui tới trò chuyện. Năm 1900 tại khoa thi Hương ở Huế, cụ Phan đậu Giải nguyên - danh hiệu cao nhất ban cho những người đỗ đầu khoa thi. Con đường thăng quan tiến chức đã mở rộng trước mắt Phan Bội Châu. Nhưng ông kiên quyết từ chối không chịu phục vụ ngai vàng của triều đại đã đầu hàng và phản bội lại quyền lợi của nhân dân. Ông quyết định hiến đời mình cho cách mạng. Phan Bội Châu tìm đến nhà Nguyễn Sinh Cung để trò chuyện với cha cậu, hoặc gặp gỡ bạn đồng liêu. Ông thường nói đến nỗi nhục mất nước và họa diệt vong của giống nòi. Ông lên án mãnh liệt chánh sách cai trị của thực dân Pháp và đả kích bọn vua quan bán nước. Nguyễn Sinh Cung vô cùng kính trọng Phan Bội Châu. Cung kính cẩn lắng nghe từng lời. Mỗi lời đàm luận, mỗi vần thơ của ông đã làm sống lại trước mắt cậu Nguyễn Sinh Cung cả một quá khứ oanh liệt của đất nước và quê hương. Sau này (1937) khi ngồi viết cuốn "Phan Bội Châu niên biểu" tại bến Ngự - Huế, Phan Bội Châu đã nhắc lại những kỷ niệm sâu sắc

(1) Chủ tịch Hồ Chí Minh tiểu sử sự nghiệp - NXB Sự thật - 1975. Tr. 14

đối với cậu Cung trong những ngày niên thiếu tại quê nhà: "Tôi lúc bé đi học cũng thông hiểu chút ít đại nghĩa, vẫn không thích làm người tầm thường thỉnh thoảng lại ngâm câu thơ:

Túc dạ bất vong duy trúc bạch

Lập thân tối hạ thị văn chương.

Tạm dịch:

Khuya sớm những mong ghi sử sách,

Lập thân hèn nhát ấy văn chương.

Câu thơ này ở trong sách Tùy Viên. Ông Nguyễn Ái Quốc (tức cậu Cung) lúc lên mười tuổi, nghe tôi khi rượu say ngâm câu này, đến bây giờ ông vẫn còn thuật lại" [1]. Mới lên 10 tuổi nhưng Nguyễn Sinh Cung đã có ấn tượng sâu sắc với câu thơ chứa đầy khí phách, như tuyên ngôn của cuộc đời kiên nghị, chứng tỏ Cung là một thiếu niên trưởng thành trước tuổi và có ý thức về con đường lập thân của mình.

NHỮNG NHẬN THỨC VÀ HÀNH ĐỘNG CỦA NGUYỄN TẤT THÀNH TRONG THỜI GIAN Ở HUẾ

Tục lệ ở Nghệ Tĩnh cũng như ở một số địa phương khác của nước ta ngày xưa, khi một người sinh ra cho đến lúc già yếu thường có nhiều tên hoặc danh xưng. Tên thứ nhất, (hay tên gọi lúc còn nhỏ), đặt cho đứa nhỏ lúc mới ra đời và được gọi đến lúc tới trường. Khi ấy, người chủ gia đình mới đặt cho đứa bé một cái

(1) Phan Bội Châu niên biểu NXB Văn sử địa - Hà Nội - 1955 - Tr.30.

tên chính thức, còn gọi là "tên tự", tên trong giấy tờ. Lúc mới sinh Bác Hồ có tên là Nguyễn Sinh Cung. Sau khi cụ Nguyễn Sinh Sắc đỗ Phó bảng trở về quê, việc đầu tiên cụ Sắc đặt lại tên cho cậu con trai thứ đã đến tuổi tới trường một tên mới: Nguyễn Tất Thành. Anh là Nguyễn Tất Đạt, em là Nguyễn Tất Thành hai tên này thể hiện sự vui mừng của cụ Sắc vào giờ phút thành đạt của đời mình [1] và cũng đúng vào lúc cậu Thành cắp vở chính thức vào lớp học do thầy giáo Vương Thúc Quý dạy.

Vào khoảng cuối năm 1904, cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc lại một lần nữa nhận được trát của triều đình gọi ra làm quan. Không còn lý do để từ chối, ông buộc lòng phải vào kinh đô Huế lần thứ hai. Trên đoạn đường "thiên lý" từ xứ Nghệ vào kinh đô Huế với bao điều mới lạ đập vào mắt Nguyễn Tất Thành: Những công trình mới mang tính chất công nghiệp được xây dựng, đường sắt, đường bộ được mở mang, đồng thời kéo theo từng đoàn người đói rách, lao động khổ sai dưới làn roi vọt của thực dân và tay sai, làm hằn sâu thêm nỗi uất hận của anh đối với bọn ngoại xâm. Đi qua Quảng Bình, anh thấy nhân dân ở vùng Sen Hạ (nay là Sen Thủy, Lệ Ninh) bị bệnh "chân voi", bướu cổ, thiếu thuốc uống, thiếu cơm ăn. Anh càng thương cảm sâu sắc với tình cảnh khổ đau của đồng bào mình.

Kinh đô Huế sau mấy năm xa cách, đối với Thành cũng có nhiều đổi thay. Bắc sông Hương là thành quách, cung điện, đền đài, miếu mạo vẫn giữ nét cổ kính rêu phong của một thời phong

(1) Theo Nguyễn Đắc Xuân cụ Phó Bảng Huy đổi tên Nguyễn Sinh Cung thành Nguyễn Tất Thành sau khi Nguyễn Sinh Cung bị đuổi học ở trường Quốc học - Huế. (Tạp chí nghiên cứu lịch sử số 3, tháng 5, 6 năm 1979 - Tr. 83).

kiến, với áo mũ xênh xang, võng lọng ngang dọc. Đối lập với bờ Bắc sông Hương là "khu vực Pháp", với những biệt thự của ông Tây, bà đầm - xa hoa lộng lẫy mà cũng rất nghênh ngang láo xược. Huế của giai cấp thống trị, bên cạnh cái xa hoa, trụy lạc là áp bức, đè nén, gông cùm và roi vọt. Huế của những người lao động, căm thù, uất ức, đói khổ và muốn vùng lên. Trên mảnh đất kinh thành này luôn luôn nổ ra những cuộc đấu tranh gay gắt giữa những tư tưởng "an dân" phản động và tư tưởng yêu nước, cứu dân, giữa chủ chiến và chủ hòa; giữa duy tân và thủ cựu, giữa những người bị áp bức và những kẻ áp bức; giữa bị trị và thống trị. Có thể nói, trong lòng kinh đô Huế đang ẩn chứa đầy những mâu thuẫn đối kháng gay gắt.

Để đào tạo một lớp người làm tay sai đắc lực cho mình, ngày 30 tháng 10 năm 1906, thực dân Pháp ra Nghị định thiết lập chương trình giáo dục hệ Pháp - Việt ở Trung kỳ. Chương trình này chủ yếu sử dụng tiếng Pháp. Mục đích, nhằm loại bỏ dần nền "Hán học". Cả kinh đô Huế xôn xao, kẻ muốn bảo tồn chữ Hán, người thích học chữ Pháp, với những mục đích, xu hướng và động cơ khác nhau. Nguyễn Tất Thành được cha xin vào học trường tiểu học Pháp - Việt Đông Ba của chính quyền thực dân vừa lập ra ở đó chủ yếu là học tiếng Pháp và văn học Pháp. Vì Thành quan niệm "muốn đánh Pháp thì phải hiểu Pháp, muốn hiểu Pháp thì phải học tiếng Pháp" [1]. Vào học trường này, Nguyễn Tất Thành mang theo suy nghĩ: "Cần phải làm quen với nền văn minh Pháp để tìm xem đằng sau những từ "tự do, bình đẳng, bác ái" có ý nghĩa gì" [2]. Lần này anh lại được nghe nói đến khẩu hiệu "Tự

(1+2) Những mẩu chuyện về thời niên thiếu của Bác Hồ - NXB sự thật - 1980 - Tr. 83

do, bình đẳng, bác ái" của người Pháp được sản sinh ra từ cuộc cách mạng tư sản Pháp ở Paris năm 1789. Tâm hồn anh lại càng xao động suy nghĩ. Sau hai năm học tập Nguyễn Tất Thành đã tốt nghiệp và thi vào trường Quốc Học - Huế.

Trường Quốc Học - Huế là "Quốc gia học đường" đầu tiên ở Trung kỳ. Trường được hình thành theo đạo dụ ngày 17 tháng 9 âm lịch năm Thành Thái thứ 8 (23/10/1896) của Nam triều và Nghị định ngày 18-1-1896 của phủ Toàn quyền Đông Dương. Không phải ai muốn vào học ở Quốc Học cũng được, mà trường này chỉ dành riêng cho con cháu của bọn quan lại cao cấp trong triều và con cháu của các "thầy thông", "thầy phán" tay chân thân tín của bọn thực dân bảo hộ. Ngoài ra hàng năm trường sẽ nhận thêm "một số học sinh trường Quốc tử giám chuyển sang và chọn trong các kỳ thi những thanh niên bản xứ muốn theo đuổi học vấn và có đủ trình độ chữ Hán" [1]. Nhờ thế, mà anh em Nguyễn Tất Thành được nhận vào học. Cậu Thành đã kể lại câu chuyện chua xót xảy ra ở trường Quốc Học - Huế trong những năm cậu theo học: "Mỗi năm, vào kỳ khai giảng, nhiều phụ huynh phải đi gõ cửa, chạy chọt mọi nơi thân thế, có khi chịu trả gấp đôi tiền nội trú, nhưng vẫn không tìm được chỗ cho con học và hàng ngàn trẻ em đành phải chịu ngu dốt vì nạn thiếu trường...".

"Tôi còn nhớ một người anh em họ tôi muốn được vào học một trong những "thiên đàng trường học" kia, đã phải chạy chọt đủ kiểu, gởi hết đơn này đơn khác cho quan Khâm sứ, cho quan

(1) Nghị định ngày 18 tháng 11-1896 của phủ toàn quyền Pháp ở Đông Dương.

Công sứ, cho quan đốc trường Quốc Học và quan đốc trường tiểu học. Tất nhiên chẳng ai thèm trả lời anh. Một hôm, anh đánh bạo mang đơn đến xin quan đốc là một người Pháp, phụ trách cái trường mà tôi đã được đặc ân vào học trước đó ít lâu.

"Quan đốc" thấy anh cả gan như thế, nổi khùng quát tháo: "Ai cho phép mày đến đây?" rồi xé vụn lá đơn trước những cặp mắt ngơ ngác của cả lớp học [1]".

Những năm đầu, trường do Nooc-đơ-man một thương gia người Pháp làm hiệu trưởng. Y lấy vợ người Việt và cho phép gọi tên mình theo âm Việt Nam là Ngô Đế Mân. Theo chân hắn là một đội quân lê dương của Pháp. Hắn đã từng tham gia nghĩa quân Hoàng Hoa Thám, đã bị bắt làm tù binh. Chính vì thế hắn là đối tượng nhạo báng của những người yêu nước.

Là một học trò của nhà trường, nhưng Nguyễn Tất Thành không chú ý lắm đến lời giảng dạy của thầy. Anh thích thú nhất là những câu hỏi của anh được thầy giáo trả lời thích đáng. Vì muốn hiểu những điều mới lạ nên anh học rất chăm. Càng chăm học anh càng thấy những điều ghi trong sách vở với hiện thực cuộc sống thường trái ngược nhau. Anh bắt đầu hoài nghi với cái gọi là "công ơn khai hóa của mẫu quốc". Nhờ trí tuệ ngày càng phát triển, năng lực quan sát phân tích cuộc sống xã hội tinh tế hơn, anh thấy rõ mọi lời nói của bọn thực dân đều là giả dối và vô lý. Hàng ngày diễn ra trước mắt anh bao cảnh chướng tai gai mắt. Trong lớp học thì thầy giáo người Pháp lăng mạ, xỉ mắng học trò. Thầy giáo người Việt thì khúm núm, lép vế và sợ sệt. Ngoài đường phố, lính Pháp say rượu, đập phá nhà cửa, cướp giật

(1) Hồ Chí Minh toàn tập, tập 1 - NXB sự thật - 1980 - Tr. 426.

hàng quán, hãm hiếp phụ nữ công khai giữa ban ngày. Đi đường vô ý quên chào "quan đại Pháp" thì bị tát tai, đá đít và phạt tù. Bọn hào lý thì tham nhũng vô bờ. Theo Lurô cho biết quan huyện được vua trả lương một tháng 3 phơ-răng, nhưng "các món quà cáp hối lộ quan huyện nhận được của dân thì bằng 2000 hay 3000 phơ-răng". Bọn giàu có thì bóc lột nông dân tận xương tủy. Bọn vua quan, nha lại thì ngựa xe lộng lẫy, quần áo xênh xang, châu ngọc đầy người, mũ miện sặc sỡ, đĩ điếm, cờ bạc rong chơi bất tận. Nhân dân lao động đói nghèo, khổ ải, vừa phải chịu đựng đóng sưu, nộp thuế và bị bắt đi làm cu li cực kỳ gian khổ, tủi nhục. Thuế mỗi mẫu trước là 7 quan 3 tương đương một đồng, thì nay tăng lên 1,5 đồng; thuế đinh trước mỗi suất 1 quan 5, tính ra bạc chưa đến 2 hào. Năm 1897 tăng lên 1 đồng. Năm 1900 tăng lên 1 đồng 5, dần dần tăng lên 1 đồng 8, 2 đồng 2. Đến năm 1906 tăng lên 2 đồng 4 gấp 12 lần so với trước đó chỉ vài năm. Nhiều lúc anh tự hỏi tại sao lại có cảnh ngược đời, bất công như vậy? Thảm họa diệt vong dân tộc thôi thúc Nguyễn Tất Thành ý thức phản kháng và đang đặt ra cho anh cùng thế hệ thanh niên bấy giờ những con đường về cứu nước, cứu dân.

Nhà trường Thành đang học, không trả lời được những câu hỏi ấy. Với vốn tri thức hiện có của anh cũng chưa thể giải đáp được câu hỏi ấy. Phẫn uất và căm thù chồng chất, một phong trào quần chúng chống sưu cao, thuế nặng đã bùng nổ ở khắp các tỉnh Trung kỳ. Từ tháng 2 năm 1908, những khẩu hiệu "không nộp thuế cho Pháp" đã bí mật lan truyền trong nhân dân các tỉnh. Đến tháng 3 nhiều cuộc biểu tình nổ ra ở Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Thừa Thiên, Hà Tĩnh, Nghệ An... Tin tức đấu tranh khắp 3 kỳ dồn dập vào kinh thành Huế. Nhiều sĩ phu yêu nước và lớp

thanh niên học sinh thành Huế náo nức hưởng ứng phong trào. Đến tháng 4-1908 dân chúng đã chuẩn bị một cuộc biểu tình lớn ở Huế. Ngày 9 tháng 4 Công sứ Pháp phái một lãnh binh đến Công Lương dụ dỗ nhân dân không nên biểu tình. Nhân dân đã bắt tên lãnh binh và bọn lính theo hầu trói lại đem giải lên Huế, Nhưng bị thực dân Pháp cản đường. Đến ngày 10 rạng ngày 11 tháng 4 nhiều người bí mật tập trung ở An Cựu, An Hòa cùng các làng lân cận ở thành phố Huế. Sáng 11 tháng 4 trên các ngã đường vào thành phố, những người tham gia phong trào vận động "Duy Tân cải cách hủ tục" dựng các trạm đặc biệt, cưỡng bức cắt tóc ngắn và mặc áo ngắn, có nhiều gia đình nông dân mang theo cả nồi niêu, gạo, củi vào thành phố. Họ dựng lều ngay trên cầu Tràng Tiền, quanh dinh Công sứ Pháp, trên các hè phố và họ ở đó suốt ba ngày đêm, đòi cho bằng được việc giảm thuế và miễn các chế độ lao dịch. Nhân dân Huế đổ ra đường hưởng ứng, họ đem chè, nước ra ủng hộ nông dân. Một số thầy giáo và học sinh trường Quốc Học cũng như các trường khác lập tức gia nhập các đoàn biểu tình. Họ đi hết nhóm nông dân này đến nhóm nông dân khác, đọc cho người biểu tình nghe các bài thơ yêu nước, kêu gọi mọi người quyết đấu tranh cho quyền lợi của nhân dân. Lập tức bọn lính Pháp cùng đám tay chân người Việt ùn ùn kéo tới chĩa súng vào đoàn người. Những cuộc xô xát ẩu đả diễn ra khắp các ngã đường thành phố, và cuộc đàn áp đẫm máu bắt đầu. Bọn thực dân Pháp đã xả súng vào đoàn người tay không vũ khí. Những cuộc xô xát ẩu đả đã diễn ra khắp các đường phố, đặc biệt ở cầu Tràng Tiền. Nông dân liều mạng lao vào bọn lính, ôm lấy chúng, lèn xuống sông cùng chết. Bọn thực dân đã huy động cả quân đội Bắc kỳ vào hợp sức với quân đội Trung kỳ để đàn áp. "Tất cả những người cắt tóc ngắn đều bị bắt. Cả những người

chúng cho là trí thức có đôi chút tiếng tăm cũng đều bị đưa đi đày. Tất cả các trường tư thục đều bị đóng cửa, các sách báo nước ngoài đều bị cấm. Những người lãnh đạo hoặc bị coi là lãnh đạo đều bị chặt đầu" [1]. (khoảng 200 người)

Phong trào đấu tranh chống thuế của miền Trung nói chung và ở Huế nói riêng tuy bị thất bại, nhưng cũng đã để lại ấn tượng mạnh mẽ trong lòng người thanh niên Nguyễn Tất Thành khó thể phai mờ. Đây là lần thứ hai Thành trực tiếp tham gia Cách mạng, nhưng lại là lần đầu tiên anh tham gia phong trào đấu tranh mang tính chống đế quốc và phong kiến tay sai. Anh tham gia phong trào chống thuế với tất cả nhiệt tình nung nấu bấy lâu, qua đó anh đã cảm được con đường muốn cứu dân, cứu nước thì chỉ có đấu tranh, mà trước hết là phải hun đúc tinh thần quật khởi chân chính của nhân dân. Bởi thực tế qua cuộc đấu tranh chống thuế nổ ra ở các tỉnh miền Trung đã đặt cho anh những câu hỏi và buộc anh phải tự trả lời: Tại sao quần chúng nổi dậy chống thuế đòi quyền lợi thiết thực nhất của mình? "Họ đi tay không, không có khí giới. Họ chỉ yêu cầu giảm thuế" [2] mà lại phải trả một giá rất đắt bằng súng đạn". "Bọn Pháp dùng khủng bố đại quy mô để trả lời họ" [3]. Phải chăng cái mà thực dân Pháp sợ nhất là sức mạnh quần chúng, là sự đoàn kết đấu tranh của mọi người cùng một ý chí kiên quyết sống chết cho tự do, bình đẳng, bác ái?...vv

Sau khi tham gia phong trào chống thuế Nguyễn Tất Thành bị đuổi khỏi trường Quốc Học Huế. Cha anh (cụ Sinh Sắc)

---

(1) Hồ Chí Minh toàn tập, tập 3 - NXB sự thật - 1986 - Tr.16, 17.

(2)+(3) Trần Dân Tiên, Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ Tịch, St-1984-Tr.13.

bị cảnh cáo vì hành động của con mình, khó khăn lại ập đến với anh và anh cũng đang bị thực dân Pháp theo dõi. Mùa hè năm 1908 Thành tạm biệt Huế ra đi, kết thúc đời học trò và anh bắt đầu cuộc sống tự lập.

THẦY GIÁO NGUYỄN TẤT THÀNH

Nguyễn Tất Thành rời Huế đến Quy Nhơn xin thi vào làm giáo viên của một trường làng. Anh đã thi đỗ xuất sắc, nhưng bị gạt tên vì là người cảnh sát đang theo dõi. Thầy giáo Nguyễn Tất Thành tìm đến công ty Liên Thành, một hội buôn nước mắm do các nhân sĩ yêu nước lập ra trong phong trào Duy Tân và tổ chức ra trường Dục Thanh dạy chữ Quốc ngữ, chữ Pháp và chữ Hán. Được người bạn cũ của cụ Sắc giúp đỡ, giới thiệu Nguyễn Tất Thành vào dạy tại trường Dục Thanh.

Nguyễn Tất Thành chọn nghề dạy học là một trong những nghề cao quý nhất, nghề dạy làm người. Để có điều kiện ra nước ngoài anh đã làm thầy giáo. Và cũng vì để có điều kiện đi nước ngoài anh đã bỏ nghề thầy giáo là một nghề rất được trọng vọng lúc bấy giờ. Tại sao như vậy? Nghề làm thầy giáo không phải là xu hướng và mục đích cuộc đời của Nguyễn Tất Thành, mà chỉ là phương tiện để thực hiện hoài bão. Sử dụng tốt phương tiện cũng là tạo ra những điều kiện thuận lợi để đi đến mục đích. Những ngày sống ở trường hình ảnh và tình cảm của anh đã gieo vào lòng học trò như những người thân thiết nhất. Anh yêu mến học trò của mình như chính bản thân anh. Thầy giáo Nguyễn Tất

Thành không những dạy chữ cho học trò mà còn dạy cho học trò biết làm người. Thầy truyền cho học trò lòng yêu tự do, yêu quê hương, đất nước. Thầy kể cho học trò nghe những tư tưởng nhân đạo, bình đẳng, bác ái và tự do mà thầy nhớ được trong các cuốn sách của các nhà khai sáng... Nhưng chẳng bao lâu, thầy Thành tạm biệt những người học trò thân yêu của mình ra đi tìm đường cứu nước. Vắng thầy, nhưng những lời dạy bảo của thầy vẫn vang vọng mãi trong lòng những người học trò trẻ, và còn vang vọng mãi đối với bao thế hệ thanh niên Việt Nam sau này...

Thầy giáo Nguyễn Tất Thành ở Phan Thiết

NGUYỄN KHÁNH HÒA

Cùng với các công trình nghiên cứu di sản tư tưởng của Chủ Tịch Hồ Chí Minh, việc nghiên cứu về sự nghiệp của Người cũng là một trong những công trình nghiên cứu khoa học hết sức quan trọng. Trong thực tế, chúng ta chỉ có thể đánh giá đúng và đánh giá hết được công lao và những cống hiến của vĩ nhân đối với lịch sử, khi chúng ta có được những kết quả chính xác thông qua nghiên cứu khoa học về những sự kiện, bao gồm cả thời gian và nội dung của những hoạt động của vĩ nhân đó. Việc nghiên cứu để tìm ra được lời giải đáp chính xác về thời gian và những hoạt động cách mạng của thầy giáo Nguyễn Tất Thành ở Phan Thiết là một việc làm cần thiết, có giá trị, chẳng những giúp cho công tác xây dựng và hoạt động của Khu di tích trường Dục Thanh, mà còn góp phần quan trọng vào việc hoàn chỉnh các công trình nghiên cứu về tiểu sử về biên niên khoa học của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Sự kiện này xảy ra cách đây đã lâu, nhưng cho đến nay cũng chưa có một công trình nghiên cứu nào để giải quyết thích

đáng và đúng đắn vấn đề lịch sử này. Nếu kể về tài liệu chính thức thì duy nhất có cuốn: "Tiểu sử Hồ Chí Minh - Tiểu sử và sự nghiệp" in lần thứ 5 của Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương. Nhưng cũng chỉ nêu một cách chung chung là: "Vào mùa hè năm 1908 Chủ Tịch Hồ Chí Minh thôi học rời Huế đi vào miền Nam để tìm cách ra nước ngoài. Người dừng lại ở Phan Thiết và đã dạy học một thời gian ngắn tại trường Dục Thanh, một trường do một số văn sĩ yêu nước lập ra". Ngoài ra những kết quả của công tác sưu tầm và nghiên cứu chủ yếu từ sau năm 1975; tới nay cũng chỉ mới dừng lại ở những lời kể của những người đương thời như các cụ: Nguyễn Đăng Lầu, Nguyễn Quý Phầu, Từ Trường Phùng...và một số bài viết của một số tác giả mang tính văn học sử nhiều hơn là một công trình nghiên cứu sử học như bài: "Bạch liên nữ sĩ" của Thiếu Lang Quân (Báo Lên Đàng năm 1947) bài "Khu di tích Bác Hồ ở Phan Thiết" của Thúy Thanh và Hồng Sơ trên báo "Tin Sáng" ngày 5-2-1977, bài "Ngọa Du Sào, trường Dục Thanh và thầy giáo Nguyễn Tất Thành" của Tư Hoa trên báo Đại đoàn kết ngày 2-9-1978, hay là cuốn "Thời thanh niên của Bác Hồ" của Hồng Hà, cuốn: Đồng chí Hồ Chí Minh" của một tác giả Xô Viết E.Gôbôi Lép; cuốn "Những mẩu chuyện về thời thanh niên của Bác Hồ" do nhà xuất bản Sự thật ấn hành... Những tư liệu kể trên chỉ tìm thấy một điều tương đối thống nhất là: Thầy giáo Nguyễn Tất Thành có dừng lại ở Phan Thiết và có dạy học ở trường Dục Thanh, còn về thời gian đến và thời gian đi hoặc là không đề cập đến, hoặc là đưa ra những thông tin trái ngược nhau.

Trong công tác nghiên cứu khoa học, việc sử dụng những tư liệu là hồi ký rất hãn hữu và phải hết sức thận trọng; nếu dễ dãi và phiến diện thì hoặc là chúng ta dễ có những kết luận sai, hoặc sẽ hoang mang trước những thông tin trái ngược nhau về cùng một sự kiện hay một vấn đề xuất phát từ thực tế. Cần phải thấy rằng, tiếp cận được vấn đề và để có cơ sở khoa học khẳng định nó thì phải đi từ những sự kiện gián tiếp, nhưng đã được khẳng định bằng tư liệu và cơ sở khoa học. Với phương pháp đó chúng ta sẽ có những mốc thời gian quan trọng là: Thời gian Nguyễn Tất Thành rời Huế và thời gian Nguyễn Tất Thành đến Sài gòn. Các kết quả nghiên cứu đã chứng minh được rằng: Sau vụ chống thuế của nhân dân Thừa Thiên (tháng 6 - 1908) Nguyễn Tất Thành không được học ở trường Quốc học nữa. Nhưng không học ở trường Quốc học cũng không có nghĩa là Nguyễn Tất Thành đã rời Huế ngay mùa hè năm 1908. Nguyễn Tất Thành không phải là người cầm đầu phong trào này, mà cũng không phải là nhân vật trọng yếu đến mức chính quyền Nam triều và bọn thực dân phải lùng bắt ngay. Căn cứ vào điều ghi của sở mật thám Trung kỳ trong hồ sơ cụ Nguyễn Sinh Sắc: "Ông Sắc cũng bị tòa Khâm khiển trách về hạnh kiểm 2 người con (tức Nguyễn Tất Đạt và Nguyễn Tất Thành) học ở trường Quốc học nói trước thầy giáo và những lời bài Pháp trong dịp dân chúng biểu tình" thì điều khẳng định trên càng có cơ sở hơn. Thời gian Nguyễn Tất Thành rời Huế là phù hợp với thời điểm ông Sắc đi nhận chức tri huyện Bình Khê vào tháng 7/1909. Kết luận này là thống nhất với nhận định của Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Nghệ Tĩnh là: " Vào cuối năm 1909, Nguyễn Sinh Cung (tức Nguyễn Tất Thành) rời trường

Quốc học Huế, tạm biệt cha và anh đi vào phía Nam của Tổ quốc để tìm đường ra nước ngoài thực hiện hoài bão của mình". Theo một tài liệu chính thức là sổ lương của tàu Đô đốc Latucsơ Tơrêvilơ (Araurat Latuche Tre1ville) thì với tên là Văn Ba, Nguyễn Tất Thành đã rời Sài Gòn vào ngày 5-6-1911, một vấn đề khác dường như đã được thống nhất là: Trước khi xuống làm phụ bếp cho tàu Latucsơ Tơrêvilơ, Nguyễn Tất Thành đã ở Sài Gòn được 3-4 tháng" (hiện nay có nhiều tài liệu cho biết thời gian này Nguyễn Tất Thành học tại trường B.M.AS - trường dạy nghề) Hồi ký của Từ Trường Phùng, các bài viết của Hồng Hà, của E.Gôbôi Lép đều thống nhất kết luận đó. Như vậy chúng ta có thể xác định được thời gian Nguyễn Tất Thành rời Huế là vào tháng 7/1909 và thời gian đến Sài gòn là tháng 2/1911. Điều đó chỉ cho chúng ta thấy rằng: Trong khoảng thời gian từ tháng 8/1909 đến tháng 2/1911, Nguyễn Tất Thành đã học ở Quy Nhơn và dạy học ở Phan Thiết.

Trở lại thời gian chúng ta thấy rằng: Tháng 5/1906 triều đình Huế triệu ông Sắc vào làm Thừa biện Bộ lễ; Nguyễn Tất Thành cùng người anh là Nguyễn Tất Đạt được cha mang đi theo và vào học trường tiểu học Đông Ba niên khóa 1906-1907. Sau khi thi đỗ tiểu học cả 2 anh em đều được nhận vào trường Quốc học Huế niên khóa 1907- 1908. Nhưng đã tham gia cuộc biểu tình chống thuế hè năm 1908, cho nên Nguyễn Tất Thành đã không được học tiếp ở trường Quốc học nữa. Như vậy có nghĩa là rời Huế (tháng 7/1909) Nguyễn Tất Thành mới học được hết lớp nhì của trường Quốc học. Đối với một người thông minh ham hiểu biết: ở trạc tuổi 13 đã muốn đi tìm xem đằng sau những từ

"tự do, bình đẳng, bác ái" đó là cái gì, một học sinh giỏi rất tâm đắc với lời bàn của ông Nghè Nguyễn Quý Song: "Muốn đánh Pháp thì phải hiểu Pháp, muốn hiểu Pháp thì phải học chữ Pháp"... Do đó việc tranh thủ để học, học để hiểu biết, để giúp đỡ đồng bào mình luôn luôn là động cơ của Nguyễn Tất Thành, không chỉ ở một thời kỳ nào cả. Hơn thế nữa, xét về điều kiện thì khi Nguyễn Tất Thành đến Quy Nhơn, người đỡ đầu cho anh lại là ông Phạm Ngọc Thọ đang làm thầy dạy ở trường Pháp Việt của Tỉnh Bình Định - xét về thời điểm thì cũng đúng về thời gian chuẩn bị khai giảng cho một năm học mới (tháng 8/1909). Trên cơ sở đó, kết hợp với những kết quả xác minh của Viện Bảo Tàng Hồ Chí Minh đã khẳng định trong thời gian 1909 đến mùa hè năm 1910; Nguyễn Tất Thành có ở tại gia đình ông Phạm Ngọc Thọ và khi đó gia đình ông Thọ sống tại Quy Nhơn (lời xác minh của bà Phạm Ngọc Diệp) đồng thời với những nguồn tư liệu khác như trong bài: "Bạch liên nữ sĩ" Thiếu Lang Quân có kể rằng: "Khi cụ Bảng bị bãi chức Tri huyện Bình Khê (ngày 17/1/1910) cụ đã ký thác cậu (Nguyễn Tất Thành) cho một người bạn thân tân học hiện đang làm Giáo sư ở trường Quy nhơn, ấy là ông giáo Phạm Ngọc Thọ, thân sinh của Bác sĩ Phạm Ngọc Thạch, thủ lĩnh của thanh niên tiền phong ở Nam bộ Việt Nam [1] hay lời khẳng định của E.Côbôi Lép cho rằng: "Anh Thành rời Huế đi Quy Nhơn xin thi vào làm giáo viên của một trường làng. Anh đã thi đỗ xuất sắc, song danh sách lại phải nộp cho tên Phơ Riê Ru, khâm sai Pháp, Thành bị gạch tên vì là

---

(1) Báo "Lên Đàng" tập 1 năm 1947 - Thư viện Quốc gia. Bản sao tại tư liệu viện Bảo tàng Hồ Chí Minh.

người đang bị cảnh sát theo dõi [1]. Trong cuốn: "Những mẩu chuyện về thời niên thiếu của Bác Hồ" cũng đi đến kết luận: "Đến thị xã Quy Nhơn anh Thành tìm vào nhà ông Phạm Ngọc Thọ, bạn của ông Sắc dạy ở trường Pháp Việt của tỉnh Bình Định, được ông Phạm Ngọc Thọ giúp đỡ, anh nộp đơn dự kỳ thi chọn giáo viên dạy trường tổng, với ý định dừng chân một thời gian để chuẩn bị thêm điều kiện để đi tiếp. Nhưng lá đơn của anh Thành bị từ chối vì các quan chức tỉnh Bình định đã phát hiện ra anh là con ông Tri huyện Bình Khê vừa bị cách chức [2]. Từ đó có thể cho rằng, anh Nguyễn Tất Thành đã dừng lại ở Quy nhơn với sự giúp đỡ của ông giáo Phạm Ngọc Thọ, anh đã học tiếp ở trường Pháp Việt của tỉnh Bình Định và tại đây Nguyễn Tất Thành đã thi đỗ trường Pri-me , như trong tài liệu "Bạch Liên nữ sĩ" cũng có đề cập đến sự kiện này: "Cậu Côn tức Nguyễn Ái Quốc bây giờ đậu bằng Thành chung..." (chi tiết này tác giả có sự nhầm). Năm ấy cậu đúng 19 tuổi [3] . Anh Nguyễn Tất Thành còn ở lại Quy Nhơn đến cuối mùa hè năm 1910, về thời gian này cũng có tài liệu ghi lại rằng: "Vụ nghỉ hè liền tới sau kỳ thi ấy, được 3 tháng phong lưu sau những tháng thức khuya dậy sớm, cậu liền nằm dưới cây xoan tây hoa đỏ ối trời hè mở đọc sách của Lư Thôn, Mạnh Đức Tư Cưu và Vôn-te . Cậu thích nghiền ngẫm nhất là cuốn Sử cách

---

(1) E.CôBôLép - Đồng chí Hồ Chí Minh - Tập 1- Thanh niên- Hà Nội 1985, tr 49.

(2) Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Nghệ Tĩnh - Những mẩu chuyện về thời niên thiếu của Bác Hồ - in lần thứ 2 - sự thật - Hà Nội 1985 - tr 76.

(3) Báo "Lên Đàng" tập 1 năm 1947 - Thư viện Quốc gia. Bản sao tại tư liệu viện Bảo tàng Hồ Chí Minh.

mạng Pháp quốc 1789 và sự tranh đấu của Mỹ quốc độc lập. Kích thích vào chí hướng của cậu là bản tuyên cáo "Dân tộc tự quyết" của Uyn-Sơn ở Hoa Thịnh Đốn.

Không chỉ dựa vào một tư liệu như thế, nhưng xét về điều kiện lịch sử và quá trình diễn biến của vấn đề, có thể cho rằng việc khẳng định như vậy là hợp lý dựa trên những cơ sở sau:

Điều khẳng định trước tiên là sự hình thành tư tưởng yêu nước, chí hướng cách mạng và khẳng định con đường sang phương Tây của Nguyễn Tất Thành đã có ngay từ khi ở Huế (1906-1909), cho nên khi bắt đầu rời Huế, trong tư tưởng là bắt đầu của cuộc ra đi tìm đường cứu nước. Dù Nguyễn Tất Thành có dừng chân ở Quy Nhơn, Phan Thiết hay Sài gòn, dù có học để thi rồi lại dạy học, sau đó lại học... thì tất cả những công việc đó đều là để tìm điều kiện đi phương Tây và tranh thủ tuyên truyền tinh thần yêu nước thương dân trong thanh niên, học sinh. Những vấn đề cần quan tâm ở đây là điều kiện chủ quan nào và hoàn cảnh khách quan nào đã quy định sự dừng lại và có những hoạt động ở các địa điểm và thời điểm đó.

Từ đó ta đi đến điều khẳng định thứ hai là, việc Nguyễn Tất Thành dừng lại ở Quy Nhơn (Bình Định) một thời gian dài như vậy là hoàn toàn hợp lý. Bởi vì nó phù hợp với ý muốn chủ quan của Nguyễn Tất Thành là có điều kiện lo học và thi để sử dụng ngay kết quả đó phục vụ cho chí hướng ra đi tìm đường cứu nước của mình. Sau đó là việc tiếp tục đi hay dừng lại còn phụ thuộc vào yếu tố khách quan là có thể kiếm được công ăn việc làm để sống không? Cả hai yếu tố này đều buộc Nguyễn Tất Thành phải kéo dài thời gian ở lại Quy Nhơn. Vì trước hết là anh chưa kiếm

được tiền để tiếp tục ra đi hay là ở Quy Nhơn - Bình Định là cơ sở của cha anh - ông Nguyễn Sinh Sắc, là nơi anh có thể tiếp thu được thêm những kiến thức mới về thế giới thông qua sách báo tiến bộ (Tân thư), gần gũi hơn với phong trào Văn thân tuy đã bị đàn áp và nhất là những tin tức về xuất dương của đám thanh niên đương thời, đứng đầu là Đặng Phúc Hữu, có thể nói đây là vấn đề Nguyễn Tất Thành quan tâm hàng đầu.

Từ điều khẳng định thứ hai, chúng ta có thể đi đến điều khẳng định thứ ba là Nguyễn Tất Thành chỉ rời khỏi Quy Nhơn khi có đủ điều kiện kiếm sống mà khả năng đó không thể thực hiện được ở Quy Nhơn. Điều đó còn dễ dàng khi chúng ta nhận thức rằng: "Nguyễn Tất Thành chỉ đến Phan Thiết khi qua những người giới thiệu, anh đã tìm được việc để kiếm sống là làm phụ giảng ở trường tư thục Dục Thanh và anh cũng hiểu nơi đây sẽ mang lại cho việc tìm đường ra đi của anh nhiều hứa hẹn mới. Vì đó là tổ chức của các sĩ phu yêu nước hoạt động bằng hình thức Thương quán".

Từ những cơ sở trên đây, chúng ta có thể kết luận rằng, Nguyễn Tất Thành có mặt ở Phan Thiết vao cuối năm 1910 và trước niên học 1910-1911 của trường Dục Thanh (thời gian được khẳng định hợp lý nhất là vào cuối tháng 8 năm 1910). Chúng ta cũng cần lưu ý thêm, trước khi đến Phan Thiết, Nguyễn Tất Thành còn dừng lại ở Phan Rang mà ấn tượng còn đọng mãi trong trí nhớ của anh là "Bọn Pháp cười sặc sụa trong khi đồng bào ta chết đuối vì chúng nó. Đối với bọn thực dân tính mạng của người dân thuộc địa da vàng hay da đen cũng không đáng một xu" [1].

(1) *Trần Dân Tiên - Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ Tịch - Sự thật, Hà Nội 1975 - tr 24.*

Anh cũng dừng lại ở thị trấn Phan Rí, anh tìm đến người giới thiệu anh cho "Liên Thành thương quán" là Trương Gia Mô, người đã cùng làm việc với cha anh ở Huế, người đã cùng Phan Chu Trinh cáo quan về quê hoạt động yêu nước. Ông bị Pháp bắt vừa được tha... Nguyễn Tất Thành đã đến Phan Thiết, mảnh đất cuối cùng của xứ "Trung kỳ bảo hộ" tiếp giáp với "xứ Nam kỳ trực trị" của Pháp. Thế là trong vòng một năm trời, anh đã đi được 900 km, xa kinh thành Huế với một quyết tâm không gì ngăn cản nổi. Đối chiếu lại với hộ chiếu của một số người đã từng là học trò của thầy giáo Nguyễn Tất Thành ở trường Dục Thanh năm xưa, như vậy ông Nguyễn Đăng Lầu có kể với Đoàn cán bộ Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh năm 1976 là: "Tôi học thầy Thành chừng khoảng một năm hoặc khoảng chừng đó có thế thôi, học thầy Thành không lâu lắm đâu [1]. Cũng vào thời gian trên, ông Từ Trường Phùng cũng kể lại rằng: "Tôi ra Phan Thiết năm 1910... tôi học Dục Thanh khoảng một năm. Sau đó lên Nam Vang học chữ Pháp một năm... Thầy Thành về Dục Thanh trước tôi, thầy vào Sài Gòn học ở trường Máy" [2]. Một học trò nữa của thầy Thành là ông Nguyễn Quý Phầu cũng đã kể lại rằng: "Thầy Thành vào trường dạy khoảng tháng 2/1910 . . . lúc ấy thầy Thành trạc độ 20 tuổi, người dong dỏng cao, khuôn mặt dài, tóc cắt ngắn thường đi đôi guốc gỗ vàng..."[3]. Một dữ kiện mà ba ông

(1) *Hồi ký ông Nguyễn Đăng Lầu - về thầy giáo Nguyễn Tất Thành và trường Dục Thanh. Bản đánh máy - TL viện bảo tàng Hồ Chí Minh.*

(2) *Hồi ký ông Từ Trường Phùng: thầy giáo Nguyễn Tất Thành và trường Dục Thanh. Bản đánh máy - TL viện bảo tàng Hồ Chí Minh.*

(3 *Thúy Thanh - Hồng Sơ: Khu Di tích Bác Hồ ở Phan Thiết. Báo Tin sáng, ngày 5/2/1977.*

khẳng định rằng, Thầy Thành có dự 2 cái tết ở Dục Thanh, một là tết Trung Thu và một tết Nguyên Đán. Dữ kiện đó, theo trí nhớ là đúng, bởi vì Trung Thu năm Canh Tuất là vào ngày 18/9/1910 và Nguyên Đán năm Tân Hợi là vào ngày 30/1/1911; trong cả hai thời điểm đó, Nguyễn Tất Thành đang có mặt ở Phan Thiết. Như vậy có thể đi đến kết luận: Thầy giáo Thành có mặt ở Dục Thanh (Phan Thiết) trong khoảng thời gian từ tháng 8 năm 1910 đến tháng 2 năm 1911. Kết luận đó chúng tôi cho là hợp lý, không những nó phù hợp với thực tế diễn ra ở trường Dục Thanh mà nó còn phù hợp với cả tiến trình ra đi tìm đường cứu nước Nguyễn Tất Thành, nếu khái quát lại thời gian dừng chân ở từng địa điểm Người đã đi qua:

- Huế từ tháng 5/1906 đến tháng 7/1909 là khoảng thời gian 33 tháng.

- Quy Nhơn từ tháng 8/1909 đến tháng 7/1910 là khoảng thời gian 12 tháng.

- Phan Thiết từ tháng 8/1910 đến tháng 2/1911 là khoảng thời gian 07 tháng.

- Sài Gòn từ tháng 3/1911 đến tháng 6/1911 là khoảng thời gian 04 tháng.

Thì chúng ta sẽ thấy sự hợp lý về thời gian, đồng thời với biểu hiện của sự thực hiện mục đích, lý tưởng cao cả của Nguyễn Tất Thành ở giai đoạn này.

Trường Dục Thanh trong tiến trình phát triển tư tưởng yêu nước của Thầy giáo Nguyễn Tất Thành

ĐÌNH HY

Trong quá trình tìm tòi, nghiên cứu cuộc đời hoạt động Cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chúng tôi đặc biệt chú ý đến quá trình phát triển tư tưởng yêu nước và cách mạng của Người. Riêng trong giai đoạn 1911 trở về trước, chúng tôi lại chú ý đến sự kiện người thanh niên Nguyễn Tất Thành đến dạy học ở Trường Dục Thanh (Phan Thiết) 1910, cũng giống như những sự kiện Người học ở Huế và tham gia phong trào chống thuế (1908) và sự kiện "vô sản hoá" ở Sài Gòn trước khi ra đi tìm đường cứu nước (1911). Sự kiện dạy học ở trường Dục Thanh sẽ gợi nhiều vấn đề nghiên cứu ở nhiều bình diện khác nhau về Người - Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại.

Riêng trong bài viết này, chúng tôi có ước mong đặt vấn đề làm sao tìm hiểu cho được việc dạy học ở trường Dục Thanh đã tác động đến tư tưởng - và ngược lại - trong tiến trình phát triển tư tưởng yêu nước của thầy giáo Nguyễn Tất Thành như thế nào,

nhằm góp phần làm sáng tỏ hơn chân dung của Người trong thời gian ở Phan Thiết

Như chúng ta đều biết, Chủ tịch Hồ Chí Minh trải qua thời thơ ấu trong bối cảnh đất nước đã mất độc lập, thực dân Pháp đang ráo riết đàn áp các phong trào yêu nước của dân tộc nhằm thực hiện những mưu đồ thống trị và khai thác thuộc địa hết sức phản động của chúng. Tắm mình trong không khí chống giặc của các phong trào Cần Vương, Đông Du, Duy Tân... Cha và những người bạn của cha: Phan Bội Châu - lãnh tụ phong trào Đông Du - Thầy dạy học Vương Thúc Quý - dòng dõi của phong trào Cần Vương - Nguyễn Sinh Cung (tên của Bác Hồ thuở nhỏ) đã chịu ảnh hưởng tư tưởng yêu nước của các bậc tiền bối. Ngoài ra, sinh ra và lớn lên ở một vùng đất có truyền thống anh hùng và văn vật cộng thêm trí thông minh, ham học hỏi và rất nhạy cảm cái mới, Nguyễn Sinh Cung đã sớm hình thành một ý chí căm thù và quyết tâm đánh đuổi giặc Pháp, giải phóng dân tộc. Những điều đó có tính nguyên tắc trong tư tưởng Nguyễn Sinh Cung để lần đầu "Người Việt Nam đẹp nhất" sau này là: Người đã có ý thức tự giác xem xét, thẩm định, đánh giá lịch sử. Biểu hiện rõ nhất của luận điểm này là đánh giá đúng bản chất các phong trào yêu nước đương thời. Theo Người thì, mặc dù rất khâm phục các tiền bối yêu nước, nhưng:

- Cụ Phan Chu Trinh chỉ xin yêu cầu người Pháp thực hiện cải cách dân chủ, dân sinh, như thế "Chẳng khác gì xin giặc rủ lòng thương".

- Cụ Phan Bội Châu hy vọng Nhật giúp đỡ để đuổi giặc Pháp, đó là hành động "Đưa hổ cửa trước, rước beo cửa sau".

- Cụ Hoàng Hoa Thám có thực tế hơn, vì trực tiếp đấu tranh chống Pháp nhưng "Cụ còn nặng cốt cách phong kiến" (1).

- Đối với cuộc vận động cải cách Đông Kinh Nghĩa thục (theo xu hướng của Phan Chu Trinh) thì giống như việc "Quét sơn lên gỗ mục".

Có thể nói, Người đã ý thực được rằng: Giặc Pháp ở phương Tây đến xâm lược khác hẳn giặc phương Bắc trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc - nhất là tiềm lực kỹ thuật - và giai cấp phong kiến Việt Nam không phải là đối thủ của nó, phong trào Đông Du, Duy Tân... cũng đang lao vào con đường ảo tưởng hoặc thoả hiệp (Đại biểu bách chiến, bách thắng của dân tộc Việt Nam để chiến thắng mọi kẻ thù xâm lược - dù có nhiều mưu mô, có nhiều tiềm lực kinh tế, kỹ thuật - thuộc về giai đoạn sau của lịch sử khi Người tìm được chân lý - Chủ nghĩa Mác-Lênin).

Trong tình hình bấy giờ, sự đúc kết lịch sử như trên phải xuất phát từ một con người thương dân, yêu nước đến mức nào, và phải có một "mạch tư tưởng" như thế nào mới có được. Không có những yếu tố ấy, không thể có những kết luận có tính "kinh điển" cho lịch sử. Cần nhớ thêm rằng: Lúc này thực dân Pháp kìm hãm tối đa sự phát triển của những tư tưởng tiến bộ, cách mạng tháng Mười Nga chưa thành công, chủ nghĩa Mác-Lênin chưa hiểu đầy đủ và rộng rãi ở phương Tây, tình hình càng tồi tệ hơn ở phương Đông thuộc địa.

---

(1) Theo Trần Dân Tiên - Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ Tịch, NXB.ST; H.1975, tr 12-13

Trong tình hình phát triển tư tưởng yêu nước của người thanh niên Nguyễn Tất Thành, sự kiện tham gia phong trào chống thuế cùng nhân dân Huế (1908) là cuộc đối đầu đầu tiên với chế độ thực dân nửa phong kiến. Có thể mạnh dạn nói rằng: Những ý chí quyết tâm cứu nước âm ỉ lâu nay trong con người Nguyễn Tất Thành được bộc phát ra bằng hành động chính trị: Cùng nhân dân đấu tranh. Và kết quả là: Người chấm dứt giai đoạn đời học sinh, chấm dứt giai đoan nghiêng về nhận thức xã hội, bắt đầu một giai đoạn mới: Giai đoạn hành động cụ thể và tiếp tục nhận thức. Cũng thông qua sự kiện này, Người rút ra bài học: Nhìn thấy sức mạnh to lớn của nhân dân, tán thành phong trào đấu tranh của nhân dân, và cũng nhìn thấy phong trào còn thiếu sự tổ chức và lãnh đạo. Đến đây, tư tưởng yêu nước của Nguyễn Tất Thành đã nâng lên một bước mới...

Trường Dục Thanh ở Phan Thiết ngày ấy là một trường học tiến bộ nhất của khu vực miền Trung. Trường Dục Thanh là một trong ba cơ sở của Hội Duy Tân ở Bình Thuận: Đó là Liên Thành Thương quán (kinh tế), Liên Thành Thư xã (cơ sở bình văn thơ, bán và đọc sách báo mới), trường Dục Thanh (giáo dục). Những cơ sở này do những người yêu nước: Hồ Tá Bang, Nguyễn Hiệt Chi, Trần Lệ Chất, Ngô Văn Nhượng và hai con trai của nhà thơ yêu nước Nguyễn Thông (1827-1884) là Nguyễn Trọng Lội và Nguyễn Quý Anh sáng lập, khuynh hướng hoạt động theo tinh thần của Duy Tân (Phan Chu Trinh), phần nhiều có những điểm tiến bộ so với thời bấy giờ. Riêng trường Dục Thanh này áp dụng chương trình giáo dục mới mẻ, tiến bộ. Về học gồm có hai ban: ban Hán văn và ban Pháp văn; về hoạt động gồm có thể dục thể thao, có thuyết trình... học sinh phần lớn là những thiếu niên hiếu

học cầu tiến, đa phần là con em của những gia đình có quan tâm đến vận mệnh đất nước, họ ở Phan Thiết hoặc từ các tỉnh Nam Bộ đến ở do những biến động của lịch sử.

Nguyễn Tất Thành bắt đầu giai đoạn hành động cụ thể của mình bằng công việc dạy học trong điều kiện như vậy (tuy trước đó, Người đã có làm liên lạc cho cha và Phan Bội Châu, hoặc tham gia chống thuế... song chưa thoát ra khỏi môi trường của gia đình để đi đến những hành động cụ thể, tự chủ, tự quyết).

Vậy thì đi sâu vào vấn đề chính của bài viết: Môi trường xã hội thời gian ở trường Dục Thanh đã tác động như thế nào đến tư tưởng thấy giáo Nguyễn Tất Thành? Nó có tác động chuyển biến trong tư tưởng của Người như thế nào so với thời gian trước đó? Mặt khác, chính tư tưởng "khác lạ" của thầy giáo Nguyễn Tất Thành đã tác động ra sao đến hoạt động của trường Dục Thanh lúc bấy giờ? Giải quyết thỏa đáng những vấn đề trên đây ở bình diện tư tưởng trong mối quan hệ giữa nó với điều kiện lịch sử - xã hội, chúng ta có thể phác thảo được chân dung thầy giáo Nguyễn Tất Thành trong thời gian ở trường Dục Thanh - Phan Thiết.

Môi trường dạy học ở trường Dục Thanh trong thời gian ngắn ngủi nhưng rất quý giá, nó đã tác động trực tiếp tư tưởng thầy giáo Nguyễn Tất Thành rất nhiều. Nếu trước đó, Người thể hiện tư tưởng yêu nước bằng hành động cụ thể là cùng nhân dân tham gia chống thuế ở Huế (1908), thì đó cũng là quá trình thai nghén, nung nấu ý chí, dằn vặt về tư tưởng, băn khoăn về con đường "giúp dân cứu nước". Còn bây giờ, môi trường dạy học giúp cho Người có điều kiện thẩm định thêm những suy nghĩ, dằn

vặt, những băn khoăn trong tư tưởng của mình bấy lâu nay, có thể đẹp nhất, chín chắn nhất trong tư tưởng yêu nước của Người lúc ấy để truyền lại cho học sinh. Nhưng đó không phải là mục đích cuối cùng mà Người hướng đến, Người tự ý thức con đường cứu nước, giải phóng dân tộc hãy còn xa. Chúng tôi không đặt vấn đề lý giải nguyên nhân thầy giáo Nguyễn Tất Thành dừng chân dạy học một thời gian tại trường Dục Thanh - Phan Thiết, vì nó không nằm trong phạm vi giải quyết vần đề của bài viết này. Chúng tôi chỉ cho rằng: Người đến Phan Thiết không phải với mục đích dạy học, mục đích chính là tìm đường ra nước ngoài để thực hiện hoài bão giải phóng dân tộc, và trong hoàn cảnh "lực bất tòng tâm" ở Phan Thiết, bằng con đường dạy học là thích hợp nhất, là "kiến cơ nhi tác" trong bối cảnh bấy giờ ở đây, và "lịch sử như hẹn trước", trường Dục Thanh là môi trường giúp thầy Thành thẩm định và nâng cao thêm những suy nghĩ, tìm tòi. Trong tư tưởng của mình lâu nay, cụ thể là tư tưởng yêu ước, thương dân của Người có điều kiện bộc lộ ra bằng hành động có ích: Dạy học. Thông qua dạy học, Người rút ra những gì "hơn quy luật" (Lê-nin) để giữ lại hoặc loại ra những gì ngược lại quy luật trong "mạch" tư tưởng yêu nước lúc này (cần nhớ là Người luôn luôn có ý thức rút ra những bài học kinh nghiệm cho bản thân trên cơ sở từ sự đánh giá đúng các hiện tượng xã hội). Chẳng hạn, trong chương trình dạy học, thầy Thành đã góp phần hướng dẫn học sinh tập thể dục, điền kinh, chăm sóc cây trồng, tham quan thắng cảnh, danh lam, đặc biệt, thầy tích cực loại bỏ những phương pháp giáo dục, giáo điều mà thầy đã trải qua và đúc kết từ những trường đã học trước đây. Không đâu hơn, tính kế thừa, chọn lọc, phê phán, hoặc tiếp thu từ những hiện tượng "trực quan sinh

động" của xã hội được Người quán triệt đúng đắn trong "Tư duy trừu tượng" và tức khắc được vận dụng đến "thực tiễn" bằng những hành động cụ thể. Đó là một nhân tố quan trọng làm cơ sở cho thế giới quan và nhân sinh quan của Người trở thành thiên tài sau này.

Quá trình dạy học ở trường Dục Thanh, thầy giáo Nguyễn Tất Thành được sống trong sự đùm bọc, che chở của nhân dân, học sinh và những người lãnh đạo các tổ chức Liên Thành. Chính ở nơi đây đã hình thành một quan hệ thầy trò với tình cảm cao đẹp, gần gũi và thông cảm, đã nâng lên cao ý thức về sức mạnh to lớn của nhân dân, củng cố thêm tư tưởng đánh giá hiện trạng xã hội thiếu một đường lối lãnh đạo đúng đắn, thiếu một tổ chức chặt chẽ, đã hình thành trước đó trong tư tưởng của Người. Nơi đây, Người đã gặp lại cảnh khổ đau của bà con ngư dân, giống như ở quê nhà:

"Làng Sen đóng khố thay quần

Ít cơm, nhiều cháo, tảo tần quanh năm"

Vẫn nhận thấy ở Hồ Tá Bang, Nguyễn Hiệt Chi, Nguyễn Trọng Lội, Nguyễn Quý Anh dáng dấp như Phan Chu Trinh, Lương Văn Can... mà Người từng không đồng ý trước đó. Bằng cách nào đấy để giải phóng dân tộc? Người cố gắng xây dựng một tình thầy trò trái hẳn tên Lu-I-Sô-Sô một thầy giáo người Pháp - mắng một học sinh Việt Nam rằng: "Đồ con lợn, đồ bẩn thỉu!" mà Người đã chứng kiến trong thời học sinh. Cố tìm một con đường của các bạn đồng nghiệp đàn anh ở Phan Thiết đang đi, nhưng bằng cách nào trong hoàn cảnh khó khăn ở đây? Những vần thơ "Dậy sóng" của nhà ái quốc Phan Bội Châu vẫn thôi thúc Người:

"Nghĩ lắm lúc bầm gan tím ruột,

Vạch trời cao mà tuốt gươm ra."

Không phải đến lúc này mà trước đó, Người đã có tầm nhìn khác hẳn về con đường cứu nước, và Phan Thiết không đủ điều kiện để thực hiện tầm nhìn của Người: "Đến phương Tây, đến nước Pháp". "Vào trạc tuổi 13, lần đầu tiên tôi đã được nghe những từ tiếng Pháp: Tự do, Bình đẳng, Bác ái... đối với chúng tôi lúc ấy, mọi người da trắng đều được coi là người Pháp - thế là tôi muốn làm quen với văn minh Pháp, tìm xem những gì bí ẩn giấu giếm đằng sau những từ ấy" (Trích lời Bác trả lời phỏng vấn của Tạp chí "Ngọn lửa nhỏ" (Liên Xô), số 39, ngày 23/12/1923). Song, những tư tưởng và việc làm của những người yêu nước ở Phan Thiết đã vun đắp thêm những "dữ kiện" mới cho nhận thức của Người. Theo chúng tôi, những "dữ kiện" đó là: Mặc dù theo con đường của phong trào Duy Tân, nhưng họ đã "hiện thực hoá" vào những hoạt động thiết thực. Tự mình, họ đã mở Liên Thành Thương quán, Liên Thành Thư xã và trường Dục Thanh, hình thành một đường lối, chủ trương, có tinh thần dân tộc. Tất cả những điều này quả là mới mẻ đối với tình hình kinh tế - xã hội nước ta bấy giờ, nhất là ở Bình Thuận... Cũng có quyền đặt vấn đề rằng, chính nơi đây, trong thời gian ngắn ngủi, thầy giáo Nguyễn Tất Thành đã rút ra một luận điểm khoa học chăng? Chúng tôi có thể mạnh dạn nói rằng: Người đã rút ra được một luận điểm hết sức quan trọng: Đó là mối quan hệ "biện chứng" giữa lý luận và thực tiễn. Chính tư tưởng chủ đạo của phong trào Duy Tân được "thực tiễn hoá", được vận dụng bằng những hoạt động có ích cho xã hội về kinh tế, văn hóa, giáo dục... ở Bình Thuận. Tất nhiên, Người đã thấy rõ những

hoạt động này còn mờ nhạt về một cương lĩnh chính trị tích cực trong việc "thực tiễn hoá" trên đây (hãn hữu phải rõ ràng nhưng "có thực tế hơn" của cụ Hoàng Hoa Thám, hoặc phong trào nhân dân chống thuế chẳng hạn), mà nếu như cương lĩnh chính trị ấy rõ ràng thì đó là " bất bạo động" là "xin giặc rủ lòng thương" và Người đã không đồng ý trước đó rồi! Ở đây, chúng tôi muốn đặc biệt lưu ý đến điều kiện thực tế xã hội và sự nỗ lực chủ quan của Người trong quá trình tìm tòi con đường cứu dân, cứu nước là những nhân tố quan trọng nhất để dẫn đến sự phát triển quy luật quý báu này. Nếu "lý luận" của những người trong hội Duy Tân được "thực tiễn" trong các hoạt động đã nêu, thì chủ quan của Nguyễn Tất Thành, với sự nhạy cảm sẵn có, đã nhận ra những "kẽ hở" của nó so với yêu cầu bức thiết của lịch sử, của đất nước bị nô lệ. Và hệ quả là tất yếu phải càng tích cực tìm một "lý luận" khác đúng hơn cho "thực tiễn" này. Phải ở Dục Thanh - Phan Thiết, phải khi bản thân mình trực tiếp ma sát với thực tiễn, bằng hành động cụ thể một cách gay gắt: lý tưởng cá nhân mâu thuẫn với thực tế xã hội, hành động cụ thể mâu thuẫn với khát vọng lớn lao (dạy học mâu thuẫn yêu cầu phải cứu nước) phải trong sự dằng co quyết liệt ấy mới có thể manh nha, hình thành và phát hiện ra luận điểm này trong tư tưởng của Người (và thực tế được hoàn thiện, hoàn chỉnh trong quá trình hoạt động cách mạng sau này của Người).

Cũng từ sự nỗ lực chủ quan không mệt mỏi trong hoàn cảnh khách quan nghiệt ngã ấy, thời gian ở Phan Thiết, mạch tư tưởng của Người còn gặp một điều kiện cơ bản nữa để chuyển biến, phát triển. Đó là toàn bộ di sản văn học của nhà thơ yêu nước thương dân Nguyễn Thông để lại - mà Hội nghị khoa học về Nguyễn

Thông (tháng 8/1984) tại Phan Thiết nhân kỷ niệm 100 năm ngày mất của nhà thơ (1884 - 1984) đã đánh giá một bước. [1]

Theo tài liệu hiện có - chủ yếu dựa vào kí ức của những người học trò của thầy giáo Thành còn sống đến sau năm 1975 - cho thấy rằng: Thời gian dạy học ở trường Dục Thanh (trong khuôn viên nhà thờ cụ Nguyễn Thông) thầy Nguyễn Tất Thành đã đọc thơ văn của Nguyễn Thông, tìm hiểu trong toàn bộ các tác phẩm đã để lại nhiều suy nghĩ, nhiều vấn đề quý báu. Nhất là trong thơ văn nhà thơ, Nguyễn Tất Thành đồng lòng tư tưởng yêu nước thương dân, đồng cảm tình yêu quê hương bị giặc xâm chiếm, hình ảnh những sĩ phu Trương Định, Phan Văn Đạt, Hồ Huấn Nghiệp... cao đẹp, anh hùng trong cuộc chiến sống mái với giặc Pháp thời kỳ đầu ở Nam Bộ, hình ảnh của những nghĩa quân chết trận, bị thương trong bài thơ "Chinh phu lai" tinh thần chống bọn phong kiến mục rỗng, độc ác với nhân dân:

"Hà hoạt lại chi tứ bạo,

Tuấn cao huyết dĩ tự phì"

(Nghĩa Trủng Phú)

(Bọn quan lại gian hoạt sao tàn bạo thế?

Vắt máu mỡ dân để tự nuôi béo mình).

Ở đây, Người gặp câu ca chống vua Tự Đức thời Người còn học ở Huế:

"Vạn niên là vạn niên nào?

Thành xây xương lính, hào đào máu dân"

---

(1) Xem báo cáo khoa học về Nguyễn Thông, V iện KHXH TP.HCM xuất bản 1984

Cao hơn hết, Người bắt gặp thái độ tích cực trước xã hội của nhà thơ Nguyễn Thông, thái độ trách nhiệm trước dân nước của mình, Người nhanh chóng đồng cảm với những suy nghĩ táo bạo của nhà thơ về kinh tế, về quốc phòng, về thái độ khoa học trong công việc giáo dục, nghiên cứu lịch sử, địa lý, xã hội... và nhất là tư tưởng thân dân của Nguyễn Thông trong việc lo đời sống kinh tế, mở mang thuỷ lợi, trồng trọt, cần nông...

Sự đồng điệu, đồng cảm trong hai tâm hồn của hai thế hệ cách xa nhau Nguyễn Thông - Nguyễn Tất Thành, về một lẽ: Dằn vặt trước vận mệnh đất nước bị giặc Pháp xâm lược, tìm con đường cứu dân cứu nước. Thực tế đã giúp Nguyễn Tất Thành bồi dưỡng thêm cho tư tưởng của mình bằng những "chất liệu" đắng cay của lịch sử, đất nước, của lòng khát khao độc lập, hạnh phúc của những thế hệ đi trước bản thân Người. [1]

Một điều kiện quan trọng nữa là: "Nguyễn Tất Thành rất say mê đọc sách, cũng tại trường Dục Thanh, Anh dành thời giờ đọc "Tân Thư" ở Ngoạ Du Sào. Số sách này được những người sáng lập Trường quan hệ với ngoại kiều buôn bán ở Phan Thiết tìm kiếm mua từ các nước đưa về. Hầu hết là các loại sách tư tưởng, chính trị, triết lý của các văn hào, triết gia Pháp như Mông- tét-ki-ơ, Ru-xô... hay của các học giả Trung Quốc như Lương Khải Siêu, Khang Hữu Vi... Chính nơi đây, anh có dịp tích luỹ vốn kiến thức văn hoá thêm phong phú và cũng để hiểu sâu hơn một số vấn đề chính trị, xã hội trong nước và trên thế giới lúc bấy giờ" [2]; Vậy là, ở trường Dục Thanh, thầy giáo Nguyễn Tất

---

(1) Hiện nay có một số nhà nghiên cứu VH, Sử học đang tìm sự ảnh hưởng của thơ nguyễn Thông đối với 1 số bài thơ của Bác.

(2) Theo Tô Quyên. "Bác ra đi tìm đường cứu nước", NXB TP.HCM; 1985, tr. 61

Thành tự tìm tòi thêm sách vở, báo chí tiến bộ, mà đương thời gọi là "tân thư", nâng lên một bước trong nhận thức tư tưởng của mình, và suy cho cùng, sự nỗ lực chủ quan của Người trong bối cảnh lịch sử - xã hội bấy giờ là điều kiện quan trọng cho sự nâng cao tư tưởng ấy...

Nói đến sự tác động ngược lại của tư tưởng Nguyễn Tất Thành đến các hoạt động của trường Dục Thanh và các tổ chức Liên Thành nói chung, chúng tôi nghĩ rằng cần phải dày công tìm tòi và nghiên cứu mới giải quyết thỏa đáng. Ở đây, có thể nêu ra những nét cơ bản về sự tác động ấy như sau:

- Thanh niên Nguyễn Tất Thành đến dạy học ở trường Dục Thanh là một sự kiện lịch sử trong xã hội Bình Thuận trước đây, tạo một sự kiện mới trong quá trình hoạt động của những người yêu nước ở Phan Thiết

- Góp phần cải cách chương trình dạy học ở trường Dục Thanh thêm tiến bộ và đổi mới. Thời gian dạy học, chắc chắn đã tích cực xây dựng một chương trình giảng dạy đầy tinh thần nhân văn. Đẩy ra khỏi chương trình những yếu tố mang ý đồ nhồi sọ học sinh, nhằm phục vụ lợi ích cho chế độ cai trị của người Pháp hiện đang khống chế các trường công, mà chính bản thân Người đã trải qua khi còn học ở trường Tiểu học Pháp - Việt Đông Ba và trường Quốc học Huế.

- Cao hơn hết, là người đầu tiên đem đến một "nguồn sinh lực" mới về chủ nghĩa yêu nước cho cuộc sống ở Phan Thiết, mà sau này, tháng 7/1976, khi đến thăm trường Dục Thanh, bắt đúng mạch cốt lõi ấy, và bằng ngôn ngữ thơ, nhà thơ Giang Nam đã viết:

"Phan Thiết ơi, bao người còn nhớ
Bài học đầu tiên Bác dạy: hiểu mình".

(Thăm trường xưa Bác dạy).

"Hiểu mình" là Người tự hiểu mình, dạy học trò tự hiểu mình, ý thức sứ mệnh của mình, gieo hạt, khơi dậy trong quần chúng nhân dân ý thức được sức mạnh lớn lao của mình, tất cả để thực hiện quyền độc lập cho chính dân tộc mình. Thực tế 20 năm sau, khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (03/2/1930) cao trào cách mạng phát triển như vũ bảo ở khắp nơi, trong đó có sự đóng góp to lớn của nhân dân Bình Thuận.

Nói tóm lại, sự chuyển biến trong tiến trình phát triển tư tưởng yêu nước của nhân dân Việt Nam giai đoạn nửa cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX là sự chuyển biến về chất: Từ tư tưởng "tự mình" đến tư tưởng "cho mình" (Trần Văn Giàu). Các cuộc chống xâm lăng thất bại, bao anh hùng, nghĩa sĩ đã ngã xuống... Công lao to lớn để có được bước ngoặt lịch sử, từ chủ nghĩa yêu nước mang tính chất cải lương, nửa vời đến chủ nghĩa yêu nước thật sự, triệt để thuộc về Chủ tịch Hồ Chí Minh, Người Cộng sản Việt Nam đầu tiên - đã hy sinh cả cuộc đời cho sự nghiệp độc lập dân tộc, hạnh phúc nhân dân, hoạt động không mệt mỏi cho quyền sống của giai cấp vô sản và các dân tộc thuộc địa bị áp bức trên thế giới.

Phác thảo chân dung của Người - Chủ tịch Hồ Chí Minh - trong thời kỳ dạy học ở trường Dục Thanh, Phan Thiết hay thời kỳ tự "vô sản hoá" ở Sài Gòn, hoặc thời còn là cậu học trò nhỏ ở quê nhà và ở Huế, cũng như những thời kỳ hoạt động cách mạng

sau này, chúng ta càng thấy rõ sự phát triển lôgic về tư tưởng của Người, càng thấy Người đã đi đúng hướng, đúng cách, với một mục đích duy nhất: Cứu nước, giải phóng dân tộc; và càng thấy rõ sự phấn đấu cao độ, một nghị lực phi thường đến dường nào để tiếp cận chân lý cách mạng. Mãi mãi đi theo con đường cách mạng của Người, ra sức thực hiện thành công lý tưởng mà Người đã vạch sẵn là trách nhiệm cao cả của dân tộc ta, vì một nước Việt Nam giàu mạnh, ấm no và hạnh phúc.

Thầy giáo Nguyễn Tất Thành niềm tự hào của lịch sử Việt Nam

Giáo sư PHAN VĂN CÁC

Lịch sử giáo dục Việt nam là lịch sử giáo dục của một đất nước hàng ngàn năm tạo nên hàng trăm thế hệ Anh hùng bảo vệ Tổ Quốc và hàng chục triệu người lao động trí óc và chân tay dựng xây đất nước, là lịch sử của một nền giáo dục dân tộc cực kì phong phú, bao gồm công cuộc giáo dục trong cuộc sống (tức là công cuộc rèn luyện, đấu tranh xây dựng con người cho cả tập thể cộng đồng của gia đình, xã hội cùng đảm nhiệm tác động đến từng thành viên cá thể của dân tộc), là công cuộc giáo dục trong nhà trường (tức là nền giáo dục do nhà nước tổ chức và chỉ đạo theo chức năng của chính quyền đối với đất nước).

Nền giáo dục trong buổi bình minh của lịch sử dân tộc đã bảo đảm chức năng tích lũy và truyền thụ những nguồn tri thức (lúa nước) từ trước đây một vạn năm, công nghiệp (luyện hợp kim đồng thau) từ trước đây ngót bốn nghìn năm, làm cơ sở cho những nền văn hóa tương ứng với các giai đoạn mà khảo cổ học gọi là giai đoạn Phùng Nguyên (đầu thời đại đồng thau) thế kỷ

XX - XV trước Công nguyên, giai đoạn Đồng Đậu (giữa thời đại đồng thau) thế kỷ XV - X trước Công nguyên, giai đoạn Gò Mun (cuối thời đại đồng thau) thế kỷ X - V trước Công nguyên, giai đoạn Đông Sơn (giữa đầu thời đại sắt) thế kỷ - V trước Công nguyên đến thế kỷ I, II sau Công nguyên, cùng với tập quán và tinh thần của thị tộc và bộ tộc nhằm hun đúc lên bản lĩnh Việt Nam, lối sống Việt Nam, nền tảng của sự sinh tồn và phát triển của dân tộc.

Nền giáo dục công xã cổ truyền ấy gần 10 thế kỷ đầu Công nguyên đã đảm đương sức mạnh vô cùng gian khổ và vinh quang là lưu truyền và bồi đắp trí tuệ và tinh thần, giữ vững bản sắc nền văn hóa dân tộc, chống lại âm mưu và thủ đoạn đồng hóa cực kỳ tàn bạo nham hiểm của các triều đại phong kiến Trung Hoa.

Từ thế kỷ X đến thế kỷ thứ XIV, tức là ngót 5 thế kỷ sau đất nước được giải phóng khỏi ách đô dộ của đế chế phương Bắc, Nhà nước trung ương tập quyền của quốc gia Đại Việt ra đời, nền văn hóa Thăng Long nảy sinh và phát triển. Các chế độ giáo dục thi cử bắt đầu định hình từ triều đại nhà Lý với việc lập Văn Miếu Quốc tử giám (năm 1070), kỳ thi đầu tiên mở năm 1075 và vị thủ khoa đầu tiên trong lịch sử dân tộc là Lê Văn Thịnh. Những kỳ thi tam giáo (khảo kiến thức Nho, Phật, Lão) thời kỳ này cho thấy một nền giáo dục rộng rãi, phóng khoáng, xứng đáng với một thời đại rực rỡ hào khí của dân tộc liên tiếp đập tan các cuộc xâm lược của phong kiến nhà Tống và đặc biệt là 3 lần xâm lược hung hăng tàn bạo của đế quốc Nguyên Mông.

Chữ Nôm ra đời và phát triển. Trí tuệ và tâm hồn dân tộc kết tinh trong trước tác của các thiên tài chính trị và văn hóa được

ghi lại và trực tiếp hơn, nguyên vẹn hơn và vì thế cũng được kế thừa đầy đủ hơn và được tích lũy với gia tốc ngày càng cao.

Kế đó là một thời kỳ đất nước ổn định khá lâu dài sau chiến thắng của khởi nghĩa Lam Sơn. Nền giáo dục được xây dựng theo hướng chính quy.

Trong tình trạng rối ren phức tạp của đất nước thế kỷ XVI - XVII và quá nửa thế kỷ XVIII với các thế lực phong kiến Lê, Mạc, Trịnh, Nguyễn tranh chấp khuynh loát lẫn nhau, nền giáo dục chính quy phế khoáng, thi cử sa sút, tồi tệ, học phong "hèn kém và thô bỉ" (chữ dùng của Phan Huy Chú).

Cuối thế kỷ XVIII, với nhiều chính sách tiến bộ, trong đó có chính sách giáo dục của Quang Trung Nguyễn Huệ, nền giáo dục nước nhà thực sự có chuyển biến theo chiều hướng tốt đẹp: chú trọng dạy người từ gốc, chủ trương những điều thiết thực, đề cao chữ Nôm,... Nhưng tiếc thay triều đại Tây Sơn đã quá ư ngắn ngủi.

Thế kỷ thứ XIX, Nhà nước phong kiến triều Nguyễn thủ cựu và phản động đã ngăn cản, cấm đoán mọi đề nghị của chủ trương cách tân. Cái học nho gia vốn chuộng hư văn, xa rời thực tế nay càng trở nên lỗi thời và bất lực trước mối hiểm họa xâm lăng từ phương Tây và tư bản chủ nghĩa ập tới.

Sau đế quốc Pháp xâm lược Nam Kỳ rồi mở rộng ra thôn tính toàn cõi Việt Nam, nền giáo dục của đất nước bốn nghìn năm văn hiến này phải trải qua nhiều biến động to lớn. Ở Nam Kỳ, chỉ 5 năm sau khi Pháp chiếm 3 tỉnh miền Đông rồi đến lục tỉnh, đã bỏ thi chữ nho. Trong cả nước thì việc thi Hán học bãi bỏ vào năm 1918. Việc dạy chữ Pháp và chữ Quốc ngữ, vốn có ở các nhà thờ, bí mật hoặc nửa công khai, do các giáo sĩ giảng dạy cho

các con chiên từ một vài thế kỷ trước, lúc bấy giờ được chính thức tiến hành theo chế độ chính quy. Những trường thông ngôn, tham biện mở ra, đào tạo người làm việc cho Pháp. Các trường học chữ nho vẫn còn, âm thầm ở vùng địch chiếm hoặc gắng gượng ở vùng tự địa như chút nắng quái chiều hôm. Các trường học phổ thông theo chương trình Pháp do chính quyền thực dân hoặc do giáo hội mở ra ngày một nhiều, thay đổi hẳn diện mạo giáo dục của Nhà nước phong kiến Việt Nam.

Lịch sử giáo dục Việt Nam từ trước chưa bao giờ có một không khí đấu tranh tư tưởng sôi động kịch liệt như đầu thế kỷ XX này. Phía địch, chính quyền thực dân phong kiến, cũng như phía ta, quần chúng nhân dân bao gồm cả các nho sĩ tiến bộ, các trí thức thanh niên đều hết sức quan tâm, giành giật trận địa có ý nghĩa chiến lược này. Về phía chính quyền thực dân, để phục vụ quyền lợi của mình, chúng đã mở trường, định chương trình mới, dĩ nhiên không phải vì mục tiêu dân trí. Giáo dục thực dân đồng nghĩa với ngu dân, như Hải Ngoại huyết thư của Phan Bội Châu đã phê phán:

Trường Quốc học đặt tên Pháp Việt,

Dạy người Nam đủ biết tiếng Tây,

Đến như trăm thứ nghề hay

Bình, cơ, điện, hóa không thầy dạy khôn.

Một lớp người gọi là tân học, xuất thân ở các tầng lớp khá giả, có điều kiện để học ở các trường do Pháp đào tạo nên, trở thành "tri thức mới", về sau có sự phân hóa. Một số nhỏ có tinh thần dân tộc, cố gắng tiếp thu khoa học "văn minh Thái Tây" mong có ngày giúp dân giúp nước. Số đông ngoan ngoãn chấp

nhận chính sách giáo dục ngu dân. Có người thực sự biến thành bồi bút thực dân, tay sai văn hóa, ra báo, viết sách, diễn thuyết cổ động học tập văn minh Pháp, tuyên truyền cho sự hợp tác "Pháp - Việt đề huề" để đề cao giáo dục thực dân. (Tây Hồ Phan Chu Trinh đã chỉ rất đúng bản chất của số "tân học" này: "Ngày trước học Hán thì làm hủ nho, ngày nay học Tây thì làm hủ Âu").

Đóng vai trò tích cực hơn cả là các nhà nho Duy Tân, khắp 3 kỳ Trung, Nam, Bắc đều nhiệt liệt hô hào cải cách giáo dục, vận động cho nền học mới. Họ tiếp thu được ảnh hưởng cuộc vận động Duy Tân ở Nhật Bản, Trung Quốc, đọc được nhiều lý thuyết dân chủ của Tây phương (qua các bản dịch chữ Hán) và chân thành nhận ra không thể duy trì lối giáo dục cổ hủ thời xưa. Họ đồng thời nhận ra âm mưu thâm độc của chính sách giáo dục thực dân, nền giáo dục nô dịch chỉ đào tạo ra những kẻ cam tâm làm nô lệ. Vì vậy họ đã tiến hành một cuộc vận động tân học rộng lớn bằng nhiều hình thức: Sáng tác thơ ca cổ động, diễn thuyết, viết sách, ra báo thức tỉnh đồng bào... Về giáo dục, họ viết Văn minh tân học Sách (1904) bày tỏ rõ ràng những quan điểm giáo dục mới mẻ, có thể xem là tuyên ngôn đường lối của nhà trường Duy Tân chính thức khai trương năm 1907, (Đông Kinh Nghĩa thục) mà các phương hướng chủ yếu là:

a) Dùng chữ quốc ngữ làm phương tiện học tập chính;

b) Hiệu đính các sách, vở, chú trọng sách sử Việt Nam;

c) Sửa đổi phép thi, bỏ văn biền ngẫu, chỉ thi quốc văn và toán. Khuyến khích tinh thần tự do thảo luận của học sinh;

d) Cổ vũ nhân tài, đề cao người học giỏi.

Có ý thức sâu sắc về những di họa của lối học cũ làm cho "người ngu, nước yếu" (chữ dùng của Ngô Đức Kế), các nhà nho duy tân đã trực cảm được - mặc dù chưa phát biểu rành rọt- một nguyên lý rất cơ bản là giáo dục phải phục vụ chính trị, dạy học phải gắn liền với nhiệm vụ cứu nước và giữ nước.

Dĩ nhiên là chính trị thực dân không đời nào để yên. Đông Kinh Nghĩa thục hoạt động chẳng bao lâu buộc phải đóng cửa.

Hiện nay quả là còn thiếu quá nhiều tài liệu để có thể khôi phục được đầy đủ diện mạo của trường Dục Thanh và càng khó lòng vẽ lại thật đúng chân dung thầy giáo Nguyễn Tất Thành trong những tháng ngày dạy học ở đó.

Tuy nhiên, một số trang hồi ký cực kỳ hiếm hoi của những nhân vật ít nhiều có liên quan [1], chúng ta có thể sơ bộ hình dung một vài nét đại quan như sau:

Trên bối cảnh lịch sử của cuộc vận động học "Tân thư", của những bài ca "Hớt tóc" nửa Hán, nửa Nôm lưu truyền khắp nước trường Dục Thanh đã ra đời. Đó là một cơ sở nhằm nâng cao dân trí do một nhóm nhà nho yêu nước lập ra theo lời chỉ đạo của cụ Phan Chu Trinh. Bấy giờ là khoảng cuối năm 1907. Cả vùng này

---

(1) Hồi ức của cụ Nguyễn Quí Phầu, cháu nội nhà thơ Nguyễn Thông, của cụ Từ Trường Phùng, học trò thầy Thành do Mai Sơn Tùng ghi, đăng trên tạp chí văn hóa nghệ thuật số 5 - 1976.

Lời kể của chị Hồ Thị Tường Vân, con gái cụ Hồ Tá Bang về công ty Liên Thành và trường Dục Thanh ở Phan Thiết, tài liệu đánh máy lưu tại bảo tàng Hồ Chí Minh.

Cụ Lầu ở Phan Thiết kể chuyện Thầy Thành. Bản đánh máy (theo băng ghi âm) lưu tại phòng tư liệu bảo tàng Hồ Chí Minh, ký hiệu KH1- 105.

còn vắng vẻ. Chưa có đường sá nhà cửa đánh số. Từ trên tỉnh xuống dưới làng tổng, "quan phụ mẫu" đi xe kéo bánh gỗ chạy rần rần như xe bò, một người kéo phía trước, một người đẩy phía sau, một người nữa bưng cái tráp, xách cái ống điếu theo sau.

Ngày Tết quan đi võng, trước là hai hàng khiêng cái trống lệnh, trước nữa là 8 người cầm 8 cây cờ...

"Quan Tây" thì đi xe hơi bấy giờ còn là những "kỳ quan" hiếm hoi. Có lần người ta xán tới xem, bỗng sặc xăng bốc cháy chết hết mấy người. Về sau, thấy có xe hơi, mọi người đều sợ hãi tránh xa...

Phía trước ngôi nhà cũ của cụ bố Kỳ Xuyên [1] mang tên Ngọa Du sào, người ta dựng mấy gian nhà tranh (chữ Hán gọi là thảo bạt), dùng làm nhà học (theo truyền thống Hán học gọi là nhà tự). Ngoài nhà tự, trường còn có một ngôi nhà lớn, một đầu làm ký túc xá cho thầy trò ở, một đầu dọn cơm cho học trò ăn. Trường có cả thư viện và sân vận động cho học trò tập "thở khí lành" (bấy giờ chưa quen gọi là "tập thể dục").

Sau trường có một cây khế không biết ai trồng từ bao giờ cành lá xum xuê, học trò thường ra đó hóng mát truyện trò. Tiền trả lương cho các Thầy và một phần tiền ăn của học trò trông cả vào khoảng ruộng cúng của một số người hảo tâm như ông Huỳnh Văn Đẩu (anh vợ Hồ Tá Bang) cúng cho trường một số ruộng nhất đẳng điền...

Sáng sáng đám học trò, phần đông là con trai, lác đác cũng có một vài nữ sinh, mặc áo cánh, đi chân đất, kéo nhau ra sân vận

---

(1) Tức Nguyễn Thông (1827 -1884).

động dang tay xếp hàng vòng quanh, cử động chân tay theo những khởi động bấy giờ còn rất lạ tai và đầy rẫy những từ Hán Việt: "Lập định" (đứng ngiêm), "bình thủ" (tay để ngay), "bình cử thức" (giơ tay ngang hai bên)... và đếm theo nhịp "nhất, nhị, tam, tứ, ngũ, lục..." Sau đó kéo nhau về " nhà tự", đồng thanh hát bài ca Ái quốc trước khi tiếng chuông vào lớp vang lên.

Sau hồi chuông là các bài học chữ Quốc ngữ, toán, viết tập ám tả, sử ký ...

Do mối quan hệ quen biết của cụ Phó bảng Sắc, khoảng giữa năm 1910, thầy Thành tìm đến trường Dục Thanh.

Thầy giáo Thành trẻ tuổi nhất trong số các thầy lúc đó, nhưng từ các vị sáng lập trường như cụ Hồ Tá Bang, Nguyễn Trọng Lội cho đến các thầy giáo cao niên đều quý trọng thầy. Chị Tường Vân, con gái nhỏ của cụ Hồ Tá Bang cho biết, chị được mẹ kể chuyện về thầy Thành, bà cụ hết lời khen ngợi thầy Thành nhỏ người nhưng ăn nói đoan trang, nói đâu chắc đó, học trò kính nể lắm.

Cụ Từ Trường Phùng, một trong những học trò của thầy Thành ở trường Dục Thanh xúc động kể lại: "Thầy Thành giảng bài rất kỹ, từng câu, từng chữ học trò hiểu và thuộc bài ngay tại lớp. Có trò nào chưa hiểu thấu đáo, thầy đưa về phòng riêng của thầy tiếp tục giảng bài thêm cho".

Thầy làm việc rất đúng giờ giấc, không hề thấy thầy để một khoảng trống trong ngày. Sách luôn luôn ở trên tay thầy, chỉ lúc ăn cơm, lúc ngủ thầy mới rời cuốn sách ra khỏi tay mình. Thầy học thêm tiếng Pháp trong tự vị. Thầy học cả lúc thầy đến coi học sinh ôn bài buổi tối ở ký túc xá. Học sinh ngày ấy phần lớn ở ký túc xá do công ty Liên Thành bảo trợ.

Buổi sáng sớm khi chưa mấy ai dậy, thầy Thành thường đi ra phía gần bờ biển để tập hít thở khí lành. Trên đường đi ra đi về, thầy vừa đi vừa đọc sách.

Thầy thường tập hợp học trò ngồi thành vòng tròn và tổ chức "bắt thăm kể chuyện". Buổi nào, thầy cũng kể sau cùng cho học trò nghe một truyện bổ ích. Thầy có lối kể thủ thỉ, hấp dẫn và dễ nhớ.

Cụ Nguyễn Quý Phầu, cháu nội nhà thơ, sĩ phu yêu nước Nguyễn Thông nhắc lại chuyện thầy Thành khuyên chớ đi vào yêu đương quá sớm, chớ bận vào những việc nhảm nhí, mà phải cố gắng học để mai sau thành người có ích. Giọng thầy rất nghiêm, nhưng lại rất dịu dàng chan chứa tình thương. Thầy không hề nạt nộ, mà thường ân cần dịu ngọt.

Cụ Lầu thú vị hồi tưởng lại những chuyện được cùng các bạn theo thầy Thành đi chơi ngày chủ nhật: Thầy trò dắt nhau tới những nơi có nhiều cây cối, có buổi ra phía bờ biển, có buổi đi qua tòa sứ, về mạn bưu điện. Đi chơi thích lắm, vì thầy kể rất nhiều chuyện, cũng có buổi thầy cho chơi thể thao...

Ngày nay nhìn lại, dĩ nhiên là cả về tổ chức và nội dung giảng dạy trường Dục Thanh còn có nhiều mặt hạn chế. Rõ ràng trường chưa có được tổ chức rầm rộ, quy mô bề thế và đường lối rõ rệt như Đông Kinh Nghĩa thục.

Tuy nhiên, có thể khẳng định không sai rằng, trường Dục Thanh cũng thuộc hình thức đó.

Các nhà sáng lập cũng như các thầy giáo trường Dục Thanh lúc bấy giờ không phải là những nhà giáo dục học nên không thể đòi hỏi ở họ những cơ sở hoàn chỉnh của khoa học này. Nhưng

những cố gắng không nhỏ của họ thật đáng cho chúng ta ghi nhớ và trân trọng.

Thầy giáo Nguyễn Tất Thành lúc bấy giờ còn là một thanh niên ở độ tuổi 20. Thầy chưa hề học qua khoa sư phạm và dạy học đối với Thầy lúc đó cũng chưa phải là một chức nghiệp thực sự có chuẩn bị và được lựa chọn. Có thể xem những tháng ngày làm thầy giáo ở trường Dục thanh là một bước tạm dừng chân của người thanh niên yêu nước Nguyễn tất Thành trên con đường tiến bước về phía Nam của Tổ quốc, nhiệt huyết vì nước, vì dân sục sôi trong huyết quản, song hướng đi đang trên đường tìm kiếm.

Tuy vậy, những tháng ngày ở trường Dục Thanh cũng hé cho ta thấy những phẩm chất tốt đẹp của một nhân cách vĩ đại bước đầu đã phát lộ: Ý thức trách nhiệm rõ rệt trước cuộc sống, lòng nhân ái sâu sắc, những nhân tố của một phương pháp dạy học và giáo dục khoa học tiên tiến: dạy học và giáo dục trên cơ sở tình thương, đồng thời vừa khởi động tính tích cực của học sinh...

Thầy Thành chưa tiếp xúc với những tri thức hiện đại của khoa tâm lý học, giáo dục và nhiều khoa học khác, càng chưa được trang bị hệ thống tư tưởng khoa học và cách mạng của chủ nghĩa khoa học Mác - Lênin, nhưng ở thầy Thành đã toát lên những phẩm chất đặc trưng là tiền đề căn bản về tư tưởng và tình cảm của một nhà giáo dục lớn: Lòng yêu nước thương nòi và tình cảm tha thiết với thế hệ trẻ, niềm khát khao hiểu biết và khát khao truyền thụ tri thức... Phải chăng tình thương sâu sắc và bao

la của thầy có phần là hệ quả tất yếu của những năm tháng xót xa trong tuổi thơ của cậu bé Nguyễn Sinh Cung lên 10 tuổi đã phải côi cút bơ vơ, đứng chủ tang người Mẹ thân yêu, đứa em thơ khát sữa trên tay giữa một ngày giáp tết trong kinh thành Huế năm xưa...

Tự hào thay Phan Thiết - Bình Thuận ngày ấy, đã có vinh dự là một chặng thanh xuân đặc sắc đáng ghi nhớ trên hành trình của "Người Việt Nam đẹp nhất", là cái vạch nối liền truyền thống của lớp lớp thầy giáo ưu tú của dân tộc mà tên tuổi vẻ vang, nhân cách cao thượng và trí tuệ siêu việt mãi mãi là niềm kiêu hãnh của đất nước này. Từ Chu Văn An, Trương Hán Siêu, Nguyễn Phi Khanh, Nguyễn Trãi, Vũ Mộng Nguyên, Lương Như Học, Thân Nhân Trung, Thái Thuận, Nguyễn Bỉnh Khiêm, Phùng Khắc Khoan, Lê Quý Đôn, Nguyễn Thiếp, Ngô Thời Nhậm, Phan Huy Ích, Võ Trường Toản, Phạm Quí Thích, Vũ Tông Phan, Phan Huy Chú, Phạm Văn Nghi, Cao Bá Quát, Bùi Hữu Nghĩa, Nguyễn Văn Siêu, Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Quang Bích, Trần Tế Xương, Nguyễn Khuyến, Nguyễn Xuân Ôn, Đặng Nguyên Cẩn,... cho đến các thầy giáo Đông Kinh Nghĩa thục, là những nhà trí thức chân chính kết tinh trí tuệ và tâm hồn dân tộc, tận tụy dạy chữ, dạy người, giúp ích cho đời, làm đẹp cho đất nước xưa kia. Với người thầy giáo vĩ đại nhất, "thầy giáo đó" Nguyễn Ái Quốc, sau này là chủ tịch Hồ Chí Minh, kết tinh tinh hoa của các thế hệ thầy giáo, không những là người thầy lớn của cách mạng Việt Nam, mà còn có rất nhiều học trò tinh thần trong nhiều thế hệ cách mạng trên thế giới./.

DANH SÁCH TÁC PHẨM, TÁC GIẢ ĐOẠT GIẢI THƯỞNG VĂN NGHỆ DỤC THANH

*** LẦN THỨ I** (1993 - 1995) có 17 tác phẩm được giải thưởng

1. VĂN:

Giải A: ***Bản hòa âm thôn dã*** (tập truyện ngắn) của VÕ NGUYÊN

Giải B: ***Điệu luân vũ đầu tiên*** (tập truyện ngắn) của LÊ NGUYÊN NGỮ

Giải C: * ***Chùm truyện ký*** của TỪ THẾ MỘNG

* ***Chùm bút ký*** của TRƯƠNG CÔNG LÝ

2. THƠ:

Giải A: ***Biển và Mẹ*** (tập thơ) của NGÔ VĂN TUẤN

Giải B: ***Khát giọt sương trên cỏ*** (tập thơ) của ĐOÀN VŨ

Giải C: ***Mùa bấc biển*** (tập thơ) của ĐOÀN THUẬN

3. MỸ THUẬT (không có giải A)

Giải B: * ***Lòng Mẹ*** (Lụa) của NGUYÊN ĐÌNH

* ***Một thoáng Phan Thiết*** (Sơn dầu) của BẢO LỄ

Giải C: * ***10 minh họa*** của BẢY TRÀ

* ***10 minh họa*** của TRUNG DŨNG

4. ÂM NHẠC:

Giải A: ***Chùm ca khúc 3 bài*** của THẮNG LIÊM

Giải B: ***Chùm ca khúc 3 bài*** của NGỌC LẠC

Giải C: ***Chùm ca khúc 3 bài*** của HUY SÔ

5. NHIẾP ẢNH:

Giải A: ***Nhóm 3 ảnh*** của TRẦN VĨNH NGHĨA

Giải B: ***Nhóm 3 ảnh*** của THANH VŨ

Giải C: ***Nhóm 3 ảnh*** của TRƯƠNG NGỌC MINH

*** LẦN THỨ II** (1995 - 2000) có 16 tác phẩm được giải thưởng

1. VĂN:

Giải A: ***Dưới những ánh rừng Ô Rô*** (tiểu thuyết) của NAM HÀ

Giải B: ***Ở biển*** (tập truyện ngắn) của HỒ VIỆT KHUÊ.

Giải C: * ***Truyện cổ tích cho những người yêu nhau*** (tập truyện ngắn) của HUỲNH HẢI ÂU

* ***Đi tìm chân dung Hàn Mặc Tử*** (tập sưu khảo) của PHẠM XUÂN TUYỂN

2. THƠ: (không có giải A)

Giải B: * ***Mưa nhớ*** (tập thơ) của ĐỖ QUANG VINH

* ***Sau dấu chân mình*** (tập thơ) của NGUYỄN ĐỨC HẬU

* ***Tháng giêng gió thổi mù như khói*** (tập thơ) của HUỲNH HỮU VÕ

3. MỸ THUẬT: (không có giải A)

Giải B: ***Phố biển*** (sơn dầu) của NGUYỄN ĐỨC HÒA

Giải C: ***Đội nước*** (tượng tròn) của HỒ THÁI THIẾT

4. ÂM NHẠC: (không có giải A)

Giải B: * ***Nỗi nhớ*** (ca khúc) của NGỌC TRUNG

* ***Bình Thuận trong tim ta*** (ca khúc) của ĐỨC AN

Giải C: ***Đường về Mũi Né Hòn Rơm*** (ca khúc) của VĂN CHỪNG

5. NHIẾP ẢNH:

Giải A: ***Biển kết hoa*** (ảnh) của TRẦN VĨNH NGHĨA

Giải B: ***Nghề truyền thống*** (ảnh) của HỮU THÀNH

Giải C: ***Xa khơi*** (ảnh) của TRƯƠNG HỮU HÙNG

6. SÂN KHẤU: (không có giải A)

Giải B: ***Huyền thoại Bhagarati*** (múa) của TRẦN THỊ THU VÂN

* **LẦN THỨ III** (2000 - 2005) có 14 tác phẩm đoạt giải thưởng

1. VĂN: (không có giải A)

Giải B: ***Tìm chồng trong động rắn*** (tập truyện ngắn) của LÊ NGUYÊN NGỮ

Giải C: * ***Đường chiến đấu*** (tập hồi ký) của PHẠM HOÀI CHƯƠNG

* ***Khung trời ký ức*** (tập truyện ký) của KHÁNH CHI

2. THƠ: (không có giải A)

Giải B: ***Gọi biển*** (tập thơ) của ĐOÀN VŨ

Giải C: ***Con lắc thời gian*** (tập thơ) của LA VĂN TUÂN

3. MỸ THUẬT: (không có giải A)

Giải B: ***Dệt hoàng hôn*** (Sơn dầu) của NGUYỄN ĐỨC HÒA

4. ÂM NHẠC:

Giải A: ***Bình Thuận quê hương tôi*** (ca khúc) của VI NHẬT TẢO

Giải B: ***Khúc Thiên cầm trên hồ trăng Đa Mi*** (ca khúc) của VIỆT TRÃI

Giải C: ***Huyền dịu Dục Thanh in bóng Người về*** (ca khúc) của TỐ HẢI

5. NHIẾP ẢNH:

Giải A: ***Ra khơi*** (ảnh) của TAM MỸ

Giải B: ***Trên đường phát triển*** (ảnh) của TRẦN CÔNG THANH

Giải C: ***Trưa hè*** (ảnh) của CHÂU NGỌC QUÝ

6. SÂN KHẤU:

Giải A: ***Tình yêu làng gốm*** (múa) của THU VÂN

Giải C: ***Mầm xanh trên cát trắng*** (tập kịch ngắn) của THÁI PHỤ

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Ngoài các nguồn đã sử dụng được chú thích dưới các trang viết tư liệu ở Phần Một, việc xây dựng nội dung tập sách còn được tham khảo từ các nguồn:

1/ Những mẩu chuyện về thời niên thiếu của Bác Hồ - Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Tỉnh ủy Nghệ Tỉnh.

2/ Thầy giáo Nguyễn Tất Thành dạy học tại Trường Dục Thanh - Sở Giáo dục và Ủy ban khoa học kỹ thuật Thuận Hải 1990.

3/ Hồ Chí Minh tiểu sử- sự nghiệp- NXB Lý luận chính trị Học viện Chính trị Quốc gia 2006.

4/ Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử - NXB Chính trị Quốc gia ấn hành.

5/ Nguyễn Tất Thành ở Bình Định - Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bình Định 2008.

6/ Lời kể của các học trò của Trường Dục Thanh (Nguyễn Qúy Phầu, Nguyễn Đăng Lầu, Từ Trường Phùng).

7/ Các tác giả khác viết về Bác Hồ ở Phan Thiết.

8/ Các bài tham luận tại các cuộc hội thảo khoa học "Bác Hồ với Thuận Hải - Thuận Hải với Bác Hồ" do Tỉnh ủy Thuận Hải tổ chức năm 1986 và 1989.

9/ Tư liệu về Bác Hồ ở Phan Thiết (bao gồm cả hình ảnh và hiện vật) do Bảo tàng Hồ Chí Minh - Chi nhánh Bình Thuận cung cấp.

10/ Đông kinh nghĩa thục - Chương Thâu - NXB Hà Nội 1982.

11/ Thơ văn Phan Châu Trinh, Huỳnh Lý - NXB Văn học 1983.

12/ Trương Gia Mô, Nguyễn Nam - NXB An Giang 1989.

13/ Báo cáo khoa học về Nguyễn Thông (Kỷ niệm 100 năm ngày mất, 1884-1984).

14/ Tuổi thanh niên của Bác Hồ - NXB Thanh niên 1976.

15/ Những người thân trong gia đình Bác Hồ- NXB Nghệ Tĩnh 1987.

16/ Bác Hồ đi tìm đường cứu nước- NXB Thanh niên 1979.

17/ Đồng chí Hồ Chí Minh, E. CôBôLép - NXB Tiến bộ Matscơva 1985.

18/ Bác Hồ ở Phan Thiết, của Hồng Phú - Ty VHTT Thuận Hải 1978.

19/ Băng ghi âm lời phát biểu của ông Nguyễn Đăng Lầu-Huy Sô ghi 5/1977.

20/ Hồ Chủ tịch lãnh tụ của chúng ta, của Phạm Văn Đồng - NXB Sự thật 1963.

21/ Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

22/ Đẩy mạnh "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" - NXB Chính trị Quốc gia 2007.

23/ Huỳnh phái phổ lục (gia phả họ Huỳnh - 1974) do các ông Huỳnh Sanh Tài (1900-1983) Huỳnh Khánh Tòng (1906-1977) biên soạn.

24/ Hồ Chí Minh -vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội - NXB Sử học 1970.

25/ Tổ quốc tôi - NXB TP. Hồ Chí Minh 1995.

MỤC LỤC

I- Phần thứ nhất:

Thầy giáo Nguyễn Tất Thành dạy học tại trường Dục Thanh *Trang 21*

II- Phần thứ hai:

Bác Hồ với quê hương Bình Thuận *Trang 57*

III- Phụ lục:

Một số bài viết về Chủ tịch Hồ Chí Minh gắn với sự kiện thầy giáo Nguyễn Tất Thành dạy học ở trường Dục Thanh. *Trang 233*